

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 09323 5258

NHÓM

GOI ĐÀN

Trong Số Này:

THÁI LÂM - PHẠM CAO DƯƠNG - BÙI TÍN -
NGUYỄN LÝ TƯỜNG - TRINH VĂN THƯỜNG
- TRẦN GIA PHỤNG - TRƯỜNG XUÂN PHU TỬ
TRINH ĐÌNH THỦ - NIỆM HƯƠNG - VIỄN VIỆT
LƯỜNG THÀNH NỮ - CHU VƯƠNG MIỄN
- TRÚC MINH - NGUYỄN DZUY - DIỄM VÂN -
LÂM MINH VĂN - PHAN THỊ ANH LÊ - TRƯỜNG
NHƯ - KHUÊ HẠNH - NGUYỄN NINH THUẬN
- SÓNG TRÙNG DƯƠNG - HỒ PHI - NGUYỄN
PHƯỚC HIỆP - HUỲNH THỊ PHƯỢNG -
NGƯỜI VÔ DANH - TRẦN KIÊM NHIÊN - MAI
KHANH LÊ ĐÌNH CÁT - TRINH QUỐC SĨ
- LÊ THỊ VIỆT NAM - PHẠM THỊ GIÁO ĐIỀU -
THANH THÀNH - MAI KHẮC PHỤC - KIỀU
NGUYỆT NGÂN - CHÚC ANH - HOÀNG ANH -
NGUYỄN LINH - VI VU TÓC MÂY - CÁT TRỢ
- LÊ ẮN - HẢI ẬU - TÂM BỀN

Số 2

Tháng 8 - 2008

INTERNATIONAL CENTER

SEP 2 2010

BÚT NHÓM

GỢI ĐÀN

TẬP SỐ 2

INTERNATIONAL CENTER

SEP 2 5010

BÚT NHÓM

GỌI ĐÀN

TẬP SỐ 2

DUY TRÌ VÀ VUN BỒI VĂN HÓA VIỆT

BAN CỐ VẤN:

- Nghệ Sĩ Lão Thành Thái Lâm
- Luật Sư Nguyễn Xuân Nghĩa
- Ký Giả Nguyên Duy

NHÓM CHỦ TRƯỞNG

Trịnh Đình Thư, Mai Khắc Phục, Lê Ấn,
Trình Quốc Sĩ, Chúc Anh, Tâm Bền.

Bài vở đóng góp Bút Nhóm GỘI ĐÀN, xin liên lạc:

Bút Nhóm GỘI ĐÀN
8535 LAMPSON AVE # A
GARDEN GROVE, CA 92841
Điện thoại: (714) 636 - 7623
Email: goidan@yahoo.com

TRONG SỐ NÀY

Được sự cộng tác của các Văn Thi Hữu:

- | | |
|----------------------|---------------------------|
| 1-Thái Lâm | 21-Sóng Trùng Dương |
| 2-Phạm Cao Dương | 22-Hồ Phi |
| 3-Nguyễn Lý Tường | 23-Nguyễn Phước Hiệp |
| 4-Bùi Tín | 24-Huỳnh Thị Phụng |
| 5-Trịnh Văn Thương | 25-Người Vô Danh |
| 6-Trần Gia Phụng | 26-Trần Kiêm Nhiên |
| 7-Trường Xuân Phú Tư | 27-Mai Khanh -Lê Đình Cát |
| 8-Trịnh Đình Thư | 28-Trình Quốc Sĩ |
| 9-Niệm Hương | 29-Lê Thị Việt Nam |
| 10-Viễn Việt | 30-Phạm Thị Giáo Điều |
| 11-Lương Thành Nỉ | 31-Thanh Thanh |
| 12-Chu Vượng Miện | 32-Mai Khắc Phục |
| 13-Trúc Minh | 33-Kiều Nguyệt Ngân |
| 14-Nguyên Dzuy | 34-Chúc Anh |
| 15-Lâm Minh Văn | 35- Hoàng Anh |
| 16-Diểm Vân | 36-Nguyên Linh |
| 17-Phan Thị Anh Lê | 37-Vi Vu Tóc Mây |
| 18-Trương Như | 38- Cát Trợ |
| 19-Huê Hạnh | 39- Lê Ấn |
| 20-Nguyễn Ninh Thuận | 40-Hải Âu |
| | 41- Tâm Bến |

Cùng quý vị có nhã ý đóng góp bài viết với GỌI ĐÀN,
Xin quý vị gửi bằng email hoặc qua bưu điện kèm Floppy. Bút
Nhóm GỌI ĐÀN vui mừng đón nhận tất cả bài viết có tấm lòng yêu
tổ quốc, yêu đồng bào, yêu văn, thơ có cùng mục đích phụng sự cho
nền văn học nước nhà. Bài nhận được sẽ lần lượt chọn đăng theo
các số kế tiếp phù hợp với chủ đề.

Kính,

Tập Bút Nhóm GỌI ĐÀN

VIETNAMES 895.9228 G56
v.2

Gọi đàn. Tập số 2.
Garden Grove, Calif. :
Bút nhóm Gọi đàn, 2008.

TÂM THƯ

Của Bút Nhóm Gọi Đàn

**-Trước tình hình biến động hiện nay ở trong nước,
-Trước các phong trào tranh đấu chống Trung Quốc chiếm Hoàng Sa, Trường Sa, xâm lấn lãnh thổ Việt Nam bằng những trận đánh...kéo dài đến năm 1987(hai bên đã cố tình giấu kín), chống Trung Quốc rước đuốc Thế Vận Hội ngang qua Sài Gòn. Chống Cộng Sản Việt Nam độc tài, đòi tự do, đòi dân chủ, đòi nhân quyền, đòi tự do tôn giáo, đòi tài sản đã bị chúng cướp đoạt.**

-Trước sự nổi dậy của đồng bào làng Me Điền, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang hiện nay (theo tin nhật báo Người Việt số 8195 phát hành ngày 15 - 5 - 2008), đòi Cộng Sản Việt Nam trả lại ruộng đất chúng đã cướp, đem bán cho Đài Loan làm sân Golf).

Bút Nhóm GỌI ĐÀN chúng tôi rất đau lòng và xót xa lên tiếng nhiệt liệt ủng hộ tinh thần tất cả các phong trào nổi dậy trong nước, nhất là đồng bào làng Me Điền đang đứng lên chống đối Cộng Sản hiện nay.

Bút Nhóm GỌI ĐÀN kính gửi tâm thư.

Lời Tòa Soạn: Bài diễn văn khai mạc Số Ra Mắt của Nghệ Sĩ Thái lâm tuy ngắn ngủi nhưng đầy đủ ý nghĩa. Cùng những bài phát biểu của các diễn giả thật sâu sắc. Bút Nhóm GỌI ĐÀN xin được đăng nguyên văn để thay lời tựa cho Tập San số 2 này.

Kính thưa quý vị,

Tuổi đã già sức đã yếu, nhưng thấy đàn em còn nhiều tâm huyết với quê hương đất nước, tôi rất vui mừng và mạnh dạn cùng chung vai sát cánh đóng góp được gì hay nấy với các em.

Còn gì sung sướng hơn khi thấy Đặc San GỌI ĐÀN đã thành hình và ra mắt độc giả trong một thời gian quá nhanh chóng. Tuy thời gian thực hiện Đặc San thật ngắn ngủi, nhưng các em cũng đã viết rất nhiều bài: nào thơ, nào văn rất có giá trị, thể hiện tấm lòng của mình đối với quê hương đất nước. Đặc biệt có một bài châm biếm chế độ Cộng Sản thật thâm thúy, đáng cho ta suy ngẫm. Nếu người đọc không đọc kỹ lưỡng rất dễ ngộ nhận. Tôi được biết có một Giáo Sư Tiến Sĩ nọ thường nói: “Văn châm biếm rất khó viết và rất dễ bị ngộ nhận nếu người đọc chỉ đọc phớt qua như đọc một truyện tiểu thuyết tình cảm tầm thường”.

Hôm nay tôi hân hạnh tuyên bố khai mạc buổi lễ ra mắt Đặc San GỌI ĐÀN số đầu tiên.

Trân trọng kính chào quý khách.

Thái lâm

Thơ Tặng

BÚT NHÓM GỌI ĐÀN

nhân ngày ra mắt 4 tháng 5 năm 2008
tại nhà hàng Seafood Palace I Nam Cali

Hôm nay Bút Nhóm GỌI ĐÀN,
Hân hạnh ra mắt Đặc San lần đầu.
Bài viết đặc sắc, dồi dào,
Hy vọng quý vị dài lâu cảm tình.
Kính mời ủng hộ hết mình,
Chân thành cảm tạ ân tình đồng hương.
Bút Nhóm Gọi Đàn bốn phương,
Rất mong đồng nghiệp mến thương góp phần.
Đặc San ngày một tiến thẳng,
Độc giả đón nhận dần dần nhiều hơn.

Niệm Hương

CẢM TƯỞNG VỀ CUỐN ĐẶC SAN GỌI ĐÀN SỐ RA MẮT CỦA NHÀ TRANH ĐẤU TRỊNH VĂN THƯƠNG.

Tôi rất vui mừng khi anh Tâm Bền trao tôi cuốn bản thảo Đặc San Bút Nhóm GỌI ĐÀN. Nói thật lòng, từ khi sang đến đất Mỹ, tôi bị lây bệnh lười đọc và viết. Nhưng khi mở cuốn GỌI ĐÀN, từng trang một hấp dẫn, tôi phải đọc hết trong một đêm. Tôi tự nhận thấy cần phải trả món nợ ân tình này. Bởi khi trao tôi, anh Tâm Bền có nói: "Nếu khi đọc, anh thấy có gì thích thú, hay gặp điều chưa được hài lòng, thì anh cũng mạnh dạn góp ý để giúp chúng tôi rút kinh nghiệm cho các số sau".

Thú thật, tôi vô cùng ngạc nhiên trước sự khí khái của nhóm cầm bút này, qua nội dung những bài viết. Các tác giả viết ra bằng trái tim, bằng tấm lòng yêu nước, thương nhà rất chân chính, điểm xuyết bằng những bài thơ bốc lửa nhiệt tình... khởi đi từ bài Mùa Xuân Của Mẹ của Trưởng nhóm Anh Vũ, đang xen giữa tâm sự yêu đương của đôi lứa gái trai làm chất màu để trau chuốt văn chương, mà hài hòa cùng quan điểm chính trị, giáo dục và xã hội rất đáng ca ngợi.

Qua bài mở đầu: "Toàn dân nghe chẳng sơn hà nguy biến..." của tác giả Bùi Hoài Nam trình bày về cuộc diện Trung Cộng xâm lăng lãnh thổ, lãnh hải. Đặc biệt trên biển Đông trong việc thiết lập Huyện Tam Sa, phơi bày rõ bộ mặt xâm lược của Trung Cộng. Không phải lúc này mới

thấy con Bạch Tuộc bành trướng của chú Ba, mà từ ngàn xưa, lúc nào bọn giặc Phương Bắc cũng luôn luôn dòm ngó, chờ cơ hội xâm lăng nước ta. Nhưng suốt chiều dài hơn 4.000 năm lịch sử, thăng trầm đã nhiều, cũng chưa có thời nào mà dân Việt Nam lại có một nhà cầm quyền hèn yếu, đốn mạt như bọn Cộng Sản Việt Nam hiện nay, đang cố đóng vai trò lãnh đạo đất nước một cách lì lợm dốt nát đến vậy.

Đặc sắc hơn cả là bài “Cuộc thảm sát Tết Mậu Thân 1968” của tác giả Giáo Sư Nguyễn Lý Tưởng, cống hiến cho chúng ta nhiều sử liệu quý giá về những chiến thắng giết người của bọn Việt Cộng độc ác, phi nhân, mù quáng. Chúng đã thực hiện trong kỳ Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968, vào thời gian hưu chiến, ngày Tết là ngày thiêng liêng nhất của dân tộc Việt Nam. Chúng đã hành động độc ác, gieo rắc đau thương khắp Miền Nam, đặc biệt nặng nề cho nhân dân tại thành phố Huế. Điều quái đản là người Cộng Sản Việt Nam vẫn hàng năm đánh trống, thổi kèn mừng chiến công ô nhục. Người dã man cầm súng tàn sát để chiến thắng những người tay không lương thiện; làm trên 6.000 người vô tội đã bị thảm sát. Họ là các nhà khoa học, bác sĩ y khoa, nghị sĩ quốc hội, các nhà tu hành Việt Nam và ngoại quốc, cùng phần lớn là phụ nữ, và trẻ em.

Bước sang bài “Hải chiến giữa Việt Nam Cộng Hòa và Trung Cộng trong khu vực Hoàng Sa”. Tác giả Nguyễn Lý Tưởng cho chúng ta một số kiến thức thật quý giá. Lần đầu tiên tôi được biết các chi tiết của trận Hải Chiến lấy lừng khắp thế giới giữa Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa oanh liệt đánh quân xâm lược Trung Quốc. Chiến công đã đánh

chìm một soái hạm và 8 chiến hạm, hoặc bị hư hại phải kéo bỏ. Giết chết 1 Đô Đốc và 7 Hạm Trưởng, 24 sĩ quan và số lớn binh sĩ tử trận. Bên ta chỉ có 1 Hộ Tống Hạm Nhật Tảo bị bắn chìm. Trung Tá Hạm Trưởng Nguyễn Văn Thà và 58 chiến sĩ Hải Quân đã anh dũng hy sinh. Một chiến trận đáng được ghi nhận vào sử xanh nước Việt.

Kết thúc trang sử này là bài văn tế “Anh hùng tử sĩ ngày giỗ Hải Chiến Hoàng Sa”. Với nét bút sắc bén, lời lẽ hùng hồn, khí thiêng bát ngát. Than ơi! Thời oanh liệt nay còn đâu! Kế đến là bài “Vết Hằn Tử Chiến” của Lê Thị Việt Nam đã chia xẻ niềm đau thương của lịch sử dân tộc, trước cái tang chung của 5 Vị Tướng chỉ huy quân đội Việt Nam Cộng Hòa tuần tiết, không khuất phục, không đầu hàng giặc Cộng...Đó là nỗi đau thiên thu còn rướm lệ mỗi khi có người nhắc đến. Giờ bọn lang sói ngụy quyền Cộng Sản Việt Nam toàn nói đờn hèn: **Thà mất đất, mất biển, mất dân hơn là mất Đảng**. Một đảng chuyên môn lừa dối cả một dân tộc, gây nên biết bao tội ác ghê tởm nhất lịch sử mà muốn tồn tại lâu dài ư?

Qua bài “Một Góc Cạnh Của Cuộc Chiến”, tác giả Lương Thành Nỉ nêu lên vấn đề: Người Cộng Sản Chính Cống và Người Cộng Sản Thời Thế. Qua đám tang của cụ Hoàng Minh Chính, người khen cũng nhiều và kẻ chê cũng có. Khen vì cho rằng cụ Hoàng Minh Chính là người Cộng Sản thức thời. Saubao năm theo Đảng biết phản tỉnh, nhận thấy cái sai lầm của Cộng Sản mà quyết sửa chữa đường hướng cuộc đời, bằng cách hết sức đấu tranh cho nền dân chủ để tái hiện Đảng Dân Chủ hữu danh vô dụng, cò mỗi dưới trướng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, trở thành một

Đảng Đối Lập thật sự. Kẻ chê thì cho rằng cụ Hoàng Minh Chính bị thất sủng rồi mới quay lại đá đít Đảng. Bọn Võ Văn Kiệt, và ngay cả Lê Khả Phiêu, khi còn tại chức thì hă hê đàn áp trào đầu cỡi cổ nhân dân, thế mà khi rời khỏi chức vụ lại trở trên ý kiến, ý cò rõ rỏm thật quá là vô liêm sỉ.

Ở đây chúng ta quyết đoán, ai cũng có lý của mình, nhưng có điều chúng ta phải khôn ngoan ở giai đoạn nào có lợi cho công cuộc tẩy trừ chế độ Cộng sản phi nhân, phản dân tộc là chúng ta sẵn sàng giang tay kết nạp họ vào trong chiến tuyến chống Cộng để xây dựng tổ quốc. Chúng ta phải công nhận ngay trong hàng ngũ Cộng sản, thành phần vì yêu nước thực sự mà lỡ gia nhập Đảng Cộng Sản vì nhầm tưởng Đảng Cộng sản làm cách mạng dân tộc chống giặc ngoại xâm. Nhưng khi vào Đảng và hoạt động một thời gian rồi mới vỡ lẽ “gái nhà lành gặp tướng cướp” đành ôm hận suốt đời. Chúng ta, những người Quốc Gia khôn ngoan mở lòng, giang rộng vòng tay đón những người con lầm đường đáng thương ấy, về với chính nghĩa quốc gia.

Đọc bài “Liều Thuốc Hồi Sinh” của tác giả Nguyễn Hữu Cửa làm tôi rất thích thú, khiến tôi sống lại một thời uống nước...đường dỏm trong các trại tù “cải tạo”. Thời các Hot News làm mưa làm gió, làm phấn khởi gà mù...dỏm thật tội nghiệp, mà phải cố chờ cho đến lúc mãn hạn tù.

Sau cùng, tôi phải kể đến người đã góp nhiều công sức để hoàn thành cuốn Đặc San GỌI ĐÀN ấy là tác giả Tâm Bền, là một người đam mê theo nghiệp viết lách. Nhưng nổi bật ở anh là lòng yêu nước nồng nàn. Là một chiến sĩ

quốc gia yêu nước nhiệt thành rất đáng trân trọng. Đó là dấu hiệu chắc chắn đủ sức thuyết phục nhiều người hợp tác để xây dựng Đặc San GỌI ĐÀN thêm phần khởi sắc.

Bên cạnh anh Tâm Bền là bạn Trình Quốc Sĩ, người có nhiều tâm huyết, vừa đóng góp bài viết, vừa không ngại ngày đêm đọc bài từ các nơi gửi đến, chỉnh lỗi chính tả, nắm vững nội dung chọn lọc để đúc kết nên, rồi viết lời nói đầu cho Đặc San. Tôi kỳ vọng Đặc San GỌI ĐÀN “chịu ôn cố tri tân” để làm một cánh én nối liền sự dâng trào hưng phấn cho ước vọng vun bồi văn hóa nước nhà... góp thêm phần vững mạnh giữa cộng đồng hải ngoại này.

Trong hoàn cảnh khó khăn hiện tại, chúng ta ai làm được việc gì cho đại cuộc để ích quốc lợi dân nên cố gắng làm, để giúp kẻ yếu nghèo trong khốn đốn, hoặc có lòng vì chính nghĩa quốc gia, để cùng nhau ủng hộ tinh thần người trong nước vùng vẫy khỏi xích xiềng Cộng Sản.

Chúng ta có chính nghĩa, chúng ta vận dụng ngòi bút thêm phần sắc bén vì lòng yêu nước, làm gương cho thế hệ con cháu thành đạt ở xứ Mỹ này. Chúng ta không cần tư lợi, lòng trong sạch ấy sẽ sáng chói vì chính khí. Chúng ta trước sau gì cũng sẽ thắng. Lịch sử nhân loại đã chứng minh hằng tâm chính trực luôn thắng gian tà.

Kính thưa quý vị,

Theo tôi, tập thể các tác giả của Đặc San GỌI ĐÀN đã gói ghém nhiều kỳ vọng. Nó chỉ là khởi đầu bằng hạt mầm nhỏ bé, nhưng nếu chúng ta tiếp tục chung tay góp sức vào, chắc chắn chúng ta sẽ làm nên những điều hữu ích, ít ra là những vun trồng đó còn để lại cho thế hệ mai sau. Đành rằng một con én không làm nên mùa Xuân, nhưng con én

báo hiệu mùa Xuân sắp đến.

Tuy nhiên bên cạnh những bài văn, văn thơ tranh đấu rõ nét, còn có một bài “châm biếm” Cộng Sản (từ trang 115 đến trang 144) rất thâm thúy mà người đọc hời hợt, không đọc xuyên suốt hết bài, không chịu suy nghĩ câu văn trước liền ý với câu văn sau rất dễ dị ứng rồi phao tin ra làm dư luận xôn xao, khiến Trưởng Nhóm Võ Đôn hoảng hốt bỏ chạy khỏi Bút Nhóm GỌI ĐÀN rồi tuyên bố giải tán và hủy bỏ ngày ra mắt hôm nay (4/ 5/ 2008). Nhưng đây là một lối viết bằng phong cách mới mà tác giả rất tâm đắc, kích động lòng căm thù Cộng Sản sâu sắc hơn. Mong người đọc và những nhà phân tích văn học thấy được giá trị đích thực của bài “châm biếm” đó.

Trân trọng kính chào quý bạn đọc thân mến,

Kính chúc Đặc San GỌI ĐÀN gặt hái được thành công như ý muốn bằng tất cả tấm lòng trân trọng.

“Kỳ Lân” Trịnh Văn Thương.

Kẻ Nào Chưa Nếm

*mùi địa ngục, thì kẻ đó chưa hiểu giá trị đích thực
của Thiên đường*

*Cũng vậy, kẻ nào chưa sống trong gông cùm áp
bức, thì kẻ đó chưa thấu hiểu giá trị
đích thực của Tự do*

(Trích tập sách của Nguyên Linh)

TAY MẶT TAY TRÁI

Phan Thị Anh Lê

Tay mặt dọn mình sạch sẽ hơn
Biết cầm ngòi bút có lương tâm
Hương về trung nghĩa phân tà chánh
Thể hiện nhiệt tình vạch giã chân
Vớt cánh bèo trôi trên sóng giạt
Mơn cảnh lộc biếc giữa tầm xuân
Trang đời thêu dệt ngàn hoa gấm
Hiến kế...khai thông...kéo lạc đường

Tay trái quơ quào vụng quá không
Cầm cân nảy mực chẳng nên thân
Suốt đời lánh nặng mong tìm nhẹ
Chùi mép đã hay khéo bặn lòng
Cơ hội phát cờ không đủ sức
Nhốt thầy đùn đẩy...dốc tâm cùng
Đánh đu thời vận cần ngang mặt
Khí phách nào hơn...chén, tiệc tùng

Mặc xác ai siêng cứ tảo tần
Gác ngay lên trán ngũ yên thân
Đánh hơi lợi nhuận vờ sum họp
Một nốt bẻ đôi chẳng ngại ngừng
Vạch hướng ngang Trời đây rách việc
Vang danh đâu chỉ một anh hùng
Hết lời thuyết phục...âu đành phận
Bắn mắt trên người cũng thế thần.

VỊNH ĐỀN ĐỨC THÁNH TRẦN

Cũng cờ cũng biển cũng anh hùng
 Tôi bác cùng chung nợ kiếm cung
 Bác diệt quân Nguyên thanh kiếm bạc
 Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng
 Bác đưa một sứ qua nô lệ
 Tôi dẫn năm châu đến đại đồng (1)
 Bác có linh thiêng cười một tiếng
 Mừng tôi cách mạng sắp thành công (2)

Việt Gian Hồ Chí Minh

(Có dư luận cho rằng bài thơ này không phải HCM làm)

BÀI HỌA

Cướp công khởi nghĩa nhận anh hùng? (3)
 Ái quốc gì mày hỡi Nguyễn Cung (4)
 Học Marx mưu gian cho tóc bạc
 Theo Mao chúc quỷ lấy cờ hồng
 Lương dân đồ thán vang sông núi
 Tổ Quốc tang thương tới ruộng đồng
 Lập Đảng còn đồ gieo ách nước
 Tội bằng non thái nói chi công

Thái Lâm

Chú thích:

- (1) Thế giới Cộng sản đang tan rã ra từng mảnh, nếu HCM còn sống nó nghĩ sao?
Ôi! Nhưng nó là một con người tàn bạo và vô liêm sỉ mà.
- (2) Cách mạng của nó bây giờ đã thành công như tình trạng Tổ Quốc ta hiện nay!
- (3) Đảng Cộng Sản cướp công khởi nghĩa 1945.
- (4) Hẳn có rất nhiều tên: Nguyễn Sinh Cung là một trong những tên của nó.

NGỌN ĐUỐC

Tâm Bên

“Ngọn đuốc” sáng soi khắp thế gian, (*)

Rơi vào tay kẻ quá hung tàn.

Tham lam, lấn chiếm, gây điều ác,

Gieo rắc tang thương...khắp khổ nân.

Nhân dân mất nước miền Tây Tạng,

Nuôi lòng phục quốc cứu giang san,

Trao gái, trẻ già cùng đứng dậy,

Khí thế biểu tình nức tiếng vang.

Cứu sinh linh...Thế giới đồng tình,

Tẩy chay Thế Vận Hội Bắc Kinh.

Hô hào tiếp sức dân Tây Tạng,

Chống bọn bá quyền bợm Bắc Kinh.

(*) Ngọn Đuốc Thế Vận Hội

Nhân Dịp *Nguyệt San Khởi Hành* Trao Giải Thưởng Văn Chương Toàn Sự Nghiệp Cho Nhà Thơ Hữu Loan

Nhìn Lại

Đặc Tính Lãng Mạn Trong Những Năm Đầu Của Cuộc Kháng Chiến Chống Pháp (1946-1954) và Thi Ca Việt Nam Thời Chiến.

Phạm Cao Dương.

Chiến tranh đồng nghĩa với bom đạn, với súng gươm, với giết chóc, với gian lao, khổ ải, với tàn phá, hủy diệt, ... mà lại nói tới lãng mạn, hay dù hẹp hơn, tới thi ca lãng mạn là một điều hoàn toàn nghịch lý, khó có thể tưởng tượng được. Nhưng đối với những người Việt Nam đã từng sống trong cuộc chiến ba mươi năm vừa qua, đây lại là một sự thực, một sự thực có bằng chứng hằn hoi mà người tìm hiểu khó có thể chối cãi. Nó hoàn toàn đúng ít ra là cho ba năm đầu của cuộc chiến nếu ta tính từ cuối năm 1946 khi cuộc kháng chiến chống Pháp mới thực sự bùng nổ trên toàn quốc Việt Nam đến năm 1949 là năm Mao Trạch Đông và Đảng Cộng Sản của ông làm chủ được Trung Hoa Lục Địa, Tưởng Giới Thạch phải bỏ chạy ra Đài Loan, biên giới Việt Trung trở thành biên giới giữa hai nước Cộng Sản Á Châu và Quốc Gia

Việt Nam của Cựu Hoàng Bảo Đại được thành lập, mở đầu một giai đoạn mới cho cuộc chiến. Đây chính là ba năm cuối cùng của nửa đầu của thế kỷ hai mươi, ba năm đầu của thời kỳ độc lập hay tranh đấu giành độc lập dưới hình thức này hay hình thức khác, sau một thời gian dài sống dưới sự cai trị của người Pháp. Đây là ba năm đẹp nhất trong lịch sử chiến tranh của người Việt ở thế kỷ hai mươi, trước khi mọi chuyện đều thay đổi và thay đổi một cách bi thảm ngoài sự tưởng tượng của mọi người. Câu hỏi được đặt ra là do đâu mà đặc tính lãng mạn này đã có thể tồn tại và lãng mạn đã được thể hiện ra sao trong thi ca của thời này?

Nguyên nhân nào đã khiến cho đặc tính lãng mạn tiếp tục tồn tại trong ba năm đầu của thời kỳ kháng chiến chống Pháp?

Có nhiều nguyên nhân khiến cho cuộc sống lãng mạn của người Việt, vốn đã nảy nở và phát triển từ trước, đặc biệt là lãng mạn trong thi ca và đương nhiên trong bộ môn song sinh của nó là âm nhạc, không những vẫn có thể tồn tại được mà còn phát triển rộng rãi hơn trong giai đoạn này:

Thứ nhất: Người Cộng Sản chưa sẵn sàng để thực thi chính sách kiểm soát chặt chẽ sinh hoạt văn nghệ trong ba năm đầu của cuộc chiến

Thế lực của người Cộng Sản xuyên qua chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của Hồ Chí Minh cho đến hết

thời gian này còn quá mới, chưa đủ để cho họ có thể áp đặt một sự chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ lên mọi phạm vi sinh hoạt của người dân, trong đó có văn nghệ, vốn dĩ là một sinh hoạt rất tế nhị mà họ đang cần để tuyên truyền lôi cuốn mọi người vào cuộc kháng chiến chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, đồng thời tiêu diệt nốt những thành phần đối lập, dù cho là bản *Đề Cương Văn Hóa* của Đảng Cộng Sản đã được soạn thảo và phổ biến từ năm 1943. Làm sao có lợi cho vai trò lãnh đạo của họ là được rồi. Cũng cần phải để ý là trong thời gian này Hồ Chí Minh và chính phủ của ông đã dời bỏ thủ đô Hà Nội, di tản lên miền rừng núi Việt Bắc, do đó cần phải có thì giờ để củng cố lại thế lực cũng như để sắp đặt lại mọi cơ sở, mọi hệ thống liên lạc mới nhằm thắt chặt trung ương với địa phương, song song với vai trò lãnh đạo kháng chiến của mình.

Thứ hai: Lãng mạn trong thời gian này đã trở thành rất phổ biến trong sinh hoạt của giới thanh niên như là sự tiếp nối phong trào lãng mạn của những năm cuối của thập niên ba mươi và những năm đầu của thập niên bốn mươi của thế kỷ hai mươi.

Ở thời điểm ba mươi của thế kỷ hai mươi người ta nói tới ý muốn thoát ly khỏi cuộc đời nhàm chán, dù cho là chẳng biết để đi đâu trong khi cách mạng hầy còn là một ý niệm mơ hồ và chế độ đô hộ của người Pháp có vẻ mỗi ngày một vững hơn. Sang đầu thập niên bốn mươi tất cả đã đổi khác. Lý do là sự bại trận của người Pháp ở ngay chính

nước Pháp và sự thắng thế của quân đội Nhật và sự hiện diện của họ trên đất nước Việt Nam. Nếu vào cuối thập niên ba mươi người ta nói tới chuyện

*Rũ áo phong sương trên gác trọ.
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang*

hay ngồi trước lò sưởi trong một ngày mưa gió, hút thuốc lá, thở khói lên trần... thì vào đầu thập niên bốn mươi, người ta lại sính hát *Hòn Vọng Phu* của Lê Thương hay tìm hiểu và ngâm những đoạn thơ và vẽ những cảnh diễn tả buổi chia ly tuyệt đẹp và vô cùng lãng mạn trong *Chinh Phụ Ngâm*:

*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.*

Mọi người dường như chờ đợi và sẵn sàng để làm công việc này.

Khi chiến tranh toàn quốc bùng nổ vào tháng Chạp năm 1946, tinh thần lãng mạn qua ý niệm thoát ly để đi làm cách mạng từ mơ hồ đến chỗ gần như bế tắc đã được thay thế bằng một thứ lãng mạn yêu nước cụ thể hơn. Người ta sẵn sàng từ bỏ gia đình, từ bỏ quê hương, ruộng vườn để ra đi và ra đi mà không ai trách cứ. Nhiều thanh niên đã hăng hái xung phong gia nhập Vệ Quốc Đoàn, nhiều người không được nhận vì thiếu sức khỏe đã khóc khi phải trở về nhà. Người ta đã ra đi để cứu quốc một cách

ngây thơ, tự nhiên, đơn giản, không cần biết ai là người lãnh đạo, nói như Phạm Duy ở một chỗ nào đó trong hồi ký của ông. Trước đó, khi các mặt trận mới chỉ diễn ra ở các thành phố, các lực lượng Tự Vệ Thành đã thu hút một số lớn thanh thiếu niên nam nữ thuộc đủ mọi thành phần từ các sinh viên, học sinh đến những người làm nghề lao động. Họ tự bỏ tiền túi ra để may quần áo, khí giới, làm huy hiệu... và đã ở lại giữ thành trong một thời gian khá dài, điển hình là sáu mươi ngày ở Hà Nội, trong khi quân đội chính qui của Cộng Sản được rút lên miền núi cùng với Hồ Chí Minh và các nhân viên chính phủ của ông.

Thứ ba: Ảnh hưởng của các phong trào Hướng Đạo và thanh niên thể thao

Các phong trào Hướng Đạo và thanh niên thể thao qua những buổi cắm trại hay du ngoạn đã đưa giới trẻ đến chỗ có dịp thoát ra khỏi cuộc sống chật hẹp nhàm chán ở các thành phố hay các phủ hay huyện lỵ của thời bấy giờ để có thể vào rừng, lên núi, ra các miền quê hay bờ biển sống gần với thiên nhiên, tiếp xúc với dân quê hay người miền núi hơn, đồng thời thăm viếng các thắng cảnh hay các di tích lịch sử của đất nước mà trước đó họ chỉ có dịp tiếp xúc qua sách vở hay trong lớp học. Lãng mạn tính thể hiện trong tình yêu thiên nhiên, tình yêu thương quê hương, đất nước và đồng bào cũng như cái đẹp của quê hương, đất nước, và của những người dân quê hay miền núi, công lao xây dựng và bảo vệ đất nước của người xưa... của một thế hệ người Việt mới đã nảy nở trong bối cảnh này.

Thứ tư: Ảnh hưởng của những bài ca mới đầy tình cảm mang chủ đề quê hương, đất nước và lịch sử oai hùng của dân tộc đã xuất hiện trước đó

Những năm đầu của thập niên bốn mươi cũng là thời gian xuất hiện của nhiều bài ca mang nặng tình cảm bình thường của con người cùng tình yêu quê hương, đất nước, đặc biệt là những bài ca lịch sử. Bắt đầu những bài ca này được phổ biến ở thành thị, sau đã tràn về thôn quê do những cuộc tản cư thời phi cơ Mỹ ném bom các cơ sở của quân đội Nhật hay trong các cuộc cắm trại hay du khảo của các phong trào Hướng Đạo hay thanh niên. Nên nhớ là khi Cộng Sản còn ẩn náu ở các chiến khu Việt Bắc những bài ca được dùng trong các sinh hoạt của họ phần lớn là những bài ca của Hướng Đạo và khi Văn Cao được cán bộ Cộng Sản tiếp xúc, người nhạc sĩ này đã được giao cho nhiệm vụ làm những bài ca mới để thay thế cho những bài ca của Hướng Đạo cũ với bài đầu tiên ông làm là bài *Tiến Quân Ca*, sau trở thành quốc ca của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Xã Hội Việt Nam hiện tại.

Từ sau năm 1949, mọi sự đã hoàn toàn thay đổi, ở trong nước cũng như trên thế giới. Ở trong nước chính phủ của Hồ Chí Minh và những người Cộng Sản đã đứng vững được về cả hai phương diện chính trị và quân sự, những lực lượng chống đối không còn nữa. Ở Trung Quốc, Đảng Cộng Sản của Mao Trạch Đông đã hoàn toàn đánh bại được quân đội của Tưởng Giới Thạch và làm chủ được toàn thể Trung Hoa Lục Địa, biên giới hai khối Cộng Sản Hoa,

Việt đã tiếp giáp với nhau và Cộng Sản Việt Nam đã được Cộng Sản Trung Quốc trực tiếp hỗ trợ kèm theo với những ảnh hưởng của họ. Sự e ngại kẻ thù từ phương bắc tới không còn nữa, nhưng áp lực của người anh em mới mỗi ngày một thêm đè nặng lên vai của người anh em đang cần sự giúp đỡ. Một mặt khác, cũng năm 1949, Quốc Gia Việt Nam của Cựu Hoàng Bảo Đại đã được chính thức thành lập với sự trao đổi văn kiện trực tiếp giữa Cựu Hoàng Bảo Đại với chính Tổng Thống Pháp Vincent Auriol thay vì với một nhân vật cấp dưới, rồi rất nhanh chóng chính quyền Quốc Gia này đã được hai nước Anh và Mỹ và rất nhiều quốc gia thuộc khối tự do thân Tây Phương thừa nhận, đe dọa sự chính thống của Hồ Chí Minh và của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Những biến chuyển này đã khiến cho Hồ Chí Minh và chính phủ của ông phải thay đổi hoàn toàn đường lối cai trị của mình, trong đó có lãnh đạo văn nghệ. Sự thả lỏng cho các văn nghệ sĩ dù là các người làm thơ, các người soạn kịch, các người vẽ tranh... muốn làm sao thì làm, muốn đi đâu thì đi, miễn là tất cả hướng vào toàn quốc kháng chiến, toàn quốc chống Pháp phải được bãi bỏ. Ở Đại Hội Văn Nghệ Lần Thứ Hai mà Phạm Duy đã tình ý nhận xét là có thêm hai chữ **Nhân Dân** vào mùa hè năm 1950 ở Việt Bắc, chính quyền trung ương đã bắt đầu áp đặt đường lối mới. Thiếu Tướng Nguyễn Sơn, một người rất yêu mến văn học nghệ thuật và các văn, nghệ sĩ, người đã biến đại bản doanh của mình ở Thanh Hóa thành một thủ đô của giới văn nghệ sĩ thời bấy giờ, bên cạnh nhiều trung tâm khác như Cống Thôn – Chợ Đại, Rừng Thông... đã bị triệu hồi về trung ương. Đây là thời điểm các cuộc *dinh tề*

của mọi người bấy lâu theo chân kháng chiến tản cư trở nên ào ạt hơn trong đó có rất đông các văn nghệ sĩ mà sau này người ta thấy xuất hiện trong sinh hoạt văn hóa ở các vùng Quốc Gia, ở miền Nam và luôn cả ở Hải Ngoại trong những năm kế tiếp. Luận cứ cho rằng những người tản cư từ các thành phố về thôn quê hay lên miền trung du dinh tề về thành là do họ đã quen với cuộc sống tiểu tư sản thành thị không chịu nổi cuộc sống kham khổ, thiếu thốn ở trong vùng kháng chiến là không đúng. Nó chỉ là một trong nhiều nguyên nhân mà thôi. Còn nhiều nguyên nhân khác hơn nguyên nhân hoàn toàn vật chất này. Cuộc sống tự do, nhân bản và chính quyền quốc gia không Cộng Sản, tương lai học vấn của giới trẻ...chẳng hạn.

Thi ca lãng mạn thời chiến

Bây giờ nói tới thi ca thời chiến, đúng hơn thi ca lãng mạn thời chiến hay đúng hơn nữa, thi ca lãng mạn trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp của người Việt trong nửa sau của thế kỷ hai mươi, thời quân đội kháng chiến còn được gọi là Vệ Quốc Đoàn, chưa bị đổi tên là Quân Đội Nhân Dân, những năm tôi nghĩ đẹp nhất trong lịch sử giành độc lập của người Việt trong thế kỷ hai mươi, bất kể là do ai lãnh đạo, trước khi mọi chuyện thay đổi. Còn nếu so sánh với cả lịch sử của dân tộc Việt Nam thì đó cũng là một trong những thời gian đẹp nhất như chính những người tham dự đương thời đã miêu tả như:

Ở thời nhà Trần:

Bạch đầu quân sĩ tại

Vãng vãng thuyết Nguyễn Phong

.....

Lính già phơ tóc bạc

Kể chuyện thuở Nguyễn Phong

(Thơ Trần Nhân Tông, Xuân Nhật Yết Chiêu Lăng

Ngô Tất Tố dịch)

và thời kháng chiến chống Pháp:

Buông tay gấu vui lại thuở bình Mông

Thơ Yên Thao, Nhà Tôi

Nếu người lính già của thời nhà Trần cứ thỉnh thoảng ngồi kể chuyện của thời Nguyễn Phong thì những người đã từng là lính hay đã từng sống hay tham dự vào những sinh hoạt ở thời chống Pháp từ cuối năm 1946 đến đầu năm 1950 cũng không bao giờ quên được những ngày kháng chiến của mình dù là sau này họ sống ở vùng Tê hay ở hậu phương, ở trong Nam hay ở ngoài Bắc, ở trong nước hay ở hải ngoại, dù là họ tiếp tục được sống trong vinh quang hay bị bỏ quên ở một góc phố hay ở một làng thôn hẻo lánh nào đó. Có điều văn thơ của họ đã được phổ biến mỗi ngày một rộng, từ hình thức những bài chép tay nằm dưới đáy ba lô của những người lính Vệ Quốc Đoàn hay những cán bộ còn nặng đầu óc tiểu tư sản ở ngay chính thời chúng mới được làm đến những bản in trong các sách vở, những bản phổ nhạc ở miền Nam hay được đưa lên sân khấu ở Hải Ngoại. Nhưng tên tuổi của Hoàng Cầm, Quang Dũng, Chính Hữu, Hoàng Trung Thông, Yên Thao, Hữu Loan... đã được người ta nhắc tới. Những tác phẩm như *Đêm Liên*

Hoan, Tâm Sự Đêm Giao Thừa, Bên Kia Sông Đuống, Tây Tiến, Đôi Bờ, Đôi Mắt Người Sơn Tây, Đồng Chí, Bao Giờ Trở Lại, Làng Tôi, Màu Tím Hoa Sim... của các tác giả này đã được nhiều người thuộc lòng dù là thuộc một vài đoạn, một vài dòng hay một đôi câu hay ít ra là có thể nhận ra được vì đã được nghe ngâm, nghe hát vào một dịp nào đó trong đời mình, kể cả những người chưa từng được nghe, được học về cuộc kháng chiến chống Pháp của thời cha ông họ.

Nhận xét về các tác giả này, người ta thấy đa số họ là những tên tuổi mới và hầu hết đều rất trẻ. Tất nhiên là rất trẻ cho thời kỳ các tác phẩm của họ được sáng tác. Đa số năm sinh của họ là vào đầu hay giữa thập niên hai mươi, tuổi của những người đã đóng vai trò chính trong cuộc cướp chính quyền của Việt Minh vào tháng 8 năm 1945. Họ cũng là những người có học, đã từng là cựu học sinh các trường Sư Phạm, Bưởi, Thăng Long.... Điều này cũng có nghĩa là họ đã có dịp tiếp xúc với văn hóa tây phương, trong đó có văn chương lãng mạn Pháp. Nhưng quan trọng hơn hết họ là những nhà thơ có thực tài, có cảm giác rất bén nhạy với những nhận định tinh vi và đã được sống trong thời kỳ sôi sục nhất của lịch sử dân tộc. Riêng Quang Dũng còn là một người rất tài hoa, phóng khoáng. Cái lãng mạn của họ do đó không phải chỉ khác hơn mà còn phức tạp hơn cái lãng mạn của những nhà thơ lớp trước. Lãng mạn của họ là lãng mạn kết hợp bởi không riêng tình yêu nam nữ mà luôn cả tình yêu gia đình, đặc biệt là tình yêu dành cho người mẹ, người vợ, cho đứa con còn bú, cho xóm

làng, bờ sông, ruộng vườn, hình ảnh quê hương thuở còn thanh bình... và đương nhiên cả cuộc kháng chiến với những đồng đội, với đơn vị, với núi rừng, với bệnh hoạn, với cái chết kề bên, với những xóm làng đã đi qua...Chính vì vậy mà có nhà nghiên cứu chỉ xếp Hữu Loan và Quang Dũng vào loại những tác giả lãng mạn, còn các tác giả khác vào loại tranh đấu hay tuyên truyền cho kháng chiến dù là ở một mức cao về nghệ thuật. Có điều dù xếp thơ của họ vào loại nào đi chăng nữa, người ta cũng phải công nhận rằng những thi ca này đã phát xuất một cách tự nhiên, từ tâm hồn của mỗi tác giả. Chúng đã được làm vào lúc họ vẫn còn được quyền tự do sáng tạo, chưa bị áp lực và sự kiểm chế chặt chẽ của chính quyền Cộng Sản như trong những năm sau này. Chính vì thế mà mỗi người có một phong cách riêng tùy theo bản chất và hoàn cảnh của mình. Ngôn từ họ dùng cũng rất đơn sơ, giản dị, trong sáng, dễ dàng khiến cho người nghe, người đọc không đến nỗi phải cố gắng, phải căng óc ra để tìm hiểu. Âm điệu cũng vậy. Đa số những bài mọi người ưa thích đều là thơ tự do, nhưng dòng thơ rất tự nhiên, trôi chảy, nhẹ nhàng từ đó lôi cuốn người đọc khác với nhiều bài làm theo cùng thể về sau này.

Vì thời giờ có hạn, tôi không thể đi sâu vào từng tác phẩm, từng tác giả mà chỉ đề cập tới hai tác giả chính, được nhiều người ưa thích là Hoàng Cầm và Quang Dũng. Hữu Loan vì là, năm 2007, nên chắc chắn đã được mọi người tìm hiểu nên tôi thấy không cần phải nói thêm ở đây.

Hoàng Cầm và Quang Dũng, hai người cùng một tuổi,

một người sinh ở Bắc Ninh, quê hương của dân ca miền Bắc, một người ở làng Phùng, một làng được người ta biết tới là vừa chăm chỉ làm ăn, vừa ham mê du hí, nói theo Trần Lê Văn, tác giả của một tuyển tập về Quang Dũng. Hai người cùng có trình độ học vấn cao ở thời bấy giờ và cùng dự tính vào nghề dạy học. Nhưng trong khi Hoàng Cầm ở lại với nghề trước khi tham gia kháng chiến thì Quang Dũng, mặc dầu đã ra trường sư phạm nhưng lại bỏ nghề đi đánh đàn, kéo nhị cho một gánh hát, chỉ làm thầy giáo dạy kèm để được đi đây, đi đó, kể cả lên Yên Bái làm ký ga, sau mới về Hà Nội, tham gia cách mạng rồi kháng chiến và kháng chiến thực sự trong đoàn quân Tây Tiến. Sự khác biệt trong đời sống của hai người đã ảnh hưởng lớn tới thi ca. Thơ của Hoàng Cầm phát xuất từ quần chúng, từ đoàn thể, lấy quần chúng, đoàn thể làm đối tượng nên có lời lẽ bình dị, dễ dàng, lời cuốn, hấp dẫn, khi thì mạnh mẽ, khi thì sôi nổi, khi thì nỉ non, kể lể, tha thiết..., điển hình là ba bài bài *Đêm Liên Hoan*, *Tâm Sự Đêm Giao Thừa* và *Bên Kia Sông Đuống*. Cả ba đều là thơ ca tụng kháng chiến và cổ vũ cho kháng chiến nhưng ca tụng và cổ vũ với một nghệ thuật cao, một phong thái tự nhiên vững vàng, không sống sượng thô lỗ như những bài thơ tuyên truyền người ta thường thấy về thời kỳ này dưới chế độ Cộng Sản. Cả ba bài đều lấy đám đông hay người của đám đông làm khởi điểm với những bối cảnh, những tình tiết của đám đông hay những con người của đám đông, đám đông làm công việc chiến đấu để bảo vệ quê hương với những hình ảnh quen thuộc của quê hương được nêu lên trong truyện kể. Bài *Đêm Liên Hoan* theo Phạm Duy được làm để thay

thế cho một vở kịch thơ mà ôHoàng Cầm muốn dựng, hướng vào các Vệ Quốc Quân nhưng vì đội văn nghệ của ông có rất ít người nên cuối cùng ông chỉ có thể làm một bài thơ cho một hay hai người ngâm trên một sân khấu ngoài trời mà thôi. Chính vì thế ta không lấy làm lạ là khi trình bày bài thơ này người ta không thể chỉ có ngâm, chỉ có dùng lời nói để diễn tả mà thôi mà còn phải kèm theo những cử chỉ, những điệu bộ và kèm ngay khi ngâm mấy câu đầu:

*Đêm liên hoan đầu người nháp nhô như sóng biển
ngang tàng*

*Ta muốn hét cho vỡ tung lồng ngực
Vì say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn...*

Cũng theo Phạm Duy, Phạm Duy đã cùng Hoàng Cầm diễn ngâm rất nhiều lần trước hàng trăm, hàng ngàn Vệ Quốc Quân với những lời lẽ vô cùng tha thiết và đầy hào khí như:

*Trong tiểu đội của anh
Những ai còn ai mất?
Không ai còn ai mất
Ai cũng chết mà thôi!
Người sau kẻ trước lao vào giặc
Giữ vững nghìn thu một giống nòi!
Dù ta thịt nát xương rơi
Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam!*

Tâm Sự Đêm Giao Thừa kể chuyện người lính nghèo có vợ mới sinh con. Vì nghèo và đang chiến đấu ở chiến

trường nên anh lính và cũng có thể chính tác giả không có gì để gửi về cho vợ con ăn Tết . Còn nếu có thì chỉ là ráng lập công để sớm được về. Trong khi đó thì người vợ ở nhà sinh sống bằng bán hàng ở một quán nhỏ, cuối năm ế khách, thiếu ăn, không đủ sữa cho con bú. Người lính tưởng tượng ra cảnh vợ mình đang đói ăn, không có sữa cho con bú, nhưng nghe tin chồng thắng trận thì vui mừng quá, máu bỗng chảy mạnh trong huyết quản, sữa bỗng căng trên đầu vú và đứa con được bú một bữa no trong niềm vui lớn của cả dân tộc. Ta hãy đọc những đoạn chính của *Tâm Sự Đêm Giao Thừa*:

*Đêm nay hết một năm
Phải gác tới giao thừa
Quê hương chừng rét lắm
Lát phát mấy hàng mưa
Tôi có người vợ nghèo
Đời vất vả gieo neo
Từ khi chồng đi lính
Nhà tranh bóng hắt hiu
Lần hồi rau cháo dăm phiên chợ
Tóc rối, thân gầy, quán vắng teo.*

*Đêm ba mươi gió thổi
Tôi lại nhớ con tôi
Vợ đói, con cùng đói
Khóc thét lặng từng hồi
Mẹ thì nước mắt nhiều hơn sữa
Ngực lép con nhai đã rã rời...*

với bốn câu kết luận:

*À ơi! Cha con ăn Tết lập công
Cho sữa mẹ chảy một giòng nghìn thu
Cha đem cái chết quân thù
Làm nên cuộc sống bây giờ của con*

Trong bài *Bên Kia Sông Đuống* Hoàng Cầm dùng lối kể chuyện để giải buồn cho người yêu. Ông đã dùng tất cả những hình ảnh tươi đẹp, hiền lành của quê hương thời thanh bình trước kia và mơ ước một ngày cùng người yêu trở về.

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì
Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ*

.....

rồi Hoàng Cầm kể tiếp những hình ảnh hiền hòa dễ thương của cuộc sống ở quê hương ông như lúa nếp thơm nồng, tranh Đông Hồ, áo the đen, cô hàng xén răng đen, những cô nàng cắn chỉ môi trầu, những em bé xột xoạt quần nâu... mà chiến tranh đã làm tan hoang phiêu bạt, để cùng người yêu mơ ước một ngày về:

*Bao giờ về bên kia Sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng
Em đi cấy hội non sông
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh.*

Thơ của Quang Dũng khác hẳn. Quang Dũng không làm thơ hướng vào đám đông, để tuyên truyền, để cổ vũ cho kháng chiến, để thúc đẩy mọi người hy sinh cho cuộc *kháng chiến trường kỳ*. Ông làm thơ cho ông hay chia sẻ với bạn bè của riêng ông. Ông nhìn mọi chuyện qua con mắt riêng của ông, trình bày những cảm nhận của riêng ông, của một con người vừa tài hoa, vừa phóng khoáng, độc lập, không chịu sống gò bó, mà trước kia ông đã có dịp thể hiện qua hành động không ở lại với nghề dạy học sau khi đã tốt nghiệp trường sư phạm để đi theo một gánh hát kéo đàn nhị hay lên Yên Bái làm thư ký nhà ga. Phong thái của ông đã hiện rõ nét trong thơ ông. Đi kháng chiến, theo đơn vị vượt biên giới sang Lào, trải qua nhiều gian lao, vất vả, hiểm nguy, bệnh tật, chết chóc... Nhưng qua thơ của ông tất cả đã trở thành nhẹ nhàng, rất lãng mạn, rất đẹp và rất thơ, không vướng vào những hạt sạn của tuyên truyền.

Ông viết:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Hiu hắt cồn mây súng ngửi trời.
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống...

hay

Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người...

hay:

Tây tiến đoàn quân không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Những hình ảnh thật hào hùng khó kiếm được ở những nhà thơ khác đương thời. Cần để ý đoàn quân không mọc

tóc không phải là đoàn quân tọc đầu vì theo kỷ luật của quân đội mà là bị sốt rét nặng mà những ai đã từng sống ở miền Bắc trong thời gian tản cư về các miền quê hay miền núi đều có kinh nghiệm.

Với cái chết, Quang Dũng cũng nhìn với phong thái tương tự, một phong thái bình thản, có thể nói là hồn nhiên của trẻ thơ, bởi vì đi lính là đương nhiên người ta phải chấp nhận tất cả dù là gian lao, nguy hiểm, chết chóc, dù là đi lính cho một mục tiêu vô cùng đẹp đẽ, vô cùng lý tưởng như Hoàng Cầm và các nhà thơ khác diễn tả. Nhưng Quang Dũng đã đạt tới một trình độ cao hơn. Ông cảm nhận được sự mong manh của cuộc sống ngoài chiến trận. Một phút trước người ta còn tồn tại, phút sau đã trở thành hư vô. Ông đã chấp nhận sự mong manh đó như người ta chấp nhận trò chơi hồi còn nhỏ. Chán, mệt thì không chơi nữa, không thèm chơi nữa, lúc khác sẽ chơi lại.

*Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!*

hay

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh.*

hay:

*Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

Thực sự thì ở đây chết là chết không có chiếu mà chôn.

Những câu thơ kể trên được trích từ bài Tây Tiến của

Quang Dũng. Nhưng đó không phải là những câu hay nhất vì trong bài này câu nào cũng hay, cũng xúc tích, cũng gợi nên những cảm xúc sâu xa ở người đọc. Xen vào những câu này, là những câu đầy tình cảm, mang nặng bản chất hào hoa, tiểu tư sản thành thị. Đêm trần trọc không ngủ được trên đường hành quân, Quang Dũng viết:

*Mất trường gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

hay ở một bài thơ khác, bài *Đôi Bờ*:

*Khói thuốc khơi dòng thương nhớ xưa
Đêm đêm Sông Đáy lạnh đôi bờ.
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ.*

hay trong *Đôi mắt Người Sơn Tây*:

*Vầng trán em mang trời quê hương
Mắt em dịu dịu buồn Tây phương
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em có bao giờ em nhớ thương.*

Ngay cả đối với những sinh hoạt mà các văn nghệ sĩ đương thời thường gặp hay tham gia trong những năm này ở vùng kháng chiến như các đêm liên hoan chẳng hạn, khác với Hoàng Cầm, Quang Dũng cũng tham dự nhưng tham dự như là một khách phong lưu, tài tử. Ông không gọi là *liên hoan*, tiếng thời thượng, ai cũng dùng. Ông dùng hai

hai chữ *đuốc hoa* và kèm theo hai chữ *xiêm áo* của văn chương lãng mạn cổ điển:

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ.
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ.

và còn nhiều nữa nhưng bài đã quá dài, viết thêm nữa e làm loãng những gì người viết muốn viết hay muốn nói. Xin để cho người đọc suy nghĩ, tìm tòi tiếp.

Kết luận: Khi tham gia đoàn quân Tây Tiến vào năm 1947, một đoàn quân được nói để bảo vệ miền Thượng Lào và biên giới Việt Lào nhưng rất có thể chỉ là để thanh toán những thành phần tiểu tư sản trí thức còn lại của Trung Đoàn Thủ Đô và của Tự Vệ Thành Hà Nội sau khi họ đã làm tròn nhiệm vụ vì ai cũng biết chiến đấu ở các miền rừng núi đoàn quân này không thể nào so sánh được quân đội chính qui của Võ Nguyên Giáp mà để lại ở miền đồng thì nguy hiểm, Quang Dũng làm đại đội trưởng. Cuộc đời binh nghiệp của ông đã không lên cao được hơn nữa, có thể là vì gốc gác của ông cũng như bản chất con người nghệ sĩ phóng khoáng của ông. Sau này khi về Hà Nội, ông đã được thấy những cảnh bi thảm của vợ con những tử sĩ của thời chiến và đã ghi lại trong bài *Đường Chiều Thử Bầy* với những câu như sau:

Tôi đã gặp
Nhiều người vợ trẻ
Đàn ông đã ngã trên chiến trường

Vất vả nuôi con những ngày kháng chiến
Xót xa thương khóc bao ngày
Chiều thứ bảy hôm nay
Họ đi bên người chồng mới lấy
Và những đứa con
Bước còn bỡ ngỡ
Bên người cha mới hôm qua.
Ai biết được bây giờ
Tâm sự của những người
Ngậm ngùi cất kỹ ảnh chồng
Vào đáy hộp nữ trang
Bến nước đi thêm một bước nữa.

Bài thơ tả chân nhưng cũng có thể mang tính chất biểu tượng. Nó nói lên sự thê thảm, thật là thê thảm của những người được gọi là thắng trận, thê thảm như chính cuộc đời của tác giả, của Hữu Loan, của Nguyễn Hữu Đang và của nhiều người khác..., những người nửa đường đứt gánh, những người sáng tạo nhưng không được sáng tạo. Có điều vì những ngày theo kháng chiến của họ đẹp quá, nên thơ quá nên họ luôn luôn tiếc nuối, bỏ không được, giữ không xong. Họ không có được sự nhạy cảm, dứt khoát, nhanh và gọn gàng của Phạm Duy ■■■ khi người nhạc sĩ này được gọi về trung ương tham dự Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân, người viết xin nhấn mạnh hai chữ này, lần thứ hai vào mùa hè năm 1950 như Phạm Duy đã nhận định và ■■■ làm. Âu cũng là một sự bất hạnh cho nền văn học Việt Nam hậu bán thế kỷ hai mươi.

Phạm Cao Dương
Tháng 10 năm 2007

Ghi chú: Đây là bài phát biểu tác giả đọc trong buổi sinh hoạt ghi dấu *Nguyệt San Khởi Hành* sang năm Thứ Mười Hai và giải Văn Chương của báo này trao cho nhà thơ Hữu Loan được công bố.

DƯỚI BÓNG QUÂN KỲ

Niệm Hương

Hỡi đồng bào Việt Nam yêu nước
Hỡi Thân hào, Chí sĩ năm châu
Hỡi Hội đoàn, Công nhân, Giáo chức
Đứng vùng lên đánh đuổi Cộng Tàu
Giành lại Hoàng, Trường Sa, Lãnh Hải
Của bao đời dòng giống Lạc Long
Ông Cha đổ máu đào gìn giữ
Từng ngọn rau, tấc đất, tận lòng
Hỡi người Việt da vàng máu đỏ
Tay trong tay Hội Nghị Diên Hồng
Cùng chung một lời thề Sát Đát
Diệt giặc thù khôi phục non sông
Bài quốc ca muôn đời bất diệt
Trên vành môi triệu đóa hoa lồng
Vì tương lai nước nhà Dân Tộc
Kết tâm đồng giữ vững biên cương
Dưới bóng cờ hùng anh mạnh tiến
Ánh thanh bình ngời sáng Quê Hương.

MONG CẦU

Tặng anh linh Biệt Động Nguyễn Trự
Người Vô Danh

Việt Nam đó, ôi tràn đầy tình nghĩa,
Bạn ta ơi chớ để dạ lãng quên.
Tình thâm cốt nhục ta quyết đáp đền,
Cho xứng đáng cháu con dòng giống Việt.

Triệu triệu người đang mong cầu tha thiết,
Hưởng nhân quyền, trọng dân chủ, tự do.
Được an lòng lo cơm áo ấm no,
Sống hạnh phúc bên tình thân ruột thịt.

Bạn ta ơi, hãy làm điều công ích,
Chớ nghĩ gì lợi lộc của riêng ta.
Có thể mới mong giải cứu nước nhà,
Thoát khỏi ách bọn độc tài Cộng Sản.

Mong một ngày quê hương đầy tươi sáng,
Người với người tràn ngập nghĩa yêu thương.
Hạnh phúc reo vui khắp vạn nẻo đường,
Được như thế mới thấy mình toại nguyện.

SỨC MẠNH THI CA

Lê Thị Việt Nam

Vương mắc chi chi lăm nợ nần
Khôn nguôi trầm uất hở thi nhân
Sinh linh đau tử “Hồn vong quốc”
Thế nước điên đầu nạn bất nhân
Thơ muốn vượt bay ngoài thế sự
Tim còn tha thiết giữa phong trần
Vết hằn tử chiến thêm nung nấu
Lưu dấu đàn em kéo lụn dần

Lưu dấu đàn em kéo lụn dần
Cõi bờ một dải khắp danh nhân
Nữ lưu đảm lược gương tày liếp
Tuấn kiệt tài trai vững thế thần
“Mỹ tục” muôn đời còn rạng rỡ
“Thuần phong” nhuần gội suốt thôn lân
Tội đồ gieo rắc mầm hủy diệt
Bút thép vung lời dậy núi sông

Bút thép vung lời dậy núi sông
Đứng lên đập nát mọi xiềng gông
Đấu tranh chủ nghĩa đòi công lý
Bảo vệ nhân quyền suốt thứ dân
Hàng ngũ công nhân mau kết hợp
Gia tài tư hữu trả người dân
Sản điền tôn trọng truyền lưu kiếp
Xương máu...mồ hôi khắp thế nhân

Xương máu...mồ hôi khắp thế nhân
Cướp công dân tộc tự phong thần
Sở trường bịp bợm tan thành lũy
Mánh khéo khôn lường ắt diệt vong
Người trí không sờn loài siểm nịnh
Thanh liêm hỏi tội bọn gian thần
Con đường định hướng đầy hang bẫy
Hãy đứng lên từ những quyết tâm

**ĐỪNG NGHE NHỮNG GÌ CỘNG SẢN NÓI,
HÃY NHÌN KỸ NHỮNG GÌ CỘNG SẢN LÀM.**

Thống Thống Nguyễn văn Thiệu

Vài cảm tưởng nhân ngày Quân Lực 19/6/2008

GS Nguyễn Lý-Tưởng

Trên một tờ báo đồng hương phát hành vào dịp Tết Mậu Tý (2008) vừa rồi, một người ký tên Nguyễn Ngọc Minh (thuộc Nguyễn Trãi B 363 Tiểu đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến) có viết một bài nhan đề “Quảng Trị, Thành Phố Buồn Thiu” ở trang 49, có những câu sau đây:

-Cộng Sản Việt Nam đúng là tay sai của Nga Hoa, nhưng có ai dám bảo đảm rằng những chính trị gia miền Nam, không phải là đầy tớ, gia nô của thực dân Pháp và tư bản Mỹ.

-Chung cuộc thì chính quyền của cả hai miền Nam, Bắc đều là tay sai của ngoại bang, đều bị áp lực của ngoại bang đi tàn sát chính dân mình để tường trình thắng lợi.

-Xin cho tôi một lời đơn giản. Chính phủ cả hai miền Nam Bắc đều lường gạt dân tộc tôi.

(1). Qua lịch sử, Quân Đội Việt Nam là một Quân Đội Quốc Gia, bảo vệ Tổ Quốc, bảo vệ đồng bào, thống nhất đất nước.

Muốn hiểu rõ “Vai trò của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà” trong cuộc chiến từ 1945 đến 1975, chúng ta cần tìm hiểu vai trò của Quân Đội Quốc Gia trong lịch sử:

Trải qua hơn hai trăm năm nội chiến giữa Lê - Mạc, Trịnh-

Nguyễn rồi Nguyễn với Tây Sơn...Năm 1802, Gia Long thống nhất đất nước, thống nhất quân đội, từ đó, chúng ta có một quân đội của quốc gia, chiến đấu bảo vệ tổ quốc, bảo vệ đồng bào, xây dựng đất nước. Từ 1802 đến 1962, đất nước độc lập thống nhất được hơn nửa thế kỷ...

(2). Từ hậu bán thế kỷ 19, nhà Nguyễn suy yếu, Quân đội Việt Nam không bảo vệ được tổ quốc, đã trở thành quân đội tay sai cho Pháp.

Năm 1858, liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh Đà Nẵng, đổ bộ chiếm đóng bãi biển mấy tháng. Sau đó, thay vì đánh thẳng vào kinh đô Huế, tướng Pháp là Rigault de Genouilly, thay đổi kế hoạch, đem quân vào đánh phá cửa Cần Giờ (1859) và dần dần đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ...Quân đội Việt Nam lúc bấy giờ không đủ khả năng bảo vệ đất nước, bảo vệ đồng bào. Chúng ta thua trận. Năm 1862, vua Tự Đức ký hoà ước Nhâm Tuất (1862), nhường ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hoà, Gia Định, Định Tường) cho Pháp.

Năm 1867, lần thứ hai, Việt Nam mất thêm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ, như vậy toàn bộ Nam Kỳ Lục Tỉnh đã bị mất vào tay Pháp. Năm 1873, Pháp đem quân đánh chiếm thành Hà Nội, Việt Nam ký hòa ước Giáp Tuất (1874), nhận sự cai trị của Pháp trên toàn cõi Nam Kỳ lục tỉnh và Pháp trả lại thành Hà Nội cho Việt Nam.

Sau khi tổ chức được bộ máy cai trị và kiểm soát được

Nam Kỳ rồi, năm 1881, Pháp đem quân gây hấn ở Bắc Kỳ, ngày 25/4/1882 (8/3 Nhâm Ngọ) Pháp chiếm thành Hà Nội lần thứ hai, sau đó lần lượt chiếm các tỉnh Bắc Kỳ. Quan Tổng đốc Hà Nội là Hoàng Diệu tự tử...Ngày 17/6/1883 (16/ 6 Quý Mùi) vua Tự Đức mất. Vua Dục Đức nối ngôi, bị hai quan Phụ chính là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết truất phế, rồi đưa vua Hiệp Hoà lên nối ngôi. Ngày 25/8/1883 (23/ 7 Quý Mùi), triều đình Huế ký hoà ước chấp nhận sự đô hộ của Pháp tại Bắc Kỳ và ra lệnh cho các lực lượng quân sự của Việt Nam không được hoạt động chống Pháp để duy trì hoà bình.

Từ khi quân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ, vua Việt Nam đã kêu cứu với Trung Quốc nên quân nhà Thanh đã đến tại miền Bắc hợp với quân Việt Nam đánh Pháp, đồng thời cũng có những đảng cướp từ bên Tàu qua quấy phá khắp nơi. Năm 1884, Pháp đem quân đánh chiếm các tỉnh do Việt Nam làm chủ và đại diện Pháp đã cùng với quan nhà Thanh là Lý Hồng Chương, họp tại Thiên Tân ký hoà ước ngày 12/5/1884 (18/4/Giáp Thân) quân Tàu rút về trao lại quyền kiểm soát Bắc Kỳ cho Pháp. Sau đó, vào ngày 6/6/1884 (13/5 Giáp Thân) Pháp và Việt Nam ký hòa ước tại Huế giữa Nguyễn Văn Tường (đại diện VN) và Patenôtre (đại diện Pháp) gọi là hòa ước Giáp Thân hay hòa ước Patenôtre, Việt Nam nhận sự bảo hộ của Pháp, huỷ bỏ ấn vàng mà vua nhà Thanh đã phong cho vua nhà Nguyễn (Gia Long).

Tại triều đình Huế, sau khi vua Tự Đức mất (1883), hai

quan phụ chính là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết nắm trọn quyền hành, chỉ trong vòng 4 tháng mà có đến 3 ông vua được tấn phong là Dục Đức, Hiệp Hoà và Kiến Phúc, một số người trung thành bị hại như Trần Tiễn Thành, Phan Đình Phùng... Sử sách gọi biến cố này là vụ “Tứ nguyệt tam vương” khiến cho nội bộ Việt Nam chia rẽ, suy yếu.

Đêm 4 rạng ngày 5/7/1885 (23/5 Ất Dậu), Tôn Thất Thuyết tổ chức đánh Pháp thất bại, quân Pháp phản công, kinh thành Huế thất thủ, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi  chiến khu Tân Sở tại Quảng Trị, vua Hàm Nghi lưu vong rồi bị bắt năm 1888. Nguyễn Văn Tường ra đầu hàng Pháp... Nguyễn Hữu Độ, Khâm sai kinh lược Bắc Kỳ trở về Huế hợp tác với Pháp, làm Phụ chính thay thế Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, rồi vận động đưa vua Đồng Khánh lên ngôi để ổn định tình hình.

Pháp đã chia Việt Nam làm ba xứ có ba chế độ cai trị riêng biệt, có luật lệ riêng giống như một quốc gia, không còn thống nhất như trước nữa: Nam Kỳ là xứ thuộc địa (do một quan Thống đốc người Pháp cai trị trực tiếp), Trung kỳ do vua Việt Nam cai trị dưới quyền của một Khâm sứ Pháp; Bắc kỳ do quan Việt Nam cai trị dưới quyền của một Thống sứ Pháp. Từ Trung ra Bắc, mỗi tỉnh còn có một quan Công sứ người Pháp trực tiếp kiểm soát công việc của các quan Việt Nam. Quân đội quốc gia Việt Nam đã không làm tròn nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, người Pháp đã thay vua Việt Nam, chỉ huy toàn bộ quân đội. Dưới thời Pháp

thuộc, vua quan Việt Nam chỉ là những tên bù nhìn và quân đội Việt Nam đúng là quân đội tay sai.

(3). Quân Đội Nhân Dân của Việt Minh (1945) là công cụ của Cộng Sản Quốc Tế với hấu hiệu “trung với Đảng” “chiến đấu vì Đảng, vì chủ nghĩa xã hội”...

Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, trả độc lập cho Việt Nam. Vua Bảo Đại tuyên bố xé bỏ các Hiệp ước bất bình đẳng mà nhà Nguyễn đã ký kết với Pháp. Nhưng hoàn cảnh Việt Nam lúc đó vẫn còn dưới sự kiểm soát của quân đội Nhật. Ngày 6/ 8/1945, Mỹ thả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki, sau đó vua Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh. Ngày 19/8/1945, Việt Minh cướp chính quyền tại Hà Nội. Ngày 25/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. Chính phủ Trần Trọng Kim từ chức. Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập tại Hà Nội. Mặc dù Việt Minh đã thành lập quân đội với danh nghĩa là “Quân Đội Nhân Dân” nhưng ở trong Nam, ngoài Bắc còn có lực lượng võ trang của Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên, Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (Nguyễn Hải Thần) Việt Nam Quốc Dân Đảng (Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hoà Hiệp) Đại Việt Quốc Dân Đảng (Trương Tử Anh), Phục Quốc Quân (Trần Trung Lập), Khu Tự Trị Bùi Chu, Phát Diệm của Công Giáo (Giám Mục Lê Hữu Từ), v.v...vừa chống Pháp vừa chống Việt Minh để tự vệ. Ngoài ra lại còn có sự hiện diện của quân Tàu (các tướng Lư Hán, Tiêu Văn của Tướng Giới Thạch) tại Hà Nội và quân Anh (tướng

Douglas) tại Sài Gòn với danh nghĩa quân đội đồng minh đến giải giới quân đội Nhật (sau khi Nhật đầu hàng 8/1945). Trong khi Hồ Chí Minh chưa củng cố được chính quyền tại Hà Nội thì Pháp đã trở lại thay thế quân Anh ở Sài Gòn và các tỉnh Nam kỳ, rồi dần dần đổ bộ chiếm các thị trấn ở miền Trung, miền Bắc và thành lập một chính quyền tay sai cho Pháp. Như vậy, cái quân đội “nhân dân” của Hồ Chí Minh cũng chưa phải là một quân đội thống nhất, chưa phải là một quân đội quốc gia...vì chưa lãnh đạo được tất cả các lực lượng vũ trang chống Pháp lúc bấy giờ và chưa kiểm soát được lãnh thổ và toàn dân. Khẩu hiệu của họ là “trung với Đảng Cộng Sản” “chiến đấu vì chủ nghĩa xã hội”

(4). Vai trò của Quân Đội Quốc Gia dưới thời Quốc Trưởng Bảo Đại.

Trước ngày “toàn quốc kháng chiến” (19/12/1946), Hồ Chí Minh lập chính phủ liên hiệp, kêu gọi đoàn kết chống Pháp mục đích cầm chân các lãnh tụ của phe Quốc Gia ở Hà Nội, trong khi đó vẫn ra lệnh bắt cóc, thủ tiêu cán bộ đảng phái ở địa phương. Nội bộ phe Quốc Gia chia rẽ, một số tham gia Chính Phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh, một số chủ trương mượn thế quân Tàu (Tướng Giới Thạch) lật đổ chính quyền Việt Minh và bất hợp tác với Cộng Sản. Hồ Chí Minh qua Pháp ký một hiệp ước thuận cho quân Pháp có mặt ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Cam Ranh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội. Chính vì thế, Pháp mới thương lượng với Tướng Giới Thạch cho quân Tàu rút lui để quân Pháp vào

thay thế. Hồ Chí Minh bắt tay với Pháp để tiêu diệt phe Quốc Gia. Một phái đoàn của Việt Minh do Hoàng Minh Giám cầm đầu qua Côn Minh gặp Tưởng Giới Thạch để thương lượng, cứu hoàng Bảo Đại nhân dịp đó đã qua Côn Minh rồi qua Hồng Kông (từ 1946 – 1949).

Sau khi quân Tưởng rút về Trung Hoa, Hồ Chí Minh kêu gọi kháng chiến chống Pháp. Các giáo phái và đảng phái Quốc Gia đã tự vũ trang chống Pháp. Ở miền Bắc, đồng bào theo đạo Công Giáo vùng Bùi Chu, Phát Diệm do Giám Mục Lê Hữu Từ lãnh đạo đã vũ trang tự vệ. Ở trong Nam, Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên cũng tự vũ trang để kháng chiến. Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt cũng lập chiến khu, vũ trang tự vệ.

Ngày 19-12-1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, biết bao thanh niên yêu nước, trong đó có đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt đã hy sinh trong những đợt tấn công vào quân Pháp đầu tiên. Trong khi đó, Võ Nguyên Giáp chủ trương rút vào chiến khu để bảo toàn lực lượng của đảng Cộng Sản.

Từ 1946 đến 1949, quân Pháp chiếm các thành phố và thiết lập chính quyền do Pháp điều khiển. Việt Minh rút vào chiến khu ở vùng quê hoặc vùng núi. Phe Quốc Gia vừa chống Pháp vừa chống Việt Minh, một số chạy theo quân Tưởng qua Trung Hoa, một số ở lại và đã bị Việt Minh bắt giam hoặc bị thủ tiêu. Có người theo Việt Minh để chống Pháp, gọi là thành phần kháng chiến về sau đã bị nhuộm

đỏ, trở thành Cộng Sản. Những ai không hợp tác với Việt Minh, chống lại Cộng Sản, chạy về thành phố thì bị mang tiếng phản quốc, theo Pháp, chống lại tổ quốc, chống lại đồng bào....Người quốc gia, theo Việt Minh hay theo Pháp đều mất chính nghĩa. Nếu lập chiến khu tự vệ thì trước sau gì cũng bị tiêu diệt, không chết về tay Cộng Sản thì cũng sẽ chết về tay Pháp. Chính vì thế mà các tôn giáo và đảng phái quốc gia nghĩ đến giải pháp Bảo Đại. Chỉ có Bảo Đại mới có đủ tư cách đoàn kết các tôn giáo, đảng phái và chỉ có Bảo Đại mới có đủ tư cách đại diện cho Việt Nam nói chuyện với Pháp.

Trước ngày thế chiến thứ II chấm dứt, các nhà lãnh đạo Đồng Minh đã gặp nhau tại Yalta (1945) và sau khi Nhật và Đức đầu hàng, đã gặp nhau tại Postdam (1946), quyết định số phận các nước nhược tiểu, bị nô lệ (trong đó có Việt Nam) vẫn được giữ nguyên trạng, quân đội Đồng Minh sẽ duy trì an ninh trật tự và giúp các nước đó xây dựng chế độ dân chủ. Chủ trương của Mỹ là xoá bỏ chế độ đế quốc thuộc địa. Như vậy, sau khi Nhật đầu hàng, chính quyền Bảo Đại vẫn là chính quyền hợp pháp và là người đại diện duy nhất cho Việt Nam sau khi thế chiến thứ II chấm dứt. Việc vua Bảo Đại từ chối đề nghị để cho Quân đội Nhật duy trì an ninh trật tự đã tạo thuận lợi cho Việt Minh lật đổ chính quyền thành công. Vì không nắm vững tình hình nên vua Bảo Đại đã để lỡ mất một cơ hội tốt đất nước. Việc vận động cho Bảo Đại qua Côn Minh cũng nằm trong kế hoạch của phe Quốc Gia để sau này dựng nên giải pháp Bảo Đại, tranh đấu giành lại độc lập cho đất nước.

Hồ Chí Minh đã thành công khi rước quân Pháp trở lại miền Bắc, mượn tay Pháp để đuổi quân Tàu (Tướng Giới Thạch) rồi thẳng tay tàn sát đẫm máu phe quốc gia, đối lập với Cộng Sản (Việt Minh).

Tại Sài Gòn, Bolaert, đại diện cho Pháp kêu gọi những người trong hàng ngũ kháng chiến “không Cộng Sản” trở về hợp tác. Từ Côn Minh, Bảo Đại qua Hồng Kông và đại diện các tôn giáo, đảng phái chống Cộng, nhân sĩ trí thức tại Sài Gòn, Huế, Hà Nội, v.v... đã qua Hồng Kông gặp cựu hoàng và yêu cầu ông đứng ra vận động Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Với hậu thuẫn này, Bảo Đại đã lên tiếng tranh đấu đòi hỏi Pháp phải trả độc lập cho Việt Nam.

Sự thắng lợi trong cuộc vận động ngoại giao của Bảo Đại đã đưa đến thông cáo chung ngày 5/6/1948 tại Vịnh Hạ Long và với thỏa ước ngày 8/3/1949, Bảo Đại đã trở thành Quốc Trưởng của nước Việt Nam độc lập, có chính phủ, có quân đội, có nền tài chánh và ngoại giao riêng, được quốc tế thừa nhận. Quân đội Pháp có nhiệm vụ bảo vệ cho chính quyền Việt Nam đang còn mới mẻ, đợi khi nào Việt Nam tổ chức được quân đội mạnh thì Pháp sẽ rút lui. Mỹ đã viện trợ cho quân Pháp tại Đông Dương với danh nghĩa bảo vệ thế giới tự do chống lại Cộng Sản. Việt Nam được độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp. Xứ Nam Kỳ đã thuộc về nước Việt Nam, không còn là xứ thuộc địa của Pháp như trước nữa và ba miền Bắc, Trung, Nam đều có bộ máy hành chánh do vị Thủ Hiến lãnh đạo trực thuộc chính phủ Trung

Ương đứng đầu là một vị Thủ Tướng. Theo đề nghị của Bác sĩ Phan Huy Quát, Tổng Trưởng Quốc Phòng, Quốc Trưởng Bảo Đại đã ký sắc lệnh thành lập trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt để đào tạo sĩ quan cho một Quân Đội Quốc Gia. Từ khi Quốc Gia Việt Nam ra đời với Quốc Trưởng Bảo Đại thì Việt Nam đã có một Quân Đội thống nhất từ Bắc chí Nam, với một Bộ Chỉ Huy thống nhất, không còn mang tiếng là quân đội tay sai nữa. Các lực lượng võ trang chống Cộng của các tôn giáo và đảng phái đã trở thành một bộ phận của Quân Đội Quốc Gia, được võ trang và lãnh trợ cấp của quốc gia. Từ con số không mà đạt được thành quả như vậy, đó là một biến cố rất lớn đối với nước Việt Nam, và phải trải qua một quá trình tranh đấu gay go, lâu dài. Nếu không có sự hình thành một quốc gia với Quốc Trưởng Bảo Đại vào năm 1949 thì sẽ không có sự liên tục lịch sử của phe Quốc Gia (đối lập với Cộng Sản) cho đến ngày 30/4/1975. Dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Việt Nam Cộng Hoà đã xây dựng một Quân Đội thống nhất, lớn mạnh và làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ Quốc, bảo vệ đồng bào.

(5). Chúng ta không thể đặt Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà ngang hàng với Quân Đội Cộng Sản khi nói rằng “Quân Đội Cộng Sản là tay sai cho Nga, Tàu thì Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà là tay sai đế quốc, tay sai Pháp, Mỹ...”

Nên nhớ, Hồ Chí Minh là người của đảng Cộng Sản, đã đi theo Cộng Sản từ 1925 tại Pháp, sau đó được đưa qua huấn

luyện ở Nga, rồi từ Nga trở về Trung Quốc và từ Trung Quốc về Việt Nam...Ông ta quyết tâm thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản, quyết tâm tranh đấu để cho chủ nghĩa đó được thành công và được áp dụng trên đất nước chúng ta. Ông ta đã chủ trương tiêu diệt tất cả những người Việt Nam yêu nước không Cộng Sản để chủ nghĩa Cộng Sản được toàn thắng, toàn trị trên đất nước và dân tộc chúng ta. Ngày nay, chủ nghĩa Cộng Sản đã sụp đổ tại Nga (là cái nôi của Cộng Sản) và các nước Đông Âu (đàn em của Nga). Tại Đông Đức, chủ nghĩa đó đã thất bại và đã sụp đổ, nước Đức đã thống nhất và trở thành một nước tự do. Trên thế giới chỉ còn 4 nước Cộng Sản là Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cuba và Việt Nam...nhưng cũng đã biến chất để trở thành “tư bản đỏ”...

Trước khi người Pháp trở lại Việt Nam (1945) và trước khi có sự hiện diện của Quân Đội Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam (1964), các nhà ái quốc Việt Nam đã chiến đấu chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, họ đã không chọn chủ nghĩa Cộng Sản (như trường hợp các cụ Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Cường Để, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Hải Thần...) Và tiếp theo đó là các đảng chính trị không Cộng Sản như Việt Nam Quốc Dân Đảng (Nguyễn Thái Học, 1927), Đại Việt (Trương Tử Anh, 1939), Phục Việt, Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ, Hoà Hảo Dân Xã 1945-1946), v.v...Những người này chưa bao giờ “làm tay sai cho thực dân Pháp” vì họ chủ trương chống Pháp giành độc lập, giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ...Phan Bội Châu bị Pháp

lên án tử hình, Nguyễn Thái Học bị Pháp xử tử, Trương Tử Anh bị Pháp bắt giam...

Những người tin có linh hồn, tin có Thượng Đế, tin có Đấng Tối Cao, tin có Chúa, có Phật... và thực hành giáo lý của các tôn giáo như Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo, v.v....thì đương nhiên họ đã chống lại chủ nghĩa vô thần của Cộng Sản. Chúng ta không thể gọi họ là “tay sai của thực dân hay đế quốc” một khi họ không đi theo Cộng Sản hay chống lại Cộng Sản. Khi Cộng Sản lên nắm chính quyền năm 1945 thì đã chủ trương tiêu diệt tôn giáo rồi...và các tôn giáo như Cao Đài, Hoà Hảo, Công Giáo...đã công khai chống lại Việt Minh do Hồ Chí Minh (Cộng Sản) lãnh đạo. Các tôn giáo và chính đảng quốc gia đã tổ chức võ trang tự vệ vì họ bị Việt Minh (Cộng Sản) khủng bố, bắt cóc, thủ tiêu...chứ không phải làm tay sai cho Pháp. Sau hiệp định Genève 1954, quân Pháp rút khỏi miền Bắc, vào đóng ở miền Nam không chịu về nước. Ông Ngô Đình Diệm tranh đấu đòi quân Pháp phải về nước, trao trả độc lập thực sự cho Việt Nam. Mặc dù Việt Minh và Pháp đã ký hiệp định đình chiến (20/7/1954) chia đôi đất nước (phe Quốc Gia không ký) nhưng sau đó Hà Nội phát động chiến tranh thôn tính miền Nam (đàng sau Hà Nội có Nga, Tàu và Cộng Sản quốc tế giúp) nên Việt Nam Cộng Hoà phải kêu gọi sự giúp đỡ của phe Tự Do (như Mỹ và các nước trong Thế Giới Tự Do) bằng viện trợ kinh tế, khoa học kỹ thuật và quân sự...Quân Đội VNCH chiến đấu bảo vệ đồng bào, bảo vệ lãnh thổ, đẩy lui các cuộc tấn công của Cộng Sản Bắc Việt xâm lăng (Tết Mậu Thân 1968, giải phóng cho

thành phố Huế, bảo vệ Sài Gòn và các thị xã; mùa Hè 1972, trận Bình Long, An Lộc, Quảng trị, Kontum...) Trong trận hải chiến Hoàng Sa (tháng 01/1974), mặc dù Hải Quân VNCH kém thua Trung Cộng, nhưng chúng ta đã đánh chìm tàu chỉ huy của Trung Cộng (soái hạm) khiến cho một Phó đô đốc và 7 đại tá của địch tử trận...phía VNCH có 58 chiến sĩ hải quân hy sinh trong đó có Trung Tá HQ Ngụy Văn Thà ... Những người nầy hy sinh vì Tổ Quốc, bảo vệ giang sơn của ông cha để lại, tại sao dám gọi họ là “tay sai” ? Ngày nay, Trung Quốc cướp đất, cướp biển, bọn CSVN im lặng, không dám lên tiếng phản đối!? Vậy Quân Đội CSVN hiện nay là quân đội của ai? chiến đấu vì ai? (vì đảng CS hay vì Tổ Quốc Việt Nam?) Sau 1975, không còn Pháp, không còn Mỹ, các tôn giáo trong nước, thanh niên sinh viên học sinh trong nước, các nhà đấu tranh dân chủ trong nước vẫn chống lại Cộng Sản...Vậy họ làm tay sai cho ai? Chiến tranh Việt Nam sau 1954 cho đến 1975 do ai gây ra? do ai lãnh đạo? vũ khí và quân đội đó từ đâu tới? Có phải từ miền Bắc hay không? Họ chiến đấu cho chủ nghĩa Cộng Sản được bành trướng khắp nước Việt Nam, họ đem chủ nghĩa Cộng Sản áp đặt lên dân tộc Việt Nam...Tại sao đặt những kẻ xâm lăng ngang hàng với những người chiến đấu để tự vệ?

Người chiến sĩ VNCH trước 1975 đã chiến đấu để bảo vệ đồng bào, bảo vệ Tổ quốc..Sau 1975, họ đã bị trả thù, bị tù tội...Họ hy sinh vì chúng ta, những người được hưởng tự do, an bình ở hậu phương, nơi các thành phố. Chúng ta phải biết ơn họ, là những người đã hy sinh, đã chết, là những

thương phế binh, những cựu tù nhân dưới chế độ Cộng Sản, trong các trại tù cải tạo...Xin hãy dâng lên một nén hương lòng để tưởng nhớ đến họ.

Nguyễn Lý Tưởng

TÂM TƯ SOẠN GIẢ

Lê Thị Việt Nam

Đã biết phận mình rất nhỏ nhoi
Không quen múa bút kiêu tôi đòi
Thèm truy lữ bợm chuyên lòn lách
Vạch mặt tên lũng đoạn thế thời
Tham những hiện hình giăng mắt cáo
 Gian manh dầy dạn nhớp trang đời
Lưỡng nan tiến thoái nhiều bi kịch
Ngụ ý trong tuồng giọng bãi buổi.

Vở diễn e hèm mối dở doi
Tỉ tê, cù léc để gây cười...
Thằng hề vênh mặt rung đùi béo
Vai vế liên minh thủ ghế ngồi
Tiếng quyền tiếng đồn nghe náo dạ
Nghịem suy khôn thấu ý trong lời
Chọn nhầm vai kịch tuồng không đạt
Ai thấu nỗi lòng soạn giả ơi!

Ngày Giỗ Mẹ

Thái Lâm

Hôm nay ngày giỗ Mẹ
Con đốt nén nhang thơm
Khói cuộn bay nhẹ nhẹ
Cuộn với mùi canh cơm

Con lên bầy Cha chết
Một nách Mẹ nằm con
Mẹ coi đời như hết
Nhưng còn lũ chúng con

Họ hàng mưu xâu xé
Gia tài Mẹ làm ra
Gót chân Mẹ nứt nẻ
Để giữ vững nghiệp nhà

Ấm no con ăn học
Tung tăng nô đùa vui
Mẹ bôn ba khó nhọc
Cho con đủ ngọt bùi

Trước khi Mẹ nhắm mắt
Chỉ muốn gặp mặt con
Chiến Tranh thật khe khắt
Nên ước muốn chẳng tròn

Cầm tay anh Lũy nói
“Con Phúc đã về đây”
Mắt nhìn Mẹ không nói
Lắc đầu Mẹ xuôi tay

Công Cha như núi Thái
Nghĩa Mẹ như nước nguồn
Lòng con thật tê tái
Chẳng đền một phần muôn.

Thái Lâm

KHẮC KHOẢI

Có những đêm! Năm canh thao thức
Có những ngày khắc khoải sầu thương
Ôi quê hương!
Ôi Tổ Quốc!
Ôi! Cảnh người dân Việt muôn phương
Nói sao cho hết đoạn trường
Biết sao cho vợi vết thương của lòng
Bao đêm khắc khoải sầu đong
Bao ngày nuốt lệ vào lòng người ơi!
Tha hương đã mấy Thu rồi
Hồn vong quốc, hận lòng người phân ly
Yêu quê hương biết nói gì?
Tình người hải ngoại suy vi
Dầy đầy đổ kỵ...
Yêu quê hương biết phải làm gì?

Trúc Minh

Cali, cuối Xuân Mậu Tý (2008)

NHÀ BÁO TỰ DO BÙI TÍN PHÁT BIỂU NHÂN NGÀY 30 - 4 -

Bùi Tín

(Trích Tạp Chí Cách Mạng số 62 tháng 4 / 2008)

Nhân ngày 30 - 4, trả lời phỏng vấn một số báo trong và ngoài nước, nhà báo tự do BÙI TÍN hiện sống ở Pháp, 33 năm trước từng có mặt tại dinh Độc Lập Sài Gòn, phát biểu như sau:

33 năm qua, theo tôi, với khoảng cách thời gian dài để có thể suy ngẫm sâu sắc và nhận ra sự thật lịch sử, mọi người Việt Nam, kể cả những người Cộng Sản, cần đính chính một nhận thức sai lầm nguy hiểm đã bị những người lãnh đạo Cộng Sản áp đặt theo kiểu cưỡng hiếp mọi người dân phải thừa nhận. Họ buộc mọi người công nhận rằng việc họ chủ trương đưa quân từ miền Bắc vào miền Nam chiến đấu từ 1960 đến năm 1975 là chính nghĩa nhằm giải phóng và thống nhất đất nước, và ngày 30 - 4 là ngày Toàn Thắng Vĩ Đại.

Giống như xưa kia, Giáo Hội La Mã cưỡng bức mọi người phải thừa nhận trái đất là một mặt phẳng, ai nói khác là phạm trọng tội, là nói sai chân lý. Có người đã chịu hỏa thiêu để khẳng định rằng: “Không! Trái đất không phẳng! Nó hình cầu và nó quay!” Nay ai cũng nhận ra Chân lý ấy. Có điều mới nói khác.

Hôm nay tôi sẵn sàng nói to cho mọi người nghe rõ:

Đất nước Việt Nam ta sau ngày 30 - 4 - 1975 không hề được giải phóng, cũng không hề được thống nhất. Ngày 30 - 4, đảng Cộng Sản thắng, toàn dân vẫn thua, vẫn bị thống trị bởi độc quyền đảng trị.

Đảng Cộng Sản đã thực hiện chính sách chiếm đóng và thống trị miền Nam, bỏ tù và quản thúc hàng triệu người dân, tước đoạt của cải của dân qua đổi tiền và cải tạo, thải loại ngay Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng, gây thảm cảnh hàng triệu thuyền nhân. Như thế mà là giải phóng, là thống nhất ư?

Sau 30- 4 1975, chỉ riêng đảng cộng sản cầm quyền, không cho ai lập hội, không cho một tư nhân nào ra báo, không có tự do ứng cử và bầu cử, thế mà gọi là giải phóng dân tộc ư? Là tự do ư?

Còn nay thì đảng giàu, giàu sụ, dân nghèo, nghèo rớt. Thống nhất kiểu gì vậy? Phát triển kiểu gì vậy?

Một nước “độc lập” mà buộc phải ký những hiệp ước bất bình đẳng, để bị mất đất, mất biển hàng trăm, hàng nghìn kilômet vuông, mất đảo, mất vô vàn tài nguyên hải sản; rồi người nước ngoài muốn đuốc của họ đến nước ta, vào lúc nào, ở đâu là do họ quyết định; bộ trưởng ngoại giao của họ lại còn sang thủ đô ta để giao nhiệm vụ cho bộ trưởng ngoại giao, cho thủ tướng và cho chủ tịch quốc hội phải bảo vệ đuốc của họ cho triệt để, và còn cho an ninh vũ trang của họ vào tham gia đàn áp nhân dân nếu có biểu

tình ôn hòa...thì thử hỏi nước ấy độc lập ở chỗ nào? Có chủ quyền ở chỗ nào? Những người lãnh đạo của ta có còn chút thực quyền, có còn chút tự hào dân tộc gì nữa đâu! Người Việt chân chính tự trọng không xử sự như thế. Đây là điều mỗi người Việt ta ở trong hay ngoài nước hãy suy nghĩ cho kỹ nhân ngày 3- 4 năm nay.

Tôi mong tuổi trẻ trong nước trau dồi tư duy độc lập, tập suy nghĩ bằng cái đầu tỉnh táo của chính mình, và đọc bài luận văn ngắn của nhà triết học Pháp trứ danh Jean - François REVEL: “Hồ Chí Minh: Sự tước đoạt lòng yêu nước”. Bài luận văn sắc sảo chỉ thẳng ra sự thật phũ phàng, là ông Hồ và đảng Cộng Sản đã lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam để phục vụ cho mưu đồ phe đảng của ông ta, để thỏa mãn mục tiêu thống trị thế giới của Quốc Tế Cộng Sản III. Chữ “détournement” theo tiếng Pháp có nghĩa khá rộng là “tước đoạt”, “lấy trộm, lấy cắp”, “của người khác xoáy làm của mình”, “chuyển thành, biến thành của mình”.

Đọc xong, tôi ngấm sâu ý nghĩa của từ “Tước đoạt”, và cảm thấy mình như bị mất cắp, mà mất cắp cái gì quý lắm, vô giá. Cả tuổi trẻ đầy lý tưởng và nghị lực, cả mấy chục năm bị đánh lừa, bị móc túi, bị gạ gẫm, để đến gần cuối đời mới tỉnh ra, mà thương hại, mà tiếc thay cho bao nhiêu người vẫn chưa tỉnh! Giả thử trong cuộc đời thường, một người bị mất cắp chiếc xe máy, chiếc đồng hồ đắt tiền, chiếc nhẫn vàng kỷ niệm ngày cưới...hẳn là tiếc, tiếc nuôi vô cùng, xót xa hàng tháng. Thế mà biết bao nhiêu người

bị lừa cả cuộc đời, có khi mất cả mạng sống, và hàng triệu triệu anh chị em, dòng họ, đồng bào mình cùng bị lừa hàng nửa thế kỷ! Một cuộc ăn cắp, lường gạt khổng lồ. Hãy chỉ cho nhau kịp thấy đi, để mà tiếc, mà xót xa, mà đòi lại quyền sống tự do cho mỗi người, mở ra cuộc đấu tranh mới dành lại độc lập thật sự và thống nhất thật sự cho Tổ Quốc.

30- 4 năm nay, tôi vui vẻ nhẹ nhàng lắm. Tôi có thêm biết bao bạn quý, từ khi là nhà báo tự do 18 năm nay. Bạn trong nước, ngoài nước, bạn già, bạn trẻ, bạn rất trẻ. Tôi viết không theo lệnh ai, không phải đưa ai duyệt, chỉ có theo lương tâm và trí tuệ, không sùng bái ai, chỉ sùng bái sự thật. Tuổi già tự do thế này thật đáng sống. Khó khăn vật chất mà sướng vô kể.

Tôi bỏ hết danh vọng hão, chức tước phù du, huân chương mai mĩa, tự hủ thẹn từng cao ngạo vô duyên về chuyện vào dinh Độc Lập sớm, xế trưa 30- 4, vợ vẫn, lạc điệu, cá nhân lầm lạc, ngộ nhận hết.

Để làm gì cơ chứ? Để đất nước ra nông nổi này ư? Độc lập, không! Tự do, không! Chủ quyền, không! Về mặt nào cũng đứng dưới 100 nước khác!

30- 4 năm nay, tự thâm tâm, tôi chỉ có một lời kêu gọi với các bè bạn và đồng chí cũ của tôi: Hãy quý trọng lòng yêu nước thương dân của chính mình, nếu bạn thấy lòng yêu nước ấy đã bị ai đó “xoáy” mất để dùng vào mục đích đáng nghi ngờ và đen tối, thì hãy lên tiếng tố cáo và tự tách mình khỏi trò lừa bịp và đánh cắp trắng trợn ấy!

Bạn hãy tự phục hồi lòng yêu nước thương dân trọn vẹn của mình để cùng mọi người Việt Nam tỉnh táo và tử tế đấu tranh cho một Tổ Quốc Việt Nam thật sự độc lập, thật sự tự do, dựa vững vào Lịch Sử Dân Tộc và Thời Đại.

Kính chào các bạn,
Bùi Tín, Paris 28 - 4 - 2008

Ngục Tù là

Lửa Hùng

Tôi Luyện

*Mỗi bước xích xiềng khổ lụy vương,
Tâm ta cương quyết vẫn xem thường,
Ngục tù là lửa hùng tôi luyện,
Nung thép thành gươm chí quật cường.*

*Ngọn bút của ta còn sắc hơn,
Kính hoàng bát vía lữ Ma vương,
Uy linh sông núi hồn thiêng gọi,
Cách mạng Vô Nguyên
xóa nghịch thường.*

Nguyễn Linh

THU XƯA

Em không thể quên mùa Thu năm cũ
Con đường chiều chiêm ngưỡng bóng hoàng hôn
Nhớ không anh dải nắng ấm tâm hồn
Hàng cây nghiêng ngả mừng ta chung bước

■ *

Lá vàng rơi, ngập tràn bao mộng ước
Hương dì thảo quyện trong tóc em bay
Đất với trời hòa hợp tay trong tay
Quên sao được người tình Thu năm ấy

* *

Một thoáng hương xưa em vừa tìm thấy
Nơi góc rừng bao Thu lấp vùi quên
Thuở tóc mây mình thêu kết hàng tên
Đan tơ trời vằng trăng kia ghi dấu
Tình là gì? trên đời ai hiểu thấu
Chuyện chúng mình lá đổ lệ ly tan
Tràn yêu thương kỷ niệm đẹp ngút ngàn
Vùi chôn kín thẳm sâu khu rừng nhớ
Thu năm nay anh về hoa lòng nở
Nhụy trắng trinh thanh thoát tỏa hương yêu
Cánh đài trang dáng tha thướt mỹ miều
Nhan kiều điểm hoài Thu xưa thề hẹn.

THU BUỒN

Gió lạnh mùa Thu đến vật-vờ
 Nỗi lòng khép kín cả hồn thơ
 Tâm tư gởi trọn Thu buồn vắng
 Cảnh vật thiên nhiên cũng xóa mờ

Đất khách quê người Thu lưu luyến
 Ngày về quê mẹ vẫn còn mơ
 Đàn con bốn hướng tìm Thu mộng
 Chớp bề mưa nguồn ươm kén tơ

Ngõ trúc năm xưa sương phủ kín
 Làng quê đồng nội bầy con thơ
 Lá vàng rơi rụng đầy hồ nước
 Giá buốt con tim nỗi thần thờ

Hình ảnh Thu xưa còn năm ấy
 Theo chân lũ khách dưới sương mờ
 Hạ đi Thu đến đông băng tuyết
 Chẳng lẽ Thu buồn không ý thơ .

Thu Cali, năm 2006

Nguyễn-Dzuy

Lời Tòa Soan: Trong tháng 6 năm 2008, nhiều nơi trên thế giới, cộng đồng người Việt tị nạn Cộng Sản từng bừng tổ chức “Vinh danh cờ vàng ba sọc đỏ trở thành quốc kỳ Việt Nam tròn 60 năm”. Hưởng ứng phong trào vinh danh quốc kỳ Việt Nam trên toàn thế giới, Bút Nhóm GỌI ĐÀN xin phép Sử Gia Trần Gia Phụng được đăng lại bài “Câu Chuyện Lá Cờ”, nhằm giúp thế hệ trẻ hiểu về lịch sử cũng như chân giá trị của quốc kỳ Việt Nam có từ khi chính phủ lâm thời Việt Nam được thành lập ngày 2 tháng 6 năm 1948.

CÂU CHUYỆN LÁ CỜ

Trần Gia Phụng

Trong năm nay, người Việt ở hải ngoại tổ chức kỷ niệm lá cờ Việt Nam quốc gia tròn 50 tuổi trên khắp thế giới. Lá cờ của chúng ta được chính phủ Nguyễn Văn Xuân chính thức công bố ngày 2-6-1948 tại Sài Gòn cùng với bản quốc ca vốn là bản “Thanh niên hành khúc” của Lưu Hữu Phước được đổi lời.

Để hiểu rõ ý nghĩa của lá cờ, xin hãy trở lui lại hoàn cảnh xuất hiện lá cờ, bắt đầu bằng thời điểm năm 1945 là cái mốc quan trọng nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam. Tình hình chính trị Việt Nam xôn xao mạnh vào thế chiến thứ nhì (1939-1945) với sự xuất hiện của Nhật Bản. Lúc đầu, Nhật tiến qua Việt Nam, làm bàn đạp bành trướng xuống Đông Nam Á, nhưng vẫn tôn trọng việc Pháp cai trị

Đông Dương. Lúc đó, tại Pháp, chính phủ Vichy đầu hàng Đức, một đồng minh của Nhật, nên Nhật không sợ người Pháp ở Đông Dương lật lọng. Khi Đức thất bại ở Âu Châu, chính phủ lâm thời De Gaulle lên cầm quyền ở Pháp, Nhật lo ngại nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương theo lệnh của De Gaulle và với sự giúp đỡ của Đồng minh, đánh tập hậu ở Đông Dương, cắt đường rút về, nên Nhật quyết định đảo chánh Pháp ngày 9-3-1945 bằng cuộc hành quân Meigo để nắm quyền chủ động.

Tại Việt Nam, Nhật tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam và yêu cầu Việt Nam gia nhập khối Đại Đông Á do Nhật lãnh đạo. Vua Bảo Đại (trị vì 1925-1945) giao cho ông Trần Trọng Kim thành lập chính phủ. Ngày 17-4-1945, Trần Trọng Kim trình diện nội các mới gồm những nhà trí thức và chuyên gia tân học yêu nước, lần đầu tiên được tổ chức theo hình thức chính phủ Tây phương.

Ngày 2-6-1945, ông Trần Trọng Kim chọn quốc kỳ nền vàng, trên có ba sọc đỏ theo hình quẻ ly. Quẻ ly là một trong tám quẻ đơn của bát quái trong kinh Dịch. Quẻ ly gồm ba hào (vạch): hào dương dưới cùng (một vạch ngang), hào âm ở giữa (một vạch đứt ở giữa), và hào dương trên cùng (một vạch ngang). Ly vi hỏa là lửa, sáng màu đỏ. Theo quan niệm của Hậu thiên bát quái, ly đóng ở phương nam. Như vậy, màu vàng của nền cờ mới vừa là màu cờ long tinh cũ của hoàng gia (truyền thống), vừa tượng trưng cho "thổ", thích hợp với quẻ ly để chỉ vị trí nước ta (phương nam), và cả về màu sắc (*hỏa*, màu đỏ, *sinh thổ*, màu vàng,

theo ngũ hành tương sinh), đồng thời với ý nghĩa người Việt Nam máu đỏ da vàng.

Chính phủ Trần Trọng Kim làm được khá nhiều việc hữu ích lâu dài. Chính phủ lo cứu đói năm 1945, cải cách các hệ thống thuế má, tư pháp, và giáo dục từ thể chế Pháp thuộc qua thể chế độc lập, và nhất là thống nhất ba Kỳ về chính quyền trung ương. Lễ hợp nhất Nam Kỳ chưa tổ chức kịp thì chính phủ Trần Trọng Kim bị sụp đổ khi Nhật đầu hàng ngày 14-8-1945.

Việt Minh lợi dụng thời cơ cướp chính quyền ngày 19-8. Đại sứ Nhật tại Huế là Yokoyama vào yết kiến vua Bảo Đại, xin đem lực lượng Nhật tại Đông Dương (còn nguyên vẹn) dẹp tan cuộc đảo chánh của Việt Minh, nhưng vua Bảo Đại từ chối vì sợ cảnh nội chiến tương tàn trước sự lợi dụng của ngoại bang. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị ngày 25-8 và chính phủ Trần Trọng Kim giải tán.

Chính phủ Việt Minh do Hồ Chí Minh cầm đầu  mất tại Hà Nội ngày 2-9-1945, gồm đại đa số là đảng viên cộng sản, còn lại một ít là vài nhân vật không cộng sản tượng trưng, trong đó công dân Vĩnh Thụy, tức cựu hoàng Bảo Đại, được mời làm cố vấn. Hồ Chí Minh muốn nhờ sự hiện diện của cựu hoàng để tạo khuôn mặt đoàn kết quốc gia, và duy trì tính cách chính thống của chính quyền từ thời quân chủ qua thời cộng hòa trước mặt quốc dân và quốc tế. Chính phủ Hồ Chí Minh chọn lá cờ của Mặt trận Việt Minh làm quốc kỳ. Đó là lá cờ đỏ ở giữa có ngôi sao vàng,

phỏng theo hồng kỳ của Liên Xô. Hồ Chí Minh, người học trò của Đệ tam quốc tế cộng sản, du nhập vào Việt Nam lý thuyết Mác Xít, cũng du nhập luôn hình thức cờ đỏ sao vàng.

Chính phủ Hồ Chí Minh gặp nhiều chống đối từ phía những nhà cách mạng theo khuynh hướng quốc gia dân tộc như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (Việt Cách), từ phía Trung Hoa và từ phía người Anh, có người Pháp đi kèm. Trung Hoa và Anh là hai nước được phe Đồng Minh chỉ định giải giới quân đội Nhật ở bắc và nam vĩ tuyến 16 nước Việt Nam theo tối hậu thư Potsdam (Đức). Pháp theo chân Anh, chiếm lại miền Nam rồi tiến ra Trung và ra Bắc.

Trước tình hình nguy ngập, Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật, tổ chức bầu cử quốc hội, thành lập chính phủ liên hiệp ngày 2-3-1946, bao gồm cả những đại diện của Quốc Dân Đảng và Việt Cách. Việt Minh cố gắng tạo ra vẻ ổn định bề ngoài để thương lượng với Pháp, nhưng ở bên trong, Việt Minh mở cuộc đại khủng bố nhắm tiêu diệt những phần tử quốc gia không cộng sản. Chính phủ liên hiệp thất bại. Các phần tử quốc gia rút lui. Việt Minh mở mặt trận chống Pháp để giành lấy chính nghĩa kháng chiến. Chiến tranh bùng nổ ngày 19-12-1946.

Khi trở lại Sài Gòn, Pháp thành lập chính phủ Nam Kỳ tự trị ngày 1-6-1946 do bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh cầm đầu. Ngày 10-11-1946, bác sĩ Thỉnh từ trần tại tư gia mà dư

luận cho rằng ông bị Pháp lừa gạt, nên thất vọng tự tử. Bác sĩ Lê Văn Hoạch lên thay, nhưng vì quan điểm Nam Kỳ tự trị, nghĩa là tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam, nên chính phủ này không được dân chúng ủng hộ. Pháp mời ông Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng.

Ông Nguyễn Văn Xuân là một sĩ quan trong quân đội Pháp. Nguyên khi ông Hồ Chí Minh lập chính phủ ngày 2-9-1945, ông Hồ đã mời ông Nguyễn giữ chức Bộ trưởng không bộ nào (quốc vụ khanh), nhưng chẳng bao lâu, ông Nguyễn bỏ về Sài Gòn, làm phó thủ tướng trong chính phủ Nguyễn Văn Thinh.

Cuối năm 1946, ông Nguyễn Văn Xuân sang Pháp, rồi năm sau trở về Việt Nam, thay ông Lê Văn Hoạch làm thủ tướng chính phủ lâm thời Nam Việt ngày 1-10-1947.

Lúc bấy giờ đại biểu ba miền đất nước cùng về Sài Gòn thành lập chính phủ lâm thời trung ương Việt Nam ngày 23-5-1948 do ông Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng.

Khi đó có năm lá cờ được đề nghị để chọn làm quốc kỳ, gồm có ba lá cờ do ủy ban đại diện ba miền Bắc, Trung và Nam phần đưa ra, và hai lá cờ do đại diện Phật giáo Hòa Hảo và đạo Cao Đài đề nghị. Cuối cùng lá cờ do đại diện miền Nam đề nghị được chấp thuận vì có ý nghĩa nhất, lại không phức tạp.

Ngày 2-6-1948, thủ tướng Xuân công bố lá quốc kỳ mới hình chữ nhật, chiều ngang bằng hai phần ba chiều dài,

nền vàng giống như cờ của Trần Trọng Kim, nhưng thay vì quẻ ly, nay đổi lại ba sọc đỏ bằng nhau chạy dài theo chiều ngang của lá cờ. Ba sọc này tượng trưng cho sự thống nhất ba miền lãnh thổ Bắc, Trung, và Nam phần của đất nước trên nền vàng tượng trưng căn bản của quốc gia.

Theo cựu hoàng Bảo Đại, trong sách Con rồng Việt Nam, trang 316, thì: “Ba vạch đỏ song song tượng trưng cho ba kỳ, trên màu vàng là màu của hoàng gia.” Lối giải thích ngắn gọn của cựu hoàng có lẽ chưa nói hết đầy đủ ý nghĩa của lá cờ quốc gia của chúng ta. Không hiểu những nhà vẽ mẫu cờ có chú ý một điểm là ba sọc đỏ nằm ngang như vậy là hình của quẻ càn hay kiền trong kinh Dịch. Quẻ càn là quẻ đơn đứng đầu bát quái, gồm ba vạch ngang là ba hào dương, tượng trưng cho trời, cho khí thuần dương, có đức cứng mạnh dũng mãnh.

Có lẽ cần ghi nhận ở đây là những người đổi lập đã tách mé gọi lá cờ quốc gia có ba sọc đỏ nằm ngang là cờ ba que, nên tốt nhất, để tôn trọng lá cờ của chúng ta, ngày nay chúng ta không nên dùng chữ cờ vàng ba sọc đỏ, mà chúng ta gọi là lá cờ Việt Nam quốc gia vừa tránh bị xuyên tạc, vừa vì bản thân ý nghĩa của lá cờ, mà cũng vừa vì lá cờ đại diện cho lý tưởng quốc gia.

Trước hết, trên hình thức, lá cờ này đối nghịch hẳn với cờ đỏ sao vàng của Hồ Chí Minh, và trở lại tiếp nối lá cờ của chính phủ Trần Trọng Kim. Nếu lá cờ năm 1945 của ông Trần Trọng Kim thừa tiếp lá cờ long tinh của hoàng gia, thì

lá cờ hình thành năm 1948 lại thừa tiếp truyền thống lá cờ của Trần Trọng Kim, chẳng những về hình thức, màu sắc, mà cả về lý tưởng chính trị, đó là lý tưởng quốc gia.

Chủ trương của Trần Trọng Kim là thống nhất đất nước về một khối. Pháp nổi tiếng trong kế sách chia để trị, còn Việt Minh cộng sản chủ trương đấu tranh giai cấp để tạo mâu thuẫn, gây xung đột, rồi thủ lợi.

Trong lúc Pháp muốn tách miền Nam một lần nữa ra khỏi tổ quốc thiêng liêng bằng cách tổ chức chính quyền Nam Kỳ tự trị, thì chính nhân dân và các chính trị gia miền Nam đã đứng lên ngay trên đất Sài Gòn, thủ phủ của miền Nam, đòi hỏi miền Nam phải được nằm trong một nước Việt Nam thống nhất, tượng trưng bằng lá cờ do ông Nguyễn Văn Xuân công bố. Do đó, bên cạnh tính truyền thống, lá cờ này còn nói lên ý chí thống nhất của dân tộc Việt Nam chống lại những mưu đồ chia rẽ của thực dân Pháp và Việt Minh cộng sản.

Sự ra đời của lá cờ quốc gia trong hoàn cảnh lịch sử năm 1948 cho thấy sự ra đời của một khuynh hướng chính trị mới ở khắp Bắc, Trung và Nam phần Việt Nam. Đó là khuynh hướng của những nhà chính trị dân tộc độc lập, chủ trương tự do dân chủ, chống sự đô hộ của Pháp và chống lại cộng sản độc tài.

Những nhà lãnh đạo ban đầu của khuynh hướng này bị cộng sản chụp mũ là những người thân Pháp hay tay sai

của Pháp, vì họ xuất thân từ công chức Pháp, hoặc tốt nghiệp từ các trường Pháp. Kể cũng lạ vì nếu ông Nguyễn Văn Xuân, một đại tá quân đội Pháp, là tay sai của thực dân, thì tại sao ông Hồ Chí Minh lại chọn mời vào chính phủ do ông thành lập ngày 2-9-1945 tại Hà Nội, rồi nay quay lại chụp mũ ông Xuân?

Từ năm 1945, Việt Minh cộng sản đã tiêu diệt tất cả những nhà chính trị, những thành phần lãnh đạo, có tinh thần quốc gia dân tộc không cộng sản từ hành phố về đến nông thôn. Trong lúc lớp sĩ phu Nho giáo cũ dần dần tiêu vong, thì những nhà lãnh đạo mới không ít thì nhiều đương nhiên xuất thân từ các lớp tân học hoặc từ Pháp về. Những người này thấy rõ đường đi của Hồ Chí Minh, từ Paris (Pháp), qua Moscow (Liên Xô), đến Quảng Châu (Trung Hoa), về Việt Nam, nghĩa là ngay từ đầu họ đã thấy mầm mống cộng sản trong con người Hồ Chí Minh, trong khi những người trong nước có thể không thấy được. Những người lãnh đạo trong nhóm Việt Minh đều được đào tạo ở Liên Xô và Trung Cộng, đem lý thuyết Mác Xít về áp dụng một cách cứng nhắc tại Việt Nam, mới đúng là tay sai của ngoại bang.

Trong khi đó, những người từ tây Âu hoặc xuất thân từ trường Pháp, học được tư tưởng tự do dân chủ trong văn hóa phương tây, khi ứng dụng vào tình trạng Việt Nam, họ thấy rõ dã tâm của nhà cầm quyền thực dân Pháp, nên họ muốn tách ra khỏi thế lực Pháp, trở về với quốc gia dân tộc. Những người trong nhóm Nguyễn Văn Xuân tuy được

đào tạo từ Pháp, nhưng không theo chủ trương Nam Kỳ tự trị của thực dân, mà muốn đem Nam phần gia nhập trở lại đại gia đình Việt Nam. Họ chính là những người tiên phong tìm về cội nguồn dân tộc.

Sau khi ký hiệp ước Élysée tại điện Elysée (Paris), ngày 8-3-1949 với tổng thống Pháp là Vincent Auriol, cựu hoàng Bảo Đại về nước làm quốc trưởng Quốc Gia Việt Nam, tiếp tục chọn lá cờ này làm quốc kỳ.

Khi ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh, nước Việt Nam bị chia hai do hiệp định Genève ngày 20-7-1954. Ông Diệm ổn định tình hình miền Nam, tổ chức trưng cầu dân ý ngày 23-10-1955, thiết lập chế độ Cộng Hòa do ông làm Tổng Thống. Quốc hội lập hiến được bầu ngày 4-3-1956, bàn chuyện thay đổi quốc kỳ và quốc ca, nhưng chưa có mẫu vẽ quốc kỳ mới nào ưng ý hơn, nên ngày 31-7-1956, Quốc hội quyết nghị hoãn bàn, và vẫn giữ quốc kỳ như cũ. Sau đó Quốc hội mở cuộc thi vẽ quốc kỳ mới; có tất cả 350 mẫu cờ và 50 bài nhạc được đề nghị. Ngày 17-10-1956, quốc hội lập hiến một lần nữa ra tuyên bố không chọn được mẫu quốc kỳ và bài hát nào hay đẹp và ý nghĩa hơn, nên quyết định giữ nguyên màu cờ và quốc ca cũ làm biểu tượng quốc gia.

Như thế, sau nhiều cuộc thăm dò, lá cờ do thủ tướng Nguyễn Văn Xuân chọn lựa năm 1948 vẫn đứng vững là lá cờ tượng trưng cho khuynh hướng chính trị quốc gia dân tộc của người Việt Nam. “Lý tưởng quốc gia tự ngàn xưa,

thế kỷ qua thế kỷ, vẫn dồi dào đầy ắp trong tiềm thức của dân chúng Việt Nam và đã là yếu tố chính, yếu tố căn bản, nòng cốt trong mọi hành động cứu tổ quốc giang san của dòng giống Lạc Hồng.” (Nghiêm Kế Tổ, Việt Nam máu lửa, tr. 453)

Khuynh hướng quốc gia dân tộc bị cả thực dân Pháp lẫn cộng sản xem là kẻ thù. Hai thế lực thực dân và cộng sản là hai thế lực tương khắc nhưng tương sinh, nghĩa là hai thế lực này tuy kinh chống nhau nhưng dựa vào nhau để phát triển. Việt Minh cộng sản mượn cớ chống Pháp để kêu gọi lòng yêu nước của dân chúng mà lớn mạnh. Pháp mượn cớ chống Việt Minh cộng sản, mở những cuộc hành quân tiêu trừ và không chịu trao trả độc lập lại cho Việt Nam. Sau năm 1954 cũng vậy. Hoa Kỳ mượn cớ chống cộng để đưa quân vào vào Việt Nam. Cộng sản mượn cớ chống Mỹ cứu nước để cưỡng chiếm Việt Nam Cộng Hòa.

Cộng sản Việt Nam dựa vào sự hậu thuẫn của Đệ tam quốc tế cộng sản do Liên Xô lãnh đạo. Vì cần hậu thuẫn trên thế giới, những người theo khuynh hướng quốc gia dân tộc ở thế chẳng đặng đừng liên kết với Pháp, rồi sau đó liên kết với Hoa Kỳ để chống cộng sản. Rất tiếc một sự thật tự nhiên cho thấy rằng không có một người ngoại quốc nào thực tâm yêu nước Việt Nam. Cả Pháp lẫn Hoa Kỳ đều hành động vì quyền lợi tối thượng của tổ quốc họ. Họ sẵn sàng hy sinh đồng minh để thực hiện những tính toán riêng tư cho quyền lợi đất nước họ hoặc của tập đoàn lãnh đạo của họ. Đây là điều tự nhiên không đáng trách.

Do đó, khuynh hướng quốc gia dân tộc bị kẹt giữa hai thế lực, một bên là thực dân và tư bản quốc tế, một bên khác là cộng sản quốc tế. Hai thế lực này đều kiếm cách tiêu diệt những nhà lãnh đạo quốc gia chân chính để thực hiện chính sách của họ. Những nhà lãnh đạo chính trị và cả những tướng lãnh quân đội theo khuynh hướng quốc gia dân tộc, nếu quyết chí hy sinh vì đất nước, thường bị một trong hai bên tiêu diệt. Đó là cái bẫy hai đầu làm hao mòn đất nước chúng ta và cuối cùng đẩy đất nước chúng ta đến chỗ bị sụp đổ thảm hại năm 1975.

Trường hợp điển hình nhất là năm 1925, Hồ Chí Minh lúc đó có tên là Lý Thụy đã bán nhà đại cách mạng Phan Bội Châu cho Pháp. Bán Phan Bội Châu, Lý Thụy vừa có tiền, vừa nhảy lên làm lãnh tụ cách mạng thế Phan Bội Châu, vừa triệt tiêu khuynh hướng quốc gia dân tộc để cho khuynh hướng cộng sản nổi lên. Thêm một ví dụ khác nữa là trong khi chống cộng, tổng thống Ngô Đình Diệm không chịu để cho Hoa Kỳ đem quân vào Việt Nam, đã bị Hoa Kỳ lợi dụng sai lầm của ông Diệm trong chính sách tôn giáo, xúi các tướng lãnh đảo chánh, loại bỏ ông Diệm năm 1963, để cho quân đội Hoa Kỳ rộng đường vào Việt Nam, theo chính sách của Hoa Kỳ lúc bấy giờ.

Không phải chỉ có một vài lãnh tụ hay tướng lãnh hy sinh vì lá cờ quốc gia mà còn biết bao anh hùng liệt sĩ đã đổ xương máu để bảo vệ lá cờ thiêng liêng của chúng ta. Chẳng những thế, sau cuộc chiến, rất nhiều người trung thành với lá cờ, đã ngã gục trong các trại lao động đen tối

ở một xó xỉnh nào đó, hoặc chết thảm trên các đại dương mênh mông trong khi bỏ nước ra đi tránh nạn cộng sản. Nhà văn Roumania gốc Do Thái, Elie Wiesel, giải Nobel Hòa bình năm 1986, trong tác phẩm Night (Đêm) đã viết một câu đáng nhớ cho những người Việt hải ngoại được sống sót sau năm 1975: "Được sống sót là mắc nợ những người đã chết...*Ai không nhớ đến những người đã chết là thêm một lần nữa phản bội họ.*" (Nguyễn Ước, Toronto dịch.)

Đời sống thăng trầm của lá cờ Việt Nam quốc gia, tượng trưng cho truyền thống dân tộc và tinh thần tự do dân chủ, mách bảo cho người Việt hải ngoại một điều căn bản, đó là nếu chúng ta muốn lá cờ quốc gia tung bay trở lại trên bầu trời Việt Nam thân yêu, nghĩa là muốn tìm cách khôi phục lại chế độ tự do dân chủ tại Việt Nam, thì những người quốc gia phải tự mình kiếm cách tạo một thế lực riêng mình, để tranh đấu cho chính tương lai tổ quốc mình.

Điều này xem ra rất khó khăn cho người Việt quốc gia, nhất là tình trạng phân liệt ở trong nước trước năm 1975, được kéo dài ra hải ngoại mãi cho đến ngày nay. Sự phân liệt này hiện còn có thể bị cả cộng sản lẫn tư bản lợi dụng để đào sâu hố chia rẽ, nên tình trạng phân hóa càng trầm trọng thêm.

Tuy rất khó, nhưng ý nghĩa của lá cờ quốc gia cho chúng ta một niềm tin vững chắc. Cá nhân của một số lãnh tụ quốc gia hay lãnh tụ cộng đồng có thể sai lầm, nhưng lý

tượng của lá cờ quốc gia không bao giờ thay đổi. Đó là tượng trưng cho chế độ tự do dân chủ là chế độ mà mọi người đều mong muốn được tái lập tại Việt Nam.

Tình hình hiện tại cho thấy càng ngày nhà cầm quyền cộng sản càng lún sâu vào cuộc khủng hoảng không lối thoát. Họ đang cố gắng sửa sai, nhưng càng sửa càng sai. Lý do chính vì vấn đề lý thuyết cộng sản chỉ thích hợp cho việc tranh cướp quyền bính, chứ không thích hợp cho sự cai trị và canh tân đất nước. Hệ thống độc tài cộng sản chỉ làm mất dân chủ và cản trở sự canh tân đất nước. Do đó sẽ đến lúc tự nó phải bị đào thải theo quy luật lịch sử, thuận thiên giả tồn (thuận với trời thì còn), nghịch thiên giả vong (nghịch với trời thì suy vong). Những hiện tượng mới xảy cho thấy việc đòi hỏi dân chủ không phải chỉ diễn ra ở tầng lớp trí thức bên trên như Nguyễn Đan Quế, Trần Độ mà đã lan rộng khắp trong đại chúng, ở Thái Bình, ở Xuân Lộc, và có thể một nơi nào đó mà chúng ta không được biết. Ngay cả những người đã từng theo cộng sản từ trước năm 1945 như Nguyễn Văn Trấn, Trần Độ, nay thấy lý thuyết này không còn thích hợp cho việc phục hưng xứ sở, cũng đã thức tỉnh quay về tìm kiếm đường lối tự do dân chủ mà lá cờ chúng ta tượng trưng.

Năm 1975, khi Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, đảng Cộng Sản cầm quyền trên toàn quốc, thi hành chính sách chuyên chính vô sản, lấy ruộng đất, đánh tư sản, quốc hữu hóa các xí nghiệp, đốt sách vở, đưa hàng trăm ngàn người vào trại lao động khổ sai, thì ai ai cũng nghĩ rằng Việt Nam sẽ

mãi mãi đen tối. Lúc đó, không ai thấy một tia sáng nào ở cuối đường hầm. Có ai ngờ năm 1990, thành trì của quốc tế vô sản là Liên Xô bị sụp đổ, làm lung lay nền tảng ý thức hệ Mác Xít, kéo theo sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu, làm lóe lên những tia hy vọng mới cho những người Việt Nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

Vậy thì tại sao ngày nay chúng ta không có quyền nghĩ rằng sẽ có ngày Việt Nam sẽ tươi sáng hoàn toàn trở lại? Hết cơn bỉ cực đến hồi thái lai. Kiên trì giữ vững niềm tin, tránh những va chạm vô bổ giữa những người quốc gia để bảo toàn tiềm lực người Việt tự do, chờ đợi thời cơ thuận tiện chín mùi để trở về phục hưng đất nước, thế nào rồi cũng có lúc lá cờ quốc gia chúng ta tung bay trở lại trên bầu trời Tổ Quốc mến yêu. Nghĩ đến lá cờ, xin đừng quên những người đã hy sinh để bảo vệ lá cờ, bảo vệ sự sống cho chúng ta. Và cũng xin đừng quên câu nói của Elie Wiesel: *“Được sống sót là mắc nợ những người đã chết...Ai không nhớ đến những người đã chết là thêm một lần nữa phản bội họ.”*

TRẦN GIA PHỤNG
(Tháng 4-1998)

Biết đủ thời đủ, đợi cho đủ biết bao giờ mới đủ.

Nguyễn Công Trứ

ĐÔNG Y MẪU TÂM

CHUYÊN TRI:

**ĐAU NHỨC TOÀN THÂN - ĐAU ĐẦU -
LƯNG - GÁY - VAI - TỬ CHI - CÁC BỆNH
PHỤ NỮ - BỆNH CỦA NGƯỜI GIÀ - BỆNH
HỒI HỘP- TRẠNG THÁI CĂNG THẲNG**

* Tất cả các bệnh về tiêu hóa- tuần hoàn- tiết
niệu-hô hấp-sinh lý và những chứng bệnh chưa
tìm được nguyên nhân.

Xin Liên Lạc:

Đông Y SI VŨ MẠNH ĐÔN

ĐT: (714) 231 - 7414

Cơ Đơn Một Chuyến Đi

Phi cơ vừa cất cánh
 Lệ sầu ướt hoen mi
 Bóng anh xa mờ nhạt
 Mây che khuất tình si

Bên ngoài khung cửa hẹp
 Không gian phức huyền tang
 Mưa rơi như thấm nhủ
 Tình ta sao bể bàng

Chuyến tàu xưa năm ấy
 Nào hay chuyến biệt ly
 Nào hay tình gãy cánh
 Xót xa tuổi xuân thì
 Tình đầu đành tan vỡ
 Đôi ta rẽ hướng đi

Nỗi đau nào tả xiết
 Xa vời dáng anh yêu
 Phận thuyền duyên lạc bước
 Tàn theo áng mây chiều.

Chúc Anh

CHUYỆN NGƯỜI THƯƠNG BINH VIỆT NAM CỘNG HÒA

(Cảm tác từ một câu chuyện thật)

Niệm Hương

Mỗi lần về thăm lại cố hương
Lòng tôi ray rứt nỗi buồn vương
Lang thang trên vỉa hè góc phố
Thấy xóm nghèo lao động mà thương

Góp nhặt nỗi sầu của tha nhân
Thương vay khóc mượn, dạ băng khuâng
Lời thơ gói trọn niềm trần trở
Xót cảnh nghiệt oan chốn bể trần

Xin kể cùng chia “mẫu chuyện này”
Ấm ảnh nghiệp đời kẻ thương vay
Thôi thúc lòng tôi như muốn viết
Về người bạc phước giữa lưu đày

Sau ngày giỗ mẹ dạo thăm quê
Mắt trông quanh quẩn bước trên lề
Tình cờ tôi gặp ông hành khát
Thân thể tật nguyên trông thảm thê

Dáng gầy còm cõi, độ sáu mươi
Đôi chân cụt sát hết nửa người
Nhờ mảnh da bò lê thân khắp
Áo quần rách rưới vá nhiều nơi

Ông đưa chiếc nón cũ van nài
Khẩn thiết cầu xin đến những ai
Từ tâm bố thí thân tàn tật
Lòng tôi quặn thắt, lệ tuôn dài

Xúc cảm, bồi hồi bước theo ông
Nghe như ray rứt, xoắn xao lòng
Bà bán hàng dũ dần, la hét
Lão già kia có cút ngay không?!

Tôi bất bình cho kẻ không may
Ôn tồn nhỏ nhẹ với bà này
Nhìn lệ ông rơi dài trên má
Thương cảm, dâng đầy trong đắng cay

Tới chỗ vắng người, tôi phát tâm
Xin Bác cho cháu được hỏi thăm
Vì sao chân bác ra nông nổi
Ông nhìn xa vắng vẻ trầm ngâm

Nín lặng giây lâu mới mở lời
“Lúc hành quân áp sát Đầm Dơi
Không may bị trúng mìn phục kích
Bảy lăm đời ngổ đã mất rồi”

Lòng thâm kính phục lẫn xót xa
Cảm thương người chiến sĩ Cộng Hòa
Dâng hết cuộc đời cho Tổ Quốc
Cuối cùng tàn tật đáng thương sao

Tôi mời ông vào tiệm ăn chung
Biết ru đang lâm cảnh khốn cùng
Năm xưa Biệt Kích Dù Thiếu Tá
Giờ phế tàn, vợ hết thủy chung

Ngày ngày lê lết khắp đó đây
Đêm dưới hiên thưa, gió lạnh đây
Màn trời, chiếu đất, ông mong được
Chết sớm cho vơi kiếp đọa đây

Tôi có bà con vị Sư già
Liên nhờ Sư giúp đỡ ông ta
Một góc sau chùa che mưa nắng
Sư vui vẻ bảo: “được con à!”

Rồi giúp hai ông một số tiền
Đồ dùng, quần áo lẫn thuốc men
Xúc cảm ghen ngào, ông nức nở
Mừng tủi dưng đây, lệ ướt hoe

Sau đó ông xin được quy y
Ngày đêm chuông mõ, quyết tu trì
Trong tôi tràn ngập niềm hạnh phúc
Vui nhìn ông thoát cảnh ai bi

Về Mỹ, chúng tôi luôn thư từ
Hàng tháng để dành ít tiền dư
Tôi gửi về chùa lo sinh kế
Cuộc sống yên lành được năm dư

Bỗng nhận tin buồn, tôi hồi ôi
Người thương binh ấy đã qua đời
Áo quần tôi tặng, ông giữ kỹ
Và tấm Thẻ Bài, lá tuyệt thư

Quặn thắt tâm tư, luống nghẹn ngào
Xót thương người lính chiến gian lao
Lăn lóc quên mình nơi lửa đạn
Chiều tàn, đời cô độc đôn đau

Phút cuối mệnh chung vẫn lặng thầm
Chôn chặt khối sầu trong tối tăm
Thành kính tri ân người chiến sĩ
Giấc ngàn thu Nước Nhược Non Bồng!!!

Niệm Hương

- Đố ai lặn xuống vực sâu,
Mà đo miệng cá uốn câu cho vừa.
- Người bạn hữu đích thực là người bạn hữu trong
những giờ khó khăn.

Ca dao

Ennius

Văn Dĩ Tải Đạo

Trường Xuân Phu Tử - Sưu tầm Văn Học

Khi Nhà Nho Chơi Xỏ...

Nguyễn Công Trứ (1778-1858) lúc ra làm quan, thường khó chịu và rất bức mình với những đồng liêu bất tài mà được ăn trên ngồi trốc. Những bọn tham quan này chỉ biết xu nịnh, đạo đức giả miễn sao vinh thân phì gia là được, còn thiên hạ thì ai chết mặc ai... Một hôm, ông Trứ được một viên quan đại thần mở tiệc mừng con trai thi đỗ cử nhân, cực chẳng đã, ông phải khăn áo đến dự. Tiệc khai, đông đủ quan khách và còn có cả cảnh “dập đầu tài tử văn nhân” cũng muốn trở tài văn thơ...

Trong khung cảnh huyên náo như vậy, nhất là các quan cấp dưới muốn được lòng quan trên chủ nhà nên đề nghị làm thơ ca tụng. Nhân trước sân có một cây Vông đang ra hoa, điềm tốt cho chủ nhà - cây trở hoa nào khác gì cậu ấm của quan thi đỗ, có nghĩa trời đã ban lộc, ban phước cho quan đại thần. Mọi người nhường cho Nguyễn Công Trứ làm thơ vịnh trước. Sau nhiều lần được nhiều người nài nỉ, ông đành ứng khẩu:

Biển, nam, khởi tử (*) chẳng vun trồng
Cao lớn làm chi những thứ vông
Tuổi tác càng già, già xộp xáp
Ruột gan không thấy thấy gai chông
Ra tài lương đồng không nên mặt

Dựa chốn phiên ly chút đỡ lòng
 Đã biết nòi nào thì giống nấy
 Khen cho rửa cũng trở ra bông!

Lời thơ như tát vào mặt quan chủ nhà, khiến quan đại thần không biết phải xử trí ra sao, quan khách thì sượng sùng, mặt mày tái mét... không khí buổi tiệc trở nên nặng nề, căng thẳng. Lúc đó có một quan đại thần khác tên là Hà Tông Quyền muốn xóa đi bầu không khí căng thẳng đó, bèn nói với Nguyễn Công Trứ:

- Thơ ngài hay lắm, chúng tôi không dám họa theo nữa. Chỉ có câu đối này, xin được ngài chỉ giáo cho.

Ông Quyền đọc luôn câu đối như sau:

- Quân tử ố kỳ văn chi... quý ngài

Nguyên câu trong sách là: “Quân tử ố kỳ văn chi trứ”, nghĩa là người quân tử không ưa sự lờn lợt. Ông Quyền không muốn đọc chữ “trứ”, mà thay bằng chữ “quý ngài” (vì đọc đúng câu thì trùng tên Trứ của Nguyễn Công Trứ). Nói cho cùng khi đọc nguyên văn thì ý nghĩa thành ra: người quân tử không thể nào ưa anh Trứ!

Nguyễn Công Trứ thấy Hà Tông Quyền muốn đỡ đòn cho quan chủ nhà mà lại còn chế giễu mình, lập tức tấn công ông Quyền ngay, và nói:

- Thưa tôi xin đối là: Thánh nhân bất đắc dĩ dụng... quan lớn.

Câu đối cũng dùng nguyên câu trong sách: “Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền”, nghĩa là bậc thánh nhân bất đắc dĩ mới phải dùng cách quyền biến, và nội dung chính là: “người trên bất đắc dĩ lắm mới phải dùng đến... thằng Quyền!”.

Cũng chẳng khác quan chủ nhà, Hà Tông Quyền tái mặt đi vì lời bóp chát đó... ráng gượng cười xuề xòa... để sau đó tan tiệc.

Nghe lời đối đáp đoán tính người

Làng Đông Mạc, huyện Đông Ngàn (nay thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh) có ông đồ Đàm Thuận Huy mở trường dạy học. Một hôm, sau khi tan học, nhưng gặp trời mưa càng lúc càng lớn, học trò của ông không thể ra về được. đành đứng dưới hiên để chờ... Tức cảnh, ông thấy đồ Huy liền ra câu đối để các học trò ông đối đáp thế nào. Ông đọc:

- Vũ vô kiểm tỏa năng lưu khách!

(Mưa không ngớt đổ nước thường giữ được khách).

Một học sinh tên Nguyễn Giản Thanh đối ngay:

- Sắc bất ba đào dị nịch nhân.

(Sắc chẳng phải sóng gió nhưng dễ làm đắm người).

Nguyễn Chiêu Huấn, một học trò khác lại đối:

- Nguyệt hữu loan chung bất xạ nhân.

(Trăng có cung không bắn ai).

Nghe hai bạn đối như vậy, một học sinh thuộc loại phá phách của lớp, lăm lét nhìn thầy, giọng thật đối, thật nhỏ vì sợ thầy mắng:

- Phần bất uy quyền dĩ sử nhân.

(Phần chẳng uy quyền vẫn đuổi được người).

Ông đồ Đàm Thuận Huy nghe những lời đối đáp của học trò mình để rồi có nhận xét:

- Nguyễn Giản Thanh là người phóng đãng, Nguyễn Chiêu Huấn có lòng nhân ái, và người học trò thứ ba chỉ là đứa ti tiện.

Và theo dân làng Đông Mạc kể lại thì về sau quả đúng

như sự nhận xét của ông đồ nho Đàm Thuận Huy về
Tướng người học trò của mình. Do đó về sau người ta
thường đem giai thoại này để nói rằng “khẩu khí văn
chương” của một người nào đó có thể giúp người khác
đoán được người đó thuộc loại tốt, xấu, hay, dở...

Văn tức là người vậy!

Trường Xuân Phu Tử

MÙA CHIA TAY

Thấm thoát rồi ra đã đến hè,
Phượng màu sắc đỏ rực mừng khoe.
Tạm biệt cô thầy cùng sách vở,
Buồn vui lẫn lộn những ngày hè.

Nhớ quá bạn ơi những buổi chiều,
Cùng nhau học tập, mất đắm chiều.
Nhớ lời cô giáo đầy thương mến,
Như mẹ hiền yêu hết sức chiều.

Ba tháng rồi rồi ôi nhớ thương,
Tình bạn thâm giao dưới mái trường.
Tạm thời gát lại đầu lưu luyến,
Thương nhớ làm sao mãi vấn vương.

Trần Kiêm Nhiên

Chiếc thuyền ly biệt

Cô đơn thơ thẩn
Trơ vơ giữa dòng
Đời ■■ ngõ hẹp
Mây tím cuồng ngông

Chiều tà nắng đỏ
Trắng mộng bên sông
Cát vàng, sóng vỗ
Chìm lặng thình không

Vì đâu sao bạc?
Chiều đời long đong
Điều tàn quê Mẹ
Lệ đắng cay nồng

Phương ■■ anh thấu?
Mưa tuyết trời đông
Không bằng giá lạnh
Vắng anh đêm trường!

Khuê Hạnh

Đi tìm một định hướng mới cho văn học & nghệ thuật Việt Nam hậu cộng sản.

Viễn Việt (04.7.2005)

Sau hơn một chục năm chế độ cộng sản ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, tình hình chính trị và xã hội dưới ánh sáng Mác-Lê tại Việt nam đang nghiêng ngả trên đà suy tàn. Giáo dục, văn nghệ bị khủng hoảng trầm trọng. Dân tình trong nước chán ngán trước nạn tham nhũng dưới chế độ cộng sản không sao giải quyết nổi. Giới văn nghệ Việt nam lưu vong hải ngoại vốn đầy tha thiết với Quê hương lúc này nên tìm một định hướng văn học, nghệ thuật mới mẻ ra sao cho thời hậu cộng sản. Trong khi đó, nhà nước cộng sản đang cần cải cách kinh tế để chế độ chính trị độc tài khỏi sụp đổ.

1. Nhân biến cố Thủ Tướng Việt Nam cộng sản đi Hoa kỳ xin gia nhập WTO

Tình hình chính trị và xã hội trên thế giới đã thay đổi lớn lao sau khi chế độ cộng sản sụp đổ tại Liên xô và Đông Âu vào các năm 1989-91. Văn học cộng sản thế giới sụp đổ theo sự chấm dứt chiến tranh lạnh giữa khối Tự do và khối Cộng sản. Tại Việt Nam, chính trị và xã hội đang xoay chiều. Văn học cộng sản còn vấy vùng bưng bít theo nền cai trị của cộng sản cuối trào. Chính quyền cộng sản Việt Nam theo chân Trung cộng đang xoay xở sang cải cách kinh tế, trước là tránh sụp đổ chế độ tức thời, sau là mong

hưởng thụ những đặc quyền, đặc lợi do nắm quyền bính trong tay.

Chính quyền cộng sản Việt Nam vá víu nền kinh tế quốc doanh của họ bằng kiểu nói: "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Lắp cái đuôi "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" vào nền kinh tế thị trường chỉ là ngón nghề chính trị vá víu, khôn vặt. Cấu trúc của nền kinh tế thị trường dựa trên các quyền tự do kinh tế của người công dân. Làm sao có thể không mâu thuẫn nội tại với nền kinh tế chỉ huy dựa vào các tổ hợp quốc doanh. Mâu thuẫn từ nội tại.

Tiến sĩ Lê Đăng Doanh, cựu viện trưởng quản lý kinh tế cho chế độ suốt mấy chục năm qua, và hiện là cố vấn cho Bộ Trưởng kế hoạch đầu tư cũng thấy sự gán ghép giả tạo giữa hai nền kinh tế đó. Trả lời một cuộc phỏng vấn gần đây cho nhà báo Nam Nguyên của đài RFA (Đài phát thanh Tự do, Hoa thịnh Đốn), ông Doanh khẳng định hai hình thức kinh tế khác hẳn nhau. Ông giải thích thêm: Nói kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là người ta muốn nói cho dân giàu nước mạnh nữa. Từ ba kỳ Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam đến nay họ đều lặp lại công thức kinh tế vá víu gượng ép ấy mà không ngượng miêng.

Hôm 23.6.2005 (?) Phan văn Khải Thủ tướng Việt Nam cộng sản tới Nữu ước đánh tiếng chuông tại Thị trường chứng khoán Nữu Ước. Đánh tiếng chuông ấy là cầu cạnh xin hội nhập với thế giới không cộng sản. Rõ ràng đây là cuộc công khai gác kiếm dầu hàng rồi. Giới văn học quốc gia Việt Nam nên tỉnh mắt nhận xét. Đâu có còn chủ nghĩa bách chiến bách thắng Mác-Lê. Đâu còn "đỉnh cao trí tuệ

loài người"! Tuy nhiên họ còn cố bám lấy chiếc ghế quyền thế để tham những vớt vát chừng nào hay chừng nấy. Lương tâm họ biết đâu là phải trái đó.

2. So sánh nền văn học của người quốc gia với nền văn học cộng sản tại Việt Nam.

Trong sáu mươi năm qua (1945-2005), tại Việt Nam đã có hai nền văn học quốc gia và Mác xít. Nền văn học cộng sản được xuất hiện liên tục trên đất nước Việt Nam. Còn nền văn học của người quốc gia chỉ thể hiện trên quê hương ba mươi năm đầu. Ba mươi năm sau nó thể hiện ở hải ngoại. Đó là hai thực tại lịch sử. Cho tới nay chưa có một công trình nào làm việc so sánh đại qui mô, rõ ràng và đầy đủ về hai thực thể văn học theo hai ~~xx~~ hướng đối chọi nhau này. Đã đến lúc cần có một công trình văn học đáng mặt để trước là ghi vào sử xanh cả hai thực thể văn học đó, sau là cho giới cầm bút yêu nước nhận ~~ra~~ khả năng của mình mà nối tiếp phát triển vươn lên cao hơn.

Nếu có một bộ sưu tập đúc kết các tác phẩm văn học quốc gia Việt Nam lại được phân loại theo đủ các khuynh hướng thì sẽ tạo cho văn học quốc gia thành một công trình rất đáng tôn trọng. Tập thể văn giới người quốc gia tự nhận diện ~~ra~~ mình, có địa vị xứng đáng trong lịch sử. Sức mạnh của giới cầm bút được nhân lên gấp bội và rất đáng tự hào. Ngược lại, nếu cũng đồng thời so sánh với các tác phẩm của giới văn học cộng sản Mác xít thì càng thấy rõ nền văn học nào có công hay đáng tội đối với dân tộc. Nhu cầu lịch sử đang cần có một bộ sưu tập đại loại như thế. Những ai là

người có tâm huyết vì dân tộc nên quan tâm đến công trình lịch sử này.

3. Xây dựng định hướng văn học & nghệ thuật cho dân tộc Việt Nam thời hậu cộng sản

Nguyễn Ngọc một nhà văn thời cõi trời văn học triều Tống Bí thư Nguyễn văn Linh. Ông mất chức Tổng biên tập tuần báo Văn Nghệ thời gian 1987-1988. Bao nhiêu văn nghệ sĩ vẫn không được phép viết ngoài lệnh của đảng uỷ, tức các cai tù văn nghệ.

Ở nước ngoài dưới chế độ tự do, các văn nghệ sĩ gốc Việt được thanh thoả trình bày tác phẩm của mình. Nhưng hiện nay, chúng ta thiếu một đường hướng tư tưởng lớn soi sáng tâm thức chúng ta sử dụng cái tự do sáng tác, giải bày bản sắc tâm hồn thành những tác phẩm lớn. Cuộc đoạn trường tân thanh do chế độ sắt máu của Cộng sản đánh vào ta chưa nung nấu ta thai nghén ra một tác phẩm lớn khác tương tự như của Nguyễn Du.

Cái gì làm cho chúng ta giới văn nghệ sĩ tị nạn thiếu một tâm hồn lớn? Phải chăng cần một nền tư tưởng lớn mang tính thời đại. Tư tưởng lớn ấy giúp ta sáng tác trong hiện tại. Nó cũng càng cần thiết cho chúng ta chuẩn bị cho thời hậu cộng sản. Văn nghệ sĩ Việt Nam trong nước hẳn cầu đón nó cũng không khác gì một nền kinh tế thị trường đối với việc làm cho nước giàu dân mạnh.

Một điều nên chú ý đặc biệt.

Nếu giới văn học & nghệ thuật Việt Nam nặng nợ với

dân tộc muốn vượt văn nghệ Mác xít đến nơi đến chốn thì bậc thức giả còn phải có khả năng vượt cao hơn chính học thuyết Mác xít. Lo vượt cái văn nghệ cộng sản, đó mới chỉ là bước đầu. Còn phải vượt cả thuyết hiện sinh Kierkegaard nữa mới có một học thuyết cho phép khai sinh một nền học thuật và nghệ thuật vượt văn nghệ Mác xít. Đừng ngại khó, phải lo vượt cả chủ thuyết Hiện sinh của triết gia Kierkegaard. Không được như thế, chắc chắn ta sẽ khó thắng cuộc và không đáp ứng được kỳ vọng của giới văn nghệ sĩ hiện sống bên nhà.

4. Rút kinh nghiệm từ trào lưu văn nghệ hiện sinh tại Pháp hồi thế kỷ XX vừa qua.

Trào lưu văn học Hiện sinh không phải để những J. P. Sartre đứng làm tiêu biểu và dẫn dắt nó đến chỗ giải thích đời sống là đáng nôn mửa và mọi chuyện là phi lý cả. Chủ thể hiện sinh nào sống đời nôn mửa và phi lý thì chỉ trình bày ra cảnh thế giới đáng nôn mửa và phi lý.

Mặt khác, tình trạng non yếu của trào lưu văn nghệ Hiện sinh tại Pháp không tồn tại lâu dài và không sao làm nên sự nghiệp lớn trong lịch sử thì có căn nguyên từ tình trạng triết hiện sinh còn trong tình trạng ấu trĩ. Thuyết Hiện sinh mà Soren Aabye Kierkegaard (1813-1855) ôm ấp là một chủ trương từ trên trời siêu hình học, luân lý. Kierkegaard bị treo lơ lửng mà “áy náy” ngó xuống bãi đời hiện sinh. Hiện sinh có cái tên hỗn mang chưa mặc xác vào đời sống hiện sinh và chưa hiện thân là một lý thuyết hiện sinh. Thuyết Hiện sinh đích thực phải là khai sinh ra trong

thế giới thực nghiệm. Khoa học thực nghiệm nào dù ngành vật lý hay nhân văn & nhân bản đều phải nằm trong quá trình phát triển gồm hai giai đoạn căn bản:

a/ quan sát hiện tượng và

b/ giải thích các sự kiện cuộc đời hiện sinh bằng các định luật phát triển. Kierkegaard suốt đời "áy náy" khốn khổ giữa thế giới siêu hình học & thần học với những quan niệm rất trừu tượng, khái quát và một bên là những khái niệm mập mờ về hiện sinh. Triết gia chúng ta chưa nhận diện và chưa gọi ra tên các hiện tượng tâm lý học, mặc dầu chúng vẫn hiện sinh khi mới có loài người. Hơn hai chục năm sau khi Kierkegaard qua đời, người ta mới khai sinh ra khoa tâm lý học thực nghiệm.

Lúng lơ như vậy, tình trạng các kiến thức nhân văn như tâm lý học cả hàng thế kỷ sau Kierkegaard cũng vẫn ở tình trạng mô tả rời rạc các hiện tượng về cuộc sống hiện sinh cá nhân. Bao nhiêu cố gắng của nhiều cây viết triết gia khác như Heidegger, Marcel cũng không sao phát hiện ra những định luật phát triển đời sống hiện sinh trong các khoa học nhân văn: tâm lý, sử học và xã hội học lẫn nhận thức luận (épistémologie) rồi được liên kết lại thành một học thuyết để soi sáng và hướng dẫn con người và hướng dẫn xã hội loài người sống theo. Phụ họa với Kierkegaard, cũng có nhiều tay lý luận khai thác thêm nhiều khía cạnh Hiện sinh khác nữa như Camus, Sartre. . . Tuy nhiên, thuyết Hiện sinh mà Kierkegaard đại biểu vẫn chưa khai triển đúng hướng căn tính luận lý con người nhân bản để trở nên một nền triết học hệ thống đủ tầm vóc đối trọng (contrebalance) với hệ triết học siêu hình cổ Hy Lạp.

Trong tình trạng bế tắc triết học ấy, các văn sĩ người Pháp không sao tránh khỏi cảnh chỉ mô tả vụn vặt cuộc sống nhàm chán, dễ cảm thấy đời sống vô ý nghĩa, đáng “nôn mửa”, và phi lý.

Sự bế tắc của trào lưu văn nghệ Hiện sinh tại Pháp thế kỷ XX là một cơ hội đòi chúng ta đào sâu vào nguyên nhân thất bại của họ hầu rút kinh nghiệm cho chính Việt Nam chúng ta. Đó là phải tìm ra một triết thuyết hiện sinh có một nội dung với cấu trúc trưởng thành hầu làm căn bản để ứng dụng vào lãnh vực văn học & nghệ thuật. Triết thuyết được lý giải cao thấp phản ánh trình độ nhận thức cao thấp nơi chủ thể triết gia. Cũng là một thế giới vật lý khách quan như đối với bao người khác, nhưng Einstein giải thích ra một cách có tính hệ thống qua một ít phương trình.

5. Triết thuyết Hiện sinh thế kỷ XXI cần có cấu trúc một khoa học chứa các định luật phát triển vận mệnh tâm lý con người và các định luật phát triển vận mệnh (nhân bản) của cộng đồng loài người.

Ngày nay tình trạng triết thuyết hiện sinh đang trên đường đổi mới hẳn. Giữa thập niên năm mươi thế kỷ XX sách giáo khoa tâm lý học của Pháp hoặc của Hoa kỳ hiện nay vẫn không sao tìm ra một định luật phát triển vận mệnh tâm lý con người xuyên suốt cuộc đời. Nhưng nay tâm lý học có thể xướng xuất trong mục bản ngã (personnalité) định luật phát triển vận mệnh tâm lý ấy. Hiện sinh không phải chỉ xảy ra trong khoa tâm lý. Sử học cũng nằm trong nhãn giới hiện sinh, loại hiện sinh dạng cộng đồng.

Auguste Comte (1798-1857) người sáng lập ra môn xã hội học giải thích lịch sử loài người là một quá trình phát triển hiện tượng xã hội học xảy ra liên tiếp theo ba nhân quan thần học, siêu hình học và thực nghiệm. Ông cho đó là định luật xã hội gồm ba kỷ nguyên văn hoá: kỷ nguyên giải thích vũ trụ theo kiểu thần thoại, kỷ nguyên văn hóa siêu hình học và kỷ nguyên văn hoá thực nghiệm (x. Auguste Comte, *The foundation of Sociology*, trang 39-40). Cách nhận xét có hướng hiện sinh mới mẻ, nhưng sự giải thích của nhà khởi xướng môn xã hội học còn mang nhiều sai khuyết lớn. Không có chi lạ trong việc mở đường đi tiên phong.

Xã hội học cần có một định luật trình bày sự phát triển toàn dòng vận mệnh nhân loại xuyên suốt cả tương lai xa dài, như là cột xương sống cho khoa học này.

Ngày nay, xã hội học có khả năng nhận định và giải thích vận mạng chung loài người trong lịch sử có căn bản khoa học vững vàng về mặt luận lý học. Nhờ cơ sở tâm lý học và luận lý học với nội dung mới, nhà xã hội học nay có khả năng không phải chỉ giải thích lịch sử quá khứ một cách hợp lý hơn một A. Comte, mà còn có thể đưa ra những kỷ nguyên văn hoá khác cho tương lai loài người, sau khi chấm dứt kỷ nguyên văn hoá thực nghiệm khoa học và thực nghiệm nhân bản hiện đại (x. Viễn Việt, *Giải mã Nho giáo*, trang 30-33).

Tâm lý học thì nay có định luật giải thích sự phát triển vận mệnh tâm lý con người xuyên suốt cuộc đời, tức định luật Bản ngã (x. Viễn Việt, *Giáo hội phát triển và đổi đời*, trang 11- 27). Đó là một lịch trình phát triển đời sống tâm

lý có ý thức, có tự do, gồm năm tuần tuổi tâm lý, lại có trật tự diễn biến theo qui trình, đồng thời phát triển trong tình liên đới xã hội.

Nhờ các khoa tâm lý học, sử học và xã hội học phát triển với nội dung mới, các khoa nhân văn & nhân bản làm cho triết thuyết hiện sinh bước lên một bậc phát triển là những khoa học chính xác. Nhà vật lý Einstein giải thích vũ trụ vật lý một cách có hệ thống các định luật bằng một phương trình. Nhà xã hội học thế kỷ XXI cũng có khả năng giải thích vận mệnh con người và vận mệnh loài người bằng những định luật có đầy đủ tính khoa học.

Khoa học ngành thực nghiệm nhân văn & nhân bản bỏ xa trình độ mô tả và phân loại hiện tượng nhân sinh một cách rời rạc, lẻ tẻ và nhàm chán hồi trung tuần thế kỷ XX.

Người văn nghệ sĩ và học giả chân chính có tinh thần dân tộc hiện bị kìm kẹp dưới ách văn học & nghệ thuật cộng sản Việt Nam mong đợi một sự giải thoát nào?

Không phải chỉ mong giải thoát về mặt nghệ thuật, mà còn mong giải thoát về mặt giáo dục và triết thuyết Mác xít. Cái họ mong đợi còn vượt trên cả thuyết hiện sinh hồi thế kỷ XX trở về trước. Phải có một học thuyết hiện sinh phát triển cao cấp hơn về trình độ luận lý học. Thuyết hiện sinh thời Kierkegaard đã tỏ ra lỗi thời và nay đang đòi thoát xác.

6. Khả năng áp dụng nội dung mới của triết thuyết hiện sinh cấp cao vào lĩnh vực văn học & nghệ thuật.

J.P. Sartre mô tả công việc làm trong một ngày với tâm

thức rời rạc, lạc hồn. Mô tả công việc làm trong một tuần lễ bảy ngày cũng là những việc làm rời rạc, nhàm chán. Nhận xét sự vật khách quan với tâm thức phiến diện sẽ chỉ kê khai ra những sự kiện rời rạc, lẻ tẻ cho đời sống.

Triết thuyết hiện sinh được chủ thể hiện sinh nhận thức theo tâm thức luận lý cao cấp mới có khả năng giải thích các sự kiện tâm lý có mạch lạc luận lý và cũng mới giúp khám phá ra được ý nghĩa cuộc sống. Nhà văn, nhà thơ có tâm trí mới, có hồn sống mới mới có khả năng trình bày ra những tác phẩm văn học chứa chất những sự kiện đời sống ăn khớp nhau mạch lạc, và có ý nghĩa sâu sắc. Lo gì sẽ không có những tác phẩm văn học có ý nghĩa lớn lao về vận mệnh con người, về vận mệnh quốc gia này nọ, và về vận mệnh loài người. Ta chỉ phải lo mình không có tài, không biết giải thích sự vật khách quan có giá trị cao hơn.

Các định luật khoa học vật lý, hoá học và sinh vật học làm nên cuộc cách mạng cho nền văn hoá thực nghiệm ngày nay và tạo dựng cả ngành kỹ thuật tân kỳ. Loài người được hưởng bao lợi ích ngay trong ngành kỹ thuật. Cuộc sống được cải thiện rõ ràng là tốt đẹp.

Các khoa học nhân văn & nhân bản với các định luật phát triển vận mệnh con người, phát triển vận mệnh loài người cũng sẽ đẻ ra một nền kỹ thuật nhân bản đầy sức sáng tạo tân kỳ hơn nền kỹ thuật vật lý vô cơ. Đó là lãnh vực đem lại cái đẹp cho nhân loại: lãnh vực nghệ thuật.

7. Thực hiện việc ứng dụng kiến thức về triết thuyết hiện sinh đời mới.

Nền văn nghệ Phục hưng xuất hiện vào cuối thời trung cổ Châu Âu có một vị trí to lớn trong dòng lịch sử Châu Âu. Nó đóng vai trò chuyển tiếp giữa những thế kỷ nặng về suy tư triết học và thần học kinh viện với những thế kỷ thai nghén nền văn minh thực nghiệm hiện đại.

Người Việt quốc gia dưới thời Cộng hoà Miền Nam đã thể hiện rõ nét một nền văn nghệ dân tộc, khai phóng, tôn trọng tự do con người. Đó là một thực thể lịch sử. Thực thể văn học ấy còn tiếp diễn ở hải ngoại suốt ba mươi năm qua, nay không thể bỏ lơ. Tiếp tục theo đó, Việt nam nay với vốn liếng về triết thuyết hiện sinh đổi mới còn có khả năng phát sinh một nền văn học & nghệ thuật với các đặc tính dân tộc, tự do, nhân bản và liên đới xã hội, liên đới quốc tế. Đây là một thách đố to lớn cho văn học & nghệ thuật Việt Nam trong thế kỷ XXI.

Các triết gia hiện sinh như Heidegger (1879-1976) chưa đưa ra định luật phát triển vận mệnh tâm lý con người. Triết gia Jaspers (1883-1969) chưa đề ra định luật (qui trình) phát triển vận mệnh lịch sử châu Âu. Ông chỉ thấy lịch sử châu Âu có hai thời-trục (temps-axe) văn minh, nhưng chưa giải thích thành qui luật phát triển có tính khoa học. Còn về vận mệnh chung cộng đồng loài người, Heidegger chưa có quan niệm sinh động hơn A. Comte.

Đã đến thế kỷ, triết thuyết Hiện sinh thời Kierkegaard cần lột xác khỏi trạng thái mô tả (descriptive) các hiện tượng hiện sinh rời rạc, lẻ loi. Đã đến lúc phải đưa nó tiến lên thành triết thuyết được giải thích các sự kiện bằng các định luật phát triển đời sống loài người. Thuyết hiện sinh thế kỷ XXI nay đang có đường thoát xác và đòi thăng

hoa.

Nay cần đem định luật phát triển bản ngã tâm lý vào khoa tâm lý học, đem định luật giải thích lịch sử châu Âu vào khoa sử học và đem định luật phát triển vận mệnh loài người vào khoa xã hội học, vào chương trình giáo dục ngay từ bậc trung học phổ thông. Loài người ngày nay mở mang tâm trí về khoa học thực nghiệm là nhờ sự kiện du nhập các khoa hóa học, vật lý và sinh vật học vào chương trình giáo dục bậc phổ thông từ đầu thế kỷ XIX. Từng thế hệ học sinh này tiếp thế hệ trẻ khác nay cần được giáo dục, được đầu tư vốn liếng các khoa học thực nghiệm nhân văn, thực nghiệm nhân bản. Chỉ vài chục năm sau, một đất nước sẽ được đổi mới hoàn toàn theo quan niệm mới về cuộc sống hiện sinh. Giới trẻ có năng khiếu nghệ thuật sẽ dần dần nảy sinh cảm hứng theo văn học mới. Văn học sẽ có những quan niệm và gây cảm hứng nghệ thuật mới. Xã hội được cải tạo lại.

Kết luận. Các khoa học thực nghiệm tâm lý học, sử học và xã hội học đổi mới về nội dung, bước lên trình độ giải thích cuộc sống nhân sinh bằng các qui tắc và định luật phát triển đời sống. Mỗi người khám phá ra mạch phát triển diễn biến nội tâm tư riêng của mình. Xã hội khám phá ra những chuyển biến đầy ý nghĩa thâm sâu của dòng lịch sử loài người. Đó là bước tiến nhảy vọt cho triết thuyết hiện sinh lên trình độ có hệ thống lành mạnh.

Văn học & nghệ thuật có cơ sở nhận thức mới không thể không cho phép người nghệ sĩ ứng dụng vào lãnh vực nghệ thuật. Nhận thức mới làm nảy sinh những nguồn cảm

hứng mới. Sức sáng tạo văn học & nghệ thuật được khai triển với đà sống mới. Lo ngại gì trong văn học & nghệ thuật sẽ không xuất hiện những tác phẩm lớn và đem lại hạnh phúc vui tươi cho con người, cho xã hội.

Giới văn nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại chỉ phải lo đổi mới lại nhân sinh quan : về con người tâm lý, về lịch sử loài người có sử tính, về vận mệnh loài người mở ra cả cho tương lai xa xôi. Có số vốn đầu tư mới, giới văn nghệ sĩ Việt Nam hải ngoại mới có nguồn cảm hứng rộng lớn và tân kỳ hơn hẳn các nghệ sĩ trong trào lưu Hiện sinh hụt hẫng tại Pháp hồi thế kỷ vừa qua. Tương lai văn nghệ Việt Nam lúc đó có khả năng phát triển vượt xa nhãn giới văn nghệ cộng sản Mác-xít lỗi thời và phóng lên sân khấu quốc tế và trải vào lịch sử loài người.

Viễn Việt

LÁ RỤNG VỀ CỘI, BÁC RỤNG VỀ ĐÂU?

CÁT TRỢ

Gió Thu gọi lá lìa cành
 Lặng rơi...ấm ức...thôi đành ngủ say
 Thế gian tạo hóa an bài
 Lá rơi về cội...góp gây rẽ, thân...
 Đẳng ta cướp đất đuổi dân
 Gom tiền, quét cửa... "lộng thân" Bác "HỒ"
 "Tử, sinh, vinh hiển"...Bác "HỒ"
 Thì sao "lộng kiếng" giở trò "vĩ nhân"? (*)
 Bầm thây..."liệng cống" "bất nhân"
 Thờ chi thứ "đấy"...thua phân "Heo, Bò"...

(*) "lộng kiếng": Liệng cống

Lệ Sầu Cho Anh

Trăng Thu u uẩn lu mờ
Tình ta u uẩn vẫn thơ sầu buồn...

Biệt ly cách trở ngàn phương
Mỏi trông cánh nhạn anh nương chốn nào
Xót xa! dòng lệ tuôn trào
Khóc duyên dang dở ba đào vì ai
Hồng nhan bạc phận khó sai
Đời trai sương gió chẳng phai lời thề
Hy sinh tình nghĩa phu thê
Anh đi cứu nước ngày về không ghi
Pleiku, An Lộc sá gì
Anh ra chiến trận hiểm nguy đâu màng
Đạn thù đầy xéo thôn trang
Anh bia đỡ đạn thân tàn biệt tấm
Nhà hoang nước mất bấy lâu
Em cùng cha mẹ nát tâm vượt trùng
Trải bao giông tố hải hùng
Thuyền em trôi giạt ngàn trùng vắng anh
Dấu phòng tẻ lạnh trường canh
Thiên thu tình vẫn xuân xanh nồng nàn.

Hoàng Anh

Người Tình Thu

Vầng trăng mờ ảo lung linh
Lòng ta xao xuyến bóng hình thân thương
Quen nhau thuở ấy bên đường
Mà sao lòng mãi vấn vương đêm ngày
Ta chờ người đến trong mây
Cùng ta xướng họa giải bày tâm tư
Ta mơ gót ngọc trang thư
Bên ta dạo bước Cổ ngư đường tình
Hồ Tây soi bóng đôi mình
Xa xa vang vọng hương kinh chiều tà
Thánh đường chuông đổ ngân nga
Dư âm nối kết duyên ta một đời
Trăng về, nhưng nhớ khôn nguôi
Tương tư, ôm mộng dáng người tình thu

Chúng tôi Lương Thành Nĩ, xin được thưa cùng ban biên tập và quý vị độc giả của BÚT NHÓM GỌI ĐÀN một việc như sau .

Kính thưa quý vị, tôi vốn là một thành viên của chương trình y tế ONE CARE. Chương trình này, ngoài việc lo về vấn đề sức khỏe  còn khuyến khích các thành viên kể chuyện về những gì mà mình muốn trình bày. Hưởng ứng trước chủ trương này, ngày 11 tháng 02 năm 2008, tôi có đóng góp một bài viết mang nội dung "ưu tư " về vấn đề hiệu ứng nhà kính .

Và thiết nghĩ rằng đại nạn ô nhiễm là chuyện liên quan đến sức khỏe của mọi người, thậm chí đến cả sự tồn vong của nhân loại, vì vậy nếu có thể xin ban biên tập của Bút Nhóm Gọi Đàn cho đăng bài vừa đề cập, để coi như là chúng  cùng có một lời "than thở" trước hiểm họa, với hy vọng có được nhiều người cùng biết lo sợ, để xem mỗi cá nhân có thể đóng góp được gì để TỰ CỨU !

Dưới đây là nguyên văn bài viết, chúng tôi gửi cho ON CARE trước đây :

VÀI Ý NGHĨ VỀ TRẦN CHIẾN MÀ AI CŨNG BỊ NÓ TẤN CÔNG

Lịch sử  từng cho thấy, bất cứ một cuộc chiến tranh hay cảnh giặc giã nào đi chăng nữa cũng thường gây nên thảm trạng chết chóc, thương tích cho người trong cuộc. Nếu đem  với vấn đề ô nhiễm không khí thì thực tế chuyện ô nhiễm cũng gây nên cảnh mất mạng vì bệnh tật cho con người. Thế cho nên có thể nói một cách nôm na, ô nhiễm

cũng là một thứ *giặc giết người*.

Có điều giặc gĩa do con người chủ xướng, gây nên, đánh nhau bằng súng đạn thì có chiến tuyến, tức nơi chiến trường bất ổn và hậu phương **an** toàn. Người chiến binh lâm trận bị thương tích tại chiến trường có thể bị ngắt xiu, mê man không còn hay biết gì nữa cả giữa lúc đồng đội của họ chuyển tải về hậu phương để cứu chữa. Nhưng khi mở mắt ra, nhìn thấy người y sĩ hay y tá ở bên cạnh, người thương binh biết rằng họ còn sống và đang có kẻ chăm lo. Sở dĩ họ có được điểm phúc này, vì ngoài nơi chiến trường đầy máu lửa cũng còn có một chốn **an** toàn để lo cứu lấy mạng sống cho họ .

Đó là loại chiến tranh, một thứ giặc có vóc dáng, hình thể. Vì vậy, nói cho cùng dù sao nó cũng còn ít nguy hiểm hơn thứ giặc vô hình, không chiến tuyến. Loại giặc này nếu vô tình hay xem nhẹ để cho nó phát triển, lan rộng đến mức độ trầm trọng rồi thì hầu như nơi nào cũng có mặt của nó. ***Lúc đó có thể nói không còn ai cứu lấy cho ai được nữa !*** Mạnh ai nấy đành chịu chết ! Giới lãnh đạo chính trị không thể làm ổn định được tình hình xã hội khi mà tuyệt đại đa số con người trong ***cộng đồng thế giới nổi loạn vì khan hiếm thực phẩm*** do hạn hán, khô cằn bởi hậu quả của sự nóng bức hoặc đất đai bị nhận chìm vì băng đá tan tạo nên. Với một đất nước hay rộng lớn hơn nữa là cả thế giới rơi vào cảnh hỗn loạn như vậy, người nghèo khó không có gì để sống đã đành, ngược lại kẻ giàu sang cũng chưa chắc được sống còn, bởi vì của cải, vàng bạc, châu báu có thể không giúp ích gì được cho họ, mà trái lại nó còn là một miếng mồi ngon đem thêm đại họa đến cho họ nữa không chừng ! ***Nói một cách khái quát, điều này có nghĩa là với những người dư ăn dư để mà chỉ biết lo ôm chặt túi bạc, song khi đã “nhìn thấy quan tài” thì mắt có “nhỏ lệ” để hối hận :***

Phải chi trước đây mình đừng quá lách kỷ chịu phụ giúp phần nào với chánh phủ để lo “chống giặc” thì đâu phải đành chịu bó tay rước lấy thảm cảnh đến mất mạng như bây giờ! Xin phép được mở ngoặc, riêng với một vài cách hy vọng có thể góp phần để chống giặc vô hình này chúng tôi có mạo muội đề cập ở phần sau. Dối mắt ngó đến một vài mặt khác, thì xem ra nó cũng không có khả quan gì hơn. Người cứu hộ không còn đủ tinh thần để dốc sức vớt lấy kẻ lâm nạn đang bị nước nhận chìm trong khi họ biết rồi đây chính họ cũng phải chịu thảm cảnh mực nước mỗi lúc mỗi dâng cao lên. Thậm chí, ngay đối với lời truyền tụng chan chứa nhiều tình thương “lương y như từ mẫu” cũng trở thành vô nghĩa, khi bàn tay của người y tá hoặc ý chí của các vị y sĩ không thể lo điều trị cho bệnh nhân mắc phải những chứng bệnh ngặt nghèo do ô nhiễm gây ra, hay cũng không thể chăm sóc cho nạn nhân bị ngất xỉu vì nóng bức một cách hữu hiệu được, giữa lúc chính quý vị đó cũng đang phải sống trong một môi trường với nhiệt độ cao có thể làm chết bất cứ ai, ngay đến cả bản thân của người có trách nhiệm chữa trị cũng phải chịu cùng chung một cảnh ngộ.

Làm người thử hỏi có mấy ai không quan tâm trước những cố sự như vậy? Vì chỉ mới dong dài đôi chút nhưng xem ra thật đáng sợ làm sao ! Và có lẽ bản chất ở trong tôi là của một con người yếu đuối, dễ dấn dấp đến chuyện thương vay khóc mướn, nên mắt hay nhìn vào những việc không được vui như vậy. Nhìn rồi thấy *thân phận của con người như một đàn chim đang bị nhốt trong một chiếc lồng, mà chiếc lồng ấy càng ngày càng bị ngột ngạt thêm lên vì nạn ô nhiễm*. Do đó thà không nghĩ thì sao cũng được, còn đã nghĩ rồi thôi thì cứ nêu lên một ít thiện ý như là để góp phần, làm giảm tai họa nếu có thể được. Thế cho nên cách nay đã khá lâu, tôi có viết một chuyện nhỏ đề cập đến vấn đề ô nhiễm, trong đó có sự gợi ý mọi người hãy tùy

theo hoàn cảnh của mình mà đóng góp cho công cuộc chung: hoặc bằng công, của hay sự chịu khó phỏng theo một ít phương cách nho nhỏ được mạo muội gọi lên ở trong truyện. Tất nhiên, nói suông thì hơi khó hình dung, mà nếu dẫn chứng cho đầy đủ thì với khuôn khổ của một bài viết trên vaoi ba trang giấy chớ không phải là một quyển sách như thế này thì chẳng tiện. Tuy nhiên chúng tôi cũng xin tạm lấy một thí dụ về **CÔNG VÀ SỰ CHỊU KHÓ**, điều này cũng khá đơn giản thôi, ai làm cũng được, như là di chuyển bằng xe đạp hay xe bus chẳng hạn. Còn đối với người có CỬA thì còn dễ hơn nữa, xin miễn là có ý thức và chịu tiếp tay với cơ quan công quyền bằng cách đóng góp. Điều này rất cần, bởi vì để thực hiện một kế hoạch hay chương trình gì đi nữa thì cũng cần phải có tiền, nếu không có tiền thì kế hoạch hoặc chương trình sẽ bị bỏ dở hay chỉ thực hiện được nửa vởi mà thôi !

Nhưng nói thì dễ làm mới là khó, thực tế cho thấy chuyện đời mỗi vấn đề gì cần đến sự hy sinh, đóng góp để tài trợ cho một việc chi dù cho nó có thật sự hữu ích và cần thiết đến đâu đi chẳng nữa, thì bên cạnh những tấm lòng vàng tự giác cũng có kẻ ngoảnh mặt quay lưng. Đặc biệt trong vấn đề này, có một điều không thể chối cãi được, ***Đó là ai ai thì cũng là kẻ tạo nên ô nhiễm hoặc nhiều hay ít, trực tiếp hay gián tiếp mà thôi.*** Trớ trêu thay! Thật không có gì ngoa khi nói ai cũng là thủ phạm tạo ra kẻ thù để giết chết chính mình và mọi sinh, động vật một cách dần mòn! Biết như thế, song rồi nếu chỉ có ***một ít con én bay lượn thì không thể làm nên nổi một mùa xuân***, vì vậy trong truyện ấy chúng tôi mạnh dạn gợi ý : cần phải có hành động hơi nặng tay với sự so sánh ví von rằng, nó tương tự như là vị y sĩ đôi khi phải dùng tới ***liều thuốc đắng mới mong “trị” được những con “bệnh nặng”***. Trên hết là ở thành phần khá giả, mà thực tế họ cũng thường là tầng lớp tạo nên ô

nhiệm nhiều nhất. Nói một cách khác có lẽ cần phải có hành động như là *một cuộc cách mạng nho nhỏ* mới mong lời cuốn được tuyệt đại đa số, hầu đối phó với một vấn đề nghiêm trọng như là tai họa nhà kính. Dù biết vậy song cũng nên xét xem, với sự ước mong cần phải có một tỷ lệ người “chung lưng *đầu cật*” cao đến như vậy, có phải là điều cần thiết hay không? Xin lấy một thí dụ, nếu có dịp nhìn sâu vào những cuộc chiến tranh kéo dài dai dẳng ở thời xa xưa hay cận đại cũng thường thấy giới lãnh đạo chiến tranh giành được thắng lợi là nhờ họ lời cuốn được tuyệt đại đa số quân chúng đứng về phía họ để đối phó. Hoặc bằng bàn tay sắt để buộc người khác theo phục vụ hoặc được quân chúng thương mến tự nguyện ủng hộ, đôi khi họ khéo léo tận dụng hết cả hai. *Thiếu nghĩ đó là một bằng chứng đáng để ý*. Còn với giấc ô nhiễm đang diễn ra, giữa toàn diện vừa dai dẳng, mà nếu chỉ trông cậy vào khả năng giải quyết của các chánh phủ không mà thôi, trong khi sự kiện tạo nên ô nhiễm thì quá nhiều, kể cả từ mỗi cá nhân ở khắp hoàn cầu với nhiều tỉ người, thì e rằng mức độ hữu hiệu đạt được sẽ không cao, nghĩa là không thắng được giấc ô nhiễm, thậm chí không hạn chế nó được bao nhiêu nữa là khác ! Xin trở lại truyện vừa đề cập ở trên, và cách nay khoảng gần bốn năm chúng tôi đã cho đăng truyện đó, trên một số tờ Tuần Báo, đưa lên internet v...v...

Rồi mới gần đây có hai vợ chồng người Mỹ xem qua và quyết định thực hiện một quyển sách bằng song ngữ Việt-Anh, hơn thế nữa người Mỹ này còn chủ trương làm phim ảnh vì ông ta cho rằng trong truyện có nhiều ý kiến rất tốt (good idea) cần được phổ biến rộng rãi như là một hình thức vận động cho công cuộc chung. Nhưng rất tiếc vào đoạn cuối của chặng đường lại gặp phải một ít điều tiêu cực nên công việc bị đình trệ .

Nhưng rồi may thay, mà cũng là có được một niềm an ủi nho nhỏ, bên cạnh chuyện không được suông sẻ như vậy lại có vài ba sự kiện quan trọng được ghi nhận với nội dung trùng hợp hay khá giống với một ít ý tưởng được gợi lên trong truyện : gồm có góc cạnh nhận định và các đối tượng cần phải có để chống chọi với hiểm họa. Ấy là vào khoảng trung tuần tháng 02 năm 2007 vừa qua tại thủ đô Paris, trước cuộc hội nghị gồm hơn 50 quốc gia tham dự, cựu Tổng Thống Pháp Jacques Chirac lên tiếng kêu gọi :

“Phải tiến hành một cuộc cách mạng về nhận thức, về kinh tế và về hành động chính trị để cứu vãn hành tinh của chúng ta”

Rồi kể đến vào ngày 01 tháng 03, ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki Moon tuyên bố :

“Sự thay đổi khí hậu, cũng nguy hiểm cho thế giới không khác gì chiến tranh cả”

Cũng như vào hạ tuần tháng 12 năm 2007, có một tờ báo đăng một bài với nhan đề Nhiệt Độ Càng Cao, Bệnh Tật Càng Nhiều. Trong đó có lời tóm lược, gợi ý, nhấn nhủ của một số nhà nghiên cứu lẫn người có hảo tâm :

“Không chỉ những tổ chức xã hội tại nhiều quốc gia phát triển tích cực phát động những cuộc vận động mọi công dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường hạn chế khí thải, mà cả nhiều nhà khoa học cùng các nhà doanh nghiệp cũng dành thời gian, tiền bạc cho những hoạt động vì sức khỏe của cộng đồng này”.

Và gần đây nhưt, hôm ngày Thứ Bảy 08 tháng 12 năm 2007 thông tấn xã Associated Press có đăng một bài với tựa đề khá dài : Dân Chúng Khắp Nơi Đòi Phải Hành Động Gấp Chống Nạn Địa Cầu Bị Hâm Nóng với nhiều dẫn chứng, trong đó có câu :

“...nhiều người Anh đã bắt chấp thời tiết giá lạnh Mùa Đông để chạy xe đạp vào Công Trường Nghị Viện ở London, tay vung các tấm biển ghi hàng chữ LÂM GÌ MÀ

CÓ THÊM HÀNH TINH B NỮA”.

Ồi lo mãi mê với câu chuyện mà gần như quên mất cội nguồn của sự việc ! Đó là, nương theo sự gợi ý mang tính cách chan hòa, xây dựng, cao đẹp và hữu ích của quý vị, tôi lại nêu lên một vấn đề khá dài dòng có thể đã đi ra ngoài khuôn khổ của sự cho phép, nếu phải như vậy rất mong được sự thông cảm của quý vị ! Lại nữa, thôi thì nhân tiện, với tư cách là một thành viên cũng xin được nói lên vài cảm xúc của bản thân vậy :

Kính thưa quý vị, vì là một thành viên của chương trình One Care nên thỉnh thoảng tôi có nhận được một phiếu tham khảo hay tài liệu để thông báo với những câu hỏi liên quan đến nhu cầu cần điều chi, triệu chứng trong cơ thể, loãn tin chương trình có những dịch vụ chăm sóc như thế nào v...v...Thậm chí hỏi thăm đến sở thích, năng khiếu, như nhằm muốn chăm sóc an ủi cả về mặt tinh thần. Những điều này làm cho chúng tôi hết sức an tâm vì nghĩ rằng luôn được quý vị theo dõi đến trình trạng sức khỏe của mình, kể cả dường như quý vị muốn biết để giúp lo chuyện phòng ngừa trước khi bệnh bộc phát, biết nguyên lý gây bệnh để chẩn đoán cho chính xác khi cần .

Vốn là một thành viên của chương trình, khi biết những điều trên làm cho chúng tôi hết sức vui. Tuy nhiên, cũng xin phép mạo muội được đặt thêm niềm hy vọng ở nơi quý vị, đó là nếu có thể xin quý vị để tâm đến chuyện làm sao hầu giúp hạn chế hoặc làm chậm đi tiến trình quả địa cầu bị hâm nóng. Thiển nghĩ sự đóng góp của One Care nếu có, chẳng những được người đương thời quan tâm đến mà còn được những thế hệ mai sau biết ơn, vì việc làm như vậy có liên quan đến sức khỏe, mạng sống và có thể còn lẫn cả đến miếng cơm manh áo của chính họ nữa.

Trước khi dứt lời, không quên kính chúc quý vị được dồi

đào sức khỏe nể phục vụ cho bệnh nhân, con người .

Xin trân trọng kính chào quý vị .

Một thành viên của chương trình One Care

Lương Thành Nỉ

Kính thưa quý vị trong ban biên tập và quý vị độc giả cùng quý anh em, bạn bè thân hữu của Bút Nhóm Gọi Đoàn, trên đây là phần nói lên những viễn ảnh đen tối, âm đạm của nạn ô nhiễm, kế tiếp là phần gợi lên một ít phương cách nho nhỏ mà thiển nghĩ bất cứ ai cũng có thể tiếp tay đóng góp tùy theo hoàn cảnh và phương tiện của mình. Những phương cách này chúng tôi lồng vào một tiểu truyện với hy vọng dễ dẫn đưa vào xã hội hơn vì có như thế sẽ giúp cho nó đỡ khô khan đối với một vấn đề cần có sự đóng góp công sức hay của cải hoặc sự chịu khó. Vì lợi ích chung rất mong được ban biên tập cứu xét và lần lượt cho đăng, còn với quý anh em, bạn bè, thân hữu và quý độc giả thì chúng tôi hết sức biết ơn.

Cũng xin có lời kính thưa, tiểu truyện được đề cập mang tựa đề là **CÙNG NHAU LO TỰ CỨU**.

Trân trọng kính chào quý vị

Lương Thành Nỉ

Chuyện mình giấu ngược giấu xuôi

Chuyện xấu của người vạch lá tìm sâu

Ca dao

XIN ĐỪNG HỎI

Xin đừng hỏi thơ tôi sao ray rứt
Vâng! Bởi mình mang kiếp sống lưu vong
Nên lời thơ chan chứa nỗi sầu đông
Khi quê mẹ còn mịt mù tang tóc.
Tôi làm thơ buồn thương ai cô độc
Xót nhìn người quả phụ ôm con
Giữa trưa hè nơi góc phố héo hon
Không nói năng, lệ tuôn trào, cuối mặt
Tôi làm thơ buồn khóc người lính trận
Tủi nhục, ngỡ ngàng, phút cuối hy sinh
Còn đâu nghĩa tình huynh đệ chi binh
Còn đâu nụ cười ngày xưa thân ái
Trần gian giá băng, hình hài tê dại
Sương Tuyết lạnh đây, buốt rát vành môi
Tôi làm thơ buồn, khóc cảnh ly bôi
Khóc cuộc thăng trầm, nổi trôi vạn nước
Khóc chuyện hợp tan, dòng đời xuôi ngược
Tôi khóc cho người! Hay khóc cho tôi!!!

NIỆM HƯƠNG

NHỚ

LÂM TĂNG SUM

(Cựu Đại Úy Nhảy Dù, Tiểu Đoàn 3, Lữ Đoàn 3,
mất ngày 14- 4 - 2008 tại Midway City, California)

Thanh Thanh

Bao nhiêu năm lần lóc chiến trường,
Góp phần xương máu giữ quê hương.
Nhảy Dù binh chủng, đầy kiêu hãnh,
Bảo vệ an bình chốn hậu phương.

Chợt cuối mùa Xuân năm bảy lăm,
Miền Nam bức tử, ... nuốt hờn căm.
Lệnh hàng buông súng!...đời tan nát!?
Đau nhói tâm can...máu lệ tràn.

Hèn hạ, giặc thù đầy đọa anh,
Khổ sai, nhứt chí kẻ trung thành?!
Năm năm sáu tháng tù... được thả
Hào khí Nhảy Dù rạng sử xanh.

Bỏ nước ra đi diện H.O,
Ước mong gầy dựng lại cơ đồ.
Việt Nam thoát ách loài Cộng Sản,
Non nước mình hết cảnh khăn xô.

Nhưng rồi đến Mỹ chẳng mấy năm
Vương bệnh nan y...buồn tủi thầm
Chưa giúp được gì cho đất nước?
Hận nầy chôn chặt mãi ngàn năm!

Hy vọng cháu con tiếp bước chân,
Nối gót cha ông sớm họp quần.
“Giải phóng” quê hương giành dân chủ.
Một lòng thuận hiếu với toàn dân.

-Đứng trước sự đau khổ của người khác, nhất là đau khổ do chiến tranh kéo dài, bất công xã hội vẫn chồng chất, áp bức chánh trị vẫn tiếp tục qua những thay đổi lừa bịp, trá hình, nguy trang dưới những danh từ cao đẹp thì cố giả vờ hay cố tình làm ngơ, bỏ qua bằng một thứ văn chương thoát ly, lãng mạn vẩn vơ, buồn xa xôi, cô đơn giả tạo, nhớ thương lời thôi v.v.. cũng là vô nhân đạo như chính những kẻ gây ra những đau khổ trên vậy.

Nguyễn Văn Trung (Lược khảo văn học, II, 1967)

BÚT SA GÀ CHẾT

Phạm Thị Giáo Điều

Thưa Quý Bạn Đọc,

Thật khó dừng lại nơi đây, khi có vài bạn bảo tôi “đi dưỡng tuổi đời cho yên phận”. Quí vị thấy máu me viết lách này còn chút duyên tiềm ẩn đó chứ? Từ ba hoa hóm hỉnh, trào lộng trước đề tài cũ rích khô khan mà ai cũng biết đến lên văn thống trách, hoặc ra-đòn-cân-não để thấy mặt trái của vấn đề cần phê phán. Sao tôi dám lộng ngôn, gây ảnh hưởng không tốt làm phật lòng ai?!

Ở GỌI ĐÀN số ra mắt, tôi chỉ nêu vài nét tương phản của thời đại mình đang sống: “Người bị khếp tội phản quốc phải chịu sự hành hà trừng trị, khổ sai lâu năm trong tù, bị phân biệt đối xử...Kẻ bị tước đoạt tài sản cố trốn chạy trước sự truy đuổi man rợ, suốt ăn đậu ở nhờ mà con cái lại thành đạt sum sê nhà nhà, có chỗ đứng vẻ vang trên xứ người không hề mặc cảm bị kỳ thị”. Còn ai phục tùng lời kêu gọi dựng xây đất nước, thừa tài đức và dồi dào tiềm năng lại phải chết đứng ngay trên quê hương thân ruột của mình! Bạn đọc đã gạn đục khơi trong dụng ý của bài viết thật vạn hạnh! Từ sức nhớ câu bất hủ của thi hào Nguyễn Du: “Con tầm đến thác vẫn còn vương tơ”. Nhóm BÚT GỌI ĐÀN gom sức sống để vươn vai, chứng tỏ lập trường cùng văn đàn hải ngoại, đánh thức CSVN cỗi trối cho dân, cải cách xã hội, cố hòa nhập để phù hợp với trào lưu thế giới văn minh! Nhất là GỌI ĐÀN cần sự đồng cảm của Độc

Giả, để góp tiếng nói chung và mong nhiệt tình ủng hộ.

Sau đây, tác giả xin phép ví von mình như con tằm, mong được vương tơ cho đến thác! Bài KIẾP TẦM ước gì sẽ tạ lòng, tạ lỗi với ai có cảm tình hay ác cảm với tác giả, qua những bài viết đăng rải rác trên sách báo mấy năm nay, mặc dù bút danh có lấm lẩn linh tinh như thị mệ chạy cờ hiệu hơi thương chẳng hạn. Hơn nữa, đời người chỉ có một lần chết. Ai cũng muốn chọn cách chết còn chút vẩn vương lòng của tha nhân, của bằng hữu, nếu không dám nói của người dị ứng phái phe vì lý do ngoài ý muốn. Các bậc trí nhân có tự do phê phán tùy theo quan niệm riêng. Vả lại, ai cầm bút mà khỏi đứng trước điều bình phẩm khen chê? Dù sao, sự khiêm tốn, ý thức giả chân cũng biết phân biệt rõ: “Kẻ nào chê ta đúng là thầy của ta đó”. Vậy thì lo chi không nối kết được tấm lòng?! Còn tỉnh táo để chứng tỏ mối lạc quan, tức là đã có một chút vốn thận trọng, biết suy xa ngẫm gần: “Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều”. Không gì hơn sự bình an tâm hồn khi cầm bút, để cảm nhận niềm vinh hạnh có được tự đâu ra, cho dù là chỉ khóc-mướn thương vay, cũng cần toát lên tính nhân văn thể hiện qua văn phong đã trau giồi học hỏi! Nếu cầm bút ca ngợi được nét lãng mạn của tình yêu cao thượng mang vẻ đẹp đặc trưng của thời đại, biết đau nỗi nước tình nhà, tha thiết với điều ích quốc lợi dân, nêu lên được tấm gương cao cả của bậc trung cương nghĩa khí, thấy được niềm hạnh phúc của con người là lý tưởng phục vụ của văn giới thì chữ tâm của cây bút ấy mặc nhiên vượt xa tầm vóc đến chốn cao vời, ra khỏi biên cương, lãnh thổ... chúng tôi hết lòng học hỏi và ngưỡng phục!

Riêng tác giả, lúc nào cũng trang bị cho mình một lập trường quốc gia dân tộc, luôn tôn trọng sự chỉ giáo của quý bậc trưởng thượng, của tình thân hữu bạn bè. Tuổi trẻ quá đỗi đau lòng vì chứng kiến cảnh người dân lương thiện luôn ngụp lặn trong chiến tranh, gieo rắc bao cảnh sinh ly tử biệt giữa một quê hương tan tành đổ nát, ân đồn oán dập... cuộc mưu sinh bức bách một cổ hai tròng! Giờ đây, đã bước vào độ cổ lai thất thập, sao cam tâm đứng đưng làm người vô dụng sống thừa. Chuyện phải chết vào tay ai, hay phải chết như kẻ hèn mạt hạng nào đều thuộc vào phần số, hoặc nhờ vào bàn tay và tấm lòng nghĩa hiệp đầy nhân tính của người muốn giúp mình thoát tục, siêu sinh, kéo phải gian khổ sống thêm chật đất, mà nặng lòng vì thế sự đảo điên chi cho tội nghiệp. Thì chỉ ray rứt lòng, khi oan khiên trên nỗi đời khôn xiết tả mà thôi! Còn để nỗi ưu tư trầm thống nao núng tinh thần, là còn xúc phạm đến lòng khoan dung độ lượng, một đức tính không thể thiếu khi cầm bút!... Ai chạy Trời mà khỏi nắng đây?!

KIỆP TÂM

Trót vay, phận đã an bài,
Ong chờ, bướm đợi nét ngài tinh khôi
Ôi hay! Ngộ tính ý Trời,
Con tầm ăn rồi bao đời tiếp duyên.
Tầm dâu nối nghiệp chăm chuyên,
Nuôi trồng, vun bón khéo truyền dạy nhau.
Vận hành trong cuộc bể dâu,
Vấn vương đứt ruột tầm dâu trọn mùa?!

Tôi nay tìm lại tôi xưa,
Tầm dâu trăm nỗi mong vừa lứa ươm

Hỡi ơi! Một nét tơ vương!
Hắn tôi lộn kiếp đã ngàn mấy đời...
Vận hành nối kết chơi vơi
Mộng vàng riêng chỉ thêm ngời sắc xuân...
Cũng đành hiến trọn xác thân,
Trần như nhộng! Biết bao ngàn tái tê!!
Âm vang trong chốn nảo nề
Kiếp tầm trả nợ dâu...Hề! Cho cam!
Ví von, đời vẽ nguyên nhân...
Chất tinh túy... rút ruột tầm dễ phai!
Nhân gian tôi vốn lạc loài,
Tôi xây cái kén trọn đời nhốt tôi
Màu riêng thấm nét riêng tươi...
Nong nia dốc cạn, tình người không mong!
Bao giờ trả nợ dâu xong,
Trần thân kiếp bướm đời ong rã rời!
Hồn đau đau... ý khôn nguôi,
Kết tinh độc thoại! nhà lời trầm luân!
...Ở trong cái kén tủi hờn,
Căn ngang ■ phải đứt đường tơ giảng!
Ví von đời lại lên trang,
Định thân chi xiết ngõ ngang phận tôi!!!

May mắn lắm, tôi mới ngoi lên khỏi vũng lầy đen tối cuộc đời! Bao đam mê, tha thiết mong gắn bó với văn đàn, để chia sẻ nỗi niềm cùng thân phận nữ lưu, thấp nén hương lòng dâng lên Mẹ VN xin với dòng thốn thức! Mà dễ gì thực hiện, trong giấc mộng hải hùng như mọi người dân thấp cổ bé miệng, với chủ trương bóp chết suy luận trái

chiều! Ai vì dũng khí, lòng cương trực, mong cải thiện xã hội mà không vướng tù tội một gông?!

Nếu mình trở thành tội phạm, thì ai toan ai liệu trước gánh gia đình bé con bú mớm, ăn học với lý lịch số 13 và người chồng thương phế, còn bị tước quyền công dân lại luôn có kẻ rình mò theo dõi! Tất cả cần mình như cần hơi thở phà lên sự sống gia đình. Ôi! Bao khắc khoải hoài mong mình còn làm được điều gì có ích, còn cơ hội góp mặt với đời, với nỗi ưu tư ngời ca điều công chính luôn đặt nặng trong lòng, thì không để dấu vết đa nghi giết chết niềm hy vọng? Quyết tâm đó củng cố mình thêm cẩn trọng, để đáp lòng Người Mẹ mỗi lần Bà hỏi: “Sao chưa làm đơn kiện Việt Cộng đòi lại nhà?” “Sao có thể chờ ai ăn giùm mà lòng ta no đủ được?” “Sao không vận dụng ngòi bút, trí tuệ để viết lên điều xác đáng để bảo vệ lẽ phải?”. “Sao ngại tỏ bày điều mình dẫn chứng?”. “Phê phán bóng gió thì khỏi vướng gông cùm, là cách tồn tại được ở xã hội này”. “Hào quang ánh sáng của ai, con chỉ soi ké mà lấy làm thỏa mãn ư?”

Tôi đã gánh hồ sơ lên tỉnh xuống tòa, đi Bắc về Nam khiêu nại, đấu đá, thưa kiện kéo dài 30 năm. Tôi đã thấy cảnh dân oan dùng xăng tạt vào ban tiếp dân mặc dù họ chui cửa sau, vẫn bị chửi với theo rôm rả. Nhưng mặt họ lì và sống sượng làm sao! Thậm chí tôi đã từng ôm hồ sơ lăn vào xe chủ tịch tỉnh! Một lần được trả lời: “Không tiếp tri thức Miền Nam!” Mỗi lần về thăm mẹ, nhìn cảnh Bà ăn ngủ ngoài chợ gió tạt mưa sa, tôi lại nóng gà vác chiếu kiện thưa. Nước mắt đến chết chưa nguôi của Mẹ, đọng niềm cay đắng trong tôi thành thơ để TỰ SỰ cho lòng với

nỗi khổ!

Đã bấy nhiêu năm chốn hiểm nghèo
Tội tình! Trăm nỗi khổ gieo neo
Áo cơm lộc nước chống thoi thóp
Vận mệnh ơn đời con búng beo
Gạn đục khơi trong gươm thủ đoạn
Ân đồn oán dập hoạt đầu theo
Suối hồn khơi lắng trong dòng bợn
Mộng chấp không thành suốt trở trêu

Nhưng lòng tha thiết vốn tin yêu
Mong đáp nghĩa đời phải chất chiu
Oán khúc lênh đênh tình chữa vện
Tủi hờn giăng mắc ý còn kiêu
Bút cùn mực cạn dòng trần trở
Giấy rách lẽ cong kiếp bọt bèo
Thành khẩn tìm trong dâu bể ấy
Đời còn thịnh nộ đến bao nhiêu

Nếu họ vin được bài thơ TỰ SỰ này cũng đắc tội. Nhưng lén làm thơ, là để giải tỏa biết bao chất chứa trong lòng, như có chỗ trút đi mối vơi bớt nỗi niềm đau đớn... Còn đi dạy, bị buộc học chính trị hoài, bán quần áo mua gạo chợ đen! Xong chính trị thì lao động công ích. Thời gian te tua đó, trông người ngấm ta mà thấm não cả lòng. Về đến nhà, con chạy ra kêu đói, em bé nhay vú, mẹ rát da không còn giọt sữa, nước mắt tuôn dài. Đang giàu có dư thừa họ đoạt hết rồi, bây giờ phải lao đao đi tìm chút một, nuôi con từng ngày trong tê tái!

...Hết chịu nổi, tôi lên chồng con đến cầu sông Đồng Nai với ý định tự tử! Nước mắt ngập oà vì thương con bé đại mới sinh đầu năm 1975, phải đạp xe trở về, vừa tự nhủ: “Minh chết là hèn nhất. Mẹ già và gia đình đau khổ! Không, phải làm một cái gì đó”... Tôi ngồi trước giấy bút, đêm đêm đổ vạch ra một kế hoạch cùn! Bất lực rồi! Hết tâm trí rồi! Gặp bạn đưa nào cũng héo xèo. Lại làm thơ tự trào để phá tan bầu không khí căng thẳng trong lớp, kéo bị để ý, cho là thành phần bất mãn thì phiền! Giọng cán bộ giảng huấn oang oang trên diễn đàn: “Phải sống trong quần chúng! Phải làm cho tốt! Hi! Hi!”

Trần trở mãi thành thói quen mất ngủ! Đêm đêm ngồi trước trang giấy, sửa những bài thơ chọc ghẹo vội trong lớp chào đỡ buồn, bên ngọn đèn hột vẹt mang ý khá khôi hài: “Ánh sáng xã hội chủ nghĩa!” “Đèn không hắt bóng!! “Đấu tranh cho sự công bằng xã hội!”

...Cám ơn cha cho khối óc khôi hài vực hồn thơ tôi dậy. Cám ơn mẹ vốn nhẫn nại kiên trì. Cám ơn Thầy, mở văn chương rồi bởi không chịu ngủ yên trong lòng kẻ thất chí. Họ dìu tôi đi trong niềm vui biết mấy tự trào và hy vọng về tương lai, thơ tôi sẽ có người cười được. Đơn cử loạt bài tôi làm lên trong lớp chính trị, hú bạn đồng khóa cười cho quên ngủ gục:

GIÁO GIAN CHƯA MẤT DẠY

Giáo dục chủ trương thấm-mặc-dù

Lạc quan tương muối kiểu-thầy-tu

Lương tâm chức nghiệp càng-lạc-diệu

Cách mạng bản thân đụng-phạm-trù

Nề nếp chuẩn thông rành hộ-khẩu
Vinh quang ánh sáng động-nhàn-du
Ta đang khai khẩu chờ-Miên-tập
Sao ngủ gục hoài Hở Giáo Tư?

GIÁO GIAN CÒN DẠY ĐƯỢC

Chính chị chính em riết cũng dừ
Học hoài còn dốt, trách trò hư
Lon gô khoai vắt chẻ giàu sụ
Chất bóp điên đầu bấu kẻ dư
Chiên bánh, luộc khoai rao bát-nháo
Hợp hành kiểm điểm trám gà-rù
Thi đua trường lớp thềm đăng ký
“Bảng đỏ sao vàng” thực chẳng hư

Hai buổi đi về đến ngất ngư
Chiếc quần sút cạp, tếch răng cửa
Hỏi thăm thùng gạo còn lưng bát
Chia khéo cả nhà chút nhuyển nhừ
Giáo chức thời này chuyên dứt cháo
Học sinh xin học á thần phù (5)
Quan tâm sâu sát thầy vay khắp
Bán sạch từ đường đổ khước từ

Hợp hành giáo án, biệt gia sư
Săn thối, khoai ôi... món đặc thù
Bao cấp... tiến trình ỳ kế hoạch
Bấp cao...бет hạng..., liếm từ khu
Sống trong quần chúng... làm-cho-tốt

Quan sát đến gần, nghĩa dập-trù
Ném trái nghề thầy thời bao cấp
Vai trò chủ động “nắm” khư khư

CẢM THÁN TIÊU DÙNG

(Phòng giáo dục cho 50 giáo viên bốc thăm mua 5 bàn chải
răng)

Ngồi buồn áy náy viết cho vui
Muốn khóc không ra, phát tức cười
Nhà nước gia ơn nhà giáo dục
Thơm danh cống hiến phải thơm lời
Chia đều khan hiếm theo tiêu chuẩn
Kiếp sống qua LOA lắm tuyệt vời
“Món chẳng thể cầm nhâm” đáng tội
Riêng chung lẫn lộn chỉ tàn đời

Đã đành mở miệng phải khoe tươi
Mục đích chỉ cần răng trắng thôi
Há hốc mồm trêu duyên bố lão
Tranh nhau sùi mép bạn cười ruồi
Ông anh hỉnh mũi cung tay đấm
Bà chị đàn hanh “khéo vẽ vời!”
Rón rén cô em theo thứ tự
Tay vờ áp ngực khế khàng ôi

Chọn thăm nào có đến phần tôi
Hợp mặt chen chân, lẹ tức thời
Mở mắt không hay người trúng thật
Vò đầu trách phận chẳng nhăm thời

“Nghe kinh nhật tụng” dài gân cổ
Suyt úm-ba-la khéo tịt lời
Quý vị tan hàng cho chuẩn bị
Thầy nào trò nấy đứng nơi nơi

Kẻ trúng chẳng mừng lại dở hơi
Thối mồm đâu đã dám ai cười
Trước gương mỗi cách thi nhau quây
Chứng tỏ tay chơi... khối rạc rời
Máu chảy không đau người trong cuộc
Mồm ai đà sút chẳng vung trời
Mếu cười, dở khóc... bưng mồm ráo
Đã thế còn khoe mẽ... rởm đời

Biết khôn đời món giá trên trời
Bán ắt phải được nhiều lời
Lương eo lương ổng mong đa đã
Tháng treo, tháng sụt suốt bồi hồi
Xơ rơ trước giáo trình tung hứng
Định thần “kế hoạch nhỏ sao xoi?”
Mơ ba lợi ích nhà sư phạm
Chí tình... đội ngũ chẳng còn hơi

Dễ khiến... chẳng nhằm cũng tốt thôi
Lớn tiếng khen chê bồng lúu lời
Bàn chải đánh răng vô nhân hiệu
Kế hoạch thực thi dỏm với tồi
Sản phẩm lên trang giai thoại mới
Bảy nổi ba chìm đã hết hơi

Chán ngấy... bỗng đứng lên tiếng gọi

Chẳng có rằng này cứ việc chơi

Phá luật: (khổ thơ thứ 5 toàn bằng, khổ thứ sáu toàn trắc)

Suốt 30 năm nhà cầm quyền CSVN triệt tiêu mọi phát triển cá thể, xây dựng lăm điều quái đản. Họ vừa chấp nhận Trung Quốc lấn đất, dâng biển, còn qui hoạch, cào bằng mọi thành phần dân chúng để chỉ riêng bọn họ chiếm đoạt tung hoành! Cỏ cây, gỗ đá, thú vật vô tri giác còn cảm nhận được lòng dạ người Cộng Sản khi mọi chất sống, mọi mầu mỡ vơi dần theo sự bòn rút vào túi tham không đáy. Tất nhiên họ cũng thấy tức nước vỡ bờ chỉ một ngày nào đó. Cây khô ruỗng mục nào không sợ gió lay bật gốc? Do vậy mà họ dốc tâm be bờ, rào cản. Thậm chí còn đánh đập người chống đối một cách thẳng tay, dùng đầu gấu bảo vệ tài sản mà họ kiếm được bấy lâu bất kể việc làm đó đắc tội với lịch sử như thế nào. Vô văn hóa, ù lì, có khác chi tượng gỗ làm bù nhìn điếc không sợ súng?!

Đứng trước nạn tham nhũng, lạm phát, tôi muốn mời show ca ngợi công trình làm tăng lòng phẫn nộ “Ông Trùm trình độ đá cá lặn dưa chợ cầu muối” cho đấu thọi với các Mít-tờ đa nhân cách đầu gấu chợ đồng xuân, diễn tuồng hốt công quỹ để dựng xây những điều quá tệ... rồi dùng thế lực đầu đá bảo vệ thành trì riêng, củng cố hệ thống cầm quyền chễm chệ trên nỗi đau dân đen thời vất kiệt! Đối với đòi hỏi nhân quyền, dân chủ cho dân: “Mời bộ sậu Diêm Vương chỉ cần đóng vai những bù nhìn tai gỗ, nhượng hai con mắt bịt bạc, tư cách chưa đáng một xu, chỉ huy hệ thống đàn áp biểu tình siêu tàn nhẫn lấy làm thỏa mãn”...

rồi cho dân oan ném đá, hoặc chôn vùi cày lên đầu, như thời cải tạo ruộng đất Miền Bắc, do Hồ chủ tịch hành xử với dân ...để an ủi dân...

...Nghĩ đến đó cũng đủ ớn xương sống, tôi trùm chiếu ngủ ngay cạnh bà cụ lạ hoắc. Bỗng tôi mơ có lục lạc ngựa reo vang, mọi người nhìn theo chiếc xe rất kỳ, cúi đầu im lặng, Đố ai biết được trong lòng họ nghĩ gì, mơ ước những gì, trước nỗi đau khó mong hàn gắn khi lắm kẻ mất đất, người mất nhà kêu oan... Trời không thấu, đất không hay tại vườn hoa Mai Xuân Thuởng này! Giấc mơ giục tác giả tức cảnh sinh tình làm bài thơ sau đây, thấy vui trong lòng, bèn xé nát cho vào túi, rồi ra ga xe lửa, ước gì được đáp tàu suốt về quê cho nhẹ tấm thân!

CHIẾC XE VỢ CHỒNG NGƯỜI TẠC TƯỢNG TẢI HÀNG

Nhìn theo xe, nước ngựa song phi
Tróí ghệt một lèo... áp tải đi
Thách đố giữa đời ai dám chống
Đa đoan mệnh thế chẳng làm gì
Xỏ râu bịt mắt... chèn mạnh mối
Xách ngược gô đầu... hết thị uy
Gớm! Khép re lời vung tí mẹt
Tha hồ áp đặt, cưỡng cầu chi

Bộ sậu phen này tổng khứ đi
Kẻ bình, người chọn... cũng từng khi
Đương quyền úp mặt, em chàng hăng

Chính khách khom lưng ngúc ngoắc gì
Cu nhóc xỏ mồm như sắp đá
Hớ hênh cái đi chống khu đi
Sợi dây oan nghiệt càng thêm siết
Mấy thuở hiên ngang... đến thế thì

Hiên ngang đến thế chẳng còn gì
Chèn ép trong ngoài dễ tháo đi
Anh siết cổ thêm cho thật chắc
Chặn chân... em sẽ kẹp... tùy nghi
Con đường bịt miệng khua rôm rả
Lỗ thủng đa nguyên ghé nhị tì
Lúc được lên chum khi xuống cho
Sự đời thấy đầy để mà suy

Chuyện xé nát bài thơ không phải chỉ lần đầu, mà hầu hết đều như thế. Nếu đi đường bị chặn xét bất ngờ thì dốc túi cho gió bay đi. Bởi tác giả nhớ lúc còn đi dạy. Vì những bài thơ đùa trong lớp chính trị, các bạn nữ trong trường ai cũng biết... Nhân dịp Trung Thu 1978, tác giả được chỉ định viết bài ca ngợi cấp trên quan tâm đến Tết nhi đồng... Bài này viết chơi theo một giai điệu nhạc đang hiện ra trong đầu, không định nộp nhưng các bạn xách lên khoe, vẫn bị Hiệu Trưởng buộc làm đơn xin thôi việc... Từ đó tác giả thực sự mất dạy:

SẮC THU DIỆU VỘI

Trời chớm sang Thu... từng hốc đá băng khuâng
Nâng sương lam mờ... màu thu thên thang ngút ngàn
Rừng xanh Thu phong đăm chiêu sắc lá
Truyền thông điệp trùng trùng cho mầm xanh vươn lên

Rừng núi phiêu lưu tìm sức sống ban mai
Mây bay qua đầu, thời gian lênh đênh suốt ngàn
Vàng phai rơi rơi... chơi với... chơi với
Triều di hận rừng già tuôn phù sa luân lưu
Màu nắng lung linh trù mển ánh thu sơ
Say hương giao mùa, trùng xanh vương chân bóng rợp
Trầm tư miên man bao la ý sống
Tình cổ thụ thì thảo rừng chiều cúi xuống ăn năn
Rừng hời! Trên cao nhìn xuống dáng thanh tân
Cơn mơ héo gầy bình minh không soi thấu lòng
Ngày xanh vươn vai long đong chút sáng
Vàng giai điệu trùng phùng... tầm nhìn chệnh choáng suy
tư

Hời! Hời! Chất màu chuyển hóa đất trăm năm
Đón ánh sáng này làm lối thoát tương lai
Hời! Hời! Dáng khuất sâu chờ hóa kiếp sinh linh
Đắm đuối với tháng ngày... màu héo úa rơi rơi

Đến Mỹ chẳng bao lâu tưởng là đất nước tự do, tôi không biết cách giữ ý, nên đã được chỉ giáo những bài học thích đáng phải giật mình! Tôi hỏi một người bạn, và được chị ta cười cho: “Chị biết Việt Cộng nó xấu hổ bao nhiêu về niềm tự hào Giải Phóng Miền Nam, nên nó vứt nón cối mất tiêu từ lâu, để không ai nhận ra nó. Còn phe mình thì lượm nón cối ấy buồn buồn chụp lên đầu nhau tha hồ sành điệu! Tôi không dám phản đối ai, mà tự hứa trong lòng “Từ nay, xin tha nói đại cho. Đa tạ lắm vậy”. Còn những gì thuộc về hoài vọng dân tôi làm sao dễ quên đây?!

Phạm Thị Giáo Điều

**ĐÓN ĐỌC NHỮNG TÁC PHẨM
CỦA NỮ SĨ CHÚC ANH**

~~YÊU THƯƠNG~~ HƯƠNG VĂN XUẤT BẢN 2006

ĐÃ XUẤT BẢN CHUNG:

THƠ HẢI NGOẠI (Tuyển Tập 3, 4 Thi Đàn Hương
Việt)

**-CỤM HOA TÌNH YÊU 9, 10, 11 (HỘI THƠ TÀI TỬ
VIỆT NAM)**

**-FLOWERS OF LOVE Volume IV-Part 1/2 and Part 2/2
(THƠ TAM NGŨ HỘI THƠ TÀI TỬ VIỆT NAM XUẤT
BẢN)**

-THI ĐÀN LẠC VIỆT – Tuyển Tập 2007 – SAN JOSE

**-BÚT NHÓM GỌI ĐÀN – SỔ RA MẮT Tháng 5 năm
2008**

SẼ XUẤT BẢN:

- HƯƠNG TÌNH (thơ) –LƯU LUYẾN (thơ)

-To Love – Yêu Thương

**Thơ Tam Ngữ: Việt -Anh -Pháp.
(Dịch từ Thi Tập YÊU THƯƠNG)**

**Autumn Nostalgia – Thu Nhớ
(Tam ngữ: Việt -Anh –Pháp)**

**Liên Lạc: Nữ Sĩ CHÚC ANH
(PHAM THỊ KM ANH)**

ĐT: (310) 923 – 8991

Đẹp biết bao! **Hình Cong Chữ “S”**

Bên kia bờ Đại Dương gió lộng,
 Có hình cong chữ “S”.
 Chữ “S” nào đã làm cho tim tôi,
 Xuyên xao lẹ trào khước mắt,
 Đêm hằng đêm quặn thắt nhớ mong.
 Nơi đây dòng giống Tiên Rồng,
 Máu xương bao độ mới mong có ngày.
 Trống Ngọc Hồi “lung lay bóng nguyệt”,
 Sóng Bạch Đằng loang huyết Nguyên Mông,
 Dạy cho lũ giặc cuồng ngông,
 Tinh thần bất khuất của dòng Việt Nam.
 Gươm Lê Lợi Non Lam chính khí,
 Ải Chi Lăng quyết chí phục thù,
 Liễu Thăng tướng giặc cuồng ngu,
 Mã Yên đầu rụng nghìn thu sử vàng.
 Bài học cũ chưa tan giấc mộng,
 Của những tên cuồng vọng “Bắc Kinh”.
 Trời Nam sông núi uy linh,
 Thiên Vương Phù Đổng
 chuyển mình lớn lên.
 Lý Thường Kiệt làm nên kỳ tích,
 Hưng Đạo Vương niên lịch huy hoàng
 Triệu Trưng đuổi giặc tham tàn,
 Tam vì Nữ Kiệt danh vang rạng ngời.

Tổ Quốc ôi! Ta yêu biết mấy,
 Tình Quê Hương khấy động lòng ta,
 Đêm trở giấc mơ hoa nổi nhớ,
 Mẹ Việt Nam muôn thuở tim này.
 Ai người vật chất đắm say,
 Hãy mau thức tỉnh để quay về nguồn.
 Sâu vong quốc lệ tuôn thấm gối,
 Nước lâm nguy sao vội quên tình?
 Truyền thống xưa anh linh quật khởi,
 Núi Sông Nam vang dội hùng ca.
 Chữ "S" nào làm ta nhớ mãi?
 Nguyễn một lòng dung trải hiến dâng,
 Để cho sâu Mẹ với dân,
 Để hồn Việt Dũng hóa thân thành rồng.
 Đẹp biết bao! Hình cong chữ "S",
 Mạnh Đất thiêng luyện thép kiêu hùng.

Nguyễn Linh

Tội lớn nhất đời

với Tổ Quốc và Dân Tộc là tội bán nước cầu vinh, nhất
 là tội dâng đất và tài nguyên cho kẻ thù ngoại bang, đầy
 tham vọng; kẻ phản quốc đó sẽ bị nguyên rửa muôn đời
 Và cái nhục lớn nhất của con người là cúi đầu làm
 thân trâu ngựa nô lệ cho những thế lực
 ngoại xâm và bành trướng

Trích trong tập thơ của Nguyễn Linh

Tổ Quốc ôi!

Hoàng hôn ảm đạm

Trời Cali mùa Đông lạnh lẽo,
Mây giăng buồn khắp nẻo sơn khê,
Nhớ Quê biết thuở nào về,
Việt Nam đất Mẹ nào nề đau thương.

Lũ Cộng nô rặc phường bạo ngược,
Chúng làm cho Đất Nước điêu linh,
Sưu cao, thuế nặng nhục hình,
Nhà tù chật ních, thất kinh khiếp hồn.

Tổ Quốc ôi! Hoàng hôn ảm đạm,
Việt Nam ôi! Muôn thảm nghìn sầu,
Hãy mau thức tỉnh cùng nhau,
Chung lưng, đấu cật xây cầu cảm thông.

Tạo sức mạnh phá vòng áp bức,
Thẻ một lòng hiệp sức đập tan,
Triệt tiêu chế độ tham tàn,
Cùng phường quỷ dữ sài lang Vô Thần.

Hãy tiến lên! Vì dân diệt bạo,
Đừng tin theo một lũ xảo ngôn,
Tham quyền, cố vị, độc tôn,
Chúng giăng thế trận mê hồn hại ta.

Hãy nhìn kia! Mồ ma còn đó,
Đừng để cho lũ nó bịp lừa,
Ngọt như mật lịm dãi đưa,
Trau tria lỗ miệng lọc lừa hại nhau.

Đừng than khóc thảm sầu ủy mị,
Hãy nêu cao sĩ khí kiêu hùng,
Giặc thù rồi sẽ cáo chung,
Tự Do, Dân Chủ ta cùng dựng xây.

Nguyễn Linh

Hỡi ơi một kiếp nhân sinh
Làm sao đủ gói mộng cảnh vô văn
Cầm đề khởi ý mệnh mạng
Hồn trăm năm cũ trường giang theo về

Trích tập thơ Lê Thị Việt Nam

MỘT ƯU TƯ LỚN CỦA CHA MẸ, THẦY CÔ.

Tuổi dậy thì: tuổi khó hiểu, tuổi khó dạy, tuổi khó thương.

G.S Tiến Sĩ Trịnh Đình Thư

Một số phụ huynh ngỡ lời xin tôi chia sẻ vài cảm nghĩ về cái tuổi dậy thì, dựa trên kinh nghiệm chuyên môn và nghề nghiệp của tôi.

Thú thật, sách vở nói rất nhiều về hiện tượng này. Nhưng tôi nghĩ không gì trung thực bằng nhìn lại bản thân kinh qua giai đoạn tuổi này, và từ đó rút ra vài áp dụng cụ thể trong việc giúp phụ huynh tìm hiểu con em mình vào tuổi mới lớn.

Xin chia sẻ cùng quý vị.

I. Một sự thay đổi nhanh chóng và quyết liệt

Nói đến cái tuổi 12-15 là nhà tâm lý nghĩ ra ngay đến giai đoạn khủng hoảng quan trọng và lớn nhất của đời người.

Khi còn là một đứa trẻ, con cái chúng ta thường rất cởi mở, rất dễ thương, dễ dạy. Nhưng khi bắt đầu bước vào tuổi thiếu niên, đứa trẻ tự nhiên thay đổi tính tình: ta có cảm tưởng chúng trở nên khó chịu, dễ gắt gỏng, thường rất khó hiểu, khó dạy. Hiện tượng này không khỏi làm cho một số cha mẹ “điên đầu” được. Những điều mà trước đây

chúng ưa thích, thì giờ đây trở nên “đáng ghét”. Ngoài thể xác ra, tâm hồn chúng thay đổi toàn diện đến mức bản thân chúng cũng không hiểu nổi chính mình!

Một số phụ huynh cho rằng các khuyết điểm, những tật xấu của con cái vào tuổi này chỉ là “nhất thời”, không đáng quan tâm, cứ để mặc chúng rồi tự nhiên nó sẽ qua đi. Điều đó, thoạt tiên nghe có vẻ như họ có sự hiểu biết nhiều về việc dạy dỗ con cái, nhưng thật ra, đây chỉ là một thái độ trốn tránh. Tuổi trẻ còn non nớt chưa đủ khả năng để tự rèn luyện mình, nếu không có sự trợ giúp của người lớn thì sau này xã hội sẽ thẳng thừng dạy bảo chúng. Như thế nào?

Trường hợp ngược lại, can thiệp vào mọi chuyện của con cái một cách độc đoán (“I am right. You’re wrong!”), không đúng lúc, với thái độ thiếu kiên nhẫn, những lời lẽ nặng nề là cách giáo dục không còn hữu hiệu, nếu không muốn nói là thất bại đối với giới trẻ hôm nay và nơi đây.

Mặt khác, trẻ vốn đã có khuynh hướng thích che giấu hay lẩn tránh để được tự lập trong những hành động của mình, thế mà người lớn lại muốn hướng dẫn bằng cách dùng quyền uy để sửa lỗi, điều này quả thật là thiếu khôn ngoan. Trong những trường hợp này, trẻ sẽ áp dụng cách “giả vờ”, dùng các mách khéo (chúng có nhiều lắm!!!) khác để tự vệ. Thái độ này xem ra còn tệ hại hơn thái độ trước.

Trong thực tế, muốn hiểu biết về con trẻ, ta nên nhớ lại hình ảnh của chính mình năm xưa khi ở tuổi ấy, để có thái

độ cảm thông hơn đối với những nông nổi, những đại khờ của con chúng ta và biết kiềm chế sự nóng nảy trước những lỗi lầm của chúng. Nên cố gắng nhận ra những yếu tố tốt đẹp trong mỗi hành vi của con mình, kể cả trong hành vi sai trái của chúng nữa.

Theo định nghĩa tâm lý, tuổi thiếu niên là lứa tuổi đi tìm sự quân bình, sự ổn định bên trong, và trong cuộc tìm kiếm này, con trẻ không thể tránh được sự sai lầm. Trẻ có thể sai phạm trong hành động, nhưng thật ra do nhiều yếu tố bên ngoài tác động vào, hơn là hoàn toàn do ác ý, khiến cho người lớn thường có cảm tưởng có một sự khích bác từ phía con trẻ nên đã phản ứng.

Ngay cả khi cần phải phạt - và trong vài trường hợp phải trừng phạt một cách nghiêm khắc - vẫn phải tìm hiểu con cái và cứu xét với tấm lòng bao dung. Khi thấy mình được cảm thông như vậy, trẻ sẽ “nhớ đời”, và xem đây như là mẫu mực để chúng có những đánh giá luân lý chính xác về những hành vi của chúng sau này. Muốn vậy, dạy con cái biết thường xuyên làm điều tốt, xuất phát từ lòng yêu mến thật sự (vì không muốn cha mẹ phải khổ tâm về mình).

Điều này trẻ dễ dàng chấp nhận hơn, nhờ lòng thương sản có của chúng đối với cha mẹ chúng.

II. Những biểu hiện thường thấy nơi lứa tuổi khủng hoảng này.

1. Thái độ ngỗ nghịch, bất tuân phục người lớn.

Tiếp theo sau lối sống hòa hợp, khuôn phép của tuổi thơ ấu là cách sống vụng về của tuổi thiếu niên.

Người lớn dễ dàng tha thứ những cách nói năng cư xử thiếu hiểu biết của trẻ con (nhiều khi họ còn cho đó là những nét dễ thương của một đứa trẻ). Nhưng họ sẽ dễ dàng cảm thấy khó chịu trước thái độ ngỗ nghịch của một thiếu niên. Hơn nữa, ở tuổi này, người thiếu niên không còn dễ dàng để mình bị sai bảo điều này điều nọ, mà nhiều khi chúng còn thẳng thừng trả lời với người lớn một cách gay gắt, có khi vô lễ nữa là khác.

Nên hiểu rằng: vào giai đoạn tuổi này, người thiếu niên muốn đập đổ mọi luật lệ, chống đối mọi người, rất bướng bỉnh và muốn bẽ gãy mọi áp lực, mọi quyền bính. Người thiếu niên đã bắt đầu vĩnh biệt “thiên đàng tuổi thơ”, nhưng lại cảm thấy chưa được chuẩn bị đủ để gia nhập vào thế giới người lớn, vì thế chúng thường mang tâm trạng bất an, chán nản, có cảm tưởng là chẳng ai hiểu và muốn hiểu con người của mình. Điều này cho thấy các em ở vào độ tuổi này rất “tội nghiệp”.

2. Hoàn toàn thay đổi cách đánh giá về người khác

Ở tuổi này, các em bắt đầu “hạ bệ” mọi thần tượng trước đây của mình, và những thần tượng gần nhất là cha mẹ, là những người thân trong gia đình. Những người này, từ đây, sẽ được xem như là những “thế lực” làm cản trở sự phát triển của mình. Tình trạng thường gặp là: một bên thì đứa trẻ muốn tách biệt khỏi cha mẹ, một bên thì cha mẹ

bất mãn trước thái độ ngỗ nghịch của con mình. Điều này gây đau khổ cho cha mẹ lẫn con cái.

Nhất là các bà mẹ, họ không thể dễ dàng chấp nhận thái độ xa cách này của con cái. Thật ra, các bà mẹ cần phải hiểu rằng ở lứa tuổi này, con cái không còn yêu thương cha mẹ như kiểu khi chúng còn nhỏ nữa, mà bắt đầu muốn tách biệt khỏi cha mẹ, để rồi sau này, sẽ yêu nhiều hơn, nhưng yêu một cách thức hoàn toàn khác trước đây. Thành ra, đôi khi có một số bà mẹ do không hiểu được tâm lý tuổi này nên đâm ra hoang mang về con cái mình.

3. Trẻ muốn tự khẳng định chính mình (self-affirmation).

Lứa tuổi này có những mâu thuẫn nội tại, vừa vẫn muốn được yêu thương, cảm thông, vừa không muốn người lớn tỏ ra quá quan tâm, chú ý đến mình. Khi mẹ em vỗ về săn sóc em, thay vì thấy thích thú như hồi còn bé, em có thể hét lên: “Mẹ bỏ tay ra, con không muốn mẹ làm như vậy nữa”. Nghe có đáng giận không!

Thật ra, điều mà em đang cần trong thời kỳ này không phải là những lời ôm ấp, săn đón quá đáng như hồi còn ấu thơ, mà em cần có một người thật sự lắng nghe em, hiểu được em, và biết hướng dẫn em trong thông cảm và cả trong sự kính trọng nữa. Em sẽ rất cảm động khi được cha mẹ nói với em: “Ba mẹ rất hiểu và thông cảm với con. Chính ba mẹ cũng đã từng cảm như vậy khi ba mẹ ở vào

tuổi con”.

4. Cha mẹ “bất lực”, lỗi thời ?

Mặc dù đây là gian đoạn giao thời, trong đó con người thâm thập rất nhiều, nhưng không qua giai đoạn này, con người sẽ không thoát ra khỏi tuổi thơ ấu để bước vào tuổi trưởng thành.

Vì vậy đây là thời kỳ quyết liệt của con người, định hướng cho cả cuộc đời. Thế nhưng, người lớn cũng đã có một mơ thành kiến về cái tuổi này: tuổi điên khùng, khó dạy, khó thương...

Tại sao? Vì tuổi này bắt đầu đặt cho người lớn nhiều vấn đề liên quan đến phương pháp giáo dục, có khi gây cảm tưởng “bất lực” và lỗi thời. Tâm trạng người trẻ lúc này còn bất an, đang khi người lớn lại cảm thấy lúng túng trước những thực tại tâm lý của lứa tuổi.

Cái khó khăn là ít khi chúng ta đứng về phía người trẻ để nhìn chúng, cảm thông với chúng, để hướng dẫn chúng. Trong tuổi này, người trẻ đã bắt đầu có những yếu tố hình thành nhân cách của mình để trở nên người trưởng thành. Nhưng chúng còn thiếu một yếu tố căn bản và quan trọng, đó là sự ý thức bản ngã (self-consciousness), vì chúng chưa nhận diện được con người thật sự của chúng. (làm sao được? vì chúng đang ở trong thời kỳ bất định!)

Do đó, nhiều khi ta thấy trẻ ở tuổi này vận dụng mọi cách để cho thấy sự “khẳng định bản ngã” của mình để gây chú ý: ăn mặc lập dị, nói năng hồ đồ...

Một bên, chúng muốn đoạn tuyệt với quá khứ “trẻ

con”- vì thế, nhiều lúc chúng bướng bỉnh, chống đối mặt hoặc lầm lì, không muốn ai coi mình là con nít; đằng khác, chúng nóng lòng vươn tới tương lai, muốn thoát ly, muốn làm ra vẻ người lớn. Nói cách khác, chúng bị giằng co giữa cái không còn nữa, và cái chưa đến, tạo nơi chúng một sự bất ổn lạ thường.

Một lần nữa, các em ở tuổi này rất đáng thương.

Kết luận:

Có thể nói, trẻ em khi lớn lên sẽ thành người ra sao tùy thuộc vào thái độ sống mà chúng đã được đón nhận từ cha mẹ, và các nhà giáo dục.

Những cuộc nghiên cứu đã chứng thật rằng hình ảnh của cha mẹ ảnh hưởng rất sâu đậm trên cái nhìn của đứa con về lòng thương xót. Nếu đứa trẻ chưa bao giờ được tha thứ, nó sẽ khó hình dung được thế nào là lòng thương xót. Nếu người cha đã cư xử với con cái mình chỉ bằng uy quyền và áp lực, hoặc người mẹ luôn miệng cằn nhằn con cái, thì sau này khi lớn lên, trẻ sẽ dễ dàng áp dụng bài học đầu đời ấy với những người khác chung quanh nó.

Một hôm, ông Toscanini, một nhạc trưởng lừng danh của nước Ý, sau khi điều khiển thành công một bản nhạc bất hủ, ông ngừng lại và hỏi các nhạc viên của ông: “Các bạn thân mến, nếu có thể tặng cho con cái các bạn một món quà, các bạn sẽ tặng cho chúng cái gì?” Mỗi người trả lời một cách, nhưng khi đến phiên mình, Toscanini gây ngạc nhiên cho mọi người khi ông nói: “Tôi sẽ tặng cho con tôi “sự phấn khởi” và mỗi ngày thả thả bên tai nó:

“Này con, cố gắng lên, sắp thành công rồi đó! Ba mẹ sẽ giúp con.”

GS Tiến Sĩ Trịnh Đình Thư

NGŨ-TƯỚNG:

-“Trần Văn Hai, Phạm Văn Phú, Lê Nguyên-Vỹ, Lê Văn Hưng, và Nguyễn Khoa-Nam”

Ngũ Hồ nước Nam gương Tướng dững
 Ngàn đời sử sách chép ghi công
 Ngôi sao sáng chói gương oanh liệt
 Hồn nước, dân Nam, với núi sông.
 Ghi nhớ danh người, năm vị Tướng
 Bốn vùng chiến thuật khắp Tây-Đông
 Điều binh khiển Tướng nhất tề thắng
 Định mệnh nước Nam bạc anh hùng.

Tri ân, Vinh danh ngũ Tướng đời đời nhớ ơn...

Little Saigon: 28 - 2 - 08

Nguyễn-Dzuy

Dẫn được cơn giận dữ tức là chiến thắng được một kẻ thù lớn nhất.

Publilius Syrus

PHÁO ĐÀI NHÂN BẢN

Quốc nạn vùi chôn khối quật cường
Tuồng đời trùng điệp vết đau thương
Lòng dân chến choáng trang cuồng nô
Nghĩa nước long đong khúc hận trường
Thế thống chôn chân vào mộ huyết
Siêu tầng chêm chệ giáng tai ương
Giáo điều khôn xiết nguồn minh mị
Thần tượng? Sao lường dạ Bắc phương?

Khắc khoải tâm tư...cõi dị thường
Quại quần giai thoại nước cùng non
Chuyên quyền thao túng xây thành lũy
Mạch sống phiêu linh vương tử hờn
Sĩ khí chất chiu mằm dững lược
Mông hồn luân lạc kiếp tha hương
Sinh linh đồ thán tàn huynh đệ
Bút tích: “Nhiều điều phủ giá gương”

Thoát ách vong nô! Dị đầu trường
Khơ dòng tri thức giữa quê hương
Nhiệt tâm hóa giải mằm gây cắn
Nền tảng ôn nhuần vận hổ tương
Thảm cảnh trên người lìa thách thức
Hoạt đầu vấn nạn khép tai ương
Tiền nhân dựng nghiệp bao hoa gấm
Đau đầu hồn quê khúc viễn phương

Mẫu mực **nhân quyền** gổĩ kỹ cương
Tự do...vượt thoát ách siêu cường
Chủ trương công chính bền tôn chỉ
Hoài bảo xây đời nhịp cảm thông
Tiếp cận văn minh liền Âu á
Tiến trình hội nhập nối Tây Đông
Pháo **Đài Nhân Bản** so cao thấp
Gieo rắc lòng nhân kịp chấn hưng

Lê Thị Việt Nam

KÍNH MỜI QUÝ VỊ TÌM ĐỌC THI PHẨM:

**QUÊ TÔI
TRƯỚC THÊM NHIỀU SỰ**

Của Nhà Thơ LÊ THỊ VIỆT NAM
(Sách dày 220 trang)

MUÔN THUỞ TÌNH YÊU

Diễm Vân

Đến với muôn thuở... Tình yêu

Như triều dâng bênh bồng

Bênh bồng...lênh đênh

Anh vào chiến sử

Anh là chinh nhân

Trao về khắp nẻo

Thuyền tình mệnh mông

Đến với muôn thuở ...Tình em

Như phù du lụi tàn

Lụi tàn thương mong

Em là khuê nữ

Em là giai nhân

Muôn đời chim sẻ

Chuyến càn khôn khuâng

Đến với muôn thuở ...Tình ta

Như màu xanh đầy cánh

Đầy cánh xôn xao

Ta làm hoa cỏ

Ta làm hương bay

Bốn mùa đua nở

Cho người mơ say

Đến với muôn thuở...Tình yêu
 Như mùa Xuân hẹn hò
 Hẹn hò đưa duyên
 Xin làm sóng biển
 Dạt dào ru êm
 Xin làm cánh cửa
 Đi vào yêu đương
 Đến với muôn thuở...Tình Xuân
 Ôi tìm đâu một thời
 Một thời hoa niên
 Ru hồn mê mãi
 Từ nguồn tương tư
 Trăm dòng sông chảy
 Vào lòng duyên thơ
 Đến với muôn thuở...Dòng sông
 Không chờ ai...lạnh lùng
 Lạnh lùng trôi trôi
 Hương lòng soi dỗi
 Muôn vạn con tim
 Đang làm thiêu chảy
 Những vì sao đêm

Trường Sa,

Hoàng Sa ôi!

Ta dâng trọn tâm tình

Đêm trở giấc nghe hồn Dân Tộc,

Nỗi quặn đau, như xé nát tâm tình,

Tôi đã khóc, đã đau, đã sầu, đã khổ, cho

Quê hương gấm vóc của mình,

Bị lũ giặc Vô Thần cuồng vọng bắt mình,

Bị một lũ vật người tham hèn bán nước cầu vinh,

Dâng Đất Tổ ngàn năm thắm tình cho giặc,

Lòng tôi đau cơ hồ như quặn thắt,

Lòng tôi đau như những vết cắt thấu xương.

Trường Sa, Hoàng Sa ôi! Thân thương biết mấy,

Bản Giốc ôi, Nam Quan ôi! Ôm bấy tình người,

Giờ đây dở khóc dở cười,

Non sông một dải ngậm ngùi, còn đâu???

Không thể sống cúi đầu mãi mãi,

Của kiếp đời nô lệ ngựa trâu,

Hãy đứng lên tuyến đầu Cách Mạng!

Để uy danh chói rạng Trời Nam,

Làm cho lũ giặc tham tàn,

Cường quyền áp bức tiêu tan chẳng còn.

Mẹ Việt Nam mãi mòn trông đợi,

Những đứa con lạc lối “về nguồn”.

*Đoàn kết lại, luôn luôn đoàn kết,
Trường Sa, Hoàng Sa ôi! Ta dâng hết tâm tình,
Bản Giốc ôi! Nam Quan ôi!*

*Ta dâng trọn đời mình.
Cho Quốc tổ Hùng Vương anh minh ngời sáng.
Cho Việt Nam chói rạng trường tồn.
Cho tham vọng, cho “bành trướng” phải vùi
chôn dưới đáy mồ ô nhục.
Cho truyền thống Việt Nam muôn đời
oai hùng trong bất khuất.*

Nguyễn Linh

MA HUẾ , CS CÔN ĐỒ

**Năm Châu...bốn bể...”Cu Hồ”
Tìm sư dạy mảnh “Côn Đồ” Liên - Trung.
Yêu dân thương trẻ đến cùng...???
Bao dung...”đùm bọc” – “chôn chung” một mồ!
Ma than...hồn khóc...hỏi Hồ???
Đám chiêu...giả điếc... ôm cô vợ người!**

CÁT TRỢ (28 - 2 - 08)

GUƠNG THÀNH CÔNG

NGUYỄN TẤN PHÁT



Sanh ngày 25 - 12 - 1970

Nơi sanh: xã Phước Lưu,
Quận Gò Dầu Hạ, Tây Ninh,
Học Lực:

-Cử Nhân Anh Văn tại VN

-Doctor of Pharmacy tại Mỹ

Ba: Nguyễn Văn Bê, Thiếu
Úy Cảnh Sát Quốc Gia.

Mẹ: Trần Thị Vêo, thương gia
của xã Phước Lưu.

Gia cảnh: Phát là con thứ trong gia đình 5 anh chị em, gồm 3 trai, 2 gái. Người anh lớn của Phát tên Nguyễn Tấn Đang (Đại Học Sư Phạm Việt Nam khoa Toán), người chị tên Nguyễn Hồng Loan (Cao Đẳng Sư Phạm Việt Nam khoa Anh Văn), đứa em gái Nguyễn Hồng Phượng (Cử Nhân Anh Văn tại Việt Nam, Doctor of Pharmacy tại Mỹ) và em trai út Nguyễn Tấn Đạt sanh năm 1985 (Năm 2006, Cử Nhân Chánh Trị Đại Học UCI tại Mỹ).

Sau 6 năm khổ sai trong ngục tù Cộng Sản, Ba của Phát cùng gia đình vợ và 3 đứa con (Nguyễn Tấn Phát, Nguyễn Hồng Phượng, Nguyễn Tấn Đạt), được đến Mỹ

ngày 29 tháng 6 năm 1995 theo điện H.O.

...Thuở cấp sách đi học ở Việt Nam, ngoài giờ học ở trường, Phát vui vẻ cùng anh chị em vô ruộng (cách xa nhà lối 3 cây số) để phụ ba làm tất cả công việc đồng áng (như gánh phân đồng, cày, bừa, nhổ mạ, cấy, nhổ cỏ, đập lúa, trồng mía, trả đậu phụng v.v.).

Khi được theo cha mẹ đến nước Mỹ, Phát xin vào làm công nhân ở hãng điện tử EMI (Thành Phố Santa Ana) để kiếm tiền mua xe làm phương tiện đi học. Sau một năm cư trú Nam California, Phát ghi danh theo học tại trường Đại Học Cộng Đồng Orange Coast College (OCC). Trong thời gian đi học ở OCC, 2 ngày cuối tuần, Phát chịu khó đi làm công cho một sạp bán hàng ở chợ trời Fairview để kiếm tiền xăng, chi phí cá nhân, bảo hiểm, bớt gánh nặng cho cha mẹ già nơi xứ lạ quê người.

Sau 4 năm học ở trường OCC, Phát được trường Dược Massachusetts College of Pharmacy and Health Sciences ở tiểu bang Massachusett nhận vào trường. Sáu năm vừa miệt mài với sách vở, vừa đi làm, Phát được trường cấp văn bằng Doctor of Pharmacy.

Đây là một thành quả không nhỏ, khẳng định tinh thần quyết tâm vươn lên ở xứ người của con em của những người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã một thời bị đầy ải, khổ sai trong ngục tù Cộng Sản sau năm 1975.

Thêm một bông hoa cho những người H.O trên đất nước Hoa Kỳ. Thêm một sự đóng góp không ít cho quê hương thứ hai của tuổi trẻ Việt Nam tị nạn Cộng Sản.

Bút Nhóm GỌI ĐÀN trân trọng giới thiệu gương thành công của tuổi trẻ Việt Nam nơi xứ người.

thơ ngũ ngôn

m.loanhoasử

1

nhà ga ở 1 chỗ
con tàu chạy muôn nơi
chạy từ nam ra bắc
rồi lại chạy thụt lùi
ở luôn trên đường sắt
nửa giờ để nghỉ ngơi
ăn tem tan và nước
rồi lại rúc thêm còi
vô tình không để ý
tàu đã đi khuất rồi?

2

tu được thành chánh quả
thảo nào? Phật tâm ta
càng đi đường càng khó
chận bước chân du già
1 vầng trăng nguyên thủy
mọc trên rặng chà là
những bước chân ngái ngủ
trên đại mạc mờ xa
ảo ảnh dăm hồ nước
lầm lũi kiếp lạc đà

3

con hoạ mi ồn ào
đánh thức cả vườn hồng
bông hôm qua còn đó
nụ mẩn khai tươi hơn
quay lại con hoạ mi chuồn mất
ồn ào 1 bầu ong

4

còn tiền còn hữu nghị
hết tiền hết đồng minh
độc lực ra mà đánh
trơ thân cụ 1 mình
mật khu mờ mịt khói
rỗng tuyết nơi chiến trường
bạn thời đông hết trợ
thù đầy đặc biên cương

5

mới chị em hôm nọ
thoát cái 50 năm
cầm bức thư chưa đọc
cũng chưa kịp hồi âm
giờ 65 sắp tới
típ tấp 1 biển đông
phận sao triền vôi trắng
y bột nước xà phòng

bóng câu thơ m.loanhoasử

đời quá đã ngồi bên cửa sổ
nhòm bóng câu bóng thả nhòe qua
sơ sinh cho đến cụ già
bánh mì cặp nách ly trà cầm tay
cho đến kẻ giả ngây giả điên
thì cũng vừa điểm nguyệt cầu sương
loanh quanh 4 cái chân giường
hàn san đã điểm hồi chuông gọi về
sương đã tỏa ô đề thôn dã
trời tối mờ tiếng quạ kêu đêm
hàng phong đối ngọn sầu miên
lửa chài lấp lóe khách thuyền lừng lơ
ồ trương kế khách thơ thừa nọ
rượu đầy bầu đầy cổ tô châu
mới hay chưa cạn cơn sầu
chuông hàn san đổ thuyền câu nặng thuyền
duyên tiền định 1 đêm nguyệt tận
ôi thiền sư phong vận thi nhân
tiếng chuông nhả xuống mặt duềnh
phong kiều dạ bạc tiếng ngân hải đài
mùi tục lụy trần ai là thế?
bao nhiêu nhưng mặc kệ gian nan
sá gì ? hoàng với hoàng lương
nghe thơ trương kế trường giang nhẹ hều

em [chị]

m.loanhoasử

chị meo cho em nôi nước ốc
nhìn qua cũng oải đến thần thờ
chị nói với em là quá bận

bận kiểu gì ? chị bận mần thơ
thơ chi theo tô hoài viết về o chuột
thả trong thơ lộn xộn mấy con mèo
mèo dượt chuột chạy vung tí mẹt
2/3 đời có bấy nhiêu sao?
bên nớ chị tưởng em đã chết
bên này em nghĩ chị đang chôn
ngôi mộ có hoa hồng leo vàng trắng
em khóc nơi thơ[khóc chả ra hồn]
mấy thằng già khú đương theo chị
chị mí 65 mí hoàng hôn
xương khô trong mả viền diêm dúa
đây bài ai điệu ngu gia thôn
đã đi có bao giờ hoàn lại
diệu trúc tiêu là ngọn hai đường
trường giang dài đến 5000 dặm
cầu qua nam phố vận đại hà

CỜ VÀNG BA MƯƠI BA NĂM

“Trong ngày 30 tháng 4 năm 2008”

Nguyễn-Dzuy.

Phố Bolsa cờ vàng tung bay ngạo nghễ theo dọc các dãy phố khu Little Saigon Nam California. Lá cờ trang trọng quý đó thuộc bao xương máu của quân, dân, cán, chính, Miền Nam Việt Nam (VNCH) đã kiên cường trong bão lửa An-Lộc, Bình Long, đã tung bay cao phất phới trên cổ thành Quảng Trị, trên phố Vân Lâu Huế, ôm ấp bao chiến sĩ QLVNCH. Ngày 30-4-75 cờ hồn thiêng dân tộc đó đã cuộn vào trong tim của mỗi người Việt chúng ta dù ở trong nước, hay chết trên biển cả, rừng sâu hỏ thẳm để tìm hai chữ Tự-Do. Những người Việt định cư trên toàn thế giới ôm ấp lá cờ đó vào trong tim. Cứ mỗi độ 30-4, người Việt tị nạn chúng ta ôm cờ khóc trong thầm lặng. Họ lấy cờ đó làm niềm tin sắt đá treo nó lên, cờ vàng 3 sọc đỏ sáng rực bay cao trên vùng nắng ấm California chúng ta (nói riêng), nơi đâu có người Việt tị nạn trên thế giới thì lá cờ vàng cũng bay cao trước gió (nói chung). Người tị nạn dù xa quê hương, xa Tổ Quốc mến yêu cũng luôn luôn hướng về Tổ-Quốc và quê hương, luôn cảm ơn và cảm ơn quý vị anh hùng chiến sĩ bảo vệ lá cờ linh thiêng hồn Việt và dân tộc, cảm ơn quý anh chị đoàn thể Cộng Đồng đã vất vả treo những lá cờ ngoài trời, song song với quốc kỳ Hoa kỳ, đã cứu mang chúng ta có ngày hôm nay sống trên đất nước tự do, hạnh phúc nhất thế giới, đồng thời cũng làm sáng lại hồn dân tộc Việt nơi xứ tị nạn, đưa tinh thần tranh đấu cho Tự Do, dân chủ, mà lá cờ vàng tiêu biểu trong mỗi chúng ta. Trong tháng tư đen này, cờ vàng nhắc lại cho chúng ta ngày đen tối 30-4-75. Ba mươi ba năm (33 năm) đã qua đi

một thời gian khá dài, nhưng vết thương lòng của người Việt tị nạn chúng ta vẫn còn in sâu đậm nét vào tim, trong khi còn CSVN ngự trị trên quê hương. Những hình ảnh thê thảm trên đại lộ kinh hoàng Quảng-Trị, Tỉnh lộ tử thần số 7 đầm máu và xác đồng bào nhảy nhạ la liệt rải trên đường, những cảnh tượng hãi hùng đi vượt biên chết trên biển Đông, đặc biệt những trận đánh của những anh hùng Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt-Động, những sư đoàn dã chiến và cả anh em Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, Nhân Dân Tự Vệ, Xây Dựng Nông Thôn... Hơn nữa chúng ta không quên gương hy sinh tuấn tiết anh dũng của năm (5) vị Tướng Lãnh: **Nguyễn Khoa-Nam, Lê Nguyên Vỹ, Lê Văn Hưng, Nguyễn Văn Hai, Phạm Văn Phú**, và cả các quân nhân, cảnh sát đã hy sinh không để sa vào tay giặc, hành hạ thân xác thê lương... Tất cả những sự kiện lịch sử đó cuộn cuộn hiện lên trong tâm trí của chúng ta, quá khứ hiện tại đều nói lên trong ngày 30-4- đen gây xúc động, cay đắng, xót xa, cho một dân tộc chưa từng có trong lịch sử 4 ngàn năm văn hiến Việt. “Chúng ta biến đau thương thành hành động”. Từ ngày có CSVN ra đời thì dân tộc Việt-Nam khốn khổ suốt hơn sáu (60) thập niên qua, thảm cảnh chiến tranh Nam Bắc chia đôi, con chém cha, vợ giết chồng, hàng triệu người đã tan thân nát thịt, đất nước tan hoang, dân tộc phân tán, thảm cảnh tị nạn của hàng trăm ngàn đồng bào chìm sâu trong lòng biển cả, gởi xác trên rừng sâu núi thẳm và khổ sai trong các trại tù cải tạo... Tất cả đều do CS tạo nên, tác giả chính là họ. Tưởng niệm 30-4- là để ghi tâm khắc cốt tội ác dã man của CS. Ghi lại lịch sử thảm cảnh ngày đó cho các con em chúng ta biết về tội ác, gian manh của CSVN chưa từng có trong lịch sử. Tưởng niệm 30-4, để chúng ta ôn lại bài học quá đắt giá. Nước ta là thân phận nước nhược tiểu đã bị các siêu cường đặt lên những chiêu bài quốc tế ở vào vị trí

chiến lược của Đông Nam Á. Đất nước chúng ta đã bị những cơn lốc quay cuồng và ảnh hưởng quyền lực ngoại bang, các lãnh tụ của chúng ta không đủ bản lĩnh đứng vững để xoay đảo thời thế lợi ích cho dân tộc. Chúng ta oán trách đồng minh tháo chạy bỏ rơi chúng ta. Nhưng chúng ta cũng phải tự trách mình! Anh! Tôi! Mỗi người tùy địa vị cũng phải tạ tội trước dân tộc, cũng phải nhận một phần trách nhiệm của mình với Tổ quốc. Hoa Kỳ giải quyết mọi sự trên Thế Giới vì quyền lợi của họ. Chúng ta không thể tự túc, tự cường mà chỉ biết dựa vào sức người! Ta quá tin người! Một khi chính sách thay đổi... vì quyền lợi, họ cũng bỏ rơi chúng ta giữa đường gãy gánh, đành phải suy sụp thất bại mà thôi. Một bài học khác nữa là chúng ta thiếu thống nhất ý chí từ trên xuống dưới, không một lòng hợp nhất với nhau, câu ca dao nói: “Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” không thể hiện được, Một chiếc đũa bẻ gãy, nhưng chụm lại một bó làm sao bẻ gãy? Thế lực chính trị quốc gia đã phân hoá ở mọi tổ chức, mọi tập thể. Ta bị chia rẽ hay bị mua chuộc đã làm cho hàng ngũ chúng ta tan rã. Tưởng niệm tháng tư đen ngày quốc hận (2008), chúng ta không quên những đau đớn, khóc cho thân phận, cho dĩ vãng... nhưng chúng ta cố gắng gìn giữ không sa vào vết xe lầy cũ nữa, nhất là trong giai đoạn hiện nay đoàn kết là trọng yếu nhất, là khẩn thiết nhất. Sự thật đau lòng của hiện nay là tại miền Nam California Tôn giáo chia rẽ tôn giáo, Cộng Đồng chia rẽ Cộng Đồng, đoàn thể chia rẽ đoàn thể, nhân dịp tưởng niệm 30-4 - 2008, chúng tôi tha thiết kêu gọi những vị lãnh đạo tổ chức các hiệp Hội, tập thể trong Cộng-Đồng, hãy cùng nhau tìm ra phương pháp dung hoà đoàn kết để có thể ngồi lại mà xây dựng khối đoàn kết Cộng Đồng. Xin mọi người chúng ta hãy đi qua dãy phố cờ vàng Little Saigon tung bay rợp trời, trên đường Bolsa song song với cờ Hoa Kỳ. Cho chúng ta

nhìn lại ngọn cờ thiêng liêng đó tiêu biểu cho hồn Việt, cho tự do, dân chủ, nhân quyền, để Cộng Đồng chúng ta vững mạnh hơn... và hỗ trợ cho cuộc tranh đấu trong nước hơn 85 triệu đồng bào ta được thoát khỏi ách cai trị của Cộng Sản Việt Nam. Đó là ta góp tay xây dựng một nước Việt-Nam Tự-Do, dân chủ, và phú cường.

Nguyễn-Dzuy

THƯƠNG TIẾC NHẬT TRƯỜNG

Và cứ thế thêm một người nằm xuống
 Ôm mộ bia rữ sạch hết nợ trần
 Bước thẳng trầm bất biến của thế nhân
 Anh thanh thản nghìn Thu nằm an nghỉ
 Trần Thiện Thanh trọn kiếp đời nghệ sĩ
 Anh luôn vinh danh những chiến sĩ can trường
 Bất khuất kiên cường gìn giữ quê hương
 Đang tức tửu ghen ngào trong mộ huyết
 Thăm nhau một lần để rồi vĩnh biệt
 Sân khấu vắn vương tiếng hát Nhật trường
 Sinh trưởng cùng Phan Thiết quê hương
 Ôm nuôi tiếc tiền đưa người nằm xuống.

Lâm Minh Văn

THA HƯƠNG

Lâm Minh Văn

Ngày tám tiếng rập rình nghe máy nổ
Năm bốn mùa ì ạch kiếm tiền đô
Mặt đại dương còn gợn sóng nhấp nhô
Con nước mãi bênh bồng không điểm tựa
Hè Kansas bầu trời như rực lửa
Đông lạnh đầy tuyết phủ ngập đường đi
Đau xác xơ cành lá mỗi Thu kỳ
Sương lạnh lẽo...Xuân tủi buồn hương sắc
Nhớ quê hương tôi lặng thầm cúi mặt
Biết bao giờ đất nước trọn niềm vui
Tôi với anh cùng chuyến tuyến một thời
Ngùi uất hận lê tuổi đời viễn xứ

Đã một thuở nêu cao tinh thần đồng đội
Và tự hào tình huynh đệ chi binh
Nay đồng hương sao lắm nỗi bất bình
Cứ hèn học lọc lừa nhau mà sống
Ôm sáu mươi năm tuổi đời tàn mọng
Thôi! Ngồi âm thầm chiết tính trả tiền bill.

Lâm Minh Văn

TỘI ĐỒ DÂN TỘC

Nguyễn-Dzuy

Một tât đất, một tât vàng
 Bao nhiêu xương máu lót đàng... Tiền Nhân
 Bao nhiêu chiến sĩ xa gần
 Hàng hàng lớp lớp hiến thân quên mình
 Hàng ngàn thế hệ hy sinh
 Chống giặc phương Bắc giữ gìn non sông
 Từ Minh, đến Thanh cùng giặc Tống
 Mộng xâm lăng ăn cướp, mộng đế quốc
 Đền tội, Bạch-Đằng, ải Chi Lăng
 Chương Dương Hàm Tử sóng bằng lấp thây
 Gương đó, anh hùng ta đây
 Việt-Nam lịch sử Đông Tây hải hùng
 Việt-Nam Cộng Sản bọn khùng
 Ngàn năm gương đó sáng hừng lửa thiêng
 Sao không thấy đấng Tiên Hiền
 Bảo tồn lãnh thổ khắp miền nước Nam
 Từ Cà Mau đến Nam Quan
 Đất liền, hải đảo gắn liền máu xương
 Tại sao?...chúng bay, bất lương
 Phanh thây xẻ thịt, lóc xương bán đành
 Đất mẹ, thuở đất hiền lành
 Dựng bao chiến tích sử xanh muôn đời
 Tội xẻ đất bán, đổi đời
 Tội đồ dân tộc muôn đời không tha
 Ví dầu tòa án đem ra
 Thiên địa thống đế không tha chúng mày?....

Ngày hội thảo Trường Sa, Hoàng Sa

TẮM MÁU

Kính dâng hương hồn Đại Úy Trần Thắng Toàn, Phân Chi Khu Trưởng Xã Trung Lập, Tỉnh Hậu Nghĩa. Đã bị Cộng Sản sát hại hết sức dã man trong ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại xã Trung Lập.

Nguyễn Ninh Thuận

Nhằm tạo cho mình có một hậu cứ thật vững mạnh và nhân sự dồi dào, hợp lệ trong lòng đất địch sau này. Theo tinh thần Hiệp Định Genève, bọn Cộng sản phải rút hết quân đội về miền Bắc. Nhưng chúng đã gian manh âm thầm cho một số cán bộ giả dạng thường dân, sống trà trộn rải rác trong quần chúng. Còn một số cán binh, trước khi rút về Miền Bắc; Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phát động phong trào cưới vợ tập thể cho tất cả bộ đội còn độc thân ở khắp các địa phương của Miền Nam. Lúc đó, bà Sáu ở lứa tuổi cập kê nơi thôn dã, nên đã bị động viên, ton hót, ép phải lấy chồng bộ đội theo kế hoạch của Đảng để ra.

Vào một buổi chiều ẩm đậm cuối tháng 7 năm 1954, bà Sáu bùi ngùi chia tay chồng phải tập kết ra Bắc. Tình nghĩa vợ chồng của bà chỉ kéo dài được một tuần trăng mật, thật quá ngắn ngủi, nhưng bà đành bóp bụng, ôm lòng chia tay người chồng mới cưới.

Lau vôi hai hàng nước mắt, bà thở dài trách chồng:

-Anh thật quá hăng say, một lòng với cách mạng, không nghĩ đến vợ mới cưới một chút nào cả. Ai đời vợ mới cưới mà nỡ đành đoạn rút áo ra đi như thế này...

Quay sang hôn vợ, người chồng cán binh cứng rắn nói:

-Nợ nước trước tình nhà em à! Bao giờ cách mạng

thành công, vợ chồng mình sẽ đoàn tụ bên nhau vĩnh viễn.

Nói xong, ông Sáu mạnh dạn ra đi theo tiếng gọi của Đảng, của Bác tập kết ra Bắc. Ông Sáu nhấn tâm để lại Miền Nam người vợ hiền mới cưới tập thể trong tuần vừa qua.

Thời gian thấm thoát trôi, bà Sáu hạ sanh được một thằng con trai kháu khỉnh, rất dễ thương. Không chồng bên cạnh, bà Sáu rất khổ tâm trong cuộc sống. Bà luôn luôn bị người lối xóm gièm pha, nhút là bị phía cơ quan an ninh của chính quyền quốc gia để ý, theo dõi. Bà Sáu bị tình nghi là vợ của một cán binh Cộng Sản nào đó đã tập kết. bà Sáu nghĩ thầm trong bụng:

-Họ đã nghi mình là vợ của một cán binh Cộng Sản tập kết, như vậy họ đã đánh hơi biết tông tích của mình rồi. Để tránh phiền phức lôi thôi có thể xảy ra, mình phải mau chân rời bỏ nơi chôn nhao cất rún Quảng Ngãi để vào Tỉnh Bình Dương lập nghiệp, may ra mới được yên thân với những con mắt theo dõi của ngành an ninh, tình báo quốc gia.

Mười tám năm thấm thoát trôi qua, thằng Toàn, con trai duy nhất của bà Sáu đã thi đậu bằng tú tài. Toàn thấm nhuần một thái độ chính trị qua chương trình học có phân tích các chế độ ưu việt của nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới. Tuy thằng Toàn học rất giỏi, nhưng làm sao có khả năng nuôi nó vào đại học. Cũng như những thanh niên đồng trang lứa thời bấy giờ, Toàn tình nguyện vào trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Sau 9 tháng thụ huấn quân trường, Toàn tình nguyện gia nhập vào Lực Lượng Đặc Biệt. Với tinh thần yêu nước, thương dân, yêu chuộng tự do cao độ,

Toàn luôn luôn hăng say, nhiệt tình với trách nhiệm được giao phó. Ngày đêm, luôn đối đầu với giặc thù nên Toàn đã bị thương rất nhiều lần suýt vong mạng.

Lần bị thương sau cùng, vết thương khá nặng ở chân vì đạn giặc. Bác sĩ đề nghị cưa cái chân bị thương của Toàn, nhưng Toàn đã tha thiết nài nỉ bác sĩ điều trị:

-Xin Bác sĩ đừng cắt cụt chân tôi, giúp tôi còn đủ đôi chân để khi bình phục, tôi còn có cơ hội giẫm nát kẻ thù tàn ác, đã gây biết bao cảnh chết chóc thảm thương cho dân tộc Việt Nam. Như năm Mậu Thân đã chôn sống hơn sáu ngàn người dân ở cố đô Huế, là nỗi hận muôn đời không thể nào quên được.

Vị bác sĩ điều trị rất khâm phục tinh thần hăng say quyết chiến đấu chống kẻ thù chung của dân tộc, nên đã tận tâm điều trị cho Toàn. Trong khi đó, bà Sáu thấy con mình bị thương nặng, bà muốn nhân cơ hội này khi bình phục, con bà sẽ giải ngũ để về sống bên cạnh bà. Vừa lau hai hàng nước mắt chảy dài trên đôi má, bà Sáu đưa tay sờ trán con mếu máo nói:

-Mẹ muốn nhân cơ hội con bị thương lần này, con nên xin giải ngũ để về sống bên cạnh mẹ. Đừng đi lính nữa nghe con?

Tuy vết thương bị hành đau, nhưng Toàn vẫn hùng hồn trả lời mẹ:

-Không! Làm trai trong thời chiến, con không thể hèn nhát như vậy được mẹ à! Khi bình phục, con sẽ trở về đơn vị ngay. Con thể sẽ hăng say phục vụ nhiều hơn nữa. Xin mẹ đừng cản bước chân con. Con nguyện sẽ giẫm nát kẻ thù. Con thể không đội trời chung với bọn người lòng lang

dạ thú, tàn bạo, dã man, khát máu ấy.

Bà Sáu nắm chặt tay con khóc rầm rức một hồi lâu. Như không còn dẫu được với chính mình trước nghịch cảnh hai cha con, hai chuyến tuyến đối đầu. Bà lẩm bẩm:

-Con mình bị thương có phải do viên đạn của chồng hay đồng đội của ông ta bắn không?

Nhìn thấy hai hàng nước mắt mẹ rơi, đôi môi mẹ mấp máy như đang nói điều gì, Toàn chỉ nghe loáng thoáng. Thắc mắc trong lòng, Toàn lên tiếng hỏi bà Sáu:

-Mẹ vừa nói gì mà con không nghe được vậy? Dường như mẹ muốn giấu con một điều bí ẩn nào đó phải không hả mẹ?

Thoảng biến sắc mặt vì câu hỏi bất ngờ của con, nhưng bà lấy lại được bình tĩnh, bà Sáu lắc đầu nhỏ nhẹ trả lời Toàn:

-Không! Mẹ không hề giấu giếm con bất cứ một điều gì cả con à!

Toàn cố tình lặp lại câu hỏi vừa rồi của mình:

-Mẹ không giấu con, nhưng mẹ lại không nói cho con biết vừa rồi mẹ đã nói gì?

Mẹ của Toàn nở nụ cười âu yếm trả lời con:

-Mẹ chỉ cầu nguyện Trời Phật cho con trai của mẹ sớm bình phục đó thôi!

Toàn tin lời nói vừa rồi của mẹ, chàng thầm cảm ơn mẹ đã quá lo lắng cho mình. Chàng không còn thắc mắc nữa. Bà Sáu an lòng đưa mắt nhìn con rồi ngược nhìn lên trần nhà, hai hàng nước mắt của bà lại tuôn ra. Đầu óc bà như bấn loạn trước những sự lo lắng thái quá của bà. Bất chợt Toàn lên tiếng hỏi mẹ:

-Ba con đâu hả mẹ?

Giật mình trước câu hỏi đột ngột của con, bà Sáu lại thoáng biến sắc mặt một chút. Lấy lại bình tĩnh, bà gượng cười trả lời con:

-Mẹ nhớ đã trả lời câu hỏi này của con nhiều lần lắm rồi kia mà! Bộ không tin lời mẹ hay sao là lâu lâu con lại hỏi mẹ bất chợt như vậy hả con? Ba con đã chết từ khi mẹ mới cắn thai con đó!

-Vì sao ba con chết hả mẹ? Toàn nhỏ nhẹ hỏi.

Bà sáu thở một hơi dài, đưa tay vuốt trán con rồi nói:

-Vì kẻ dã man, lòng lang dạ sói đã cố tình bức hại ba con đó!

Đưa tay nắm tay mẹ như thông cảm nỗi đau của người mẹ thân yêu, Toàn chậm rãi hỏi:

-Kẻ đó là ai? Có phải bọn Cộng Sản dã man, khát máu không hả mẹ?

Bà sáu không trả lời con, nước mắt lại chảy dài trên hai gò má nhăn nheo, bà hơi khẽ gật đầu:

-Con tin lời mẹ. Con quyết trả thù này. Con không thể đội trời chung với bọn dã man, khát máu đó được.

Khi xuất viện, Toàn hăng hái trở lại đơn vị nhận nhiệm vụ. Tuy biết Toàn là một sĩ quan có tài, gan dạ, năng nổ, luôn luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao phó. Nhưng đôi chân sắt của chàng không còn đi đứng, chạy nhảy vững vàng như trước kia nữa. Cấp trên đã biệt phái Trần Thắng Toàn về Tiểu Khu Hậu Nghĩa. Tại đây, Đại Úy Trần Thắng Toàn đã được Đại Tá Tôn Thất Soạn, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Tiểu Khu Hậu Nghĩa cảm phục tài năng và lòng dũng cảm của Toàn, nên đã trao trọng trách

Phân Chi Khu trưởng Phân Chi Khu Trung Lập cho Đại Úy Trần Thắng Toàn.

Với một sĩ quan tài giỏi, năng nổ như Toàn thì ở đâu chàng cũng hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Xã Trung lập nằm giữa lòng đất địch (Giữa mật khu Hồ Bò, vùng địa đạo Củ Chi khét tiếng “Đất Thép Thành Đồng” của giặc). Ngày đêm xã Trung Lập lúc nào cũng chịu áp lực hết sức nặng nề của giặc, chúng ra vào làng xóm thu thuế, vơ vét của dân như chỗ không bóng đáng người lính quốc gia. Nhưng trong suốt thời gian Toàn về nhận nhiệm vụ ở đây, tình hình an ninh xã Trung Lập được vẫn hồi thấy rõ.

Dầu có biệt tài, nhưng ở cương vị nhỏ nhoi ở cấp xã của Toàn, chàng chỉ làm tròn bốn phận hạn hẹp của mình thôi. Chàng không thể nào ngăn chặn được làn sóng kẻ thù đang ào ạt tiến quân về đông như kiến cỏ. Cả một sư đoàn địch tiến về xã Trung Lập. Một Trung Đội Nghĩa Quân không thể cản bước tiến quân của một sư đoàn (Công Trường 9 Cộng Sản Bắc Việt). Đại Úy Trần Thắng Toàn (có biệt danh là Toàn râu, vì anh có bộ râu mép rất đẹp), bị bắt cùng một trung đội Nghĩa Quân dưới quyền. Hơn ba mươi chiến sĩ Nghĩa Quân của xã Trung Lập và hơn hai mươi chiến sĩ Cảnh sát Quốc Gia của Cuộc Trung Lập, đã bị kẻ chiến thắng bày trò lập “Tòa án nhân dân” giết chết không còn sót một người lính nào.

Bọn Việt Cộng địa phương này đã từng khiếp vía trước những chiến công hiển hách của Toàn. Giờ đây, Toàn là con mồi ngon trong tay những tên đồ tể khát máu. Trước mắt bọn dã man, chúng chỉ biết trả thù, và trả thù mà thôi.

Họ không có chính sách khoan hồng hay nhân đạo đối với kẻ thua trận một chút nào cả. Họ quá khát máu nên đã dẫm đạp man nhử từng cộng râu trên mép để làm nhục, để hành hạ Trần Thắng Toàn. Chúng đã đang tâm lẻo lác từng miếng thịt trên thân thể cường tráng của người hùng khét tiếng chống Cộng. Máu của người chiến sĩ kiên trung Trần Thắng Toàn đã ứa đầm thân thể, nhưng người chiến sĩ gan dạ ấy không một chút núng nao, van xin. Đôi mắt sáng quắc của chàng nhìn kẻ thù không chớp. Chàng mỉm cười tự nhủ: “Thà chết vinh hơn sống nhục!”.

Đáng lẽ Trần Thắng Toàn không chết thảm như thế... Ông Sáu trở về tìm vợ, tìm con với quyền cao chức trọng trong nguồn máy Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Người thuộc cấp của ông Sáu cầm lá thư của ông đưa cho viên bí thư xã Trung Lập với mục đích xin bảo lãnh mạng sống cho con ông là Đại Úy Trần Thắng Toàn. Nhưng viên bí thư xã im lặng đến lạnh người. Y điềm nhiên nhìn Trần Thắng Toàn bị nhục hình đến chết.

Ông Sáu cùng vợ ngồi trên chiếc xe Jeep có lính hộ tống chạy vội đến xã Trung Lập, mong được gặp thằng con trai duy nhất là Đại Úy Trần Thắng Toàn và bảo lãnh nó về. Nào ngờ, vợ chồng ông bà Sáu đến nơi thì Toàn đã trút hơi thở cuối cùng với thân xác không còn nguyên vẹn và bê bết máu.

Ôm xác con, bà Sáu khóc lóc rất thảm thương. Cố đè nén sự xúc động trong lòng, bà Sáu ngược mắt nhìn chồng ghen ngào nói:

-Ông sáng mắt chưa? Đây là thành quả mấy mươi năm cách mạng của ông đấy! Ông không nên rơi nước mắt khóc thương cho thằng con xấu số của ông. Trái lại, ông nên hãnh diện, vui cười đón nhận cái thành quả to lớn đó! Nợ nước trước tình nhà mà ông!

Nói xong, bà Sáu vừa ôm xác Đại Úy Trần Thắng Toàn, vừa cười vang lên như người mất trí. Trông bà thật quá thảm thương.

Nhìn xác con bị xéo nhiều nơi trên thân thể, máu me đầy người. Ông Sáu im lặng một hồi lâu rồi buông tiếng thở dài:

-Con ơi! Mấy mươi năm theo Bác, theo Đảng, ba đã cống hiến hết tuổi thanh xuân trai tráng. Để ngày chiến thắng được nhận xác con không vẹn như thế này? Toàn ơi, con hãy tha lỗi cho ba, một người cha có mắt không trông. Ba chưa mù mà chẳng thấy con đường ba đang đi trước mặt.

Cuộc chiến này sao quá dã man,
 Cha con, chồng vợ phải đôi đành.
 Cha đi bên đó...theo bên đó,
 Con ở bên này...quá ngỡ ngàng.
 Thế rồi cuộc chiến đến hồi tàn,
 Kẻ thắng tung hoành thật dã man.
 Léo da, lóc thịt thằng thua trận,
 Cho hả tâm can kẻ bạo tàn.
 Con hỡi còn đâu nữa con ơi!
 Chiến thắng mà chi... nát cuộc đời.
 Thức tỉnh... ta buồn cho thế sự,
 Thành công chi... chẳng được lòng người.

NỖI HỒ KHIÊM CƯƠNG

Này em, cô gái KHIÊM CƯƠNG đó
Muốn quá giang về HẬU NGHĨA không?
Đêm nay ta mộng ngồi thổ mộ
Lộc cộc bên đường xuống bến sông
Ta sẽ nhặt giùm em viên đá cuội
Mà bánh xe đời vừa nghiền nát hôm qua
Ta sẽ hỏi bụi tre già khóm trúc
Ai đã làm trời đất nổi phong ba
Rồi ta sẽ đưa em về thăm THA LA
Đi thăm xứ đạo thật hiền hòa
Rồi xuôi con nước ra VÀM TRẮNG
Nối ấp địa đầu AN THỚI xưa
Rồi ta sẽ cùng em đi trong mưa
Men theo VÀM CỎ chảy lững lờ
Mỗi năm cứ đến mùa nước lũ
Anh ngắm lục bình trôi ngược xuôi
Rồi ta sẽ cùng em đi rong chơi
Qua LỘC GIANG buồn của một thời
Ghé qua QUÁN NHỊ thăm cô hàng xóm
Ăn miếng khô bò với lẩu lươn
Rồi ra sẽ đưa em về thị xã KHIÊM CƯƠNG
Ghé chợ BÀU TRAI thăm cô giáo CÁT TƯỜNG
Nhà cô ở cạnh CẦU DUYÊN đó
Cứ mỗi buổi tan trường anh vấn vương...

Rồi ta sẽ đưa em về thăm TÂN MỸ
Ngàn đêm mộng寐 gái SÒ ĐO
Thăm vườn mía ngọt thơm mùi mật
Thoang thoảng mùi hương cô gái quê
Em ở RỪNG NHUM chờ lúa về
Một chiều mưa lạnh gió tái tê
Gặp người áo trận hoa màu đất (*)
Cột chặt tim em tuổi dậy thì
Rồi ta sẽ đưa em về thăm CỬ CHI
Em ôi còn nhớ quán BIÊN THÙY
Nhâm nhi từng giọt cà phê đắng
Gặm nhấm nỗi buồn dưới đáy ly
Con lộ nào đưa em về TÂN PHÚ
Anh quay lưng trở lại CÁNH ĐỒNG DÙ
Mưa tháng bảy giữ người bên hiên vắng
Ta ngại ngừng vuốt từng giọt mưa thu
Em tung tăng mười tám tuổi mây trời
Trôi bên cạnh đóa mai vàng vừa hé nở
Em hân hoan nụ cười đầy rạng rỡ
Anh chợt buồn trong đôi mắt chinh nhân
Đêm hỏa châu dự chiến đã bao lần
Ôi thương nhớ người em quê PHƯỚC HIỆP
Ngày lại ngày qua chiến tranh nẩy nôi tiếp
Biết đến bao giờ mới chấm dứt đây em?
Trận RỪNG TRE còn vết tích đạn bom
Thương AN TỊNH những ngày đầy khói lửa
Ta bỗng nhớ đồng lúa vàng ngậm sữa
Dọc bờ kinh con nước chảy ra sông

Thương quá em ơi lặn lội tìm chồng
 Ngày lam lũ đêm về đồn cùng gác giấc
 Nhớ thuở xa xưa bên KHU TRÙ MẬT
 ĐỨC HUỆ còn nắng cháy giữa đồng hoang
 Ta cùng nhau xây dựng lại xóm làng
 Bên cửa ngõ biên thùy MIỀN VIỆT
 BA THU – ĐƯỜNG XUỐNG rồi MỖ VỆT
 Gót giày sô anh giẫm nát đìa bom
 CỎ ĐÔNG GIANG sóng vỗ suốt đêm trường
 Ôi thương nhớ người em quê MỸ HẠNH
 Trên chuyến xe Lam đưa em về HÒA KHÁNH
 Cho anh nhắn lời thăm cô gái giữ VƯỜN THƠM
 Môi còn đỏ như màu chôm chôm tháng bảy
 Ba mươi năm rồi, bây giờ anh trở lại
 HẬU NGHĨA ôi giờ đã mất tên rồi
 Có còn chăng những hình ảnh ở trong tôi
 KHIÊM CƯỜNG đó một thời anh đã sống.

Sóng Trùng Dương

(*) cảnh phục của Cảnh sát Dã Chiến (VNCH)

Lời Tòa Soạn: Sóng Trùng Dương trước 30/ 4 /1975 là Trung Úy Cảnh Sát Quốc Gia. Sau một thời gian giữ chức vụ Trưởng Cuộc Xã An Hòa (Tha La Xóm Đạo), quận Trảng Bàng, tỉnh Hậu Nghĩa. Sóng Trùng Dương được bổ nhiệm làm Phát Ngân Viên Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia Tỉnh Hậu Nghĩa. Sau ngày 30/ 4/ 1975, hơn 5 năm khổ sai trong các trại tù Cộng Sản, cuối năm 1980, tác giả được thả ra và chẳng bao lâu, Công An Thị Trấn Gò Dầu Hạ, tỉnh Tây Ninh mưu toan bắt lại. Được hung tin, tác giả vội vàng tìm đường vượt biên một mình đầu năm 1981. Sau đó mới bảo lãnh vợ con sang đoàn tụ. Hiện định cư tại Australia – Sydney.

Một Cảnh Đời Lưu Vong.

Ho Phi

Chuyện xảy ra đã hơn vài thập niên, khi mà chương trình ODP mới bắt đầu có hiệu lực cho người VN, bà con bên quê nhà lai rai theo diện này đáp máy bay qua Mỹ đoàn tụ gia đình. Đây là một chuyện thật được kể lại như một phân nhỏ trong bi sử của người Việt mất nước lưu vong.

à Trần trước 1975, làm việc ở phòng kế toán, chuyên trả chi phiếu cho các nhà thầu khi họ hoàn tất công tác Bcho Cục Mãi Dịch Quân Đội Mỹ tại Saigon. Chồng bà là Trung Tá Trần làm việc tại Nha Cảnh Sát Đô Thành Saigon. Hai ông bà đều gốc Bắc Di cư, có nhà ở đường Công Lý, có một nếp sống trung lưu thoải mái ấm êm. Tuy là sĩ quan cảnh sát nhưng ông hiền lành, đạo đức, xề xòa vui vẻ, không nịnh cấp trên, chẳng đề cấp dưới. Ở sở, ông là người thi hành lệnh trên một cách nghiêm chỉnh, chu đáo. Còn ở nhà, thì ông thi hành những yêu cầu của bà một cách tuyệt đối, không hề nói điều gì trái ý bà, vì bà là người quyết đoán năng nổ hơn ông. Nên gia đình ông bà rất là êm ấm, vợ chồng con cái có nếp sống mẫu mực. Hằng năm bà hay rủ bạn bè đến nhà tiệc tùng thân mật, nên mọi người đều có cảm tình tốt đẹp, chẳng ai ganh tị nói điều gì linh tinh. Nhờ địa vị và lương bổng của công việc, vào thời buổi chiến tranh việc xuất ngoại du học của nam sinh rất khó, nhưng ông bà, tuy cấp bậc chưa lớn mấy, cũng đã đủ thế lực và tiền bạc để gởi cậu con trai sang Mỹ du học được ba bốn năm trước khi biến cố 30/4/75 xảy đến.

Sau 30/4, hai ông bà đều bị bắt đi tù cải tạo, nhà cửa bị

chiếm đoạt. Mấy đứa nhỏ thì lang thang hay ở với bà con rồi rồi cũng tự trưởng thành, tự mưu sinh đâu đó, cha mẹ con cái nước mất nhà cũng tan. Sau vài năm thì bà được thả ra, còn ông thì vẫn mãi trong tù suốt hơn bảy năm ròng rã. Bà ra ngoài tù thì chỗ ở không còn, bị buộc đi kinh tế mới. Vốn nhà khá giả, ăn học, sống cảnh thành thị, chưa từng quen kham khổ nơi rừng rẫy, nay lên vùng kinh tế mới, muỗi mòng, gió lộng, nắng mưa, lều trại tối tăm, làm ăn không được, bà trở về Saigon lầy lắt nơi này nơi khác, chạy vạy thỉnh thoảng lo tiếp tế thăm nuôi, mong ngày chồng mãn hạn tù.

Khi ông được thả về, thân tàn ma dại, như một ông lão yếu đuối bệnh hoạn tuy chưa đến tuổi 60. Ông bà sống trong cảnh khó khăn về mọi mặt, không có chỗ ở ổn định. May lúc đó Mỹ cũng đã cho ra chương trình ODP đoàn tụ gia đình. Ông bà liên lạc được với cậu con trai bên Mỹ và tiến hành thủ tục xin qua đoàn tụ với con. Bà vốn là nhân viên cũ lâu năm của chính phủ Mỹ, nên hồ sơ được cứu xét nhanh chóng và sự phỏng vấn của phái đoàn Mỹ được thông qua dễ dàng. Hai ông bà trở thành hai trong những người được sang Mỹ theo diện đoàn tụ này, trong các đợt đầu tiên. Không hiểu sao chỉ mỗi có hai ông bà được đi, còn vài người con cũng trưởng thành kia chưa được cho theo.

Thoát khỏi cái cảnh người gọi là thiên đường, mà đó là thiên đường thật sự của một số người, vì ở nơi này, họ tha hồ tự do muốn làm gì cũng được, chiếm đoạt những cái gì tốt đẹp nhất, tự do bóc lột, tự do xoay xở, làm giàu hết cỡ xưa nay trên nỗi khổ nhục của cả nước. Nhưng cũng là cái cảnh mà đa số cho là địa ngục trần gian, vì nơi đó nhiều người vô tội bị tù đầy hành hạ đến chết, người thì đói khổ, thương tật, lâm than, bị ức hiếp, bị lường gạt bóc lột thậm tệ,

phải bán tất cả những gì có thể bán được để có cuộc sống lây lất, khôn cùng. Giờ ông bà Trần vui mừng thoát khỏi cảnh thiên đường địa ngục lẫn lộn này để bay sang Mỹ đoàn tụ với người con trai yêu dấu sau bao năm xa cách.

Người con trai đã tốt nghiệp cao học, có công việc làm lương cao, có vợ người Mỹ, có vài đứa con lai, có nhà cửa xe cộ khang trang, ông bà mừng lắm. Tuy ông bà Trần trước kia cũng đã từng khá giả mà nay thấy nhà cửa xe cộ, trang trí trong nhà con mình, cũng phải nể sự sang trọng, nên rụt rè, kè nể. Nhà trên một khu đồi cao, với từng đơn vị gia cư cách nhau, đất đai rộng rãi, xa nơi phố chợ, đi lại toàn bằng xe hơi đẹp đẽ. Chẳng hề có xe bus, vì khu này chẳng ai phải dùng đến xe bus.

Ở chung chưa được bao lâu. Vốn tính ông bà Trần thích ôm bông cháu theo lối của các bà mẹ, bà nội, bà ngoại Vietnam bên xứ mình. Cô dâu Mỹ thấy thế rất khó chịu, vì thấy bà già, sợ lây bệnh cho con, nên không bằng lòng, tỏ vẻ bất bình và nói với chồng, phản đối việc đó, khiến ông bà ột dột buồn bã. Thấy ông ốm yếu, cô dâu sợ ở chung nhà lây bệnh, và lại thêm mất tự do, nên bảo chồng đưa ông bà đi nơi khác. Vì ông bà đi theo diện ODP bảo lãnh, nên không biết gì đến những cơ quan giúp người tỵ nạn. Phải chi ông bà được chấp nhận cho vào Mỹ theo diện tỵ nạn thì được các hội nhà thờ bảo lãnh, đón đưa, hướng dẫn, giúp đỡ, và bước đầu được chính phủ Mỹ cho lãnh trợ cấp xã hội cùng một tiêu chuẩn với dân Mỹ nghèo xứ này thì không đến nỗi nào buồn khổ, lo âu. Đáng này ông bà Trần được con trai có lương bổng khá giả bảo lãnh theo diện ODP, đón từ phi trường về, nào có cơ hội để biết đến sự giúp đỡ nhân đạo của xã hội Mỹ, và họ cũng không có chương trình nào để lo cho các trường hợp ODP này. Bà lỗi giờ không biết lái xe,

thời trước đi xe do ông lái, hay tài xế cảnh sát lái. Cả hai mới qua đầu biết xe cộ, đường sá gì, lại ở tiểu bang xa vắng người VN, chưa có dịp tiếp xúc với người đồng cảnh mà trao đổi tin tức hay chỉ dẫn, bày biểu, khuyên giúp cho nhau. Cậu con trai của ông bà du học từ thời trước 1975 đang sống hòa mình trong xã hội Mỹ, nên không có giao tiếp với ai VN và cũng không sống trong cộng đồng người Việt như chúng ta đang sống ở Little Saigon. Nên ông bà Trần xem như đang sống cô lập trong môi trường Mỹ xa lạ, có truyền thống gia đình phần nào khác với VN, và chỉ biết có gia đình con mình, cũng lại Mỹ nốt.

Ông bà vốn là người Bắc trọng nề nếp và chịu giáo dục của các cụ xưa, mang nặng tư duy phong kiến và suy nghĩ cũ, nên không thay đổi kịp để thích ứng với hoàn cảnh mới. Không linh động gặp thời thế nào, thì phải biến đổi tâm tư của mình theo thời thế đó, nên cảm thấy rất chua xót và đau khổ. Trái lại, trong khi mấy ông bà bạn cùng sở cũ với bà khi xưa, khi thấy con nó không thích cho bế đến cháu, thì lại tinh bơ đi chỗ khác chơi, và biết tránh xa không đụng tới, nên quen dần, rồi mất luôn bản năng thiên phú hay bồng bế chăm cung con nít này, và cảm thấy rảnh rỗi tự do hơn. Mỗi phong tục, cái gì cũng có điều hay, điều dở, có cái lý để bù trừ cho nhau cả.

Chính vì bị vây kín trong thành kiến, mà ông bà Trần mới cảm thấy nhiều buồn khổ. Ngay tiếp theo đó thì người con trai mượn apartment một phòng ngủ cho ông bà sống riêng. Rồi gần như bỏ quên luôn ông bà Trần tại khu apartment này. Ông bà buồn quá, tiền bạc chẳng có, chẳng biết đi đâu, chẳng biết làm gì, suốt ngày ở trong apartment ngó bốn bức tường, buồn bã nhìn nhau than thở, quên cả cơm nước. Ông bà lợi bộ ra vùng chung quanh muốn tìm việc gì làm. Khi nhìn thấy ông bà đã xế chiều, và ốm yếu,

chủ nhân không biết thuê dùng vào việc gì cho thích hợp nên đều từ chối.

Sau mười lần lộn bộ tìm việc không thành như thế, ông bà bỏ cuộc và chẳng buồn đi đâu nữa, cũng chẳng buồn nói chuyện với ai, ngay cả qua phone với con trai mình. Nghĩ chuyện trở về lại VN thì ông quá kinh tởm, tính ở lại thì cũng cô quạnh, khó khăn, buồn phiền. Do bao năm vất vả ở VN, ông bà Trần thân xác đã rã rời, trí tuệ đã quần quanh, tinh thần đã bạc nhược, không còn ý chí phấn đấu.

Rồi một hôm, người Mỹ ở căn kế bên, bất chợt nhớ ra, thấy rằng căn apartment ông bà Trần ở, sao lại im lìm đã sáu bảy ngày không nghe tiếng động, không hề thấy ông bà Trần mở cửa ra vào, lại thấy có mùi gì hơi bất thường, nên phone báo cho manager. Manager sinh nghi gọi cảnh sát. Khi người ta mở cửa ra, thì một mùi hôi thối khó chịu tràn tràn làm ngạt thở, đó là mùi gas và mùi xác chết hòa lẫn. Ông bà Trần đã nằm bên nhau chết sinh cả tuần rồi. Sau khi pháp y khám nghiệm nguyên do cái chết đã kết luận: Ông bà Trần đã chết vì ngạt thở và ngộ độc bởi hơi gas. Không ai rõ khi ông bà, vì bất cẩn hay cố ý, đã đóng kín mọi cửa, để cho hơi gas từ bếp không cháy mà tràn ngập căn apartment. Hơi gas làm ông bà từ từ bất tỉnh, đi vào giấc ngủ mê man, rồi từ đó nhẹ nhàng rời khỏi thế gian. Thế là ông bà Trần đã ra đi an vui miền lạc cảnh vĩnh hằng. Khi được tin này, bạn bè gần xa đều rơi lệ.

HỒ PHI

Chẳng biết phân biệt câu nói hay, dở thì không thế nào biết kể chính, tà.

Luận ngữ

TÂM NHÌN CÚ VỌ

Bên dưới thân phận người
Nhìn lên cao tức tuổi
Giun đế biết bao trời
Cầm canh buồn nước nở

Ngay thế đứng ngang tầm
Thấy đồi cao lũng thấp
Thung sâu trầm luân kiếp
Nông nổi khó phơi bày
Núi xanh những tầng cây
Coi khinh đời ngất ngưỡng

Nhìn xoay ■ tám hướng
Thấy bầu trời thênh thang
Mây kỳ cùng lang bạt
Hương gió tìm đi hoang

Thu tầm ngấn nhân gian
Từng nổi niềm thẳng thốt
Tiếng phù sinh chất ngất
Tiếng trùng khơi miên man
Tiếng khua chạm đá vàng
Nhịp đời nâng cung bậc
Vòng quay ghìm hóa thân
Trên tầm cao nhìn xuống

Xanh một màu phù vân
Tầm nhìn con cú vọ
Xoay xoáy để nhận chân
Ánh mắt vờ chơm chớp
Để bao là nguyên nhân

không hề nghe tiếng nói
Từ sự kiện toát ra
Trên dòng đời u uẩn
Cứ thế phóng đại ra
Tầm nhìn con cú vọ
Gieo tai quái oan gia

Tiếng cú rợn nhà nhà
Điềm không may sẽ đến.

Mai khắc Phục

Lòng chiêm ngưỡng đẹp nhất mà chúng ta ban cho một tác giả không phải là ngồi cúi mũi đọc tác phẩm của ông ta nhưng là phải biết ngừng đọc, để sách xuống, suy tưởng và nhìn thấy xa hơn những gì mà tác giả ấy muốn nói.

Ch. Morgan

LỜI TÂM SỰ

Nguyễn Phước Hiệp

Chống Cộng bây giờ “job” riêng anh nhỉ?
Cùng nạn nhân... sao chụp mũ hại nhau?
Cộng Sản khoanh tay...cười tùm ... thở phào,
Không cần “đánh”... cũng tan đàn rả nghé!
Thương quê hương, lòng thấy đau như xé,
Người Quốc Gia thua Cộng Sản là đây!
Chẳng phải ai cũng Cộng sản nối dài?
Nghĩ kị quá còn ai chung góp sức?!

Chẳng lẽ lặng im nuốt bao tủi nhục,
Để đời đời con cháu mãi khinh khi.
Cơ hội còn chẳng tỏ chút tiết nghì,
Con cháu hiếu trước khi ta nhắm mắt.

Nhưng nên viết bằng tấm lòng chân thật,
Để chúng tìm ưu khuyết điểm vừa qua.
Góp bàn tay cứu lấy nước non nhà,
Vùng vẫy thoát ách độc tài Cộng Sản.

Thực lòng viết vì sao ta di tản?
Và vì sao ta để mất quê hương?
Mối oan khiên dân Việt lắm đoạn trường?
Có phải lũ chuyên bán buôn chánh trị?

Xin hãy viết trình bày cho hết ý,
Đừng lấy trò “áo thụng” vãi lạy nhau.
Chống Cộng “ba hoa” chẳng chết “móng” nào,
Cần thành thật mới tìm chân lý.
Tuổi trẻ ngày nay vô cùng thâm thúy,
Nhận xét tình tường lý lẽ trước sau.
Quang phục quê hương... khởi động phong trào,
Đâu hạnh phúc, tự do và no ấm?
Già như ta đôi khi... sinh lắm cảm,
Chẳng thấy mình phạm tội lỗi đã qua.
Chỉ trách người đắc tội với nước nhà.
Và chỉ biết ta đây là... “tất cả”.
Lời nói thật hay mất lòng đấy nhá!
Xin vui lòng tha thứ lỗi cho tôi.
“Hối hận ăn năn suốt cả cuộc đời...
Chưa chuộc được lỗi lầm ngày buông súng!”
Hơn ba mươi năm... vẫn còn lúng túng,
Chưa trả lời được con cháu ngày nay.
Ta cứ luôn khoe “ta giỏi” “ta tài”,
Sao thất trận trước một loài Cộng sản?
Thua đau rồi... bây giờ lại hô hoán,
Ai cũng “a tòng” Cộng sản hết trơn???
Bao sinh linh đang ngậm đắng nuốt hờn,
Mong người sống hãy thật lòng đoàn kết.

TÌM ĐỌC THI PHẨM

VÂN THƠ SÂU MỘNG

Để thấu hiểu nỗi lòngthăm kín
Của Nhà Thơ **TRẦN KIÊM NHIÊN**

Liên Lạc: Trần Kiêm Nhiên

ĐT: (714) – 902 - 8922

TÌM ĐỌC TẬP HỒI KÝ THẬT DỄ THƯƠNG

MỘT CUỘC SỐNG BÌNH THƯỜNG

Của Nhà Văn Nữ **HUỲNH THANH PHƯỢNG**

Liên Lạc: HUỲNH THANH PHƯỢNG

5562 Lutford

Westminster, CA 92683

ĐT:(714) 893 – 0709

NÓI CHUYỆN VỚI BA

Là Ba, thần tượng tuyệt vời,
Là Ba, đùm bọc con thời ấu thơ.
Là Ba, suốt những giấc mơ,
Là Ba, nâng đỡ trọn đời của con.

Thương Ba, trả hiếu chưa tròn,
Thương Ba, xa cách mỗi mòn nhớ mong.
Thương Ba, ấp ủ trong lòng,
Thương Ba, ly xứ khó mong đáp đền.

Con định ngày Father's day năm 2000 của dân Mỹ, con sẽ hoàn tất một bài viết về Ba, nhưng không biết có kịp thực hiện như ý định hay không?

Ba thương yêu,

Dường như ở trong con, có sự quan tâm và thương Ba nhiều hơn thương Mẹ. Mỗi khi Ba làm một việc gì đó mà mẹ không hài lòng, con thường tỏ ý bênh vực Ba ra mặt. Những khi đó, Mẹ thường mỉm cười nói:

-Người đánh trống, kẻ thổi kèn! Đúng là cha với con không sai một chút nào hết!

Ý mẹ muốn ám chỉ sự đồng điệu của cha con mình. Con vẫn biết dòng đời cuốn trôi, tội con lớn dần theo năm tháng. Chúng con như đàn chim con đủ lông, đủ cánh, phải rời khỏi tổ ấm để tự lập thân. Ba sẽ là cánh chim nối dài

giúp cho chúng con bay thật xa. Và Ba vẫn là lá chắn bảo vệ, che chở suốt cuộc đời của chúng con.

Gia đình mình là gia đình công chức, sống với đồng lương “ba cọc ba đồng” của Ba được lãnh. Để giúp Ba trong cuộc sống, Mẹ đã phải xoay xở buôn bán thêm mới đủ chi tiêu. Nhưng nói cho cùng, cuộc sống của gia đình mình chủ yếu vẫn nương tựa vào đồng lương cố định hàng tháng của Ba.

So với những gia đình chung quanh, gia đình mình thuộc giai cấp trung lưu, có địa vị và học thức trong xã hội. Ngoài đời, có người gọi Mẹ là Cô Năm, vì Ba là Thầy Năm –đó là thứ bậc của Ba trong gia đình phía nội. Có người gọi Mẹ là Bà Giáo một cách nể trọng và thân thương vô cùng.

Ba họ Huỳnh, tên Thanh, lót đệm chữ Hữu. Trong gia đình mình, mấy đứa con trai thì Ba lót đệm chữ Hữu giống như Ba. Còn con gái, Ba không dùng chữ Thị lót đệm như phần đông những cô gái khác; chúng con được lấy chữ Thanh thật thân thương của Ba làm chữ lót đệm cho chúng con. Điều đó đã nói lên tình cảm đặc biệt của Ba dành cho những đứa con gái. Sau này đi lấy chồng, dĩ nhiên con cái của con phải mang họ của cha chúng nó. Nhưng ý con muốn lưu lại một chút gì thân thương của Ba trong chúng nó, nên con cũng lấy tên Ba làm tên đệm cho các con của con. Như Thanh Châu, Thanh Tuyên, Thanh Uyên.

Ba thương yêu của con, từ lâu Ba vẫn là quyển tự điển sống của con. Ba là người hoạt bác, thâm hiểu mọi việc trên đời. Cái gì con lười không muốn nhớ, không muốn suy

nghĩ tìm tòi, con cứ việc hỏi Ba là con có được câu trả lời thỏa đáng, không sợ nhầm lẫn. Trí nhớ của Ba như một cái máy điện toán. Từ lịch sử đến địa lý, hay nhân văn, hoặc ngôn ngữ... nhất nhất trong Ba đều có đủ. Thế nhưng thời gian cứ trôi qua, tuổi thọ của Ba ngày càng chông chênh thêm lên. Quyền tự điển sống của con bị xóa dần theo năm tháng. Con thấy thương Ba vô cùng.

Lần về thăm Ba hồi tháng Năm, năm 1999. Con vẫn biết nay Ba đã già lắm rồi, chắc chắn sức khỏe của Ba đã không còn khả quan như trước kia nữa. Những lúc gặp Ba thỏa nỗi thương, nhưng vẫn thấy rất buồn. Con nhìn từng cử chỉ của Ba và thương Ba vô hạn. Ba của con bây giờ không còn linh hoạt như ngày nào nữa, dường như Ba đã quên gần hết. Khi Ba nhắc lại đúng một sự việc gì, nụ cười của Ba thật rạng rỡ trên môi, và dễ thương như một đứa bé ngây thơ. Ba ơi! Con chỉ muốn ôm choàng lấy Ba mà khóc. Nói sao hết tấm lòng của con đối với Ba. Ba của con bây giờ như thế này đây sao? Thương quá là thương ba ơi!

Mấy năm mau này, có lẽ ảnh hưởng của thuốc men sau một ca giải phẫu, tai của Ba bị điếc. Cái máy trợ thính cứ làm cho Ba mang vào khó chịu, Ba luôn than phiền nó làm cho Ba ù tai hơn. Chúng con đành làm ngo để ba cất nó vào trong túi áo. Cả hàm răng giả cũng cùng chung số phận như cái máy trợ thính. Vì nghe không được, nên đã khiến Ba ít nói, ít giao tiếp với tất cả mọi người. Cảnh vật xung quanh càng lúc càng xa dần với Ba, khiến Ba trở nên thụ động... Thú giải trí lâu nay của Ba là xem sách báo và viết lách. Nhưng rồi mắt yếu, tay run, nên Ba cũng lười đọc sách và không còn ghi chép như trước kia... Lần này

con trở về thăm Ba với một ước mong duy nhất là sẽ được cùng ngồi bút đàm với Ba thật nhiều về mọi vấn đề cho thỏa mãn. Nhưng Ba chẳng thích trò chuyện với con bằng cách này lâu hơn... Ba chỉ muốn sau khi ăn xong, ngồi nghỉ ngơi giây lát rồi đi nằm và lại ngủ.

Hồi xưa, lúc con mới được cấp sách đến trường, con nhớ rõ ràng gia đình mình có một căn nhà lá, mặt tiền ngo ra đường lộ, phía bên kia đường là con kênh đào, bên kia kênh là chợ Rạch Cát. Nhà này có một cửa chính ở giữa, hai cửa sổ hai bên có chấn song. Trước nhà có hàng rào dâm bụt, hai bên nhà có hai hàng dừa. Ba Mẹ đã mua lại của Thầy Tư Xảo căn nhà lá này. Con còn nhớ là phía sau nhà có đắp một cái hầm đất để trú bom, nằm khuất dưới mấy cây trâm bầu, sau nhà là ruộng lát.

Muốn sang chợ Rạch Cát, khi ra ngõ rẽ phía phải vài căn nhà, ngang qua quán bán tạp hóa của Dì Mười thì có bến đò. Còn không muốn sang đò thì rẽ trái để đi vòng qua cầu bót hơi xa. Đó cũng là con đường hàng ngày con đến trường học. Bây giờ con thấy nó thật gần, nhưng thuở xưa, không biết sao con thấy nó quá xa? Mỗi ngày đi học, khi đến trước đình thần là con rất mừng, vì được ngừng lại trú mát dưới góc da trước đình thần một hồi. Rồi lấy trớn chạy thật nhanh qua khỏi nhà thầy Hiệu Trưởng mới đến cổng trường. Con cũng không hiểu tại sao tất cả học sinh đều quá sợ mỗi khi phải đi ngang qua nhà thầy Hiệu Trưởng? Thầy Hiệu Trưởng tên Nhường. Ông ta có cô em gái tên Đậu, cũng dạy học tại trường Bình Đông. Sau này cô được đổi về trường Gia Long làm giám thị. Cô ấy chính là cô

giáo khai tâm cho con. Vợ của thầy Nhường cũng dạy học tên Tân, nhìn cô giản dị và hiền hậu quá.

Bên hông trường, dưới dốc chân cầu bót cũng có đào hào tránh bom. Giờ ra chơi, chúng con hay ra đó để chơi trò trốn tìm. Trong giờ học, chúng con mong được nghe còi báo động, để từng lớp lần lượt xếp hàng thật nhanh chạy ra hào tránh bom.

Hết giờ dạy học ở trường, ở trong khu xóm, Ba được làm “Sếp bi lô” (?), mọi người gọi Ba như vậy. Mỗi khi có báo động, Ba mang một băng trắng có dấu chữ thập đỏ trên cánh tay, xách theo túi cứu thương, đến trụ sở cứu cấp để sẵn sàng giúp đỡ người bị thương. Con thấy dáng vẻ của Ba thật oai phong凛冽 như một vị tướng lúc ra trận mạc. May mắn là vùng mình ở chưa bao giờ bị Nhật đổ bom, ai cũng cho là nhờ có thần đình hiển linh phù hộ?

Ba dạy học ở trường Bình Đông thật lâu, từ thầy Hiệu Trưởng Nhường cho đến Cậu Năm Huấn. Từ thời Nhật qua thời Pháp. Ba dạy lâu như vậy nhưng con không được học với Ba năm nào cả. Lớp Đồng Ấu, con học với cô Dậu. Lớp Dự Bị, con học với thầy Thạc. Lớp Ba, con học với thầy Thì. Lớp Nhì một năm, con học với Cậu Năm Huấn. Lớp Nhì hai năm, con cũng học với Cậu. Lớp Nhất, con học với thầy Sáu Đẩu. Chỉ được Ba dạy thêm và ôn bài cho con lúc ở nhà mà thôi.

Mặc dầu là con gái, nhưng con rất liều lĩnh và nghịch phá như con trai không bằng. Con không còn nhớ hết những gì con đã làm lúc tuổi ấu thơ. Chỉ được nghe Mẹ kể lại là thuở nhỏ, con đã từng leo lên nóc nhà đứng thả diều. Vì con thả diều trên đường xe chạy bị Ba đánh đòn. Ba

giải thích là đường chỉ dùng để cho xe chạy, con không được thả điều như vậy. Con cứ in trí là trên nóc nhà, con có quyền thả điều sẽ không bị ai rầy la hay đánh đòn vì không cản trở xe cộ chạy qua lại. Ngón chân cái của con bị tật cũng chỉ vì lúc còn nhỏ, con đã nghịch phá cuốc phải vào chân.

Thường con hay bị đòn bằng dây nịt. Con rất sợ Ba, nhưng con cũng rất thương Ba. Mỗi khi thấy Ba rút dây nịt là con tỏ ra ngoan ngoãn để khỏi bị đòn. Hồi còn ở nhà lá bên sông, có một lần con nhát ma làm cho ác em khóc um sùm. Đang soạn bài và chấm bài nên Ba tức giận, lớn tiếng đuổi con ra ngoài sân đi bắt ma đem vào cho Ba:

-Con hãy ra ngoài sân bắt con ma vào đây cho Ba ngay!

Nhưng đứa sợ bị ma nhát lúc đó lại là con. Từ đó, con không bao giờ dám hù dọa ma với các em nữa.

Nhà lá của mình có trần làm bằng giấy báo. Một hôm có con mèo động đực, kêu “meo meo” ở ngoài sân. Con giả tiếng mèo kêu trả lời, nó tưởng trong nhà có mèo thật nên trèo lên trần để vào nhà. Rủi ro, nó rớt xuống bụng của Mẹ, xuyết cào vào mặt của Tuyên. Con sợ điếng hồn, chắc là phải đòn rồi, nhưng cả nhà đều cười rộ lên dù rằng đó là lỗi của con gây ra. Con không bị Ba đánh đòn hay rầy la một lời nào cả. Lúc đó con thầm cảm ơn Ba cô cùng.

Theo thời gian trôi qua, gia đình mình ngày càng đông người thêm, đi đâu không tiện đi chung cả gia đình cùng một lúc. Vì vậy, bốn đứa lớn luôn được Ba dẫn đi chơi mọi nơi, mấy đứa nhỏ thì thường phải ở nhà với Mẹ. Chị Loan, em Hân, em Tuyên và con được đi Vũng Tàu với Ba bằng

tàu thủy. Được đi Nha Trang với Ba bằng xe lửa. Con nhớ nhất là chuyến xe lửa từ Nha Trang trở về Sài Gòn. Khi xe đến ga Biên Hòa, con nghe người rao hàng cất tiếng:

-Cơm đĩa sườn nướng đây! Cơm đĩa sườn nướng đây!

Con cảm thấy đói bụng và đòi ăn, Ba đồng ý, nhưng chị Loan nhất định không cho, chị ấy bảo:

-Sắp đến nhà rồi! Về nhà tha hồ mà ăn!

Cho đến bây giờ con cứ tơ tưởng, giá như lúc đó chị Loan cho con ăn, con sẽ sung sướng và thỏa mãn biết là dường nào. Nếu chị Loan biết là con đã giận chị ấy thật lâu mỗi khi nghĩ đến chuyện chị không cho con ăn “đĩa cơm lý tưởng trong cuộc đời” đó như thế nào, chắc chị sẽ không đành lòng để cho con thất vọng.

Lý do phải đi Vũng Tàu bằng tàu thủy, vì thời gian đó đường bộ chưa thông suốt, rất nguy hiểm. Xe hay bị địch chặn xét để tìm bắt quân nhân, công chức hoặc bị trúng mìn bẫy. Tàu thủy đi Vũng Tàu có được hai chiếc: Margos và Pursac. Muốn đi hành khách phải mua vé trước. Cha con mình đi chiếc Pursac chung với vợ chồng chú Mười Kính, chú Sáu Liêm thì đã đi trước với thằng Toàn. Nơi tạm ngụ ở Vũng Tàu là một phòng học của trường Tiểu học Thăng Tam. Nhờ Ba quen biết với Bác Sáu An đang làm Hiệu Trưởng ở đó nên mới được giúp đỡ.

Giáo viên nghỉ hè ở Vũng Tàu nếu có khen thưởng thì được ở tại nhà nghỉ mát của giáo chức. Còn đi tự túc thì thường chỉ ở trường học cho đỡ tốn kém tiền thuê phòng. Ngoài gia đình mình, chú sáu Liêm, còn có rất đông thầy cô giáo từ phương xa đến. Lên tàu ở bến Bạch Đằng Sài Gòn và đến ở bến Rạch Dừa Vũng Tàu. Từ Rạch Dừa vào

thị xã phải đi bằng xe ngựa chạy bằng bánh xe ô tô chứ không phải bánh xe bằng niền gỗ bọc cao su lốp xe như xe ngựa ở Sài Gòn. Về sau, đường xe thông suốt nên không còn người di chuyển bằng tàu thủy và bến tàu hoàn toàn thuộc về căn cứ Hải Quân Việt Nam.

Chuyến đi chơi Vũng Tàu cũng có vài chuyện làm cho con không thể quên được. Nhờ đi trên tàu, con mới có dịp nhìn thấy tụi Pháp nó ăn xoài bằng muỗng. Chúng gọt ăn hai mặt thịt và vứt bỏ luôn phần giữa. Lúc đó con thật tiếc cho chúng nó không biết cái thú ăn xoài. Ăn xoài thì phải biết “ngoạm” cái hạt mới thưởng thức hết cái thú ăn xoài chứ? Chuyện đáng nhớ nhất là mình đi bộ vòng Núi Lớn dài đến mười hai cây số. Đáng lý ra phải đi bằng xe ngựa mới phải. Bắt đầu đi từ sáng sớm đến hơn mười hai giờ trưa mới tới được bãi trước. Tất cả ngồi nghỉ mệt thật lâu trước dinh vua Thành Thái. Nhớ lúc đi đường quá mỏi chân, thằng Toàn nó bày chuyện lấy một cành cây làm gậy để chống đi. Nó cứ leo đèo theo sau lưng chú Sáu, thỉnh thoảng nó thọc cây gậy vào chân chú. Bị thọc vào chân nhiều lần, giận quá, chú Sáu giật lấy cây gậy của nó và quất nó mấy cây liềm. Vừa đánh chú vừa mắng:

-Con thọc cha thì cha đánh con!

Toàn biết lỗi mình nên không dám khóc. Nghĩ cũng tội cho thằng Toàn, đã vừa đi mệt, vừa mỏi chân, vừa khát nước, mà còn phải bị đòn do tội nghịch ngợm của nó gây ra.

Rồi lại có việc liên quan đến chánh trị, Ba bị công an bắt trong khi đang dạy học. Sau khi điều tra hư thực, Ba được minh oan, nhưng phải chuyển dạy học ở xa.

Lúc đầu dạy ở tỉnh lỵ Tân An, sau đó phải đi làm Hiệu Trưởng trường Phước Tân Hưng xã Bình Phước, Tầm Vu. Ba chỉ đi một mình, còn Mẹ và chúng con đều ở lại Rạch Cát. Sau đó, vì chuyện học hành của con và chị Loan, Ba Mẹ lại mua một căn nhà lá ở vườn Bà Lớn cho cô Tư ở, để tụi con có nơi trọ học tại trường Gia Long. Một thời gian sau, cô Tư có hiềm khích với người hàng xóm, cô không chịu ở nữa. Ba Mẹ sợ không ai ở sẽ bị mất căn nhà. Cuối cùng, Mẹ quyết định rời bỏ Rạch Cát dọn đến ở với tụi con. Vừa thuận tiện cho việc tụi con đi học, cũng thuận tiện cho Ba dạy học ở Tân An về thăm nhà.

Xe lửa từ Tân An về thành phố chỉ ghé qua ga Nancy hoặc ga cuối cùng sát chợ Sài Gòn. Nhưng Ba không xuống ở nhà ga nào cả vì không thuận đường. Ba chờ để nhảy xe lửa khi nó thúc kèn và rà thắng lúc qua ngã Sáu, trước trường Pétrus Ký. Từ đó Ba đi bộ về nhà. Ba về bao giờ cũng có hột vịt lộn còn nóng, gói trong bao bông bột do Ba mua trên chuyến xe lửa. Riết rồi tụi con đã quen thuộc tiếng còi xe lửa cuối tuần. Thậm chí con Việt lúc đó chỉ mới tập nói, nhưng khi nghe tiếng còi xe lửa cũng biết nói là:

-Tò te Ba về!

Trong đời dạy học, con đi dạy suốt hai mươi năm, nếu con không tự ý xin chuyển về xã An Phú, chắc con chỉ sẽ dạy ở Tân Đông Hiệp suốt luôn. Nhưng phần Ba, đi dạy học bị chuyển nhiều nơi: Nào là Rạch Giá, Rạch Cát, Tân An, Đồng Tháp, Sài Gòn...

Ba dạy học ở Rạch Giá lúc con còn rất nhỏ. Gần như

con không biết gì về Rạch Giá, ngoài tấm hình con được chụp nằm sắp lúc biết lật. Rạch Giá là nơi sống vàng son một thời của Mẹ đã cùng với Ba sinh hoạt hướng đạo. Sau này, khi con cùng cô bạn học ở trường Gia Long đi du ngoạn Rạch Giá. Nhìn thấy cảnh vật nơi đó, con có cảm giác như quen thuộc...những gì Mẹ thường nhắc lại, vẫn còn nguyên như xưa. Trước khi vào thành phố, một dãy phố mười tám căn nơi Ba Mẹ đã ở khi Ba dạy học ở đây. Cây cầu đá vào thành phố, bên dưới chân cầu phơi đầy tiêu, tôm khô... Hòn non bộ của ông Hội Đồng Suông, bãi biển Rạch Giá nhìn ra hòn Phụ Tử, Lăng Nguyễn Trung Trực...

Sau này Ba dạy ở trường Sư Phạm Thực hành, nhà mình có hai chiếc xe gắn máy: một chiếc xe Mobilette màu vàng và một chiếc kia màu xanh. Con cố nhớ nhưng vẫn quên mất hiệu chiếc xe còn lại. Con chở chị Loan đi học bằng chiếc xe Mobilette, còn ba đi dạy bằng xe màu xanh. Một hôm cuối tuần, Ba lấy xe đi phố nhưng một lát sau lại thấy Ba buồn bã đi bộ trở về nhà. Bước vào nhà, Ba gọi tụi con ra và từ từ kể tỉ mỉ cho nghe biết lý do tại sao Ba bị mất xe. Ba vừa kể vừa làm động tác:

-Ba dựng xe sát lề đường, vừa quay lưng ngồi xuống để lựa mua ít món đồ. Bỗng Ba nghe tiếng máy xe gắn máy nổ phía sau lưng. Ba giật mình quay lại nhìn thì thấy tên ăn cắp đã phóng chiếc xe của Ba chạy như bay. Thế là chiếc xe của Ba bị đánh mất. Ba không còn tinh thần để lựa mua gì nữa cả. Ba tiu nghỉu lội bộ về nhà.

Con biết trong lòng Ba lúc đó rất buồn bã, nhưng Ba gượng cười nói tiếp với tụi con:

-Cửa đi thay người các con à. Chẳng nên tiếc rẻ làm gì!

Rồi từ đó, tụi con đi học bằng xe đạp, chiếc xe Mobilette dành cho Ba đi dạy.

Lúc Ba làm Ty Trưởng Trung Tiểu Học ở Kiến Tường, cơ quan cấp cho Ba một chiếc xe Van màu xanh và một chú tài xế riêng- Chú Tám Huệ. Con cũng tập đòi lái xe ô tô khi xuống thăm Ba ở Kiến Tường. Chú Huệ nể nang Ba nên cho con tập lái. Nhưng lần tập lái đó, con đạp ga xe ủi vào đồng bàn ghế học sinh vừa mới được cấp còn để ngoài sân. Con sợ quá và từ đó con không dám tập lái xe nữa.

Đường Sài Gòn Mộc Hóa, từ ngã ba Trung Lương vào Kiến Tường rất nguy hiểm. Khoảng đường này thường bị du kích Việt Cộng gài mìn, thỉnh thoảng vẫn có xe bị trúng mìn, gây chết chóc và thương tích cho người ngồi trên xe. Tối họ gài mìn, sáng ■ người lính quốc gia phải đi gỡ mìn, để mở đường cho xe cộ dân chúng lưu thông qua lại.. Dù rất nguy hiểm, nhưng tháng nào Ba cũng về thăm nhà một lần vì Ba rất nhớ tụi con. Nhờ Ba làm Ty Trưởng ở Kiến Tường, nên Thùy, Tú theo Ba xuống đó học vài năm thì được chuyển về học nữ Trung Học Gia Long. Đó là ưu tiên cho giáo chức trưởng đầu ngành. Tụi con cũng có được dịp xuống Kiến Tường thăm Ba, để được hưởng cái thích thú làm con ông Ty Trưởng. Chiều nào cũng được Đại Úy Chi Khu Trưởng đến thăm Ba và mời đi ■ chợ để mua trái cây. Đặc biệt, trái cây ở Kiến Tường bán một chục đến mười tám trái, chứ không phải một chục có đầu mười hai trái như mọi nơi. Trung Úy Biệt Động, Trung Úy Thiết Giáp cũng hay viện cớ đến thăm Ông Ty Trưởng để được mời ông cùng đi dạo phố, sẵn đó các cô con gái của ông cũng được

tháp từng theo.

Kiến Tường là tỉnh lỵ tân lập, nên nhỏ bé như một quận lỵ. Không có rạp hát, không có trò chơi giải trí ngoài vài tiệm ăn và quán cà phê. Tụi con tự bày trò giải trí cho đỡ nhàm chán. Trò chơi lành mạnh và vui nhất là cùng nhau chạy đuổi bắt cào cào tổ cánh đỏ cánh xanh. Trên đồng trống mênh mông, cỏ mọc cao đến gối. Sĩ quan, lính tráng, nhân viên ty tiểu học sau giờ làm việc, cùng hai cô con gái của ông Ty Trưởng tiểu học tranh nhau xem ai bắt được các chú cào cào tổ này. Người chặn bắt, kẻ rượt đuổi. Đó cũng là “cảnh thanh bình trong khói lửa”; mọi người cùng đồng ý đặt tên cho trò chơi này.

Chỉ trở lại thành phố một thời gian ngắn, tụi con nhận được hung tin quá bàng hoàng sửng sốt. Trong số những sĩ quan và binh sĩ con quen biết ở Kiến Tường, đã có một số đồng bị tử thương trong trận đánh ấp Bắc.

Ở Kiến Tường có một việc tối cần thiết, đáng đề cập ưu tiên hàng đầu, đó là nước uống. Người sống ở Đồng Tháp đều quý nó hơn vàng. Đồng Tháp là vùng “nước mặn đồng chua”. Nước uống lấy từ nước mưa của trời cho. Ty tiểu học có xây một cái hồ chứa nước uống thật to. Nước mưa sẽ từ mái ngói trường học chảy vào và nguồn nước đó được dùng quanh năm suốt tháng. Khi mùa mưa đến mới súc hồ một lần. Con nhớ ba có kể lại:

-Có một năm nọ, khi súc hồ mới thấy nguyên xác một chú mèo trơ xương trong hồ nước uống, ghê thật!!!

Nhắc chuyện này, con lại nhớ đến chuyện ở An Phú, cũng có một lần lu nước uống đầy nắp không kỹ, một chú chuột cũng rơi tồm vào đó nổi lều bều, nước có mùi lạ mới

hay biết.

Đến mùa nước nổi, năm nào Đồng Tháp cũng ngập lụt, học sinh đi học phải đi bằng ghe xuồng ba lá hoặc cưỡi quần áo đội lên đầu, chỉ còn cái quần xà lỏn, lội nước đến lớp mới mặc vào, đó là chuyện rất bình thường của học sinh Đồng Tháp. Có một lần Mẹ xuống thăm Ba, nhằm lúc mực nước lên quá cao, Ba bơi xuống chở Mẹ trước Ty tiểu học. Ba Mẹ có chụp hình lưu niệm, và bây giờ con còn cất giữ được tấm hình quý giá ấy.

Rồi có sự bất đồng ý kiến giữa Ba và ông Tỉnh Trưởng. Ba cảm thấy không được an toàn cho việc làm của Ba ở nơi này. Ba xin đổi về Sài Gòn và được làm giám thị ở trường Sư Phạm Sài Gòn. Ba đi làm bằng chiếc xe hơi con cóc "Citroen deux chevaux". Chiếc xe cà tàng cà tịch đó cũng được lắm việc. Chẳng hạn mỗi khi được phân phối thực phẩm, Ba có thể dễ dàng chở về nhà một bao gạo và mọi thứ đồ ăn đóng hộp linh khỉnh khác. Hay nhất là những ngày cuối tuần, đi chơi ở đâu cũng đi được hết cả gia đình. Tất cả người trong gia đình ngồi chen chúc như ém mấm trên chiếc xe hơi cũ kỹ đó. Nào là Thủ Đức, Suối Lồ Ô, Biên Hòa, Rạch Cát, Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, Tây Ninh...

Có một lần ba lái xe đi chơi Lái Thiêu. Ba không chạy trên quốc lộ mà Ba lại chạy trên một con đường đất đỏ đầy hang lỗ, hai bên toàn là vườn mít không nhìn thấy nhà cửa của ai cả. Trời thì càng lúc càng về chiều, Mẹ rất sợ nhờ xe hư không về được đến nhà, nằm đường thì sẽ phiền biết mấy? Trên xe toàn một bầu trẻ con. Nhưng rồi xe cũng ra được đến đường cái (quốc lộ). Khi chạy ngang qua một đồn

bớt sơ sài, một tốp linh năm ba người mặc đồ đen, quần khăn rằn ở cổ, chặn xe lại, chìa súng vào xe lên cò lắc cắc. Lúc đó cả nhà mới biết là từ nãy giờ mình đã chạy xe trong vùng Việt Cộng kiểm soát. Không hiểu sao họ chặn lại nhưng chẳng nói gì, rồi khoác tay cho xe chạy đi bình yên? Có lẽ tại họ quá ngạc nhiên khi lần đầu tiên nhìn thấy một đám người điếc lớn có nhỏ có, không biết sợ súng nầy nên chưa kịp phản ứng gì chẳng??? Hay có một sự linh thiêng huyền diệu nào đó đã ngầm phò hộ, đưa đẩy gia đình mình thoát khỏi cảnh hiểm nguy?

Con cũng nhớ có một lần gia đình mình đi Suối Lồ Ô. Không biết có phải đi trên chiếc xe nhỏ xíu nầy không? Trên xe lớn nhỏ tất cả mười một người. Tài xế là cậu tư Giáo, Ba, Mẹ, Con, Hân, Tuyển, Thủy, Tú, Nga, Việt và con Liễu. Cho đến bây giờ con nghĩ mãi vẫn không hiểu là mình đã xếp ngồi như thế nào trên xe?

Cứ nhớ đến chiếc xe, con lại thấy thương Ba, sáng nào Ba cũng dậy sớm quay cho máy xe nổ để đi làm. Không phải loại xe được đề máy như bây giờ. Cái cảnh quay cho máy nổ thời điểm nầy chỉ được nhìn thấy trong phim Hề Charlot và ba thường gọi động tác nầy là “cong cà la quay”. Có khi tụi con phải phụ Ba đẩy nó một đoạn đường nó mới chịu nổ máy. Đám giáo sinh cứ thấy chiếc xe của Ba nằm đường là nói:

-“que vô trắng” đi thầy ơi!

Nhưng rồi dễ thương làm sao, các giáo sinh đó cũng xúm lại phụ đẩy cho xe cho đến khi nổ máy mới đi.

Ba hưu trí chưa được hưởng lương hưu thì bị “giải

phóng”. Quyền lợi hưu bổng của Ba bị mất hoàn toàn vì chiến cuộc. Ba nói với con:

-Lẽ ra con cái không phải bận tâm lo cho Ba về tài chánh khi Ba không còn đi làm nữa. Nhưng cái số của Ba có phúc phận sống được nhờ con cái dài thọ lúc tuổi già. Cũng tốt thôi, đó là ý trời muốn.

Con thật hiếu và thương Ba hơn, vì chúng con có cho Ba bao nhiêu cũng không bằng của chính Ba có.

Ba thân yêu,

Thánh Kinh có viết: “Khi Thiên Chúa lấy đi cái gì của ta, ta sẽ được đền bù lại thứ khác có giá trị hơn nếu lòng ta thánh thiện và có đức tin.” Con không có được đức tin đó, nhưng con lại tin là mỗi con người chúng ta đều có số phận an bài. Con nghĩ Ba và Mẹ đều có phúc phận tốt. Trong cái rủi lúc nào cũng có cái may mắn đi kèm. Mẹ mua phải căn nhà lá trên đất người ta đã bán cho chủ khác, tưởng phải bị mất trắng thì lại được đổi bằng một căn nhà gạch trong vườn Bà Lớn và cũng là căn nhà sở hữu của Ba Mẹ hiện có bây giờ. Ba làm nhiều việc rất bình thường, nhưng ghi sâu trong ký ức của con suốt đời. Với một ông thầy giáo cũ của Ba hồi Ba còn học tiểu học: Ông thầy giáo Mùi dường như cũng là thầy dạy học của Mẹ. Con nhớ là lâu lâu, Thầy đến thăm Ba, Ba mừng rỡ, trọng kính và cho tiền khi Thầy ra về. Với một đứa học trò bị bệnh cùi hủi, không thân nhân gia đình như anh Tư Muôn, Ba vẫn cố gắng hằng năm đi xe đạp từ An Phú đến Bến Sắn để thăm và cho anh ấy một ít tiền.

Ngày xưa, cuộc sống kinh tế của gia đình mình gặp khó khăn. Ba chịu khó đạp xe mỗi ngày từ Rạch Cát ra

Chợ Lớn, chở theo một cái giỏ mây, ■ kho bạc đổi tiền nguyên ■ tiền lẻ, để kiếm thêm một ít “tiền nước” phụ giúp gia đình, quà bánh sách vở cho chúng con. Cái nghề đi đổi tiền nguyên ■ tiền lẻ cho “cặp rằm” phát tiền phu vác lúa do Ba nghĩ ■ và kín đáo thực hiện. Cũng may nhờ nhà mình bán quán ăn, nên không ai ngờ được Ba đã mang cả giỏ tiền chạy tới chạy lui như vậy. Mà họ chỉ tưởng là nhà mình có tiền lẻ là do buôn bán thu hoạch mỗi ngày. Lúc đó, nếu có người biết được việc làm của Ba và có ý đồ bất chánh thì Ba rất dễ bị nguy hiểm.

Cái quán cây Me là nguồn sống của đại gia đình mình sau ngày đảo chánh Nhật Bản. Hễ nhớ đến là con thuộc lòng: “Quán cây Me, cà phê, hủ tiếu, trà, bánh, rượu, cơm, cháo, bún, nem...”.

Ba được đi dạy trở lại ■■ một thời gian gián đoạn. Thường mỗi sáng, tụi con ngồi chờ Cậu Tư Giáo nấu cho mỗi đứa một tô hủ tiếu trước khi đi học. Ba còn phải phụ dọn bàn và vẫn là người ăn ■■ cùng. Khi nghe tiếng trống trường nổi lên, thì Ba mới xách cái giỏ mây đựng tập vở học sinh chạy qua cầu... Và con thương Ba vô cùng khi biết Cậu Năm hay phàn nàn Ba về việc này.

Tụi con bắt chước đám trẻ hàng xóm, đi gỡ gạch bông của một căn nhà bỏ hoang, để về cất nhà chòi che mái bằng một chiếc chiếu rách. Chúng con đặt tên cho nó là: “Quán Nhi đồng, đồng lòng đội chiếu”. Tuổi trẻ chúng con thật vô tư, nhưng Ba lại bị công an mời đến khiển trách, vì có người xấu mặt báo là Ba cho tụi con đi gỡ gạch về xây nhà. Ba đến cơ quan của họ nhận trách nhiệm là đã

không trông chừng kỹ tội con. Ba còn gợi ý nhờ công an hù dọa cho tội con phải sợ không dám tái phạm, khiến công an phải vui vẻ cho Ba ra về... Càng nghĩ con càng thấy ba thật là hay, gặp vấn đề gì ba cũng bình tĩnh giải quyết thông suốt và rành mạch...

“Tuổi Sửu con trâu kên kên càng
Cày chưa hết buổi, đừng mang cày về”

Con nhỏ hơn Ba hai con giáp. Ba Quý Sửu và con Đinh Sửu. Có lẽ vì vậy mà hai cha con mình có cái số cực nhọc như con trâu.

“Giải phóng”!!! Con mua hai mẫu đất ở xã An Phú, cất một căn nhà tôn vách ván, xin chuyển về dạy học và sống nơi đất đai cần cỗi này. Phương tiện từ Sài Gòn về nơi này phải đi xe đạp hoặc Honda. Nếu muốn đi xe đồ thì cũng phải xuống xe khi đi tới cầu Ông Bố, rồi cũng phải dùng xe đạp về nhà. Mà đi xe đồ còn chờ đợi lâu lắc hơn đi xe đạp. Thường thường, từ nhà Ba Mẹ về nhà con, con phải đi xe đạp một mình. Con thường cố gắng đạp xe rượt cho kịp người đi trước, rồi chậm rãi leo đèo theo sau, xem như có bạn đồng hành. Nghĩ mà thương con Tuyền, lúc chưa qua Mỹ, mỗi khi theo con về Sài Gòn thăm ngoại trở lên, nó đạp xe đến đầu dốc trại heo thì đuối sức, phải xuống xe dẫn bộ và nó gọi cái dốc đó là dốc Ma Thiên Lãnh.

Chỗ con ở nó giống như là hoang đảo của Robinson. Khi anh Trân vượt biên sang Mỹ, Ba đã lên ở với con. Cứ sáng thứ Bảy thì Ba đạp xe về Sài Gòn và chiều Chủ Nhật thì ba tải lương thực lên cho con. Đôi lúc có việc, Ba cũng về Sài

Gòn giữa tuần, xong việc Ba vội vã trở lên ngay. Đi ngang qua chợ Bình Triệu, Ba hay ghé vào mua đậu hũ chiên, xôi, bánh bò, hoặc cá khô. Có lần Ba lên sớm, Ba đạp xe thẳng tới trường con đang dạy học. Ba gọi con ra, cho con gói xôi. Ba nhìn con âu yếm lên tiếng:

-Ăn ngay đi con, xôi còn nóng. Ăn cho ngon miệng!

Rồi Ba thông thả đạp xe về nhà. Con thật sung sướng trước tấm lòng thương yêu của Ba dành cho con. Dưới mắt của Ba, con vẫn mãi mãi còn là một đứa con gái nhỏ ngày nào.

Đồng nghiệp nơi con đang dạy chỉ có con là lớn tuổi nhất, còn lại toàn là đám giáo viên thật trẻ, tuổi chỉ bằng tuổi của con Châu, con gái lớn của con. Chúng nó gọi con bằng Má và gọi Ba bằng ông ngoại. Chúng thường thấy Ba ở với con từ tuần này sang tuần khác, từ tháng này sang tháng nọ nên nghịch ngợm lên tiếng hỏi Ba:

-Ông Ngoại bỏ bà Ngoại rồi hay sao mà lên An Phú ở hoài vậy? Ông Ngoại có thương bà Ngoại không hả ông Ngoại?

Ba tươi cười và ôn tồn trả lời với chúng nó:

-Ông thương bà ngoại lắm, nếu không, ông đâu có nghe lời bà ngoại mà chịu khó lên đây ở chung với đứa con gái cưng của bà ngoại. Ông lên đây ở là do công tác của bà ngoại chỉ thị cho ông ngoại phải thi hành đó các cháu à. Bà ngoại rất lo cô con gái của bà ở một mình sẽ dễ bị người ta ăn hiếp!

Cả đám thấy cô giáo trẻ cười ngất nghèo khi nghe Ba nói vừa dứt lời.

Cuộc sống ở An Phú có lúc con đã nghĩ sẽ là vĩnh viễn. Vì từ lúc giấy tờ anh Trần gửi về bảo lãnh cho con, bị con Diệu mượn đem về Tuy Hòa cho gia đình bên ấy xem, làm mất hết trên xe lửa. Anh Trần lại có vợ khác trên nước Mỹ nên không muốn làm lại giấy tờ khác cho con nữa. Phần việc cứu xét hồ sơ đi nước ngoài bị ngưng lại không biết tới bao giờ mới tái xét. Vả lại con cũng không tha thiết muốn nhờ vả anh Trần nữa. Đến khi có lại giấy tờ bảo lãnh, con cũng không hy vọng gì hết. Vì hễ ai muốn được cứu xét giấy tờ cũng phải quen biết, lo lót, chạy chọt ra đến tận Hà Nội. Mà con thì không có nhiều tiền để chạy lo việc này, cũng không có điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển, nên đành chấp nhận số phận hẩm hiu ... Con nhớ có lần Ba hỏi con có định đi Mỹ hay không? Con đã không ngần ngại trả lời với Ba là Ba đừng quan tâm đến việc này. Con sẽ ở với Ba cho đến lúc Châu, Tuyền khôn lớn, biết tự lập. Nếu lúc đó, chúng nó muốn đón rước con qua với chúng nó thì sẽ tính sau...

Cũng nên nói rõ là hai đứa con này, ~~ừu~~ khi ba chúng nó vượt biên, bỏ bốn mẹ con ở lại bơ vơ. Thấy không thể chịu đựng mãi trong xã hội này, con đã cố gắng tìm cách cho hai chị ~~em~~ nó lần lượt vượt biên. Và cha con mình đã cùng sống, cùng sinh hoạt với nhau rất là vui vẻ, tràn đầy tình thương yêu đùm bọc. Đó là quãng đời tươi đẹp nhất của con. Cho đến bây giờ, mỗi khi nhắc đến con vẫn thấy luyến nhớ vô cùng.

Cái ngày anh Sang chở gỗ, đá, gạch, ngói, lên cho con dự trù cất lại căn nhà cho tương tất, cũng là ngày Ba thật

vui. Ba xem như Ba đã có nơi an dưỡng tuổi già an nhàn, thanh thoi và lý tưởng nhất. Phần con thì thấy đã được an phận rồi. Con mừng sẽ có được một nơi cho con cháu, các em những ngày cuối tuần rời thành phố về ngôi nghỉ, vui chơi. Con nghĩ có một ngày nào đó, anh Trân về thăm lại quê hương ghé qua thăm người vợ cũ, gặp nhau chào hỏi ngớ ngàng... cùng già cả hết rồi. Ôi! Thời cuộc! Ôi! Cuộc đời tôi???

Có hồ sơ xuất cảnh trở lại, nghe theo lời chị bạn, mẹ của một em học sinh, con đã lén Ba đi với chị ấy lên Sông Bé để nộp hồ sơ. Trong dạ đã bị cắn rứt vì không tròn lời hứa với Ba, mặc dù con chỉ xem việc gởi hồ sơ cho có lệ, cầu may, như việc làm của người đem muối bỏ biển mà thôi. Khi hồ sơ con Việt gởi về bảo lãnh cho Ba Mẹ và em Thủy. Ba nói cho con hay là cả nhà đã nộp hồ sơ xin xuất cảnh, con mới thấy bớt áy ngại trong lòng – Sớm muộn rồi con cũng có cơ hội ở chung với Ba trên đất Mỹ mà thôi.

Mọi việc cứ từng bước, từng bước xảy đến. Ba phải vào bệnh viện giải phẫu sỏi bọng đái. Ba không thể lên An Phú bằng xe đạp. Sức khỏe của Ba yếu đi và con lại sống một mình. Lâu lâu, Ba nhớ An Phú thì Tám Thông chở Ba lên chơi vài ngày rồi đón về. Có khi cuối tuần con về chơi, cùng đi xe đò với Ba đến ngã ba Bình Thun xuống xe, con chở Ba bằng xe đạp về An Phú. Ba sợ con mệt phải chở Ba như vậy nên Ba không muốn lên An Phú bằng cách này nữa...

Rồi con bán hết dụng cụ xây cất nhà, bán luôn đất đai,

căn nhà, chuẩn bị việc xuất cảnh sang Mỹ. Ba dặn con:

-Còn thì giờ bao nhiêu, đi được nơi nào muốn đi thì cứ đi trước khi rời khỏi nước.

Nghe lời Ba, con đi cùng Thông viếng thăm mộ Ông Bà Ngoại và cậu Năm Huấn. Con đã tự mình cỡi chiếc xe đạp về Rạch Cát, vác xe qua cầu Vạn Nguyên thăm mộ Ông Bà Nội, Ông Bà Cố, em Hoan, Cô Dượng Tư. Ghé thăm Mộ Tư Giáo, và nhờ anh Mỹ dẫn con tới đốt nhang ở mã Cậu Tư Giáo. Thăm chị Vân, chị Tư Jeanne. Qua Phú Định chào từ giã hết tất cả bà con phía mẹ. Ghé từ giã cô Tám Kính và các em, Cô Chín Khuyên, Dượng Chín Túc (Con thường quen gọi là Chú Sáu). Cô Chín nói rằng con đi Ba buồn lắm, chắc tuổi thọ của Ba sẽ giảm. Con rút nước mắt thấy mình bất hiếu với Ba Mẹ và nghĩ phải chi con đừng có chồng con. Cũng không trách được Cô Chín, vì Cô rất thương Ba, và Ba thường khoe với Cô là từ lúc Ba sống với con ở An Phú, Ba thấy con người của Ba khỏe mạnh, tráng kiện hơn và nơi đó là nơi sống lý tưởng của Ba. Túp lều lý tưởng của con được bao nhiêu người chiếu cố. Chú bảy Thiệt với Bà bảy Bắc Kỳ, Cô Dượng Chín xa vậy mà cũng tới. Còn một điều nữa là Ba đã khoe với Cô Chín:

-Con Phương nó biết tánh anh, nó chiều anh mọi thứ, anh có tắm trong nhà nền đất ướt hết nó cũng cười...

Sở thích của Ba không quá đáng, không nguy hại. Con chiều Ba có sao đâu? Lại nữa bây giờ nhà con cũng là nhà của Ba kia mà? Con không còn lệ thuộc vào ai khác! Ngày con còn bé, Ba Mẹ đã chiều chuộng con gấp mấy nữa là, nhất là hoàn cảnh của con, không có Ba Mẹ, con làm sao có đủ nghị lực để vượt lên mà sống đây?

Tánh Ba hay tò mò, vật gì cũng thích đốt thử xem có cháy hay không? Con vẫn thường nghe Mẹ phàn nàn Ba về việc này. Ba lên ở với con, bếp lò nấu ăn của con là trung tâm cho Ba thí nghiệm. Đang lúc nấu ăn, có việc gì đó con phải rời khỏi bếp lò, thì tức khắc con nghe có mùi lạ hoặc khói tỏa nghi ngút. Y như rằng không một cùi bắp, thì cũng một chiếc dép đứt quai, hay một thứ gì đó đã được Ba bỏ vào lò. Khi bước vào, con len lén lấy ra giấu bọc đi. Ba đi vào không nhìn thấy, cũng chẳng nghe con phàn nàn gì cả, ba đinh ninh rằng món vật đó đã cháy hết. Con nhìn thấy nét mặt Ba tươi vui hẳn ra, con cũng thấy lòng con vui lây. Con còn nhớ có một lần, thấy Ba gom lá đốt cỏ, chị Hai Trúng đã lên tiếng nhờ Ba đốt đám cỏ ở gần bụi tre giùm. Không ngờ gió tạc, lửa cháy lan, cháy luôn cái nhà cầu của chị ấy. Lúc đó tất cả mọi người cùng nhau xách chổi ra cứu lửa cùng với ba, nếu không sẽ cháy cả cây rơm cho bò ăn.

Chung quanh nhà con trồng đủ thứ cây ăn trái, nào là điều, ổi, táo, sơ ri. Chờ con đi dạy học, Ba mới cho đám trẻ hàng xóm vào hái ăn. Khi con về thành linh, ba ra ám hiệu cho chúng nó chạy đi. Nên đám trẻ này rất thương mến Ba, và chúng cũng gọi Ba bằng Ông Ngoại.

Từ miếng đất chỉ chứa gọn lỏn cái nền nhà, Ba lên ở với con, cứ mỗi ngày, ba bưng ít ky đất, mà chỉ một thời gian nền nhà con rộng thêm gấp bội. Bao nhiêu mồ hôi và công sức của Ba đã đổ vào đó.

Mười năm sau, con có dịp quay trở lại chốn cũ, nơi biết bao kỷ niệm khó quên, con không còn nhận biết là nhà mình nằm ở vị trí nào cả. Được hàng xóm chỉ dẫn, mới biết

là nhà mình nằm trên con đường nhựa mới mở, chỉ còn sót lại một cây so đũa trên đường ngõ vào nhà.

Ba ơi! Đó là những mẩu chuyện nhớ lại về Ba. Mấy ai đã sống được một đời đáng sống như ba. Tất cả vì gia đình, tất cả cho con cháu. Trong sự nghiệp và cuộc đời, Ba làm cho chúng con hãnh diện rất nhiều. Ba cũng đã từng viết sách giáo khoa chung với Dương Tám Đắc. Cuộc đời của Ba thật đẹp, có nhân, có đức để cho con cháu ngưỡng mộ và hưởng được nhiều ân lành từ Ba. Về học vấn, con trai học vấn cao hơn gái. Con gái của Ba khá đông, tuy không xuất sắc, nhưng cũng không làm cho Ba thất vọng. Ba lại có Mẹ, một đời chung thủy sống bên cạnh Ba, giúp Ba những lúc yếu đuối nhất, hoạn nạn nhất, cô độc nhất, khó khăn nhất cho tới giờ này. Còn có quá nhiều điều con muốn kể về Ba nhưng trí nhớ già nua của con không sao ghi ra hết, nhớ thứ nọ lại quên thứ kia. Ở cái tuổi gần đến sáu mươi lăm, sắp sửa được hưởng tiền già mà con còn Ba Mẹ đầy đủ, thử có mấy ai được điểm phúc như con?

Ngày mấy chị em con được đoàn tụ đông đảo, tụi con đã thực tế bàn đến việc: Mọi người phải ra đi theo luật tuần hoàn của tạo hóa. Ở tuổi Ba, Mẹ, và cũng là con đường mà chúng con sẽ phải đi tới. Nhưng chúng con sao vẫn thấy thật buồn, vì dù ở tuổi nào, chúng con vẫn là mồ côi cha mẹ và cảm thấy đau khổ lắm.

Nếu phải theo luật tạo hóa đã sắp đặt, khiến Ba rời xa con, thì ở một thời điểm nào đó, con sẽ tìm đến gặp ba trong một thời gian không biết lúc nào? Chỉ sợ ba quá toàn thiện, quá hiền lương, Ba sẽ được ở nơi thật cao đẹp sung sướng. Còn con, nghiệp chương còn đa mang, nợ tiền kiếp

chưa trả hết, tội nghiệt còn dài, thì chắc phải ở nơi khổ ải trăm luân mà không thể gặp Ba?

Hoàn tất bài viết về ba hồi tháng sáu, tháng Tám nghe tin Ba vào bệnh viện, tâm can con như muốn rạn nứt, con sợ cả tiếng điện thoại reng và cứ khấn vái Trời Phật: Xin được nhận tin vui, tin bình an, và đừng phải nghe tin gì khác... Rồi được tin vui, Ba đã thật sự bình an ở lại với chúng con. Con cảm thấy lòng mình nhẹ nhàng và sung sướng biết bao.

“Công Cha như núi Thái Sơn

Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.”

Thật thương kính ba

Con gái của ba

HUỲNH THANH PHƯƠNG

08- 17- 2000

Trong lúc đại hạn mới biết nguồn nước kia là sung mãn;
trong cơn hoạn nạn mới rõ người tri kỷ.

Mabire

Đọc sách cầu lấy lý, làm được để cầu sáng (Đọc thư cầu lý,
tạo chúc cầu minh).

Trình Thị

NỖI KHỔ DÂN NAM

Lê Ẩn

Diễn đàn báo chí đưa tin
Đồng bào trong nước xích xiềng lao lung
Làm chi nên tội... khổ thân
Vừa bị ăn cướp vừa gông đến nhà
Ô hay dung túng gia gia
Một bày lang sói lâu la...đương trào
Ra tay trấn áp đồng bào
Cúi đầu khúm núm thiên trào Trung Hoa
...Nuốt chửng Trường sa, Hoàng sa
Lão Sơn đích ngắm xơi đà ngon ăn
Ba ngàn bảy trăm xác quân (*)
Anh em đồng chí môi răng...nghiến như
Biên cương lãnh hải thụt lùi
Cả ngàn cây số ngậm ngùi nỗi đau
Tội đồ dân tộc không nao
Ra tay đàn áp phong trào...vì dân:
“Nhân quyền, dân chủ...công nhân”
Lãnh đạo!...Một lũ sát nhân trị đời
Cướp nhà, cướp đất giết người
Quyền yêu nước cũng cho ngồi tù dai
Cho hay cái giống vô loài
Nguyện vọng chánh đáng...ra roi biểu tình
Em ơi! Xác định cái nhìn
Bạn? Thù?...Trên đất nước mình ...vùng lên!

TIẾP BƯỚC

Kính dâng hương linh Biệt Động Nguyễn Trờ
Người Vô Danh

Vết thương nào không đau?
Vết sẹo nào không dấu?
Làm sao em quên được,
Khi đã mất tình đầu!

Anh! Người hùng Biệt Động,
Cả đời vì non sông.
Tung hoành và ngang dọc,
Thề giữ vững một lòng.

Có phải chăng vận nước?
Hay tại anh nhu nhược?
Nỡ buông súng qui hàng,
Trước lũ người bạo ngược!

Bao nhiêu năm đọa đầy,
Rèn luyện thêm chí trai.
Quyết vì dân, vì nước,
Nguyện giữ dạ thẳng ngay.

Rồi được sang nước Mỹ,
Kiên tâm và bền bỉ.
Anh hăng hái đấu tranh,
Cho lòng trai thỏa chí.

Nhưng... rồi một ngày kia,
Anh vội sớm chia lìa.
Khi phải mang chứng bệnh,
Biết làm sao sốt chia?

Nhớ lại cảnh ngục tù,
Đầy đọa bởi thằng ngu.
Thân anh mòn mỏi sức,
Viễn ảnh thật âm u...

Em nguyện tiếp bước anh...
Con nguyện tiếp bước anh...
Dẫu rằng anh đã chết,
Chắc chắn mộng sẽ thành.

THƯƠNG NHỚ

Kính dâng hương linh Biệt Động Nguyễn Trợ.
Người Vô Danh

Thương nhớ lắm anh ơi, người Biệt Động!
Suốt một đời vì Tổ Quốc non sông.
Hiến cả thân trai với hết tấm lòng,
Quyết bảo vệ quê hương và dân tộc.

Rồi một hôm, trận cuồng phong gió lốc,
Cuốn tan tàn nh... thành quách đã ra ma.
Khốn khổ muôn dân, tan nát cửa nhà,
Sống vất vưởng bên giặc thù Cộng Sản.

Đất nước tang thương, triệu người ly tán,
Nề hà gì biển cả sóng đại dương?
Thà chết còn hơn trong lòe bịp “Thiên đường”,
Không ánh sáng, không tự do dân chủ.

Cuộc đời anh, áng mây mù bao phủ,
Đeo đuổi theo giữa rừng núi hoang vu.
Bao tháng năm đầy đọa chốn ngục tù.
Nhưng không chết người trai hùng Biệt Động

Chí phục thù vườn cao...Anh phải sống!
 Để góp phần **phục quốc** ở ngày mai...
 Nếu không thì chẳng xứng đáng làm trai,
 Khi đất nước rơi vào tay Cộng Sản.

Hy vọng có ngày... bầu trời quang đãng
 Nước Việt mình không còn áng mây đen.
 Bọn phản dân, hại nước quá đê hèn
 Sẽ đền tội trước hồn thiêng dân tộc.

Tuổi trẻ ngày nay quyết làm cơn gió lốc,
 Phá tan tành bọn phản nước hại dân.
 Quyết cùng nhau tạo dựng lại mùa Xuân,
 Cho dân tộc hưởng muôn đời muôn kiếp.

- Một trong những hạnh phúc của đời này là tình bạn; một trong những hạnh phúc của tình bạn là có một người để gửi gắm điều bí ẩn.

A. Manzoni

NHẮN TIN: Nguyễn Văn Bê, Muốn tìm anh Huỳnh Bá Ngọc, Trưởng Chi Cảnh Sát quận Phước Ninh (Cao Xá). Anh tư nhận được tin này liên lạc về em. Hoặc quý đồng hương nào biết anh Huỳnh bá Ngọc và gia đình anh đang ở đâu, xin vui lòng liên lạc về Nguyễn Văn Bê theo địa chỉ Bút Nhóm Gọi Đoàn. Chân thành cảm tạ.

TÂM SỰ CỦA THÚY

Nguyễn Ninh Thuận

Cứ mỗi buổi sáng, Thúy có thói quen dậy từ lúc 5 giờ, nàng mở radio đài Little Sài Gòn nghe tin tức trong và ngoài nước, rồi theo dõi chương trình chào bình minh của đài cho đến 7 giờ mới lo những công việc khác... Ngoài những giờ đi học, đi làm, Thúy dành hoàn toàn thì giờ còn lại cho việc viết văn, làm thơ... Trong khi theo dõi radio, trí óc của Thúy ghi nhận từng sự kiện để tìm đề tài cho những sáng tác mới của mình thêm phong phú... Thúy hằng trăn trở, khắc khoải...hướng về quê nhà trước những gian nan, đời sống cơ cực lầm than của dân mình. Nhất là ngưỡng mộ gương bất khuất của những nhà tranh đấu cho dân chủ, tự do, như Linh Mục Nguyễn Văn Lý, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, luật sư Lê Thị Công Nhân...Nhiều, nhiều lắm nếu kể ra vài trang giấy cũng chưa hết được!...

Khắc khoải để mà khắc khoải, để mà ôm nỗi buồn vong quốc triền miên...Thúy thường thì thắm với chăn, với gối:

-Mình là kẻ chân yếu tay mềm mà lại bất tài, chả làm gì được cho quê hương tổ quốc. Nay đầu mình đã hai thứ tóc, gần đất xa trời...Ngày mình nhắm mắt, không biết quê hương đất nước của mình có còn bị loài quỷ dữ thống trị đàn áp nữa hay không? Thế hệ con cháu mình sẽ ra sao,

cứ mãi sống lưu vong như thế này hoài sao? Chúng có quan tâm nổi chí cha ông dấn bước trên đường phục quốc không? Hay là ngán ngấm chông gai, lùi bước trước lưỡi lê, họng súng của kẻ khát máu, tôn thờ chủ nghĩa ngoại bang tàn bạo. Cũng có thể chúng bị những ảnh hưởng đến chóa mắt trước một xã hội quá ư tốt đẹp làm lu mờ tình hoài hương của con người đi chăng? Rồi chủ nghĩa cá nhân và đời sống vật chất dư thừa ở xứ Mỹ có xoi mòn chúng không? Thêm vào đó, chúng cứ mãi hưởng thụ và hưởng thụ mà quên đi cội nguồn dân tộc?

Những câu hỏi cứ xoáy vào tâm tư, làm Thúy lặng đi trong ý nghĩ:

-Thế hệ con cháu mình sinh ra để muợn, chưa đối diện với sự tàn ác của kẻ thù, chúng chưa có những bài học đau thương trong quá khứ cũng như hiện tại, nên dễ dàng đón nhận hạnh phúc trời ban, còn được đánh bóng, sơn son thếp vàng giấc mơ xây đời phồn vinh trên quê hương thứ 2 này.. Trước mắt mình, chán chi những kẻ đã một thời bị Cộng Sản giam cầm, tù đầy, bị bầm giập, bị khốn đốn tột cùng ...trong mọi tình cảnh khắc nghiệt, nhưng khi được sang nước Mỹ hưởng được sung sướng tự do, họ lại quên đi quá khứ thương đau đã vây hãm đời họ tưởng đâu không ngóc đầu lên được! Có thể họ vô tâm cố quên đi, muốn từ bỏ đời sống cơ cực trong quá khứ, vì người Việt mình có tấm lòng độ lượng, hỉ xả, dễ tha thứ, không như kẻ thù: **Thà giết lầm hơn bỏ sót để chiến thắng bằng sự dã man tàn bạo.** Rồi có những kẻ vô lại, can tâm bán rẻ lương tri vì bả vinh hoa phú quý trước mắt để phục vụ cho cái Tôi đáng ghét! Có một số người cầu an, yếm thế và bàng quan

trước bao nhiêu việc xảy trên quê hương mình vì tính ích kỷ cá nhân, họ từng nghĩ: Ai chết mặc ai, miễn bản thân họ và gia đình họ được an nhiên tự tại là đủ rồi!

Thở dài, Thúy nghĩ tiếp:

-Trong khi mọi người đi biểu tình tranh đấu đòi tự do, dân chủ cho quê nhà, một số người đi qua không những không tham dự thì thôi...vì sợ quyền lợi bị khó khăn khi trở về Việt Nam mua bán làm ăn, hưởng thụ...họ lại nhún vai, trề môi chê trách, thốt ra những lời bi quan chủ bại... Họ thản nhiên ngồi nhìn cuộc biểu tình diễn ra bên tách cà phê với điệu thuốc lá phì phà một cách vô tư!!!!? Có thể đó là những người đi thật sự quên đi quá khứ... quên mất lý do tại sao họ có mặt nơi xứ tự do này? Họ đã bỏ mất căn cước tị nạn của họ rồi chăng? Chưa hết đời, đã vội quên đi bao nỗi nhục nhằn đau khổ mà kẻ thù một thời tròng vào tuổi đời của họ mấy mươi năm qua!!!!? Qua đây, Thúy nhớ lại bài thơ **Cúi Mặt** của nhà thơ Kha Huyền mới thật thấm thía:

“Đã lâu lắm không đọc bài Bình Ngô
Và lời hịch của Ngài Trần Hưng Đạo,
Tôi vẫn sống từng ngày lo cơm áo,
Đời vẫn bình yên như nước chảy qua cầu!
Đã quên rồi những năm tháng rừng sâu,
Cũng quên hết những đêm dài trên biển!
Tôi vẫn sống mơ một ngày vinh hiển,
Chút lụa vàng phủ kín cả đời trai!
Tổ quốc tôi thường có những đêm dài,
Đêm ân oán, đêm hận thù chém giết!
Tôi nhắm mắt, bịt tai, dù vẫn biết,

Đồng bào tôi mang bản án tử hình,
Tôi cũng biết bầm gan, căm nổi thế thù..
Lại không dám thể sống chết cùng quân nghịch tặc!
Mấy mươi năm quê hương tôi mất vào tay giặc:
Độc ác thay, trúc rừng không ghi hết tội,
Nươc bắn thay, nước biển không rửa sạch mùi!
Đồng bào tôi đôi lúc cũng nói cười,
Nhưng âm buồn vang vang như tiếng khóc!
Tôi thức dậy khi mặt trời vừa mọc,
Chờ đến khi đêm tối lại lên giường!
Mấy mươi năm bằng tất cả tầm thường,
Tôi cúi mặt sống một đời ích kỷ!
Rất xấu hổ khi cầm tờ hịch cũ,
Mượn rượu nồng giấu mặt khóc đêm đêm,
Mấy mươi năm, chắc chắn sẽ dài thêm
Một kiếp sống của cuộc đời vô nghĩa!...”

Với cả bầu nhiệt huyết cho quê hương, Thúy không ngại tốn kém đã làm thơ viết truyện để phản ánh lên một phần nào tâm tư của người mất nước, mất tất cả tình hoài hương lưu luyến quê nhà. Ngày đêm, Thúy hướng về quê mẹ thân yêu trước những nỗi thống khổ của người dân khiêu kiện mất nhà, mất đất. Nói lên những lời thành kính tri ân các gương chiến đấu của tiền nhân đã có công dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa. ca tụng cùng xót thương những chiến sĩ đã đổ bao xương máu tô điểm cho non sông thêm tươi thắm trên dãy đất gấm vóc từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Quê hương Thúy giàu đẹp lắm, nhưng nay đã xơ xác điêu tàn vì bọn tham quan đã cắt đất, dâng biển cho

bọn Nga tàu... Rừng cây đâu còn bạt ngàn với bao gỗ hiếm quý đầy đầy, mà nay thừa thớt không đủ sức ngăn nguồn nước lũ hung hãn hàng năm đe dọa tính mạng và tài sản người dân. Dưới biển thì cá không kịp sinh sôi nảy nở để xuất cảng đem về tiền bạc cho kẻ cầm quyền với túi tham không đáy. Lúa gạo xuất cảng đứng hàng thứ nhì trên thế giới, nhưng người làm ra nó không đủ cơm ăn, vì phải bán ra với giá rẻ mạt cho bọn đầu nậu quyền thế ức hiếp kẻ bần hàn, họ ăn chặn trên mồ hôi nước mắt kẻ dầm mưa dãi nắng trên những cánh đồng cháy da...Nhà nước thì xuất cảng lao động, bán gái đẹp ra xứ người làm nô lệ tình dục cho ngoại bang...đem về ngoại tệ cho kẻ quyền thế đầy túi. Bộ mặt thành phố thì phần vinh giả tạo, đất đai bán cho các nước tư bản xây nhà cao tầng chiếm ngự kinh doanh. Các nước tư bản trên thế giới viện trợ dollars để cứu đói giảm nghèo, xây cầu làm đường, bị bọn tham quan ăn chặn đến nỗi cầu sập làm chết bao nhiêu công nhân nghèo khổ, khốn đốn...Tất cả những chuyện xấu xa bỉ ổi trong chế độ thối nát Cộng Sản, nói từ ngày này qua ngày khác cũng không hết chuyện.

Sáng nay, đang nằm buồn trên giường ngủ, Thúy bỗng chú ý đến cuộc phỏng vấn của Đinh Quang Anh Thái với nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa ở trong nước về vụ biểu tình chống rước đuốc Thế Vận Hội của Trung Quốc đi ngang qua Việt Nam. Thúy thật đau lòng khi biết được tường tận diễn biến xảy ra cho nhà văn, cũng như hôm trước Thúy cũng thổn thức cho đất nước mình qua thiên phóng sự của đài với Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thúy tự hỏi:

-Đất nước mình đây ư? Từ ngày quân Bắc Việt xâm

chiếm hoàn toàn miền Nam và làm quê hương giàu đẹp của mình từ Bắc vô Nam phủ lên một màu tang tóc bao trùm. Giờ đây chủ quyền đất nước bị bán đứng cho Tàu Cộng phương Bắc, người dân trong nước có miệng cũng như không, có tấm lòng cũng không được tự do lui tới bày tỏ thái độ với kẻ ngoại nhân xâm lấn đất, biển của quê hương mình. Quan thầy Bắc Kinh lại được bảo vệ cẩn mật trên nước Việt thân yêu một cách tự do nghênh ngang, trước sự cúi lòn nghe chỉ dụ của Việt Cộng. Ngược lại, người dân Việt phản kháng kẻ cướp đất, giành biển thì bị bọn cầm quyền đàn áp thật dã man...Sự thật quá trắng trợn của bọn quỷ đỏ không còn tính người...nhưng trời cao, đất thấp sao không soi thấu nỗi thống khổ của quê hương khốn khó của Thúy...Thân thể nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà giáo Vũ Hùng, sinh viên Ngô Quỳnh, sinh viên Tiến Nam, anh Vi Đức Hối...bị bầm dập vì công an quá nặng tay, đàn áp thật dã man, gây nhiều thương tích cho người muốn bày tỏ ôn hòa trong việc tranh đấu đòi nhân quyền. Ngoài ra, từ Bắc vô Nam có hàng trăm người đứng lên đòi tự do dân chủ cũng không thoát khỏi dùi cui, đấm đá của bọn “bò vàng”. Tuy vậy tinh thần tranh đấu và lòng gan dạ của các nhà tranh đấu vẫn ngấm ngấm âm ỉ và đợi cơ hội là bùng cháy lên...

Thúy xót xa chìm đắm với ý nghĩ:

-Các nhà tranh đấu thật đáng tôn vinh, riêng mình thậm cảm phục những người mẹ, người vợ, người chồng, người con...của các nhà tranh đấu hơn nữa...vì không có các vị thâm lặng đó góp phần chăm lo việc nhà, con cái, cơm áo hỗ trợ tinh thần người tranh đấu, không sớm thì muộn sẽ

làm chùn bước các vị quân...Mình thì không bằng các vị đó. Nhi nữ thường tình lại sống tại nước Mỹ tự do này thật quá ích kỷ, chỉ biết gói tròn trong tình gia đình, thân tộc, cơm áo... Không dám bỏ một ngày làm việc để đi tranh đấu cho tự do ở quê nhà, không hỗ trợ mọi mặt cho các nhà tranh đấu yên tâm lao vào công việc chung của đất nước đang chờ phía trước...Thật đáng hổ thẹn!...

Thở dài, Thúy lại suy nghĩ tiếp:

-Một số bạn mình thật đáng trách, chẳng bao giờ đi biểu tình hỗ trợ cho công cuộc đấu tranh ở quê nhà. Họ thờ ơ trước thời cuộc, chỉ biết vinh thân phì gia! Nếu có gì lợi trước mắt là chộp giựt không buông tha. Riêng mình từng băn khoăn tự hỏi: Nếu kẻ thù dùng thủ đoạn đem lợi lộc mua chuộc, mình có mạnh dạn từ chối không? Hay lẩn xả móc ngoặc, bán rẻ lương tâm để có lợi cho riêng mình?! Nếu làm việc cho Cộng Đồng để kiếm được chút hư danh, mình có giành giựt tranh quyền, bôi bẩn lẫn nhau để chiếm ưu thế hay không? Mình có đặc quyền lợi cá nhân lên trên không? Có nên duy trì tình đoàn kết vì hợp quần sẽ gây sức mạnh với câu: “Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết” không? Mình có nên chia bè kết phái, tài chánh chi thu không phân minh tạo ra sự phân hóa và nghi ngờ trong Cộng Đồng? Từ đó tạo ra mất niềm tin của đồng hương đối với các tổ chức đấu tranh?...Tất cả những câu hỏi xoáy vào đầu làm Thúy muốn điên lên...Thúy vùng dậy thật nhanh, cố xua đuổi những ý tưởng mới manh nha, bằng cách đi làm những công việc thường nhật. Thúy hy vọng ngày hôm nay sẽ đẹp và cuộc sống này sẽ tốt hơn vì ý thức về trách nhiệm của người hải ngoại luôn gắn bó với đồng bào trong nước, cố

thấp lên chút ánh sáng le lói ở chân trời ■■ thắm, vẫn soi
rọi được niềm hy vọng trong đêm tối thắm u triền miên ở
quê nhà.

Nguyễn Ninh Thuận

LỜI MẸ RU CON

Con hỡi con ơi, mẹ ■■ con ngủ,
Hãy say nồng trong giấc ngủ ngây thơ.
Bao nhiêu năm mẹ mòn mỏi đợi chờ,
Để đón nhân sự hững hờ lạnh nhạt.
 Đây là điều mẹ quan tâm phó thác,
 Mai sau nầy con lớn được thành danh.
 Lòng thẳng ngay, giữ đạo nghĩa chân thành,
 Đừng phụ rầy kẻ ân tình sớm tối.
Con biết không đấy là điều tội lỗi,
Của con người cam bất nghĩa bất nhân.
Dẫu thế nào ta cũng phải cân phân,
Cho chín chắn chờ vội vàng hấp tấp.
 Đừng ngây thơ để lọt vào bẫy sập,
 Kẻ xấu mồm nhằm phá nát gia cang.
 Là thanh niên, con hãy sống đàng hoàng,
 Lấy đạo đức và nghĩa nhân làm trọng.
Sống ở đời phải ■■ người đáng sống,
Đừng mang danh kẻ phản bội, lưu manh.
Đạo đức, nghĩa nhân con phải học rành.
Và phải giữ cho thơm danh con nhé!

Trần Kiêm Nhiên

Lời Tòa Soan: Cây bút trẻ Hải Âu sinh năm 1984, con của cựu Đại Úy Nhảy Dù Lâm Tăng Sum và giáo viên Hồ Thị Thanh Thanh. Hải Âu theo cha mẹ sang Mỹ diện H.O năm 2003. Hiện đang theo học trường Golden West College.

TÔI HỌC NHIẾP ẢNH

Hải Âu

Tôi biết đến Việt Ảnh nhân một sự tình cờ. Bạn tôi, Bảo Chi, cho biết tại chùa Sùng Nghiêm đang có triển lãm tranh nhân dịp Tết Mậu Tý: “Hình triển lãm ở đó đẹp lắm, họ còn dạy nhiếp ảnh miễn phí nữa, khi nào cậu rảnh thì sang đó mà xem rồi ghi danh mà học.” Tôi chạy sang một vài ngày sau đó, thì cuộc triển lãm đã kết thúc nhưng mà may mắn là tranh vẫn còn trên tường. Tôi nắm nỉ các sư cô cho tôi vào xem tranh, xem xong thích quá và thế là tôi quyết định đăng ký học nhiếp ảnh luôn. Tôi thích nhiếp ảnh khi còn nhỏ. Tôi còn nhớ, hồi đó cậu tôi gởi cho ba tôi cái máy Canon dùng phim để chụp hình gia đình làm kỷ niệm. Thế rồi tôi có dịp “trổ tài” khi ba tôi cho phép cầm máy. Không lâu sau thì cũng đâu lại vào đó vì gia đình tôi không mấy dư dả để cho tôi tiền mua phim chụp ảnh. Cái máy ảnh đành nằm một góc.

Nhiếp ảnh là một nghệ thuật đòi hỏi người học phải có sự đam mê, lòng yêu thích, thời gian và...tài chánh. Tài chánh là một trở ngại nhưng vượt qua trở ngại đó là niềm hạnh phúc của nhiếp ảnh. “Nhiếp ảnh có ba niềm hạnh phúc. Niềm hạnh phúc thứ nhất là khi chụp được một tấm

ảnh ưng ý. Niềm hạnh phúc thứ hai là đem tấm ảnh đó khoe với gia đình, người thân và bạn bè. Niềm vui thứ ba là “tranh được treo triển lãm hay đi tranh giải” (trích theo lời của Nhiếp ảnh gia Phí Văn Trung). Chú Trung là một trong những cánh chim đầu đàn của Việt Ảnh Club. Tâm nguyện của chú trung và ban chấp Hành Việt Ảnh Club thật là đơn giản, chỉ mong muốn duy trì và phát triển nghệ thuật nhiếp ảnh và văn hóa Việt trong cộng đồng. Lớp Việt Ảnh cấp I ra đời gần bốn tháng và gọi là Việt Ảnh 108. Qua hơn 4 tháng học lý thuyết và thực hành tại lớp, field trips, và studio, tôi mới thấy hết được lòng đam mê và yêu nhiếp ảnh của ban giảng huấn. Từ sự chuẩn bị chu đáo về bài giảng, đến những chuyến đi thực tập như Huntington Library, Lancaster và Laguna Beach là cả một sự hy sinh về thời gian, công sức và tài chánh của ban giảng huấn. Để có được chuyến đi Lancaster chụp hình về đồi hoa Poppy thành công, ban giảng huấn phải bỏ ra cả ngày trời để tìm địa điểm tốt cho cả lớp. Nếu như không có sự hy sinh, lòng đam mê nghệ thuật, và lòng mong mỏi cho sự thành công lớn mạnh của Việt ảnh thì tôi nghĩ Việt ảnh 108 đã không có ngày hôm nay. Ngoài sự hiện diện trên lớp mỗi ngày, chú Phí Văn Trung còn đích thân gọi điện thoại đến từng học viên để quan tâm, khuyến khích, chỉ bảo mỗi học viên. Sự tận tâm của chú Phí Văn Trung và ban giảng huấn là sự may mắn mà Việt Ảnh 108 có được.

Thông qua lớp ảnh, tôi biết phân tích thế nào là một tấm ảnh đẹp, và tôi càng quý trọng hơn cái đẹp của thiên nhiên và con người thông qua từng tấm ảnh. Mỗi tác phẩm

là một cái nhìn, là một thông điệp, là lời nhắn nhủ của người nhiếp ảnh đến người xem. Học nhiếp ảnh không chỉ để biết cách sử dụng máy mà còn là sự rèn luyện cái nhìn của một người nhiếp ảnh, rèn luyện tính kiên trì, nhẫn nại. Học ảnh có nhiều thú vui, không đơn thuần chỉ là nhiếp ảnh, mà bên cạnh đó là những người bạn ảnh, những người có cùng chung sở thích. Có được một tấm ảnh đẹp mà không có người thưởng thức, am tường về nghệ thuật như những người bạn ảnh thì thật là uổng phí.

Đến đây tôi xin mạo muội, xin được phép gọi chú Phí Văn Trung là người bạn ảnh. Tính ra tuổi đời thì chú cũng bằng tuổi của ba tôi. Còn về phương diện nghệ thuật và tuổi đời cầm máy của chú, thì chú là một người thầy. Nhưng tôi xin gọi chú Trung là người bạn ảnh là vì tính tình thân thiện, hòa đồng, và vui vẻ như một người bạn ảnh. Được cầm máy đi săn ảnh cùng với chú Phí Văn Trung là một niềm vui và hạnh phúc của đời tôi. Có một điều tôi hơi buồn là người nghệ sĩ sáng tác được ảnh đẹp thì có nhiều người xem để mà chia sẻ, còn khi người nghệ sĩ có nỗi đau về thể xác thì biết chia sẻ cùng ai??? Tôi nói câu này vì chú Phí Văn Trung hiện đang mắc bệnh. Tôi chỉ biết cầu chúc chú dồi dào sức khỏe để dìu dắt Việt Ảnh. Còn sự cố gắng hồi phục sức khỏe đến đâu không thuộc về mình nữa... Thật buồn làm sao khi tôi nhớ đến người cha thân yêu của mình cũng mang chứng bệnh tương tự như chú Phí Văn Trung mà phải lìa đời quá sớm, bỏ cả mẹ già, bỏ vợ, bỏ con, bỏ mọi dự tính trong tương lai..... Còn gì buồn hơn!

Hải Âu.

HOANG TÀN

Ta về đây nhìn cảnh điêu tàn
Phố xá buồn, đường chiều thê lương
Người lưu lạc tìm đâu chẳng thấy
Nhà cửa chừ, ôi đã nát tan

Ta về đây, lòng buồn miên man,
Nhìn quanh quẩn một dãy vườn hoang
Cố tìm mãi dấu tích ngày cũ
Đâu hết rồi, giờ chỉ hoang tàn

Ta về đây, vắng bóng người về
Phố xưa đó, giờ buồn lê thê
Đâu còn ai đi trên đường vắng
Lúc chiều xuống, ôi thật náo nề

Ta về đây, mà lòng tái tê
Đợi mãi hoài, người ở mô, tê...?
Lối mòn xưa, giờ đã mất dấu
Người biết đâu để nữa mà về...!?

Nhớ về Quảng Trị quê tôi
sau mùa hè đỏ lửa 1972
Mai Khanh- Lê Đình Cát.

TAM SỰ

Thuở mới quen, anh đưa em đi dạo.
Lời tỏ tình nghe ngọt dịu làm sao.
Quá tin anh nên em chẳng đón rào,
Trao tất cả cho anh đời con gái.

Cứ ngỡ thời gian êm đêm trôi chảy,
Tình chúng mình đến chết chẳng nhạt phai.
Nào ngờ đâu nước mắt lại chảy hoài,
Khi anh bỏ đi tìm duyên mới.

Nơi quê nhà em mỗi mòn chờ đợi,
Thương con thơ trông ngóng bóng cha về.
Tháng năm dài anh đã quá say mê,
Bên người mới giàu sang nhiều tiền bạc.

Tủi thân em thôi cam đành phó thác,
Cho số Trời định đoạt rủi hay may.
Chẳng trách anh đã đem dạ đổi thay,
Bên con nhỏ em đêm ngày héo hắt.

Và từ nay tim em xin khép chặt,
Chẳng bao giờ dám tin tưởng lời ai.
Dầu ngọt ngon và tha thiết bên tai,
Chẳng đón nhận, chẳng ai hoài... thao thức.

Đã sợ rồi tim không còn rạo rực,
Mơ người thương và mong được người thương.
Bên con thơ em nghiền ngẫm tình trường,
Ai chung thủy để mình vương mình vấn?

Tuổi thanh xuân sao đời em lận đận,
Chốn tình trường em hận quá anh ơi.
Dạy trẻ nghĩa nhân đạo đức ở đời,
Đừng phá nát tương lai người con gái.

NỖI BUỒN VƯƠNG ĐONG

Mai Khanh - Lê Đình Cát

Người đàn bà chiều nay tôi tình cờ gặp ở sân chùa Liên Hoa vào khoảng trên bốn mươi tuổi. Nàng ăn mặc thật đơn sơ, giản dị. Thoạt nhìn nét mặt của nàng hơi tiêu tụy và hằn những nếp nhăn vì không son phấn; nhưng vẫn phảng phất nét duyên dáng, mỹ miều... Với dáng vóc thon gọn, người cao mà gầy, chứng tỏ nàng là một giai nhân của thời con gái xa xưa. Tôi nghĩ lúc trẻ chắc nàng phải đẹp lắm, và cũng đã từng làm cho bao chàng trai say đắm về nàng.

Nhưng dòng suy tưởng của tôi bị cắt đứt, khi bất chợt thấy nàng đi dần đến trước pho tượng Ngài Quan Thế Âm. Đặt lộ thiên trên hòn non bộ ở góc bên phải phía trước sân chùa. Nàng đứng im lặng, hai tay chắp trước ngực, miệng lâm râm cầu nguyện. Trong lúc này, tôi thấy hình dáng nàng sao mà quá hiền thực, nhưng lại uể oải và có vẻ chán đời đến thế. Không thể dừng được, bản tính tò mò sẵn có, tôi đến gần nàng và đợi cho nàng cầu nguyện xong, tôi gợi ý làm quen liền.

-Dạ xin lỗi cô...bà...à...cô?

-Dạ, chào ông.

-Tôi là Tường, Phật tử ở đây.

-Dạ hân hạnh được biết ông. À! Như vậy là tôi đã nghĩ đúng, vì cũng đã nhiều lần đến viếng chùa và thấy ông hoài. Đôi lúc tôi cũng muốn làm quen với ông nhưng mà

ngại quá. Tôi tự nghĩ, mình có đường đột lắm không? Nên đành thôi vậy.

-Dạ, tôi thì không nghĩ như vậy vì chúng mình đã đến đây, thì đều là con Phật hết kia mà. Thưa cô, thế ra cô thường hay đến đây viếng chùa và lễ Phật, chắc cô cũng là một Phật tử, và hình như cô đang có tâm sự buồn?

-Dạ, không biết phải nói thế nào đây?!

-Dạ, xin cô cứ tự nhiên, nếu mà cô cảm thấy không tiện nói ra thì thôi, không sao hết.

-Xin lỗi ông! À tôi tên Vân Đàm.

-Ồ Vân Đàm, tên cô đẹp quá. Chẳng khác gì với người...

Tự biết mình đã lỡ lời một cách khiếm nhã trước một thiếu phụ lạ, trẻ đẹp, nên Tường đành im lặng

-Dạ ông đang nói gì ạ?

-Xin lỗi cô, nếu cô không nghĩ là tôi đã có lời khiếm nhã, và quá đường đột thì cô cho tôi được phép khen tên cô thật xứng với người.

-Dạ, thưa ông nói vậy nghĩa là thế nào ạ, tôi không hiểu ra được ạ?

-Dạ, cô đẹp lắm, nhưng mà lại hơi buồn.

-Cám ơn ông, vì lời khen tặng của ông đang làm cho tôi tự thẹn lấy mình.

-Dạ, cô quá khiêm nhường thì thôi...

Rồi cứ thế, những lời đối đáp xã giao thông lệ giữa hai người mới quen nhau vẫn tiếp tục...nhưng Tường nghĩ nếu đi sâu vào câu chuyện thì sẽ bất tiện và khó xử cho cả hai, nên chàng kiếm cách từ giả nàng. Mặc dầu qua những thái độ hơi do dự của nàng, chàng biết nàng đang còn muốn nói

một điều gì đó, mà nàng chưa tiện nói ra, và Tường cũng không hỏi tiếp. Rồi cũng từ hôm đó Tường quên hẳn mất câu chuyện người thiếu phụ trẻ, đẹp mà chàng đã gặp ở sân chùa vào một buổi chiều chủ nhật nọ.

Thời gian cứ thế mãi trôi cho đến một hôm...phải, một hôm cũng trong một dịp tình cờ, người thiếu phụ mà Tường đã gặp trước đây ở sân chùa Liên Hoa... Sáng nay đứng là nàng, nàng đang làm trong quán ăn nầy, khi nàng bưng tô phở đến cho chàng. Vì quá bất ngờ nên Tường chưa kịp chào hỏi nàng, thì nàng đã đặt vội tô phở xuống bàn, trước mặt chàng và ngược mặt lên với vẻ sững sờ! Ôi! bốn mắt nhìn nhau. Tường thấy hai bàn tay nàng run chi lạ! Nước ở trong tô tung tóe ra ngoài dính đầy cả cái áo sơ mi trắng và cái cà vạt của chàng! Nàng mất bình tĩnh và ánh mắt nàng nhìn đi nơi khác vì đã nhận ra Tường trong lúc nàng đang ở vào một hoàn cảnh oái oăm. Như muốn tránh mặt Tường, nàng đã không tự chủ được lòng mình nên đã đặt tô phở xuống bàn một cách vội vàng, vô ý...

Buồn thay hôm nay là ngày đầu tháng, hăng của Tường có hợp nên chàng "lên bộ vía" và bây giờ, thì...chết dở thật rồi! Tường định trách nàng mấy câu: "Sao vô ý thế và..., và..., " nhưng khi ngẩng mặt lên chàng nhìn thấy dáng điệu tội nghiệp của thiếu phụ hiện rõ trên nét mặt thì lòng Tường tự dưng chùn xuống, và những bức bội về nàng lập tức tiêu tan hết. Tường cảm thấy thương cho thân phận của nàng, của một thiếu phụ son trẻ mà theo chàng đoán chắc nàng có một tâm sự đáng buồn và thương tâm lắm. Tường định chào và nói lời an ủi để nàng yên tâm, cũng như để xin lỗi nàng về cuộc nói chuyện dang dở lần trước ở sân

chùa Liên Hoa...Nhưng, nàng đã vội vàng bằng vẽ mất tự nhiên, xin lỗi Tường rồi rít và bỏ đi như chạy trốn. Lòng buồn ray rứt, vô cớ theo nỗi buồn của người thiếu phụ trẻ mà Tường đã tình cờ gặp lại, chàng để nguyên tô phở và đứng dậy đi đến quầy trả tiền rồi lững thững bước ra khỏi quán.

Từ giờ phút ấy cho mãi đến chiều, đến tối...Suốt trong một ngày hôm đó, lòng Tường đã có những cảm giác vui, buồn lẫn lộn và nhất là chàng cảm thấy thương hại, cũng như chàng đã suy nghĩ nhiều về nàng. Rồi cũng từ hôm đó, trong những lần đến ăn sáng ở đây, Tường không còn được gặp lại nàng nữa. Tự dưng lòng chàng hơi buồn, chàng nhớ lại và cảm thấy hình như mình đã xa một người thân, như bị mất một vật gì đó rất quý...Nhiều lúc, Tường tự hỏi lòng mình phải chăng chàng đã có cảm tình với người thiếu phụ lạ đó rồi? "Hỏi tức là tự trả lời cho chính mình." Phải! Chàng đã thầm nhớ, thầm yêu nàng mất rồi.

Tình yêu đó đến rất bất ngờ, nhẹ nhàng và quá êm dịu như một làn gió thoảng đến, làm cho lòng chàng tươi mát hẳn lên. Tường nhớ lần đầu tiên gặp người thiếu phụ lạ ở sân chùa Liên Hoa về, ngay tối hôm đó, hình bóng nàng đã vương mãi trong tâm chàng. Chính Tường đã bị thu hút bởi hình dáng yêu kiều, lời nói ngọt ngào dễ thương và cử chỉ rất lịch thiệp, nhất là đôi mắt... Phải! Đôi mắt sáng long lanh và đen huyền của nàng sao mà buồn, buồn quá! Bây giờ, tình cờ gặp lại nàng trong một hoàn cảnh như thế này nữa, thì làm sao mà lòng chàng không xao xuyến cho được! Xao xuyến khi Tường đã bắt gặp ánh mắt đượm buồn của nàng nhìn chàng... Ôi! Một cái nhìn chứa đựng tất

cả những gì nàng muốn nói với chàng. Và nàng cũng cho chàng một câu trả lời thâm: “Anh đừng bao giờ thắc mắc gì đến đời riêng của em hết, xin anh cứ xem như là chúng ta chưa hề gặp nhau thế thôi.” Tự dưng lúc đó chàng thấy nàng sao mà đẹp, dễ thương quá như vậy. Tường muốn nắm lấy tay nàng khi nàng vừa đặt tô phở xuống bàn trước mặt chàng, để được nói vài lời với nàng. Nhưng rồi sự cố đã xảy ra ngoài dự đoán của chàng trong ngày hôm đó. Những hình ảnh của buổi sáng ấy đã luôn gọi lại trong trí chàng và không bao giờ phai mờ được. Suy nghĩ mãi, Tường tự dưng cảm thấy mình đã mang tội! Mình có lỗi với nàng, một người thiếu phụ trẻ, đẹp nhưng quá buồn mà chàng chỉ biết sơ qua một lần trò chuyện chứ chưa hẳn đã là quen... Vậy mà chàng đã thâm lưu luyến đến yêu nàng, và cũng tại vì lần gặp gỡ sau này ở trong quán phở mà nàng đã bỏ việc làm. Ôi thật là buồn, và Tường không biết phải nói sao hơn được...

Trách mình, nhưng Tường cũng tự vấn lòng là mình chưa làm gì có lỗi với nàng hết. Có chăng là Tường chỉ yêu nàng và yêu thâm thôi. Hay nàng...cũng đã (Tường không thể quyết đoán được) đã có ý tứ gì với chàng chẳng...không lẽ...?

Trong thời gian này lòng Tường ray rứt lạ, vì vậy nên chàng cố làm sao để bằng mọi cách tìm nàng, nhất là vào những ngày chủ nhật hoặc những ngày lễ vía Phật, chàng thường đến những ngôi chùa chàng biết, với hy vọng sẽ gặp được nàng, nhưng “bặt vô âm tín”! Không cách gì để Tường có thể tìm được người thiếu phụ mà chàng đã gặp nữa rồi...

Vắng đi một thời gian lâu, Tường tưởng như đã quên người thiếu phụ xa lạ ấy, và đôi lúc có nhớ chẳng, thì cũng thoáng qua trong trí chàng vậy thôi.

Nhưng vào dịp nghỉ hè năm kia, đúng là mùa hè năm 2003, có vợ chồng chú em và các cháu của Tường ở San Jose về chơi. Lại cũng vào sáng chủ nhật, Tường cùng cả nhà đi ăn sáng ở một tiệm phở khá nổi tiếng ngon, sạch sẽ. Khi vừa mới bước chân vào tiệm, Tường chợt thấy thấp thoáng bóng ai như nàng, đang lau dọn bàn ở đằng cuối góc của tiệm. Sợ nhìn lầm, chàng cố nhìn thật kỹ thì ra đúng là nàng rồi...Cũng đáng vóc thon gọn, cao ráo. Cũng mái tóc cắt ngắn để lộ khuôn mặt thật sáng nhưng hơi buồn. Đúng là Vân Đàm, người thiếu phụ mà Tường đã từng gặp hai lần. Không nói, không rằng, Tường vội vã quay lưng đi ra khỏi cửa tiệm phở và cho người nhà hay là đã hết bàn. Nhưng về vội vã và hốt hoảng của chàng, đã không thể qua mặt được Bảo, thằng bạn thân của chàng.

-Tường! Sao không vào gọi bàn mà trở ra, còn đợi gì nữa, chúng tao đã đói cả rồi!!! Hay mấy đã gặp phải ma hớp hồn ?

-Bảo, mấy nói tầm phào hoài, người ta nói là đã hết bàn rồi. Thôi thì chúng mình đi quán khác ăn vậy nghe, xin lỗi tất cả mọi người.

-Sao mấy biết hết bàn?

Bảo nheo mắt hỏi Tường một cách tinh nghịch.

-Bảo! Mấy lạ chưa, người bồi bàn đã cho tao hay!

Qua câu trả lời có vẻ mất tự nhiên của Tường, Hậu biết chắc phải có sự cố gì đây, nên Tường mới mất bình tĩnh như vậy. Chàng không muốn để cho bà xã Tường phải thất

mắc, hiểu lầm về bạn, nên Hậu cắt ngang lời Bảo và khóa lấp liếm.

-Ừ thì bọn mình đi quán khác. Tao cũng không thích ăn phở đâu, nhưng vì Lân em của Tường quảng cáo quá chừng, nên tao đành bóp bụng ăn thử xem sao. Bây giờ không bị ăn phở thì tao hoan hô thằng Tường. À hay là mình cùng nhau đến Le Croissant ăn hủ tiếu với lưỡi bò kho mà có lý. Món này có vẻ ngon đó. Tao đã lâu chưa ăn lại. Nhớ lúc xưa tụi mình cũng hay ăn món này lắm mà!

Liên vợ của Tường đồng ý:

-Ý kiến của anh Hậu vậy mà tuyệt đó. Phở thì ở đâu lại không có. Muốn ăn về nhà em sẽ nấu mời các anh chị ăn. Còn ngon hơn cả ở tiệm. Đãi khách thì phải chọn những món ăn đặc biệt của bản xứ mới hấp dẫn được khách chứ! Thôi chúng ta đi mau lên, cả bao tử của anh Hậu có vẻ cồn cào rồi đó.

Cả bọn cười xòa và cùng nhau đi theo Tường lên xe đến Le croissant ăn sáng.

Sau khi ăn uống và từ giã bạn bè xong, trên đường về nhà, Liên thắc mắc vì nỗi buồn vô cớ của chồng, nàng gặng hỏi Tường:

-Anh có chuyện gì mà sáng nay em thấy anh hơi lạ, nhất là khi anh vào tiệm phở rồi lại đi ra?

Không thể nói dối với vợ nên chàng cũng kể sơ qua cho Liên nghe:

-Ừ, lúc anh vừa bước chân vào tiệm đó thì chợt gặp một chị bạn quen. Anh sợ chị ấy bị mặc cảm gặp mình, nên anh không đành vào đó để ăn sáng, thế thôi.

Liên không tin mấy lời biện minh của chồng, nhưng

nàng không muốn làm cho chồng buồn, nên ừ hử qua loa cho xong chuyện.

-Chỉ có vậy mà anh cũng để tâm, tính anh từ trước đến giờ đâu có như vậy?

-Ừ, vậy mới kỳ chứ, thôi chúng ta quên chuyện đó đi em à.

Và chàng tìm cách đánh trống lảng với vợ.

-À, mà em có muốn đi chợ luôn cho tiện không?

-Thôi mình về đi anh, đồ ăn vẫn còn.

Vậy là cả hai vợ chồng cùng về nhà.

Giờ đây ngồi một mình trong phòng, Tường suy nghĩ và buồn lắm vì không ngờ sự suy đoán của chàng là đúng. Phải rồi, cũng chỉ vì Tường mà nàng đã bỏ nơi đang làm để tìm nơi khác, và cũng làm cùng một công việc như vậy. Ôi! Đời sao lại như thế được chứ? Sao lại có những người mang nhiều tự ty, mặc cảm đến như vậy?. Chắc nàng phải có một tâm sự buồn, một quá khứ đau thương lắm. Nghĩ như vậy nên Tường quyết định là mình phải đến quán ăn ban sáng, và bằng mọi cách phải gặp nàng mới được.

Sau buổi cơm tối với gia đình, chàng nói dối với vợ:

-Anh đến nhà anh Hoàng họp một chút khoảng mười giờ anh về, đừng trông.

Tường chưa bao giờ nói dối với Liên, hôm nay là lần đầu chàng nói dối với vợ, nên Tường hơi ray rứt trong lòng. Nhưng chàng nghĩ là chuyện không quan trọng, nên cũng an tâm ra đi, kèm theo lời nhắn của Liên:

-Nhớ về đúng giờ, nếu có bận việc gì thì nhớ gọi cho em và con. Cả nhà trông anh. Lái xe cẩn thận đó nghe anh!

Đó là thói quen rất dễ thương của Liên, vợ Tường.

Nàng luôn dẫn dò chàng mỗi khi chàng lái xe ra khỏi nhà, hoặc là đi làm hay đi chơi cũng vậy. Thói quen đó đã cho Tường một niềm tin, một hơi ấm giữa tình chồng vợ của chàng.

Ngồi đợi ngoài xe cho đến lúc tiệm đóng cửa. Vừa thấy bóng nàng bước ra, Tường vội xuống xe đi đến gần nàng.

-Chào Vân Đàm.

Quá ngạc nhiên, nàng quay mặt nhìn lui ra sau. Cũng trong nét mặt chứa đầy sự bất ngờ, nàng thẳng thốt kêu lên:

-Ông, tại sao lại là ông!

Nàng không ngờ thật không ngờ tại sao tường lại có mặt ở đây, vào giờ này và đón nàng để làm gì...? Cả trăm ngàn câu hỏi hiện lên trong trí Vân Đàm.

-Xin lỗi Vân Đàm, đừng thắc mắc gì hết. Mời vào đây và chúng ta sẽ hàn huyên sau. Vừa nói, chàng vừa mời nàng vào quán nước bên cạnh còn mở cửa. Sau khi gọi cho nàng một ly sinh tố và Tường một ly cà phê sữa đá xong xuôi, chàng xin lỗi Vân Đàm với sự đường đột của mình...

-Tại sao ông lại đến đây, ông lại đi tìm tôi?

Nàng hỏi Tường liên tục y như là đang hỏi cung một tội nhân vậy đó. Chàng thấy dáng điệu của nàng mà muốn bật cười, nhưng đành thôi vì sợ nàng tự ái, Tường từ tốn đáp:

-Chả sao hết, tôi đến tìm Vân Đàm là để xin lỗi cô, bởi vì tôi mà cô đã bỏ nơi làm. Và cũng để bắt lỗi cô, Vân Đàm ạ... Vì cô mà tôi đã bỏ ăn, mất ngủ và đi tìm cô bấy lâu nay đó, cô có biết không?

-Tại sao ông lại nói như vậy. Ông với tôi đã quen biết gì nhau đâu mà sao ông lại nói như thế được, ông đi tìm tôi

để làm gì?

-Dạ, xin lỗi cô, cô với tôi chưa quen chứ đã biết nhau qua hai lần gặp mặt rồi.

-Vậy thì bây giờ ông tìm tôi để làm gì, ông muốn gì nơi tôi? Xin ông vui lòng nói rõ cho tôi được biết!

-Tôi chẳng làm gì cô hết Vân Đàm ạ. Nhưng sở dĩ tôi đi tìm cô, chỉ có mỗi một ước muốn duy nhất thôi, là xin cô cho tôi được làm quen với cô, cô Vân Đàm ạ. Chỉ có thế thôi.

-Hả? Ông, ông lạ quá! Ông nói gì mà tôi không hiểu. Giữa ông và tôi, hai chúng ta đã quen biết nhau lần nào đâu mà bây giờ ông lại muốn làm quen với tôi?

-Dạ thưa cô, tôi xin nhắc lại là tôi đã biết cô rồi. Những hai lần gặp nhau, và bây giờ là lần thứ tư tôi muốn được làm quen với cô Vân Đàm ạ.

-Sao đã lai lần và bây giờ lại là lần thứ tư ông gặp tôi? Vậy lần thứ ba là lúc nào, ông nói sao mà tôi không hiểu gì hết?

-Không có gì khó hiểu hết đâu Vân Đàm, lần thứ ba là sáng hôm nay.

-Hả, sáng hôm nay ông đã gặp tôi ở đâu?

Vân Đàm rất ngạc nhiên khi nàng hỏi Tường câu này, và nàng cũng mong ở câu trả lời của chàng.

-Dạ thưa cô, tại nơi này. Nơi cô đang làm vào lúc 10 giờ sáng. Lúc đó chúng tôi định vào ăn sáng, nhưng khi tôi thấy cô, thấy chứ không dám gặp...vì sợ cô sẽ biến mất nữa, nên chúng tôi đành đi ra để tránh mặt cô!

-Nghĩa là ông, anh...anh có đến đây? Sao mà anh biết tôi làm ở nơi này?

Tự nhiên nàng đổi cách xưng hô quá bất ngờ, như những sự bất ngờ trước làm tôi sửng sốt và mừng thầm. Lòng tự hỏi lòng, không biết tại sao lại như vậy. Tôi nghĩ chắc nàng cũng đã mến mình như mình mến nàng vậy thôi....

-Dạ, tôi đến đây...nhưng thú thật là tôi không biết cô làm ở nơi nầy. Nếu như tôi biết cô làm ở đây, thì đã khỏi phải mất công tìm kiếm cô rồi Vân Đàm ạ. Thú thật là cả mấy tháng nay, tôi cố ý đi tìm cô khắp tất cả các chùa trong những ngày lễ, vía Phật để may ra gặp được cô nhưng vô vọng. Tôi cũng có trở lại nơi làm cũ của cô mấy lần nhưng cũng không gặp, mà cũng chẳng muốn hỏi han ai, ngay cả bà chủ quán. Rồi tình cờ sáng hôm nay, khi tôi cùng mấy người bạn ở xa về chơi, muốn vào đây ăn sáng...Lúc tôi mở cửa bước vào đã thấy cô lau bàn từ xa. May mà cô không thấy được tôi...Nếu mà cô thấy thì tôi lại mất cô nữa rồi phải không, Vân Đàm? Tôi lại bỏ công tìm kiếm nữa, thì thử hỏi có tội cho tôi không.

-Anh nói hay chưa? Ai bảo anh phải tìm tôi đâu mà tội cho anh?

Giọng của nàng bây giờ có vẻ dịu hơn lúc ban đầu.

-Tôi cũng không bắt cô phải tránh mặt tôi. Vậy thì tại sao khi không cô lại bỏ nơi cô đang làm, và lý do gì?

Rồi Tường tiếp:

-Thôi chúng mình bỏ qua chuyện đó đi. Bây giờ nói chuyện hiện tại, và tôi xin cô nghe cho thật rõ là tôi...Tường, muốn làm quen với cô đó, cô Vân Đàm à.

-Anh, thật là...ừ thôi em chấp nhận, nhưng mà...

-Không nhưng gì hết, chấp nhận là đủ lắm rồi.

Thế rồi câu chuyện giữa Tường và Vân Đàm giờ có vẻ thân thiện, dịu dàng hơn, và cách cư xử của nàng cũng rất dễ mến nữa. Tường thầm nghĩ như vậy.

Sau lần đó và những lần kế tiếp sau này, Tường và Vân Đàm hẹn hò nhau thường xuyên hơn, lúc thì ở quán kem, khi thì ở tiệm ăn rồi hai người dần dần quen thân nhau hơn... Từ tình bạn đi đến tình yêu quá dễ dàng! Và tình yêu đã thật sự đến với hai người một cách ngọt ngào, êm ái... Nó đến từ lúc nào mà cả hai đều không biết hay nói đúng hơn là họ không muốn biết! Mặc dầu hai người đã yêu và tin tưởng nhau, nhưng qua những lần tâm sự, Vân Đàm chỉ cho Tường hay về đời tư của nàng một cách mờ mờ thôi.

-Anh tường ạ! Đời em không có gì để mà nói hết đâu. Nhưng mà anh đã muốn biết thì em cũng sẵn sàng cho anh hay vậy thôi. Em qua Mỹ đã lâu nhưng ở tiểu bang khác và đến ở Orange này gần mười năm rồi. Em chỉ có một mình thôi, không bà con, bạn bè gì hết. Em mất, mất hết, mất tất cả, em rất cô đơn! Em chán lắm, đôi lúc em muốn hủy diệt thân em luôn. Nhưng nghĩ lại không thể như thế được. Đã sinh ra làm thân con người thì mình phải phấn đấu, phải sống, và biết đâu...? Đôi lúc em cũng không còn biết em là ai, và em sống để làm gì, hy vọng cái gì đây? Nhưng rồi vì bản năng sinh tồn, vì một ý nghĩ vô hình nào đó, ở tận trong tim em thức tỉnh em. Em tự bảo với lòng là mình không thể buồn đau, chán đời như thế này mãi được. Mình phải phấn đấu để mà sống, mặc dầu sự sinh sống và vươn lên ở xã hội này đối với em là một vấn đề rất khó khăn, nan giải. Cuối cùng thì em quyết định, không lẽ mình lại

không kiếm được một việc làm sao...? Rốt cuộc em nghĩ là mình phải đi làm, làm bất cứ một việc gì, và đã làm như anh thấy đó.

-Anh biết đây không phải là công việc chính của em, và anh cũng biết là em đang có một tâm sự buồn đau lắm... nhưng mà thôi, nếu không tiện tâm sự thì cứ hãy cố quên đi một thời gian, sau đó nếu cần chia xẻ thì em cứ tâm sự với anh. Em phải luôn luôn nghĩ... "đời mà, đời đâu có chuyện gì suông sẻ, dễ dàng được phải không em?" Và em cũng luôn nhớ là bên em còn có anh, anh sẽ chia xẻ với em từng nỗi buồn vui của em.

Sau khi nghe những lời an ủi rất chân thành của Tường, Vân Đàm có vẻ tự tin vào đời hơn, nàng cảm động nói:

-Cám ơn những lời khuyên và sự an ủi của anh, Tường ạ. Phải! Đời mà, vì đời nên em mới cố sống. Em chấp nhận tất cả miễn là còn sinh tồn rồi sẽ tính.

Đó là tất cả những gì mà Vân Đàm đã tâm sự với Tường trong thời gian hai người quen nhau. Mặc dầu đã nhiều lần Tường làm như mình vô tình và cố hỏi thêm về hoàn cảnh, thân thế của nàng, nhưng Vân Đàm đều từ chối một cách khéo léo. Tường còn nhớ một hôm nọ, khi hai người đi ăn tối với nhau, Tường đã cố van nài nàng cho chàng biết hoàn cảnh thật của nàng, để hầu mong chàng có thể chia xẻ bớt đi những nỗi buồn đau ẩn hiện trên khuôn mặt của nàng, hoặc có thể giúp được cho nàng những gì đó, nhưng Vân Đàm đã từ tốn đáp:

-Em van anh Tường ạ, xin anh đừng nên tìm hiểu gì thêm ở em nữa hết, nếu anh còn quý mến, còn thương yêu em. Chừng đó đủ rồi, anh chỉ nên hiểu về em thế thôi, em

rất cảm ơn anh đã cho em tình yêu thật tuyệt vời.

-Tường, anh có biết không, chiều hôm đó ở sân chùa

Liên Hoa, khi em đến để cầu xin Ngài Quán Thế Âm cho em được bình an... Ai ngờ lúc em quay lưng lại định về thì gặp anh, tự dưng lòng em bối rối lạ, và em tự nói thầm với riêng em: "Mình cầu xin cho tâm được bình an, nhưng bình an đâu chưa thấy, mà bây giờ tâm mình lại bị giao động mất rồi". Không biết rồi đây sẽ là duyên hay là nợ...? Nhưng mà không được nữa rồi, và hai ta đã gặp nhau, trò chuyện. Em tưởng như những khách thập phương đến chùa gặp nhau rồi chuyện vãn thế thôi chứ ai ngờ đâu... Em đâu ngờ tối hôm đó, và suốt mấy ngày sau hình ảnh của anh cứ luôn lảng vảng trong trí em, bắt em phải suy nghĩ, mặc dầu em cố tìm cách để quên, nhưng không dễ. Rồi lại gặp anh một lần nữa trong quán ăn, thú thật khi vừa nhìn thấy anh, không biết em đã phản ứng như thế nào... Nhưng có một điều làm em sợ, sợ lắm, em không muốn mình phải vương lụy vào tình và em bối rối, em mất bình tĩnh... Em biết lòng em đã quá yếu mềm khi gặp anh. Em cũng biết là em đã có cảm tình với anh, cảm tình sâu đậm lắm đó. Nếu không muốn nói là em đã bắt đầu yêu anh, yêu ngay từ lần đầu gặp nhau đó...Tường ạ!

-Thế rồi anh lại đến đây tìm em. Anh đến với em, em vừa mừng, lại vừa lo sợ. Em tự bảo:-Đúng rồi giữa chúng ta đã có duyên nợ với nhau từ kiếp trước thì phải!? Đó là những gì thật, rất thật, em đã tâm sự với anh, và một điều em xin anh...Tường, nếu anh thật tình yêu em, thương em thì cho em xin ở anh một tình bạn thôi! Tình bạn rất chân thật giữa anh và em nghe Tường? Vì em sợ lắm và em

cũng không muốn anh và em...hai đứa chúng mình phải mang tội, phải ân hận về sau này Tường ạ. Em, em van xin anh đó! Hãy buông tha em, hãy quên em đi! Em cũng sẽ cố quên anh mặc dầu không phải dễ cho em đâu!

Đúng, qua những lời tâm sự chân thành của Vân Đàm, Tường nhận thấy nàng nói đúng. Tường phải quên nàng, mặc dầu Tường cũng yêu nàng, yêu ngay từ phút đầu hai người mới gặp nhau. Sau đó chàng cũng có những lần ngồi một mình suy tư hay làm những vần thơ yêu về nàng. Chàng biết, chàng cũng nhớ nhiều về Vân Đàm lắm, nhiều thật nhiều...

Nhưng qua những giây phút nhẹ lòng ấy, Tường chợt nghĩ là không thể được. Chàng nhớ lại từng lời của Vân Đàm đã tâm sự với chàng tối hôm nay, khi hai đứa bên nhau. Vân Đàm đã nói đúng, vì chàng còn có gia đình vợ con và với lương tâm làm chồng, làm cha... Và hơn nữa với trách nhiệm và danh dự của chính mình...Chàng nghĩ, với tư cách của người đàn ông có gia đình đàng hoàng, chàng không có quyền lãng nhãng tình cảm một cách bừa bãi, bất chánh với một người khác phái trẻ, đẹp, rất đàng hoàng và tư cách như thế được, mặc dầu hai người chỉ mới yêu nhau. Tường nghĩ dầu sao đi nữa, qua những lần hò hẹn với Vân Đàm, như vậy là chàng đã có lỗi với vợ, với con rồi! Đó cũng là một thứ ngoại tình và chàng phải dừng lại ngay. Chàng không có quyền làm khổ cho chính vợ, con chàng và cho cả Vân Đàm nữa. Chàng phải biết những điều đó và hậu quả sẽ xảy đến như thế nào nếu chàng không sáng suốt trong vấn đề này. Nếu không thì chàng sẽ ân hận như lời Vân Đàm đã nói. Một điều nữa không kém quan trọng

là chàng phải rút lui để trả lại cho Vân Đàm những ngày tháng êm đềm cũ... nếu chàng muốn cho Vân Đàm tìm lại cuộc sống bình thường, cả tinh thần lẫn vật chất như trước kia, khi hai người chưa gặp nhau. Tường đủ thông minh để hiểu được tình cảnh của một người đàn bà trẻ, đẹp và đa cảm nhưng cũng không kém tư cách như Vân Đàm. Chàng biết sau một thời gian hai người quen nhau, tình cảm của nàng đã giao động và nàng đã yêu chàng, yêu tha thiết... Nhưng Tường nghĩ là chàng không thể vì thế mà lợi dụng nàng. Không thể được, trái lại chàng còn cảm thấy thương cho hoàn cảnh và cuộc đời của nàng hơn. Vân Đàm có lẽ đã gặp quá nhiều đắng cay và đau đớn...mặc dầu nàng không muốn cho ai biết những nỗi buồn còn vương đọng ở tận đáy lòng nàng. Nhưng qua những lần bên nàng, cùng nàng tâm sự, Tường đã đoán được một phần nào về đời tư của nàng. Nhưng vì quý mến, cũng như tôn trọng nàng, nên chàng không muốn khơi dậy những nỗi khổ tâm mà nàng đang cố chịu đựng, giữ mãi trong lòng. Vậy là Tường đã chọn cho chính mình và Vân Đàm một lối thoát thật nhẹ nhàng và rất đẹp, để giữ cho cả hai được trọn tình nghĩa với nhau... Phải xa nàng...chỉ còn một sự lựa chọn đó thôi.

Chàng tự ý cắt đứt liên lạc với Vân Đàm ngay sau buổi chiều hai người đã đi ăn và tâm sự với nhau thật nhiều. Tường còn nhớ, nhớ mãi đêm đó sau khi hai người đã quyết định xa nhau. Trước khi chia tay thì Vân Đàm đã khóc. Nàng khóc sụt sùi trong vòng tay của chàng và hai người đã trao cho nhau những nụ hôn thật nồng ấm. Nàng đã thì thầm với chàng qua những lời ghen ngào đầy nước mắt, trông nàng thật là thương, thật tội nghiệp lắm đó.

-Tường, anh biết không em sẽ nhớ, nhớ mãi giây phút đẹp để này. Em rất cảm ơn anh vì nhờ có anh bên em, trong những tháng ngày qua mà lòng em đã được sưởi ấm một phần nào. Nhưng em không thể ích kỷ như thế được. Em phải xa anh, phải trả anh về lại với gia đình, với vợ, con của anh, em nói thật đó Tường ạ!

-Anh cũng cảm ơn em thật nhiều, nhiều lắm đó Vân Đàm ạ. Cảm ơn em bằng tất cả sự thương yêu của anh. Cảm ơn những lời yêu thương của em đã dành cho anh. Cảm ơn em đã đủ can đảm để nói lên sự thật và đã hiểu được anh. Anh đã ý thức được chuyện gì sẽ xảy đến cho chúng ta, khi mà em đã quyết định là chúng ta phải xa nhau. Anh không ngờ em có một tấm lòng thật độ lượng như vậy.

-Thôi, anh đừng quá khen em. Cũng nhờ ở tư cách của anh đó. Nhờ sự hiểu biết và khoan dung của anh, em mới có được đầy đủ nghị lực để vượt qua những thử thách của con tim như thế đó Tường ạ. Tường! Anh có biết không, khi mà quyết định xa anh lòng em đau, đau khổ lắm chứ? Nhưng biết phải làm sao bây giờ, thôi thì đành chịu vậy

Lời nàng trong ghen ngào, trong tức tưởi...Ôi! Trông nàng sao mà thương quá đi thôi.

-Em nói như thế thì anh đây thế nào? Anh cũng đau, cũng buồn lắm chứ? Nhưng mà thôi, bây giờ chúng ta giữ tình bạn với nhau như những ngày đầu vậy.

-Đốt đi anh, đã chia tay rồi mà còn ham.

-Thì xa nhau chứ tình bạn vẫn mãi cho nhau chứ!

Giờ đây sau gần hai năm xa cách Vân Đàm, có những lần nhớ lại những ngày tháng qua, nhiều lúc ở trong tâm

Tường vẫn còn một nỗi buồn vương đọng về Vân Đàm. Nhưng chàng đã quyết định là mình không nên đi tìm nàng làm gì nữa. Hãy quên đi, và không nên khơi lại một chút tình đã đi qua. Tường nghĩ, thôi thì cứ để cho nó đi vào quá khứ lại càng tốt hơn. Mặc dầu đôi lúc chàng cũng có nghĩ về nàng...

Thế rồi cách đây không lâu, trong lúc chàng đang lái xe từ hăng về nhà, tình cờ Tường nghe được một bản tin trên đài Radio Việt Nam đọc trong mục nhấn tin, chia vui, chúc mừng, cảm tạ v.v...Tường đã bàng hoàng, sung sướng khi nghe cô xướng ngôn viên đọc đến tên Vân Đàm:

-Thưa quý vị, sau đây là lá thư cảm tạ của một nữ thính giả, bà Vân Đàm.

-Tôi là Vân Đàm xin chân thành cảm ơn quý đài, qua mục nhấn tin, tìm người thân bị thất lạc...Và nhờ mục này của quý đài mà tôi đã tìm lại được những người thân và gia đình tôi, gần hai mươi năm bị thất lạc trong một chuyến vượt biên. Bây giờ tôi đã gặp lại được gia đình nên một lần nữa tôi xin thành thật cảm ơn quý đài. Tôi cũng không quên tạ ơn Trời, Phật đã phò hộ cho lòng thành của tôi đã cầu nguyện mỗi ngày cho đến hôm nay. Nhân tiện trên làn sóng này cho tôi Vân Đàm gửi đến người bạn tri kỷ của tôi những lời yêu thương, quý mến nhất về tình bạn của Vân Đàm dành cho anh. Xin đa tạ anh.

Ôi còn sự vui sướng nào cho Tường hơn nữa, sự vui sướng đó giờ hiện rõ lên nét mặt của chàng khi chàng vừa nghe xong bản tin này. Chàng thầm nghĩ vậy là Vân Đàm đã tìm được gia đình, nàng đã toại nguyện rồi, chàng cũng thầm cảm ơn nàng còn nhớ đến Tường, nhớ đến cố nhân.

Chiều hôm đó thay vì về nhà sớm như thường lệ, chàng lái xe lên thẳng chùa và cũng đến ngay tượng Ngài Quan Thế Âm, nơi Tường đã gặp Vân Đàm lần đầu tiên. Chàng thắp hương khẩn vái, tạ ơn Phật đã phò hộ cho Vân Đàm được như ý nguyện. Tường cũng không quên tạt vào tiệm ăn mà chàng đã gặp nàng lần đầu tiên, kêu một tô phở tái chín nạm và ly cà phê sữa đá để gọi là chúc mừng cho sự đoàn tụ của nàng, và cũng để nhớ lại kỷ niệm những buổi tương phùng của hai người. Đó là chút duyên còn lại cho nhau. Tối hôm đó, khi về đến nhà chàng vui vẻ hẳn lên, Tường trút hết vắn vương còn đọng lại ở nơi tâm khảm chàng để mồn vào giấc ngủ say, không mộng mị... cho mãi đến sáng hôm sau Tường thức giấc và bắt đầu một ngày mới tràn đầy niềm vui...

Mai Khanh- Lê Đình cát.

MỜI QUÝ VỊ TÌM ĐỌC NHỮNG TÁC PHẨM CỦA **TÂM BỀN**

Đã Xuất Bản:

- NỖI LÒNG** (Thơ)
- THỨC TỈNH** (Truyện dài)
- THỦY CHUNG** (Thơ)

Sẽ Xuất Bản:

- BÊN LỀ KHÁT VỌNG** (Tự truyện)

HO ANH

(Kính dâng hương hồn Đại Úy Lâm Tăng Sum
mất ngày 14 / 4 / 08 tại Midway City)
Thanh Thanh

Ngày xưa đó làm sao em quên được?
Thuở học trò quấn quít mãi bên nhau.
Mấy mươi năm gắn bó mối tình đầu,
Và chung sống thật vô cùng hạnh phúc.
 Bao cảnh đời vẫn không hề vắn đục,
 Tình đôi ta tha thiết với thời gian.
 Bỗng một hôm gặp cảnh quá trái ngang,
 Anh đau ốm biết làm sao sang sốt?
Bệnh nan y đến với anh bất chợt,
Tử thần kêu đàn nhấm mất xa em.
Cả bầu trời bao phủ một màu đen,
Nơi dương thế em đau buồn than khóc.
 Xứ lạ quê người...cảnh đời cô độc,
 Buồn nào hơn ...tan nát cả hồn em.
 Nước Mỹ mấy năm...cuộc sống chưa quen,
 Sao anh nỡ bỏ mình em cô cút?
Đêm từng đêm cảm thấy đời thiếu hụt,
Cô lẻ một mình sống giữa trần gian.
Đời của em quá đau đớn phũ phàng,
Khi đành mất người yêu thương duy nhất.

QUÝ VỊ YÊU THƠ HÃY TÌM ĐỌC THI PHẨM

**QUÊ HƯƠNG
BÊN DÒNG HỆ LỤY**
(Sách dày 200 trang)

Của Nhà Thơ PHAN THỊ ANH LÊ
ĐT: (714) 373 - 1048

TÌM ĐỌC THI PHẨM

TẠM SỰ NGƯỜI ĐI

CỦA THI SĨ NHẬT QUANG

**Liên Lạc: 17884 ASH STREET
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Email: nhatquang 36@yahoo.com
ĐT: (714) 425 - 6094**

MỘT NIỀM TIN

Ta đã thấy ngoài trời bao tuyết phủ
Phủ núi đồi, phủ lấp cả đường đi
Giờ trong ta đang ấp ủ những gì?
Quê hương đó! Cờ tung bay trở lại!

Tuyết vẫn rơi theo tháng ngày qua lại,
Làm mờ chôn vùi lấp một ân tình?
Ta mang đi từ lúc rạng bình minh,
Gà báo thức hay ngày tàn đưa tiễn?

Nào hay đâu! Giờ đây bao biến chuyển,
Lá cờ vàng sọc đỏ lại nằm yên.
Cõi lòng ta sao vẫn mãi triền miên,
Nghe nhung nhớ áo ai màu chiến trận.

Thoát tù đầy, hay người đã vong thân?
Nơi biển cả, hay mang thân chùm gởi.
Ta chờ đây và lòng ta vẫn đợi...
Một ngày về hồi phục lại quê hương.

Tuyết làm mờ vây phủ cả lối đường,
Dù cao ngất, khó ngập hồn dân Việt.
Còn núi sông, còn bao trang anh kiệt,
Là cờ vàng ba sọc đỏ Việt Nam.

Kiều Nguyệt Ngân

NỬA TIẾNG PHÙ DU

Cảm tác câu chuyện một người tù cải tạo sau 9 năm mới được vợ đi thăm và chỉ gặp nhau nửa giờ.

Kiều Nguyệt Ngân

Chín năm tin tức bất tằm
 Bỗng đâu lại được người thăm là nàng
 Nghe trong dạ nổi bàng hoàng
 Nghe trong tâm thức ngỡ ngàng quanh đây
 Chín năm mang những đọa đầy
 Chín năm ngâm đắng, nuốt cay trong tù
 Bây giờ nàng đến biệt khu
 Mang theo nỗi nhớ chín thu đợi chồng
 Gặp nhau ôm siết vào lòng
 Lặng câm tiếng nói, bốn dòng lệ rơi
 Chín năm ngăn cách đôi nơi
 Gặp nhau nửa tiếng, nói lời nào đây?
 Phù du một buổi sum vầy
 Giọt buồn lả chã ngập đầy nhớ thương
 Thương em một cánh hải đường
 Nắng sương đầu đội dặm trường sơn khê
 Hồn còn trong cảnh hôn mê
 Bỗng đâu tiếng “kể” nào nề chia tay

Nghẹn ngào giọt vắn, giọt dài
 Nhìn nàng tức tưởi như ai xé lòng
 Nhìn nàng nước mắt doanh trông
 Tim tôi uất nghẹn sớm mong ngày về
 Buồn theo ngày tháng lê thê
 Phù du nửa tiếng tái tê cõi hồn
 Tình kia tưởng ~~đi~~ vui chôn
 Ngờ đâu còn được nụ hôn bất ngờ
 Gió lay cành trúc ngấn ngơ
 Ru cùng lá thắm bên bờ từ ly

Kiều Nguyệt Ngân

TÔI VẪN BƯỚC ĐI

Kiều Nguyệt Ngân

Tôi vẫn bước đi giữa bể đời,
 Giữa lòng giông bão sóng ngàn khơi.
 Để tìm trong chốn cuồng phong ấy,
 Một chút an lành ở một nơi...

Tôi vẫn bước đi giữa biển người
 Giữa tình hỷ nộ lúc ~~đầy~~ vơi
 Để tìm trong chốn sân si ấy
 Một mảnh tha nhân, một nụ cười.

(Tiếp theo kỳ trước)

LÝ TƯỚNG PHỤC VỤ

Tâm Bền

Quá thương cảm hoàn cảnh của người bạn học cũ, không nỡ từ chối, Bền gượng cười và gật đầu đứng dậy. Vừa bước ra khỏi tiệm, Tươi nắm tay Bền như vợ nắm tay chồng cùng sánh bước bên nhau trên đường về nhà. Một niềm hạnh phúc nho nhỏ len vào tâm hồn Bền... Phần Tươi, nàng vô cùng sung sướng, cứ ngỡ như trong giấc chiêm bao thật đẹp... Bảy năm khao khát đợi chờ, giờ đã được toại nguyện. Mặt nàng hớn hỡ vui tươi, nói cười huyền thiên. Chẳng mấy chốc đã về tới nhà Tươi.

Thấy Tươi về, thằng bé trạc bảy tuổi, trông rất dễ thương chạy ra mừng mẹ. Tươi vồn vã chạy đến ôm con vào lòng, nàng nhoẻn miệng cười lên tiếng giới thiệu với Bền:

-Anh, thằng con trai của em nè. Em đặt tên cho nó là Tâm. Anh có biết vì sao em đặt tên cho con là Tâm không hả anh?

Bền như suy nghĩ một hồi rồi lắc đầu trả lời:

-Thật tình anh không hiểu ý của em muốn gởi gắm điều gì qua tên của con? Em hãy giải thích rõ ràng cho anh biết đi Tươi à!

Buông con ra, Tươi nắm tay con đặt lên tay Bền rồi tươi cười nói:

-Tên con dính liền với tên anh để nói lên một sự thủy chung như nhứt, dầu đến chết cũng không thay lòng đổi dạ.

Bền như hiểu được ý của Tươi, chàng đưa tay xoa đầu thằng bé:

-Cái tên Tâm mẹ đã đặt cho con nghe...

Không để cho Bền nói hết câu, Tươi ngắt lời nói tiếp:

-Mẹ đặt tên cho con đúng như ý của ba con mong muốn đó. Khoanh tay chào hỏi ba đi con. Dữ ác, con bảy tuổi rồi mới biết mặt ba! Bảy năm trời dài đằng đẳng anh mới về thăm mẹ con em. Từ nay ở nhà với mẹ con em, đừng đi đâu nữa nghe anh!

Tươi vừa nói vừa nắm tay Bền như nắn nỉ. Thằng bé tưởng thật Bền là ba của nó, nó ôm cứng hai chân Bền và ngây thơ lên tiếng:

-Con ôm cứng hai chân của ba lại rồi mẹ ơi! Không cho ba đi đâu hết. Từ nay ở nhà với mẹ, với con, đừng đi xa nữa nghe ba?

Bất ngờ bị đồn vào thế chẳng dặng dưng, Bền muốn lên tiếng phân bua sự thật cho thằng bé biết, nhưng Bền chợt nhìn thấy những giọt nước mắt của Tươi đang rơi trên đôi má. Bền không hiểu Tươi đang vui trong lòng hay đang buồn tủi mà khóc thế kia? Bền nhỏ nhẹ lên tiếng hỏi Tươi:

-Sao em, lại khóc hoài thế hả Tươi?

Tươi càng khóc nhiều hơn làm thằng bé lên tiếng hỏi:

-Có ba về rồi sao mẹ không vui mà lại khóc như vậy hả mẹ?

Câu hỏi ngây thơ của con đã làm cho Tươi thêm tan nát cõi lòng. Nàng vờ gạt con mà con tưởng là sự thật. Đưa ánh mắt tha thiết nhìn Bền một hồi lâu, Tươi gục đầu vào vai

Bền nức nở khóc:

-Anh! Hãy vì con em nghe anh! Nó cần một người cha vô cùng anh à!

Như hiểu được nỗi lòng thầm kín của Tươi, Bền khẽ gật đầu nói vừa đủ cho Tươi nghe:

-Anh hiểu em! Anh sẽ làm vừa lòng em! Từ nay anh sẽ là cha của thằng bé cho đến ngày anh xuôi tay nhắm mắt lìa đời. Anh sẽ về thăm mẹ con em thường xuyên như ý em mong muốn.

Chưa ráo nước mắt nhưng nghe Bền hứa như vậy, Tươi mừng rỡ vô cùng, nằng vội reo to:

-Hạnh phúc cho mẹ con mình quá con ơi! Ba đã hứa, từ nay ba sẽ không đi đâu quá lâu nữa. Ba sẽ về thăm mẹ con mình thường xuyên con à!

Nói xong, Tươi chụp hôn lên má, lên môi Bền liên tiếp thật say sưa đắm đuối làm Bền ngượng cứng người. Để lảng sang chuyện khác, Bền lên tiếng hỏi Tươi:

-Chỉ có hai mẹ con em ở nhà nầy thôi à?

Tươi cười vồn vã trả lời Bền:

-Có ba má em nữa chứ! Nhưng mấy ngày nay ba má đi về quê nội ăn đám cưới người bà con, rồi ở lại chơi vài ngày, hôm nay ăn đám giỗ ông nội, ngày mai ba má mới về. Ước gì có ba má ở nhà để được biết anh, chắc ba má sẽ vui mừng lắm anh ơi.

Lần đầu tiên được biết mặt ba, thằng bé Tâm mừng rỡ chạy khoe với bạn bè lối xóm của nó. Được tin có ba thằng bé Tâm về, lối xóm ai cũng mừng và rủ nhau bước qua nhà cho biết mặt và thăm hỏi đôi điều. Bền quá sượng sùng, nhưng đã trót nhận lời của Tươi, nên Bền phải vờ đóng

kịch cho trọn vai tuồng người chồng “bất đắc dĩ” của Tươi.

Sau vài giờ trò chuyện ở nhà Tươi, mặt trời sắp lặn, Bền lên tiếng cáo từ, Tươi buồn rầu mặt, nằng nặc tay Bền nũng nịu nói:

-Chừng nào có chuyến mở đường, anh đi Phước Tân mới được rời nhà em. Đã nhận làm ba của thằng bé rồi, xin anh hãy vì con mà ở lại cho con nó vui ít hôm nghe anh?

Bền bệu miệng cười pha trò:

-Cho con vui hay để mẹ mừng hả em?

Tươi đưa đôi mắt âu yếm, tha thiết nhìn Bền một hồi rồi mỉm cười duyên dáng trả lời:

-Chắc là mẹ mừng hơn con vui rồi phải không anh? À! Anh coi tắm rửa nghỉ ngơi. Để em lấy bộ quần áo ngủ của ba cho anh mặc tạm qua đêm nghe anh. Đêm nay, em muốn anh ở lại để nghe em trút hết tâm sự của một người con gái, tha thiết yêu thầm mà không dám nói, để bây giờ phải đón nhận bao thiệt thòi trên đời. Xin anh hãy vì em, vì con nghe anh? Bảy năm rồi xa cách, giờ được gặp lại anh, em mừng quá anh ơi!

Trước những lời dịu dàng tha thiết của Tươi, Bền không nỡ từ chối. Thế là đêm đó, Bền và Tươi ngồi bên nhau tâm sự. Tươi thổ lộ:

-Bây giờ anh đã hiểu được tấm lòng của em rồi, em sung sướng mãi nguyện lẫn anh ơi!

Đưa tay vuốt mái tóc xõa ngang vai của Tươi, Bền âu yếm nói:

-Anh không ngờ em thương anh đến như vậy. Giá như

anh biết được tình em dành cho anh như thế này thì người vợ của anh phải là em chứ chẳng ai khác!

Tươi buồn bã lắc đầu:

-Em chỉ thổ lộ cho anh biết tấm lòng của em yêu thương anh tha thiết như vậy thôi. Chứ đời em đã bị hoen ố lắm rồi, đâu còn xứng đáng làm vợ của anh!

Bền ngắt lời Tươi:

-Em đừng nói vậy! Anh chỉ quý trọng tư cách, tánh tình và nhân nghĩa. Chuyện đó chỉ là "tai nạn" bất đắc dĩ của cuộc đời em mà thôi. Em bị lường gạt, chứ nào phải em ham muốn, tự hiến dâng đâu mà trách móc. Bảy năm em ở như thế này cũng đủ chứng tỏ, đủ minh oan cho em là người con gái nết na đến như thế nào rồi. Đừng buồn nữa nghe em! Anh nghĩ thương cho hoàn cảnh của em nhiều lắm!

Tươi rơi nước mắt, nàng nói trong nghẹn ngào:

-Thông cảm cho hoàn cảnh em nên anh nói như vậy đó thôi. Thật ra, người đời nhìn em với đôi mắt khinh khi ra mặt, bạn bè chế cười em không ít. Không chồng mà có con! Em xấu hổ vô cùng anh à. Nếu không thương con ngây thơ vô tội, chắc em không còn sống đến ngày nay để được gặp lại anh đâu.

Đưa đôi mắt u buồn nhìn Bền tha thiết một hồi lâu, Tươi nhích ghế ngồi thật sát vào Bền. Bất ngờ, Tươi đưa hai tay kéo Bền ngã vào lòng, Tươi âu yếm lên tiếng:

-Cho em được làm vợ anh đi anh! Dầu chỉ một đêm thôi em cũng toại nguyện suốt đời!

Bền thở dài, im lặng, chẳng nói chẳng rằng, đầu óc Bền đang rối tơ vò. Nhận lời ư? Không thể được! Từ chối ư?

Tàn nhẫn quá! Lương tâm và đạo đức của người đàn ông đã có gia đình, làm Bền khó phân xử...

Thấy Bền không nói năng gì cả, Tươi tấm tức khóc:

-Em biết anh không thể lấy em làm vợ, mặc dầu anh rất thông cảm cho hoàn cảnh của em. Em biết anh đang có vợ có con ở nhà, nhưng em vẫn khao khát, thèm thuồng được làm vợ anh. Em chấp nhận tất cả mọi sự thiệt thòi để được lấy anh. Anh ơi, dù anh có chục vợ trăm con, em vẫn một lòng thương yêu anh cho đến chết! Ngoài anh ra, không ai có thể làm chồng em được! Từ ngày mới gặp anh, em đã tự nguyện với lòng là chỉ yêu thương một mình anh mà thôi. Nếu không được làm vợ anh, em sẽ ở vậy cho đến hết cuộc đời. Nhứt định em không thể lấy ai cả. Em thương anh từ thuở mới học chung năm đệ tam, nhưng vì em e lệ khó nói ra nên bây giờ đành chuốc lấy mọi thiệt thòi. Anh! Xin anh đừng xa em nữa nghe anh? Em thương anh nhiều lắm! Nếu không chấp nhận lấy em làm vợ thì xin anh hãy coi em như là một đứa em gái tinh thần, không thể xa cách. Thỉnh thoảng hãy tới lui với em, để cho con em vẫn tưởng rằng anh là cha của nó. Nếu anh từ chối lời yêu cầu tha thiết này, em sẽ tự vận chết cho anh vừa lòng, mát dạ. Xin anh đừng thờ ơ với mẹ con em nữa nghe anh! Đừng vô tâm với một người đàn bà đã hết dạ thương yêu anh từ bảy năm về trước và bây giờ vẫn tha thiết yêu anh!

Đôi mắt của Bền rưng rưng những giọt lệ. Hơi thở của Tươi kéo dài ra nghe náo nuột vô cùng. Câu nói cứng rắn, quyết liệt vừa rồi của Tươi, càng làm lòng Bền chùn lại, không biết phải giải quyết như thế nào? Thôi thì tới đâu hay tới đó, phó mặc cho số trời đưa đẩy... Bền lại đưa tay

âu yếm vuốt mái tóc thể quyến rũ, dễ thương của Tươi. Bền chậm rãi nói:

-Chuyện đâu còn có đó em à. Em đừng dồn anh vào thế khó xử tội nghiệp cho anh lắm. Chuyện vợ chồng là chuyện trăm năm, đâu phải một ngày một bữa mà tính toán vội vàng hấp tấp được. Còn chuyện anh hứa làm cha của thằng bé, thì dầu hoàn cảnh nào anh vẫn là cha của nó cho đến ngày anh xuôi tay nhắm mắt. Em yên tâm đừng lo lắng về chuyện này. Còn chuyện kết nghĩa vợ chồng với em, xin cho anh hẹn lại một thời gian sẽ trả lời em sau.

Bền vừa nói tới đây thì nghe thằng bé thức dậy hỏi:

-Con đã ngủ được một giấc rồi mà ba mẹ chưa ngủ à? Con thấy kim đồng hồ đã chỉ hai giờ khuya rồi đó. Ba mẹ nên đi ngủ đi, đừng thức nữa!

Tươi vui vẻ trả lời con:

-Đã mấy năm rồi ba mẹ mới gặp lại nên muốn ngồi trò chuyện, tâm sự với nhau cho thỏa mãn. Ba mẹ nói tới sáng cũng chưa hết chuyện đó con. Con nên ngủ tiếp để sáng mai còn đi học. Ba mẹ cũng sắp sửa đi ngủ đây này con à!

Nói vừa dứt lời, Tươi nắm lấy tay Bền âu yếm nói:

-Vào ngủ với em đi anh!

Thằng bé ngây thơ nói rất dễ thương:

-Ba đi ngủ với mẹ đi ba. Con biết mẹ buồn ngủ dữ lắm rồi đó! Thường ngày mẹ cũng ngủ sớm như con. Hôm nay có ba về, mẹ quá mừng nên mới thức khuya như vậy đó!

Bị dồn vào thế chẳng đặng đừng, Bền đành phải “ngoan ngoãn” theo bước chân của Tươi vào buồng. Nằm bên cạnh Tươi mà Bền cảm thấy lòng lo lắng, hồi hộp một cách lạ thường. Bền không có một chút cảm giác gì hứng

thú bên cạnh người đàn bà hết. Còn Tươi thì dáng điệu hơn hở, vồn vã lắm. Trong bộ đồ ngủ, Tươi cũng hấp dẫn, quyến rũ vô cùng, Tươi quay qua ôm siết chặt Bền làm Bền muốn ngộp thở. Bền nói với giọng như run run:

-Em làm anh muốn ngộp thở Tươi à!

Tươi vẫn ôm siết Bền và hôn lên môi, lên má của Bền, một hồi lâu nàng mới lên tiếng:

-Em muốn anh ngộp thở để em được ngộp thở theo anh luôn. Từ nay, em nhứt định sống và chết bên cạnh anh. Thà rằng em chết chứ không thể nào để mất anh nữa đâu Bền ơi!

Thấy Tươi nói năng có vẻ liễu lĩnh quá, trong lòng Bền cảm thấy hồi hộp, lo lắng vô cùng. Suy nghĩ một hồi lâu, Bền ôn tồn lên tiếng:

-Chuyện đâu còn có đó! Em không nên có ý nghĩ điên rồ, liễu lĩnh, nói những điều không lành, bậy bạ như vậy!

Tươi vẫn ôm siết chặt Bền, nàng tỉnh táo trả lời:

-Em nói thiệt chứ chẳng phải nói chơi hay hù dọa anh đâu. Từ nay, nếu quá ba tháng mà anh không về thăm mẹ con em thì anh sẽ biết chuyện gì sẽ xảy ra. Em không bắt buộc anh phải lấy em làm vợ, nhưng em van xin anh hãy vì con, vì danh dự của em và gia đình em mà lui tới thăm nom, để cho em không còn mang tiếng là gái không chồng mà có con, con em không bị mang tiếng là đứa trẻ không cha. Như anh đã thấy đó, hồi chiều bà con lối xóm đã đến chập nhà để xem mặt và thăm hỏi anh đủ điều... Bây giờ, trong đầu óc của họ đã in trí rằng anh là chồng của em và là cha của thằng bé. Bấy lâu nay anh đi lính ở xa, giờ mới được đổi về đây, gần vợ gần con. Gượng lại chút danh dự

cho gia đình ba mẹ em, danh dự của em, của con, em trông cậy vào anh đó. Mong anh hiểu cho hoàn cảnh của em mà ráng cho vuông tròn, tốt đẹp nghe anh. Em quá tuyệt vọng đôi khi muốn tìm đến cái chết anh à!

Nghe những lời yêu cầu tha thiết của Tươi, Bền xúc động vô cùng. Không ngờ Tươi yêu thương Bền đến như vậy. Nhưng hứa lấy Tươi làm vợ thì Bền không thể hứa, vì Bền đã có vợ. Vợ của Bền là một cô thôn nữ ít học ở làng quê hẻo lánh. Là con gái duy nhất của một gia đình vừa buôn bán vừa làm ruộng. Tuy nhan sắc không mặn mà, quyến rũ như những cô gái khác ở thị thành, nhưng nàng rất thật thà, chất phát, hiền hậu, nết na dễ thương và đặc biệt là hết dạ yêu thương Bền. Nhất là cha vợ, người mà Bền thương kính như cha ruột của mình. Ông rất hiền lành và suốt cả đời chỉ biết lo việc đạo, phụ giúp việc nhà chay, cưới hỏi, lễ lộc trong làng. Cha vợ của Bền là người bạn rất thân thiết của ba Bền trước kia. Được biết hai người đã hứa kết nghĩa sui gia khi vợ của Bền mới lên mười hai. Cha vợ của Bền được cử làm Chánh Tri Sự của hương đạo xã Phước Lưu, quận Hiếu Thiện (Gò Dầu Hạ), tỉnh Tây Ninh.

...Để an ủi người đàn bà đã hết dạ yêu thương mình, và để rõ ràng trong việc giao tiếp, Bền đặt tay lên vai Tươi, nhỏ nhẹ lên tiếng:

-Tươi! Trước tình cảm của em dành cho anh như vậy, anh vô cùng trân quý và xúc động. Anh xin ghi nhận tấm lòng của em dành cho anh từ bấy lâu nay. Anh không phải là kẻ vô tình, không có con tim, không biết rung động trước tình của em dành cho anh. Nhưng chuyện tình duyên của chúng ta đã lỡ hết rồi, anh có vợ và hai con. Anh

không thể đeo bông lấy em làm vợ nữa được. Để đáp lại tình yêu chân thật của em dành cho anh từ bấy lâu nay, anh xin nhận em là người bạn tri âm duy nhất trong đời, hay coi em như là đứa em gái tinh thần đáng quý của anh. Em bằng lòng chứ?

Với giọng nũng nịu dễ thương, Tươi thỏ thẻ bên tai Bền:

-Em thật lòng khen tặng anh là người đàn ông biết bổn phận, người chồng tốt đáng trân quý. Không được làm vợ anh em tiếc vô cùng. Nhưng lỗi nấy tại em, không thể trách anh được. Từ khi biết anh, đâu không được anh nói tiếng yêu thương, nhưng em đã tự nguyện sẽ trao trọn trái tim của em cho anh đến suốt cuộc đời. Và bây giờ, mặc dầu không được anh chấp nhận lấy em làm vợ, nhưng em không thể nào thay đổi lòng em đã âm thầm dành riêng cho anh. Đến chết em cũng không rút lại lời tự hứa trước đây của em. Em cảm phục anh đã nói thật lòng mình. Anh là người đàn ông đứng đắn, quá tốt, là người chồng rất chung tình với vợ. Em khâm phục anh. Anh là người đàn ông không lợi dụng tình cảm yếu mềm của người đàn bà để đòi hỏi ăn nằm với em. Giả như anh đòi hỏi, em cũng sẽ ngoan ngoãn và sung sướng hiến dâng, vì em đã nguyện tất cả cuộc đời của em cho anh rồi kia mà! Em không tiếc với anh một chút gì cả. Anh! Mặc dầu anh đã lên tiếng coi em như người bạn tri âm, hay như đứa em gái tinh thần đáng thương, nhưng em muốn được một lần làm vợ anh, Em chỉ tha thiết yêu cầu anh một lần thôi. Anh chiều em chứ?

Quá xúc động trước tâm tình của Tươi dành cho mình, Bền không cầm lòng được... Nước mắt Bền tuôn rơi, Bền

ôm Tươi vào lòng bằng tình cảm tha thiết của người con trai dành cho người tình chung thủy. Hai kẻ hiểu nhau, thương yêu nhau, đã trao những nụ hôn đầm thắm nhút. Tươi sung sướng đón nhận sự âu yếm đầu đời của Bền dành cho nàng.

Tươi nở nụ cười khê nói:

-Em khao khát chờ đợi cảm giác này đã bảy năm nay rồi. Em mãi nguyện lắm anh ơi! Bây giờ có chết em cũng mát lòng hả dạ! Không còn ao ước gì hơn nữa.

Tươi ôm Bền nức nở khóc, tiếng khóc sung sướng của người được thỏa mãn ước mơ.

* * *

Sáng hôm sau, Bền vào Chi cảnh sát gặp ông Trưởng Chi Huỳnh Bá Ngọc, Bền vui vẻ giải bày tâm sự với ông ta:

-Em rất cảm ơn anh đã cư xử tốt với em. Trưa hôm qua, sau khi anh đi rồi, em và Tươi vào tiệm ăn cơm trưa. Ngồi nói chuyện, mới nhìn ra em và cô ta học chung với nhau năm đệ tam niên học 1962- 1963. Cô ta nhớ em mà em không nhớ cô ta. Em thật vô tình quá!

Ông Huỳnh Bá Ngọc cười nói:

-Chắc nó thương em nên muốn đi làm chung với em đó phải không Bền?

Bền thật thà trả lời:

-Anh tư nói đúng! Cô ta để ý thương em hồi còn học chung, nhưng em rất vô tình không hay biết gì cả. Rồi vì hoàn cảnh, cô ta nghỉ học. Nay gặp lại em, cô ta mừng vô cùng và muốn đi theo em lên Phước Tân. Thật sự cô ta muốn làm vợ em anh à!

Ông Trưởng Chi cười lên tiếng:

-Nếu em chịu nhận, anh sẽ cho nó đi theo. Có dịp gần gũi nhau anh cũng mừng cho em đó! Lấy người tha thiết yêu mình thật không có gì bằng em à! Họ sẽ chiều chuộng mình đủ thứ!

Bền lên tiếng phân trần:

-Không được đâu anh tư ơi! Em đã có vợ hai con rồi. Đèo bồng thêm một người đàn bà nữa trong đời sẽ phiền phức lắm. Em không dám liều lĩnh làm chuyện đó đâu anh tư à!

Ông Huỳnh Bá Ngọc cười nói:

-Con Tươi biết em có vợ con không?

Bền thật thà trả lời:

-Dạ có, em có nói cho cô ta biết rõ gia cảnh của em khi nghe cô ta lên tiếng nói yêu thương em.

Ông Huỳnh Bá Ngọc tò mò hỏi:

-Ý kiến nó ra sao khi biết em đã có vợ?

Bền mắc cỡ trả lời:

-Cô ta vẫn chấp nhận vì trong lòng lúc nào cũng muốn lấy em làm chồng! Cô ta còn nói: “dầu cho em có chục vợ trăm con, cô ta vẫn thương yêu em như ngày nào” anh à.

Ông Huỳnh bá Ngọc đưa tay vuốt lưng Bền nói:

-Con Tươi nó chấp nhận là được rồi. Anh chúc mừng cho em. Để anh nói quản trị làm sự vụ lệnh cho nó đi theo em luôn nhé!

Bền hốt hoảng, vội vàng lên tiếng cản ngăn:

-Không được đâu anh tư! Có cô ta bên cạnh sẽ xảy ra nhiều phiền phức lắm anh à!

Ông Huỳnh Bá Ngọc trở mặt nhìn Bền:

-Mỡ dăng tới miệng mèo sao lại không ăn? Em khờ dại quá Bền ơi! Nó tự nguyện hiến dâng, chứ nào phải em dụ dỗ, lường gạt nó đâu mà em sợ!

Bền lộ vẻ buồn rầu mặt và ôn tồn nói với ông Trưởng Chi:

-Em đã lên tiếng khước từ tình yêu của cô ta rồi. Em chỉ nhận kết bạn tri âm, hay coi cô ta như đứa em gái tinh thần mà thôi. Nhưng sau đó cô ta đã thốt ra một câu làm em cảm thấy lo lắng trong lòng không ít: “Nếu quá ba tháng mà anh không về thăm mẹ con em một lần thì sẽ biết...”

Ông Huỳnh Bá Ngọc cười nói:

-Có lẽ nó quá thương em nên nói như vậy thôi, chẳng lẽ nó có thể... Đàn bà khó hiểu lắm em à! Khi họ thương, họ có thể làm bất cứ điều gì để đạt được mục đích.

Ông Huỳnh Bá Ngọc dặn Bền chuẩn bị bốn ngày nữa sẽ có chuyến mở đường. Bền và nhân viên sẽ tháp tùng chuyến mở đường này đi lên Phước Tân làm việc.

Sau khi trò chuyện với ông Huỳnh bá Ngọc, Bền từ giã trở về nhà Tươi. Vừa bước vô nhà, Tươi đã chạy tới nắm tay Bền nói nhỏ vào tai:

-Ba má mới vừa về tới, và em đã nói cho ba má biết rằng anh mới được đổi về đây, chờ ngày lên Phước Tân làm việc. Ba má mừng lắm anh ơi! Xin anh hãy vì em, vì danh dự gia đình em mà đóng trọn vai tuồng làm chồng em nghe anh? Còn chuyện của chúng mình, chỉ mình biết với nhau thôi.

Trước tình cảnh này, Bền chẳng biết phải nói sao? Tình cảm chân thật của Tươi dành cho Bền quá mặn nồng tha

thiết. Bền không nỡ từ chối. Thôi thì đành nhắm mắt làm tròn lời hứa với Tươi, người con gái rất đáng thương này. Theo chân Tươi, Bền bước xuống nhà dưới chào hỏi ba má của Tươi:

-Con kính chào ba má!

Ba má của Tươi cùng đưa mắt nhìn Bền, ba của Tươi mỉm cười lên tiếng:

-Ba với má con đi về quê nội ăn đám cưới, đám giỗ mấy ngày nay mới về. Vừa bước vô nhà thì con Tươi có nói cho ba má biết là con đã được đổi về Phước Tân. Nay mai sẽ lên đó làm việc. Ba má nghe con đổi về gần, trong lòng mừng lắm, nhưng Phước Tân hay bị Việt Cộng kéo quân về đánh phá nhiều lần. Trận đánh nào cũng kinh hồ bạt vĩa cả. Sao con không xin ở đây cho gần vợ gần con? Tội nghiệp mấy năm nay, con Tươi nó hay nhắc nhở con lắm. Nay con về đây ba má thiệt mừng cho nó. Thời buổi chiến tranh, tội nghiệp cho tụi con quá, chồng một nơi, vợ một ngả.

Má của Tươi vui vẻ tiếp lời chồng:

-Nghe con được đổi về gần, má mừng lắm. Tội nghiệp thằng nhỏ nó hay hỏi về ba của nó. Mỗi lần nghe con hỏi là con Tươi nó khóc. Má nhìn thấy con Tươi khóc, má thương đứt ruột, đứt gan con ơi. Má muốn từ nay chồng đâu vợ đó. Sống cùng sống, khổ cùng khổ, có chết cùng chết với nhau, đừng sống xa nhau nữa nghe con?

Bền chỉ biết cúi đầu nhỏ nhẹ đáp:

-Dạ!

Má của Tươi nói tiếp:

-Nghe con sắp đi làm trưởng Phân Chi ở Phước Tân, trong lòng má cũng muốn cho con Tươi đi theo con lên đó?

Nghe mẹ của Tươi nói đến đây, Bền giựt mình vội lên tiếng:

-Nơi đó nguy hiểm lắm má à. Con không muốn đưa vợ con đi theo, vợ con phải ở nhà lo cho ba má và chăm sóc thằng bé Tâm nữa chứ! Trên đó không có trường học. Nếu Tươi đi theo con bất tiện lắm. Thỉnh thoảng con về thăm cũng được rồi.

Bền vừa nói đến đây thì Tươi nở nụ cười xen vào:

-Chồng con nói như thế nghe cũng phải đó má à! Con cần ở nhà để lo cho thằng Tâm đi học và chăm sóc ba má nữa chứ!

Ba của Tươi lên tiếng:

-Tôi nghiệp cho vợ chồng con quá. Cũng vì thời buổi chiến tranh mà chồng đầu ghềnh vợ cuối bãi. Tụi con lớn rồi, tính sao cho vui vẻ thuận hòa với nhau là được.

Nghe ba của Tươi thốt ra câu này, trong lòng Bền cảm thấy nhẹ nhõm, mừng vô cùng. Thế là Bền thoát được một vấn nạn lớn lao.

* * *

Ngồi quây quần bên mâm cơm, má của Tươi lên tiếng:

-Tươi à, trong thời gian chờ đợi chồng con đi Phước Tân, ý má muốn nấu vài mâm cơm canh, trước cúng ông bà, sau mời bà con nội ngoại hai bên và lối xóm đến chung vui với vợ chồng con một bữa nghe con. Có chồng con về, má mừng lắm con ơi! Con mừng một chớ má mừng tới mười lăm đó. Lâu nay họ sầm xì to nhỏ làm má nhức đầu và xấu hổ không ít.

Nghe câu nói của má Tươi vừa rồi, Bền động lòng thương xót vô cùng. Giá như Bền làm rể thật sự trong gia

đình này thì còn gì làm cho bà vui hơn. Bà đâu có biết rằng, Bền và Tươi chỉ thỏa thuận đóng kịch mà thôi. Bền quá thương nỗi lòng của những người mẹ, người cha trót có con gái lỡ đại...

Nghe mẹ nói, Tươi đưa mắt nhìn Bền như dò xét, một hồi lâu không thấy Bền lên tiếng sau câu nói của mẹ, Tươi chậm rãi lên tiếng:

-Thôi đi má, vợ chồng con đã ở với nhau bảy năm nay, đã có con lớn đi học rồi. Giờ bày làm đám tiệc chỉ tốn kém mà thôi, chẳng ích lợi gì cả.

Ba của Tươi ngồi uống trà ở bàn giữa, nghe chuyện ông xen vào:

-Con nó nói nghe phải đó bà!

Má của Tươi lên tiếng:

-Tại tôi muốn cho bà con họ hàng hai bên nội ngoại của con Tươi, cũng như bà con lối xóm ở đây biết mặt thằng chồng của nó đó thôi.

Tươi nở nụ cười rất dễ thương và đưa mắt nhìn mẹ lên tiếng:

-Mấy ngày nay bà con lối xóm ở đây, ai ai cũng đều có tới nhà thăm hỏi và chuyện trò với chồng con rồi. Người ta cũng đã biết anh Bền là chồng con, là cha của thằng Tâm rồi má ơi! Má khỏi lo chuyện này. Chưa động dao động thớt, người ta đã biết rồi. Người ngoài hay lắm má à!

Má của Tươi đưa mắt vui mừng nhìn Tươi. Bà như hài lòng đứa con gái của bà có chồng là sĩ quan cảnh sát. Từ bấy lâu nay đi làm ở xa, nay mới có cơ hội đổi về gần nhà.

...Bền được Tươi cho biết, mấy năm nay, để bảo vệ danh dự gia đình và bản thân. Cứ một hoặc hai tháng, Tươi

đều giả vờ đánh tiếng đi thăm chồng làm việc ở xa. Tươi rời khỏi nhà ngày hôm trước và ngày hôm sau mới về. Kể cả ba má của Tươi cũng không biết sự thật. Tươi giả vờ như thế là để đánh lừa ba má nàng không mặc cảm có đứa con gái duy nhứt không chồng mà có con. Ấy thế mà người ngoài vẫn sầm xì bàn tán to nhỏ làm nhức đầu bà già không ít. Nhưng hàng tháng, má của Tươi vẫn thấy con gái của mình khăn gói đi thăm chồng, nên bà an tâm không tra hỏi gì Tươi cả. Nay bà nhìn thấy Bền, bà yên tâm lâu nay Bền là chồng của Tươi. Trong lòng bà rất sung sướng vui mừng không ít.

Cơm nước xong, ba má Tươi có việc phải qua nhà người hàng xóm. Sau khi ba má Tươi đi rồi, Tươi bước tới ôm Bền hôn lia lịa:

-Em hết sức cảm ơn anh đã giúp em làm cho ba má vui lòng. Ổn nầy đến chết em không quên được.

Nói xong Tươi vụt khóc nức nở. Thấy thế Bền lên tiếng hỏi:

-Kìa! Sao em lại khóc nữa hả Tươi?

Vừa khóc Tươi vừa trả lời Bền:

-Em là đứa con vô cùng bất hiếu, quá nhiều tội lỗi anh à. Mấy ngày nay em gạt người lối xóm, gạt thẳng con của em không nói gì. Bây giờ em lại gạt cả cha lẫn mẹ như thế nầy. Có phải em là đứa con vô cùng xấu xa không anh? Ước gì anh là chồng thật sự của em thì còn gì sung sướng cho đời em hơn?

Đưa đôi mắt đong đầy ngấn lệ, Tươi đắm đuối nhìn Bền một hồi lâu. Bất chợt Tươi mọp quỳ xuống, chấp hai tay lạy Bền:

-Em van lạy anh! Xin anh hãy thương tình hoàn cảnh của em mà cứu giùm danh dự của gia đình ba má em, danh dự của em, chấp nhận làm chồng em nghe anh? Em sẽ không đòi hỏi gì ở anh cả. Trái lại em sẽ chiều anh bất cứ điều gì anh muốn.

Bền lật đặt đỡ Tươi đứng dậy. Ôm Tươi vào lòng, Bền không cầm được xúc động, vừa hôn Tươi, Bền vừa nghẹn ngào nói:

-Như em đã biết, anh có vợ có con ở nhà rồi thì làm sao dám làm chồng thật sự của em! Có chăng là anh chỉ giả vờ đóng kịch mà thôi. Xin em thông cảm cho hoàn cảnh của anh. Bây giờ đã hiểu được em, anh rất thương em, nhưng không thể làm chồng thật sự của em được

Tươi à!

Tươi nũng nịu lên tiếng:

-Tại sao anh không thể làm chồng thật sự của em? Xin anh hãy thật tình cho em biết lý do.

Với nét mặt vô cùng buồn bã, Bền nhỏ nhẹ lên tiếng phân bua:

-Đời lính rày đây mai đó, lương bổng hạn hẹp. Anh không thể lo nổi cho hai gia đình cùng một lúc.

Mắt Tươi như sáng rực lên, nàng mỉm cười và nhanh miệng bá cổ Bền nói:

-Em đâu có đòi hỏi ở anh về tiền bạc. Em chỉ xin anh thật sự làm chồng em thôi. Đôi ba tháng anh về với em một hai ngày, để cho thiên hạ biết rằng em có chồng, con em có cha mà thôi!

Bền ôm Tươi, hôn lên môi lên má của nàng một hơi dài rồi lên tiếng:

-Bây giờ hiểu ra anh rất thương em, anh hứa sẽ thật sự làm chồng em như ý em muốn, nhưng em phải cho anh một thời gian. Đừng dồn anh vào thế khó xử nữa nghe em!

Bền chỉ mới nói thế thôi mà Tươi mừng rỡ vô cùng.

Tươi ôm Bền hôn hít và thả thỏ:

-Nghe anh nói như thế em mừng quá anh ơi! Lạy Trời cho con được làm vợ của Bền, dầu chỉ là vợ hờ, vợ lẽ cũng toại nguyện lắm rồi. Con không mơ ước gì hơn nữa!

Ba má của Tươi trở về với con gà mái dầu xách trên tay. Vừa bước vào nhà, má của Tươi lên tiếng:

-Má mới hỏi ~~muà~~ con gà của bà hàng xóm. Chiều nay làm gà nấu cháo ăn mừng con rể của má về nhà sum họp gia đình, vui với vợ con.

Thằng bé Tâm, con của Tươi lên tiếng:

-Có ba về con mừng lắm bà ngoại ơi! Con khoe hết bạn bè lối xóm của con rồi. Thằng nào nó cũng mừng giùm con hết đó.

Chỉ là một sự giả tạo, đóng kịch của Bền mà cả gia đình Tươi từ lớn tới nhỏ, đều sung sướng reo mừng hôn hờ đến vậy. Bền xúc động, ôm thằng bé vào lòng, vừa hôn vừa nói:

-Từ nay có ba về ở gần rồi con vui lắm phải không con?

Thằng bé hồn nhiên trả lời:

-Dạ! Có ba về con mừng lắm đó! Mấy lúc trước, mỗi lần con nhắc tới ba là mẹ khóc làm con cũng khóc theo. Nay có ba rồi con vui lắm, và mẹ cũng mừng luôn. Ba ơi, con thấy ông bà ngoại cũng vui nữa đó ba à!

Thằng bé khôn ngoan, nói năng lanh lợi quá. Trước tình cảnh này, Bền chẳng biết nói sao. Được ông Trưởng Chi

cho biết trước ngày đi lên Phước Tân, đáng lẽ Bền về Gò Dầu Hạ thăm gia đình vợ con vài ngày, nhưng thấy hoàn cảnh của Tươi, Bền không nỡ nào phá ngang về nhà thăm vợ con được. Bền ở lại nhà Tươi cho gia đình nàng cảm thấy ấm cúng và hạnh phúc được ngày nào hay ngày nấy...

* * *

Ngày hành quân mở đường để đưa Phân Chi Cảnh Sát Quốc Gia về xã Phước Tân phục vụ dân đã tới. Bền và nhân viên chuẩn bị sẵn sàng để tháp tùng lên đường. Khoảng cách từ quận Phước Ninh đến xã Phước Tân không quá sáu cây số, nhưng chiếc xe Lambro chở Bền và nhân viên phải mất hơn một tiếng đồng hồ mới tới nơi. Con đường đất đỏ lổ hang gập ghềnh do bọn Cộng Sản đào phá, chính quyền Quốc Gia chỉ sửa chữa lấy lệ. Trên đường đi, ngang qua “Cây Da Xà”, nơi đây, bọn du kích Cộng Sản đặt trạm kiểm soát suốt ngày đêm. Tự nhiên, Bền cảm thấy ớn lạnh xương sống, nổi da gà đầy mình. Ở nơi đây có một cây da cổ thụ rất to lớn, nằm khoảng giữa xã Phước Tân với xã Ninh Diên, quận Phước Ninh. Trên đường đi, hai bên đường là ruộng, sâu vào khoảng một trăm thước, toàn là rừng già bao bọc, nằm dọc con đường đất đỏ dẫn tới đầu làng.

Diện tích xã Phước Tân chỉ gọn gàng trên miếng đất rộng chừng hai mươi mẫu tây. Những mẫu ruộng khô cằn của nông dân bao bọc quanh làng chừng hai ba trăm thước, tiếp đó, cánh rừng chồi sâu độ một trăm thước là dẫn đến rừng già bao la bát ngát. Có lẽ do địa hình thuận lợi như thế này, bọn Cộng Sản thường hay đưa quân về đánh phá xã Phước Tân liên tục. Với bao cuộc chiến ác liệt xảy ra đã

làm cho nhà cửa dân chúng xã Phước Tân tiêu điều xơ xác không thể tưởng tượng được. Nhìn tổng quát quang cảnh trong làng, Bền chẳng thấy một căn nhà ngói hay một căn nhà nào tạm gọi là có “giá trị” hết. Chỉ toàn là nhà “tôn” do chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cấp phát sau mỗi trận chiến bị thiêu hủy, và dùng bằng vách lợp hay vách đất chung quanh cho kín gió để trú ngụ qua ngày tháng mà thôi.

Cục R của Trung Ương Cục Miền Nam tức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tuy nằm trên đất Campuchia, nhưng sát nách xã Phước Tân. Vì thế, xã Phước Tân là một điểm nóng của cuộc chiến Miền Nam. Nhật Trường Trần Thiện Thanh, một nhạc sĩ tài ba, nổi tiếng của Miền Nam đã sáng tác một bản nhạc bất hủ “Trên Bốn Vùng Chiến Thuật”. Trong đó có đoạn tác giả diễn tả những trận đánh ác liệt, sôi động nhất của chiến trường Tây Ninh. Nơi xảy ra những trận ác chiến đó đều nằm trong phạm vi xã Phước Tân. “...Tây Ninh nằng nung người mà trận địa thì loang máu xương...”.

Vừa tới đầu làng Phước Tân, một ngôi Thánh Thất Cao Đài đồ nát không ai buồn dọn dẹp. Trong số nhân viên của Bền có Ông Nguyễn văn Thơi đã ngoài năm mươi tuổi. Ông ta là người sinh trưởng ở địa phương này, nên ông biết rất rành mọi việc, mọi người trong làng. Nhà cửa của ai tên gì, ở đâu, sống ngành nghề gì, ông đều biết rành rẽ hết. Ông biết từng hang cùng ngõ hẻm trong làng. Ai có con làm việc cho Quốc Gia, ai có con theo Cộng Sản, ông nhớ

không sót một người nào. Ngày đầu tiên mới tới xã Phước Tân, ông vui vẻ hướng dẫn Bền đi thăm sơ qua toàn xã Phước Tân và nói về gia cảnh của từng gia đình một. Ông hướng dẫn Bền đến viếng một ngôi chùa Phật khá đồ sộ của người Miên xưa kia. Ngôi chùa bị hư mái không ai bỏ công tu bổ. Trong chùa cũng chẳng còn một vị sư nào trụ trì, tụng kinh gõ mõ. Nhiều căn nhà của dân chúng hoang tàn vẫn còn nguyên đó. Có lẽ chủ nhà đã chết hết hay đã di tản đi đâu rồi? Về hướng Tây Bắc của làng, một cái đồn lính khá lớn, bao bọc nhiều lớp hàng rào kẽm gai rất kiên cố của lính Biệt Kích Mỹ. Cách xa đồn độ năm bảy chục thước về hướng Đông, bên trong những lớp kẽm gai chằng chịt, Bền nhìn thấy hai bộ xương khô của Việt Cộng nằm phơi trắng ra đó, không ai thèm tìm cách lấy đem chôn vì trong đó là bãi mìn do lính Mỹ đã gài từ trước kia. Lấy thầy ma của Việt Cộng đem ra chôn, rủi chết một người nào khác thì thật oan uổng vô cùng. Với những dấu tích chiến tranh tàn phá còn nguyên đó. Phước Tân một xã thật hoang tàn xơ xác, buồn lạ lùng!

Bền và nhân viên vừa mới tới Phước Tân, được ông Xã Trưởng Nguyễn Văn Nhờ và Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân Nguyễn Văn Nhơn vui vẻ đón tiếp. Bền cũng như nhân viên cảm thấy có phần ấm cúng đôi chút. Sau hai tháng vừa làm việc vừa tu bổ hệ thống phòng thủ -do lính Biệt Kích Mỹ (Dân sự chiến đấu) giao lại cái chốt tiền đồn của họ cho Nghĩa Quân và Cảnh Sát đồn trú chung với nhau.

Trụ sở Ủy Ban Hành Chánh Xã Phước Tân trước kia đã

bị tàn phá hoàn toàn trong những lần chiến tranh ác liệt xảy ra. Chính quyền Quốc Gia cũng không buồn xây cất lại. Đặc biệt ngôi trường tiểu học của làng lại không bị hề hấn gì, chẳng có một vết tích chiến tranh để lại. Nhưng sau nhiều trận ác chiến xảy ra ở địa phương, chẳng còn một bóng thầy cô giáo hay học sinh nào bén mảng cả. Ủy Ban xã cũng như Phân Chi Cảnh Sát Quốc Gia tạm thời lấy ngôi trường làm văn phòng để tiếp dân. Họ đầu lưng làm việc chung cho đỡ bị “bóng ma” hớp hồn.

Từ sau ngày “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam” nổi dậy năm 1960, người dân xã Phước Tân chứng kiến không biết bao nhiêu lần máu rơi thịt đổ, không biết bao nhiêu lần cả làng bị cháy, không còn một căn nhà nguyên vẹn. Phước Tân khốn khổ, rách nát như vậy mà sao Bền vẫn muốn gấn bó, vẫn thấy thương Phước Tân một cách lạ thường. Tiếng ếch nhái, tiếng côn trùng hòa lẫn trong màn đêm nghe buồn não nuột làm sao...

Phước Tân ơi, ta thấy lòng lưu luyến,
Dù quê nghèo, sao vẫn thấy thương thương.
Qua mấy năm, từng là bãi chiến trường,
Chôn chắt biết bao nhiêu là xác giặc.

Phước Tân ơi, vùng quê nghèo xơ xác,
Nhưng người dân chơn chất biết về đâu?
Bom đạn phơi khô, nước mắt ghen ngào,
Vì cuộc sống, vẫn thương miền quê cũ?

* * *

Trong thời gian ở Phước Tân, hàng tuần Bền đều nhận được thư của Tươi gửi đến. Lời trong thư đầy lưu luyến

mặn nồng. Giá như không có trạm kiểm soát của Việt Cộng ở “Cây Da Xà”, chắc Tươi đã đến thăm Bền không biết bao nhiêu lần mà nói? Lá thư nào Tươi cũng viết những lời thật mặn mà, tha thiết, đầy những lời lẽ nhớ nhớ, thương thương. Lắm lúc nàng nằm chiêm bao thấy đang chung sống với Bền ở Phước Tân. Mỗi lần đọc thư của Tươi, Bền cảm thấy lòng mình rung động, xao xuyến lạ thường. Giờ đây, Bền cũng đem lòng yêu thương Tươi không kém. Lắm lúc, Bền cũng để nước mắt nhớ thương rơi trong đêm dài thao thức. Nhưng Bền rất sợ cảnh “một kiếng hai què”, nên đành nén lòng im lặng. Bền rất sợ tình cảm dấm dúi lôi cuốn làm mất lòng tin yêu của vợ con, nên không dám viết thư hồi âm cho Tươi, mặc dầu Bền vẫn biết Tươi trông thư của Bền nhiều lắm. Ngày qua ngày, Bền hy vọng thời gian sẽ là liều thuốc bổ giúp cho Tươi lấy lại bình tĩnh, biết Bền còn nặng lòng vì gia đình tư riêng. Thấm thoát, thời gian trôi qua đã hơn ba tháng Bền làm việc ở Phước Tân. Một hôm nọ, có chị bạn hàng đứng tuổi, mua bán ở xã Phước Tân lâu nay, tìm gặp Bền, chị ta tươi cười nói:

-Chào Ông trưởng, có vợ của ông Trưởng ở dưới quận Phước Ninh nhờ tôi đưa lá thư này cho ông!

Bền tỏ vẻ ngạc nhiên trả lời chị bạn hàng:

-Vợ tôi đâu có ở quận Phước Ninh?

Chị bạn hàng nở nụ cười duyên dáng, nhỏ nhẹ nói:

-Nữ cảnh sát Thân Thị Tươi không phải là vợ ông Trưởng à? Cô ta ở dưới quận Phước Ninh đó!

Bền mỉm cười cảm ơn chị bạn hàng:

-À thì ra ...Tôi xin cảm ơn chị nhiều lắm!

Bền vừa trả lời vừa cầm lấy lá thư của Tươi từ tay chị bạn hàng. Bền cảm thấy có lỗi với Tươi rất nhiều. Đã nhận được của Tươi mười hai lá thư rồi mà Bền không viết hồi âm cho nàng một chữ nào cả. Không phải Bền quá vô tình hay lạnh lùng với một người đàn bà đã tha thiết yêu mình như vậy đâu? Với Tươi, Bền cũng thấy lòng rạo rực xao xuyến lắm chứ! Nhưng Bền không dám đềo bồng, sợ tiếng đời mai mả, dị nghị. Bền hy vọng thời gian là liều thuốc bổ sẽ giúp Tươi quên Bền. Nhưng hôm nay, bỗng nhiên Bền không cầm được nước mắt nhớ thương Tươi. Lòng Bền cảm thấy bồn chồn bứt rứt, muốn đi về ngay bây giờ để thăm Tươi, để nói lên tiếng nói yêu thương Tươi và chấp nhận làm chồng như ý nàng mong muốn bấy lâu nay. Đối với Bền, Tươi là một người đàn bà đáng thương nhất trên đời. Bền muốn viết thư nhắn Tươi xin lên làm việc chung với Bền. Tự nhiên Bền thấy nhớ thương Tươi một cách lạ thường.

Nhận được thư của Tươi, nhưng Bền chưa vội đọc, sau khi đi ăn sáng với chú ba Thơi xong, về tới văn phòng Bền mới mở thư ra đọc:

Phước Ninh, ngày 13 tháng 12 năm 1969

Anh yêu quý của em,

Lẽ ra thì em không còn đủ can đảm ngồi viết thư cho anh nữa. Vì đã mười hai lá thư rồi, em nắn nót viết từng dòng chữ thân thương gửi thăm anh, nhưng chẳng được anh đoái tưởng hồi âm một chữ nào cả. Em cảm thấy xấu hổ và nhục nhã với anh nhiều quá Bền à.

Anh Bền! Qua mười hai lá thư trước, em đã giải bày

hết tâm tư, tình cảm của em cho anh hiểu rồi. Lá thư này em không đá động tới chuyện tình cảm tư riêng của chúng mình nữa, kể cả chuyện em tha thiết yêu anh từ bấy lâu nay. Có lẽ em là người con gái bất hạnh nhất trên đời. Hết lòng thương yêu anh mà chẳng được anh đoái tưởng một chút nào cả. Em đã năn nỉ anh hết lời mà anh chẳng chịu làm chồng em. Em đến với anh vô điều kiện mà sao anh nở lạnh lùng từ chối như thế hả anh? Mặc dầu bị anh từ chối nhưng em không oán hờn, trách móc anh một chút nào cả. Trái lại lúc nào em cũng trân quý, kính phục và thương yêu anh vô cùng. Quả thật, anh là một người đàn ông, một người chồng đáng quý trọng trên đời.

Vì danh dự gia đình, vì danh dự bản thân, em không thể kéo dài cuộc sống thiếu vắng anh được. Trước khi nhắm mắt lìa đời, em muốn gởi anh mấy dòng tâm tình này để nói lên tình em thật trọn vẹn dành cho anh.

Người con gái suốt đời chỉ biết thương yêu anh, và chỉ yêu thương một mình anh mà thôi.

Người con gái suốt đời vẫn tha thiết yêu anh,
Ký tên Thân Thị Tươi,

Đọc xong lá thư của Tươi, Bền bủn rủn tây chân. Không biết bao nhiêu nước mắt thương Tươi chảy ràn rụa trên đôi má của Bền. Có lẽ nào mấy tháng nay, Bền không viết thư hồi âm cho Tươi mà Tươi lại nông nổi như vậy hay sao? Bền vội vàng đi tìm chị bạn hàng đưa lá thư hồi này. Tìm kiếm gần hết khu chợ, Bền mới gặp chị ta. Chị như có vẻ lo lắng lên tiếng hỏi:

-Ông Trưởng kiểm tôi có việc gì không vậy?

Không kiềm chế được sự xúc động, Bền nghẹn ngào lên tiếng hỏi chị bạn hàng:

-Xin lỗi chị, tôi muốn biết Tươi đến nhà chị gửi lá thư này hồi nào?

Chị bạn hàng ôn tồn trả lời:

-Hồi chiều tối hôm qua, cô Thân Thị Tươi đến nhà tôi nhờ sáng nay đưa lá thư đó cho ông Trưởng.

Bền hỏi tiếp:

-Chị thấy nét mặt của Tươi khi đưa thư cho chị ra sao? Vui buồn thế nào hả chị?

Chị bạn hàng như sức nhớ ra, vội vàng đáp:

-Tôi thấy gương mặt của cô Tươi chiều hôm qua có vẻ buồn lắm. Cô không tươi cười nói chuyện với tôi như những lần nhờ đưa thư trước đây.

Bền có vẻ hốt hoảng:

-Thôi chết rồi chị ơi! Chừng nào chị về, xin chị vui lòng ghé nhà Tươi dò xét xem có chuyện gì xảy ra cho nàng không nghe chị!

Nói xong, Bền đưa lá thư của Tươi mới vừa gửi cho chị bạn hàng đọc. Đọc xong lá thư, chị bạn hàng lên tiếng:

-Tôi thu xếp nghỉ bán liền bây giờ để về nhà cô Tươi xem tình hình ra sao, rồi tôi sẽ trở lên cho ông Trưởng hay biết tin tức lành dữ như thế nào nhé!

Nói dứt lời, chị bạn hàng vội vàng thu xếp quầy hàng của chị để về Phước Ninh ngay. Khoảng hơn hai giờ sau, chị bạn hàng vội đến văn phòng gặp Bền:

-Tội quá ông Trưởng ơi! Cô Tươi đã tự vận chết hồi tối rồi! Lỗi tại ông hết! Lỗi tại ông hết! Ông thật quá tàn nhẫn với người đàn bà đã hết dạ thương yêu ông!

Nói xong chị ta khóc bù lu bù loa, Bền cũng không cầm được nước mắt. Bền không ngờ lời nói của Tươi trước đây, bây giờ là sự thật: “Nếu sau ba tháng anh không về thăm mẹ con em, anh sẽ biết chuyện gì sẽ xảy ra...”. Trong nước mắt ghen ngào, Bền kể lể thảm thiết:

-Tươi ơi, sao em nông nổi như thế hả Tươi.? Anh đã hứa sẽ lấy em làm vợ rồi kia mà, nhưng chỉ xin cho anh thời gian thôi. Và em cũng đi vui vẻ bằng lòng chờ đợi anh. Nay, sao em lại tìm cái chết tức tưởi như thế kia hả Tươi?

Bền gục đầu lên bàn nức nở khóc. Bền muốn về để tiễn đưa Tươi đến phần mộ, nhưng trạm “Cây Da Xà” lúc nào cũng có mấy tên du kích Việt Cộng kiểm soát. Không về được, Bền khóc thương Tươi suốt mấy ngày liền. Như người mất trí, ngồi đâu khóc đó. Bền lấy hết tất cả thư của Tươi gởi cho Bền mấy tháng nay ra đọc đi đọc lại. Bền tự trách mình vô tâm quá! Tàn nhẫn quá! Cái chết của Tươi, Bền phải gánh lấy hoàn toàn trách nhiệm.

-Cái gì có trong tay mình không thấy quý, khi đã mất rồi mới thấy tiếc thương. Bây giờ còn đâu nữa người con gái đáng thương như Tươi. “Nếu không được làm vợ anh, em sẽ chết...” Không ngờ câu nói đó đã biến thành sự thật. Giờ em đã thật sự mất rồi, anh biết tìm đâu cho ra em nữa hả Tươi ?

Suốt cả tuần liền, Bền mất ăn mất ngủ, vào ra ngơ ngẩn như kẻ không hồn. Bền hay khóc, hay gọi tên Tươi:

-Em nông nổi quá Tươi ơi! Em chết như thế giải quyết được gì? Chỉ làm cho ba má của em khổ đau thêm thôi. Cho con em cô cút, bơ vơ lạc lõng ở trên đời này. Cái chết

của em chẳng ích lợi gì cả, chẳng giải quyết được gì cả. Chỉ làm cho người thân buồn lòng thêm. Trước khi em đuổi lý cùng đường, sao em không tìm cách lên gặp anh để chúng mình cùng bàn hướng giải quyết tốt đẹp hơn hả em?

Thời gian lặng lẽ trôi qua. Gần một tháng sau, Bền có dịp tháp tùng chiếc trực thăng tiếp tế cho lính Biệt kích ở Phước Tân. Về tới phi trường Tây Ninh, Bền vội vàng đón xe về quận Phước Ninh. Tìm đến nhà Tươi, Bền mới biết sau khi chôn cất Tươi xong, vì quá buồn trước cái chết của đứa con gái duy nhất, ba má của Tươi đã bán nhà và đưa cháu ngoại về quê sinh sống. Không ai biết rõ quê quán của ba má Tươi ở đâu cả. Qua thăm hỏi, Bền tìm đến ngôi mộ của Tươi khóc than thảm thiết. Thế là hết một đời người con gái đáng thương. Để tỏ lòng tiếc thương Tươi, Bền viết mấy vần thơ để trên mộ người quá cố:

Anh không ngờ chỉ yêu trong thầm lặng,
Mà lòng em mãi mãi giữ thủy chung.
Quá thương anh, em nguyện đến hơi cùng,
Thề son sắt đến muôn đời muôn kiếp.

Thương yêu nhau, trăm năm không hòa hiệp,
Không nợ duyên nên chẳngặng vẹn lời.
Yêu thương chi mà mỗi đứa mỗi nơi,
Đau đớn quá! Em tìm về cõi khác.
Yêu thương em, anh nào đâu lạnh nhạt,
Đã hẹn hò chờ đợi với thời gian.
Em quá buồn nên thác xuống suối vàng,
Nơi cõi thế anh bằng hoàng xúc động.
Em chết rồi đời anh như khoảng trống
Biết đâu tìm hình bóng của người xưa.

Chuyện trăm năm đâu phải chỉ sớm trưa?
Sao em nữ tội vàng tìm cỗi chết?

Một tuần lễ như kẻ không hồn, ngày nào Bền cũng đến viếng mộ Tươi, khóc than thảm thiết. Bền muốn tìm thăm ba má và đứa con của Tươi nhưng biết đâu tìm? Đất trời mênh mông biết ai thăm hỏi? Tươi chết đi để cho Bền một sự hối tiếc lớn lao. Một sự day nghiêng nát cõi lòng. Yêu thương làm chi cho đau khổ như thế này? Kẻ dương trần, người âm cảnh!

Sau một tuần lễ về thăm mộ Tươi, Bền theo chiếc trực thăng tiếp tế cho lính Biệt kích Mỹ trở về Phước Tân. Bền như không còn thiết gì nữa. Người nói yêu thương Bền vô cùng đã bỏ Bền đi về cõi khác. Trái tim Bền đâu phải sắt đá mà không biết rung động trước tình yêu của người con gái hiến dâng? Thật lòng, Bền rất xúc động trước tình cảm của Tươi dành cho Bền, nhưng Bền không dám tiến xa hơn vì tinh thần trách nhiệm. Bền không muốn lợi dụng tình cảm yếu mềm của người đàn bà để lổi đạo, để thỏa mãn thú tính thấp hèn. Nhưng cũng chính vì sự sợ trách nhiệm đó, Bền đã vô tình đưa đẩy Tươi vào con đường quá tuyệt vọng phải tìm đến cái chết. Cái lỗi lớn lao này của Bền biết bao giờ xóa được?

Sự nhớ, sự thương, sự ăn năn hối tiếc đã làm cho Bền gầy ốm hẳn đi. Chú ba Thơi thấy vậy, ngày đêm theo khuyên lớn an ủi Bền hết lời.

* * *

Hơn nửa năm rồi Bền không một lần về thăm vợ con.

Mẹ của Bền sinh nghi Bền “mọc rễ” ở Phước Tân nên quá lâu rồi không về nhà. Để kiểm tra bất ngờ thằng con trai yêu quý của bà có thay đổi như thế nào không? Một buổi sáng nọ, mẹ của Bền từ Gò Dầu Hạ đến Phước Tân thăm. Bất ngờ được mẹ đến thăm, Bền mừng vô cùng. Gặp Bền, mẹ của Bền lên tiếng trách :

-Từ Phước Tân về Gò Dầu Hạ đâu có xa lắm, không đầy năm mươi cây số, mà đã hơn nửa năm rồi con không về thăm gia đình? Bộ con có vương bận với con nhỏ nào ở đây rồi phải không?

Bền bồi hồi trả lời mẹ:

-Con không đến đổi nào hư đốn như thế đâu mẹ. Dầu thế nào con cũng biết đường về nhà. Nhưng vì đường đi quá nguy hiểm, trạm “Cây Da Xà” bọn Việt Cộng thường xuyên kiểm soát. Hơn nữa, vì trách nhiệm làm Trưởng một đơn vị cảnh sát ở đây nên con không dám bỏ đi đâu hết mẹ à! Mong mẹ thông cảm cho con.

Mẹ Bền như không tin lời nói của thằng con trai, bà nhìn Bền lên tiếng:

-Chứ không phải con đang mê một con nhỏ nào ở đây nên không thèm về thăm gia đình vợ con à?

Vô tình mẹ của Bền khơi lại nỗi buồn thầm kín trong lòng, Bền rưng rưng nước mắt trả lời mẹ:

-Không dấu gì mẹ, có một cô gái trước kia học chung với con hồi ở trường trung học bán công Lê Văn Trung. Nay gặp lại, cô ta ngỏ lời thương con, muốn chung sống với con, nhưng con lên tiếng từ chối. Không ngờ chỉ mấy tháng sau, cô ta tự vận chết. Con cảm thấy mình có trách nhiệm về cái chết của cô gái ấy. Từ đó con thấy lòng mình vô

cùng buồn bã. Con như kẻ tội đồ đã gây ra án mạng này. Con cảm thấy hối hận vô cùng. Con quá chán đời, không muốn về thăm gia đình vợ con nữa. Cũng tại con mà cô ấy chết. Trách nhiệm này hoàn toàn thuộc về con mẹ à!

Mẹ Bền nghe tới đây, bà như thông cảm cho tâm sự đáng thương của thằng con, lâu nay rất ngoan ngoãn và hiếu thảo của bà. Bà nhỏ nhẹ lên tiếng hỏi:

-Con nhỏ đó ở đâu vậy hả con? Con nhà ai mà lại thương con đến như thế? Nó có biết con đã có vợ hay không?

Mẹ Bền hỏi một hơi làm Bền không trả lời kịp:

-Con cũng mới biết ba má cô ta thôi, nên không biết tên và cũng chẳng biết gốc gác quê quán sanh đẻ ở đâu cả. Chỉ biết cô ta trước kia học chung trường trung học bán công Lê Văn Trung với con, và hiện đang làm cảnh sát ở quận Phước Ninh. Con có nói cho cô ta biết là con đã có vợ nên không thể nào chấp nhận tình yêu của cô ta được. Sau khi cô ta chết, ba má cô ta quá buồn nên bán nhà và đã trở về quê cũ rồi.

Mẹ của Bền như thương cảm tình cảnh của cô gái ấy, bà lên tiếng:

-Thật tội nghiệp cho con nhỏ đó quá! Nếu biết nó thật sự quá thương con như vậy, giá như con có lỡ tặng tịu với nó má cũng thông cảm được.

Như không muốn nhắc thêm chuyện đau lòng vừa xảy ra, Bền lên tiếng với mẹ:

-Chuyện đã qua rồi, thôi đừng nhắc nữa mẹ à! Càng nhắc con càng cảm thấy lòng quá xót xa đau đớn. Mất Tuổi rồi, con như không còn thiết gì nữa. Sống để mà sống vậy

thôi. Từ ngày Tươi chết, tâm hồn con dường như trao trọn hết cho Tươi rồi. Con thật không ngờ vì con từ chối làm chồng, mà cô ta tuyệt vọng đến nỗi phải tìm cái chết đau thương như vậy! Nếu biết sẽ xảy ra chuyện như thế, con sẽ không bao giờ để cho cô ta tuyệt vọng đến tìm cái chết như vậy đâu. Giá nào con cũng giữ mạng sống cho nàng trên cõi trần gian này. Con xin nhận trách nhiệm trước vong linh người quá cố! Cả đời con thương nhớ mãi một người đã hết lòng thương con như Tươi.

Mẹ của Bền như thông cảm cho thằng con trai yêu quý. Bà không nhắc chuyện buồn vừa xảy ra, và cũng chẳng còn trách móc Bền lâu quá không về thăm gia đình vợ con ở Gò Dầu Hạ. Sau khi thăm Bền được vài tiếng đồng hồ, mẹ của Bền buồn bã từ giã ra về. Lòng bà buồn thương xót cho thân phận người con gái quá bất hạnh như Tươi.

Thương làm sao thân phận người con gái,
Hết lòng yêu mà chẳng được người yêu.
Thất vọng đau thương, thơ thần trăm chiều,
Đành nuốt hận suốt đời nơi đáy mộ.

Trong lưới tình, biết bao nhiêu thách đố,
Không như mơ, êm đẹp với thời gian.
Chợt tỉnh ra, quá ngao ngán phũ phàng,
Ôi giấc mộng... chẳng bao giờ sự thật.

Tâm Bền

Kẻ nào muốn giết con chó của mình thì bảo rằng nó là chó dại.

Molière

**Chân Thành Cảm Ơn Quý Văn Thi Hữu và Đồng
Hương đã nhiệt tình ủng hộ BÚT NHÓN GỌI ĐÀN ra
mặt ngày 4 – 5 – 2008 tại SEAFOOD PALACE I**

DANH SÁCH QUÝ VỊ NHIỆT TÌNH ỦNG HỘ

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	ỦNG HỘ
01	Phương Nguyễn	\$250
02	Tiệm Vàng JEAN'S JEWELRY	\$100
03	Nhà Thơ Chúc Anh	\$100
04	Nhà Văn Nguyễn Thanh Thủy	\$100
05	L.S Nguyễn Xuân Nghĩa	\$125
06	Nguyễn văn BỀ (Tâm Bền)	\$200
07	Bùi Minh Đức	\$100
08	Nhà Thơ Mai Khắc Phục (Ph. Thiết)	\$100
09	Trần Thị Bông	\$100
10	Nhà Văn Trần Thy Vân Chủ Tịch VB	\$ 25
11	Ô. Bà Nguyễn Văn Minh (Nhanh)	\$ 50
12	Ô. Bà Nguyễn Thúc Vũ (Phan Thiết)	\$ 50
13	Tony Đỗ	\$ 25
14	Wong Phan	\$ 25
15	Trần Văn Tám	\$ 25
16	Nguyễn Văn Tạo (Phan Thiết)	\$ 60
17	Nhà Văn Hồ Quân	\$ 25
18	Nhà Văn Văn Phan	\$ 25
19	Đặng Bá Huy	\$ 25
20	Phạm Thị Nhung	\$100
21	Nhà Văn Lê Trung Hiếu	\$ 25

22	Huỳnh Thị Rền	\$ 25
23	Trang Nguyễn	\$ 25
24	Tuyết Nhung	\$ 25
25	Đoan Đồng	\$ 25
26	Nhà Văn Lâm Xương Yên	\$ 25
27	Nguyễn Văn Mậu	\$ 25
28	Nhà Văn Nhà Thơ Nguyên Dzuy	\$ 25
29	Nhà Báo Vi Anh Bùi Văn Nhân	\$ 25
30	G. S Nguyễn Lý Tường	\$ 25
31	L. S Trần Văn Hòa	\$ 25
32	Nhà Thơ Thái Anh Duy	\$ 25
33	Nhà Thơ Nguyễn Xuân Chiểu	\$ 25
34	Nguyễn Hoàng	\$ 25
35	Nhà Thơ B.S Phạm Chí Nhân	\$ 25
36	Ô. Bà Trần Ngọc Châu (PGHH/HN)	\$ 50
37	Quỳnh Trần	\$ 25
38	Nông Thị Thạch	\$ 25
39	Đặng Hồng Phước	\$ 25
40	Ánh Nguyễn	\$ 25
41	Chị Sáu	\$ 25
42	Hạnh Vương	\$ 25
43	Chị Dũng	\$ 25
44	Chị Chum	\$ 25
45	Phong	\$ 25
46	Lâm Kim Yến	\$ 25
47	Nhà Văn Huỳnh Thanh Phương	\$100
48	Phan Ngọc Thanh Uyên	\$100
49	Cát Chi	\$ 50

50	Tuyết Thái	\$ 25
51	Denny Đình	\$ 25
52	Minh Tống	\$ 25
53	Nguyễn Tấn Phúc	\$ 25
54	Nhà Thơ Cát Trợ	\$ 50
55	Nhà Văn Viên Luông	\$ 25
56	Võ Đăng Sâm (Phan Thiết)	\$ 50
57	Ben Phan Bảo	\$ 50
58	Diệp Đào	\$ 25
59	Sửu Nguyễn	\$ 25
60	Chị Hồ Thanh	\$ 25
61	Nhà Văn Nhà Thơ Hồ Phi	\$ 30
62	Doctor Yêu	\$ 25
63	Nhà Thơ Nhạc Sĩ Miên Du Đà. Lạt	\$ 25
64	Hạnh Tăng	\$ 25
65	Tính Tăng	\$ 25
66	Trần Quang Phong	\$ 25
67	Doãn Thị Quý	\$ 25
68	Lê Văn Phương	\$ 25
69	Nguyễn Ngọc Sơn	\$ 60
70	Nhà Văn Trịnh Văn Thương	\$ 40
71	Đặng Vân (Hiển)	\$ 25
72	Bình Việt Khải Huy	\$ 25
73	Mai Kim Thanh	\$ 25
74	Vũ Mạnh Đôn	\$100
75	Nhà Hàng Seafood Palace, Inc	\$100
76	Nhà Thơ Huỳnh Nguyệt Ngân	\$100
77	Bà. Hà Trương	\$100

78	Nhà Văn Lương Thành Nĩ	\$100
79	Nhà Thơ Niệm Hương	\$120
80	Trần Thị Vẻo	\$ 25
81	Nguyễn Tấn Phát	\$ 25
82	Nguyễn Tấn Đạt	\$ 25
83	Lê Vui	\$ 50
84	Nguyễn Văn Lộc	\$ 25
85	Huỳnh Thiện	\$ 25
86	Võ Đắc	\$ 25
87	Ô. Bà G.S. Phạm Cao Dương	\$ 50
88	Đại Diện v/p Janet Nguyễn (tặng Gọi Đàn Certificate of Congratulations)	
89	Nhà Thơ Cát Lê	\$ 25
90	Bạch Mai	\$ 25
91	Họa Sĩ Tô Kiều Nhi	\$ 25
92	Võ Văn Lít	\$ 25
93	Tiến Huỳnh	\$ 25
94	Tiffany	\$ 25
95	Bé Lê	\$ 25
96	Vân Trần	\$ 25
97	Martine Trần	\$ 25
98	Phạm Khắc Đạt	\$ 25
99	Hồ Thị Thanh Thanh	\$ 50
100	Trần Trương	\$ 10
101	Nhà Thơ Miller Kim Anh	\$100
102	Ô. Bà Nguyễn Thúc Di (Phan Thiết)	\$ 50
103	Bà Tuyết Vân và con gái	\$ 50
104	Nguyễn, Jennifer	\$ 25

105	Nguyễn Thúc Bảo (Phan Thiết)	\$ 25
106	Nhà Thơ Trần Kiêm Nhiên	\$ 25
107	Lê Thị Tuyết	\$ 25
108	Chị Ba	\$ 25
109	Quách Tuyết Hồng	\$ 25
110	Nhà Văn Nguyễn Ninh Thuận	\$ 25
111	Chị Mai Nguyễn	\$ 25
112	Trịnh Đình Thư	\$ 20
113	Lê Văn Kết	\$ 20
114	Chị bạn của Huỳnh Thị Rền	\$ 20
115	Ô. Bà Nguyễn Dũng (Phan Thiết)	\$ 50
116	Anh Chiến	\$ 10
117	Anh Toại	\$ 10
118	Trương Hiến Huân	\$ 30
119	Lê Thị Việt Nam	\$ 50
120	Nhà Thơ Vũ Thùy Nhân	\$100
-----		-----
THU		\$5,155

Ngoài ra, còn một số đông quan khách, quý vị truyền thông báo chí, truyền hình, ca nhạc sĩ đến tham dự trên 3 bàn nhưng không ghi danh và đã ủng hộ số tiền \$600.00

Tiền Thu Tổng Cộng : \$5,155 + \$600 = \$ 5,755

Một lần nữa, Bút Nhóm GỌI ĐÀN chân thành cảm tạ quý liệt vị đã hết lòng thương yêu và nhiệt tình ủng hộ GỌI ĐÀN ngày ra mắt được thêm phần long trọng.

Nhóm chủ trương Bút Nhóm GỌI ĐÀN

MỤC LỤC

1-Tâm Thư của Bút Nhóm GỌI ĐÀN	4
2-Diễn Văn Khai Mạc Ngày Ra Mắt ... Thái Lâm	5
3-Thơ Tặng Bút Nhóm Gọi Đàn...Niệm Hương	6
4-Cảm Tưởng Về Cuốn Đặc San...Trịnh Văn Thương.....	7
5-Tay Mất Tay Trái (thơ)...Phan Thị Anh Lê	13
6-Họa Bài Thơ Vịnh Đức Thánh Trần (thơ)...Thái Lâm..	14
7-Ngon Đuốc (thơ) ... Tâm Bên	15
8-Đặc Tính Lãng Mạn...GS Phạm Cao Dương.....	16
9-Dưới Bóng Quân Kỳ (thơ)...Niệm Hương	36
10-Mong Cầu (thơ)...Người Vô Danh	37
11-Sức Mạnh Thi Ca (thơ)...Lê Thị Việt Nam	38
12-Vài Cảm Tưởng Nhân Ngày...Nguyễn Lý Tưởng.....	40
13-Tâm Tư Soạn Giả (thơ)...Lê Thị Việt Nam.....	53
14-Ngày Giỗ Mẹ (thơ)...Thái Lâm	54
15- Khắc Khoải (thơ)...Trúc Minh	56
16-Nhà Báo Tự Do Bùi Tín Phát Biểu...Bùi Tín.....	57
17-Ngục Tù Là Lửa Hùng (thơ)...Nguyễn Linh	61
18-Thu Xưa (thơ)...ViVu Tóc Mây.....	62
19-Thu Buồn (thơ)...Nguyễn Dzuy.....	63
20-Câu Chuyện Lá Cờ...Trần Gia Phụng	64
21-Cô Đơn Một Chuyến Đi (thơ)...Chúc Anh.....	79
22-Chuyện Người Thương Binh (thơ)...Niệm Hương	80

23- Văn Dĩ Tả Đạo ... Trường Xuân Phu Tử.....	84
24-Mùa Chia Tay (thơ)...Trần Kiêm Nhiên	87
25-Chiếc Thuyền Ly Biệt (thơ)...Khuê Hạnh.....	88
26-Đi Tìm Một Định Hướng Mới...Viễn Việt.....	89
27-Lá Rụng Về Cội, Bác Rụng Về Đâu (thơ)...Cát Trợ..	101
28-Lệ Sầu Cho Anh (thơ)...Hoàng Anh	102
29- Người Tình Thu (thơ)...Trương Như	103
30-Vài Ý Nghĩ Về Trận Chiến...Lương Thành Nỉ	104
31-Xin Đừng Hối (thơ)...Niệm Hương	112
32-Nhớ Lâm Tăng Sum (thơ)...Thanh Thanh	113
33-Bút Sa Gà Chết...Phạm Thị Giáo Điều	115
34-Đẹp Biết Bao...(thơ)...Nguyễn Linh.....	130
35-Tổ Quốc Ôi! Hoàng Hôn...(thơ)...Nguyễn Linh.....	132
36-Ôi Một Kiếp Nhân Sinh (thơ)...Lê Thị Việt Nam.....	133
37-Một Ưu Tư Lớn Của Cha Mẹ...Trịnh Đình Thư.....	134
38-Ngũ Tướng (thơ)...Nguyễn Dzuy	141
39-Pháo Đài Nhân Bản (thơ)...Lê Thị Việt Nam	142
40-Muôn Thuở Tình Yêu (thơ)...Diễm Vân	144
41-Trường Sa Hoàng Sa (thơ)...Nguyễn Linh.....	146
42-Ma Huế CS Côn Đồ (thơ)...Cát Trợ	147
43-Gương Thành Công	148
44-Thơ Ngũ Ngôn (thơ)...Chu Vương Miện	150
45-Bóng Câu (thơ)...Chu Vương Miện	152
46-Em (Chì) (thơ)...Chu Vương Miện.....	153
47-Cờ Vàng Ba Mươi Ba Năm...Nguyễn Dzuy.....	154
48-Thương Tiếc Nhật Trường (thơ)...Lâm Minh Văn	157

49-Tha Hương (thơ)...Lâm Minh Văn.....	158
50-Tội Đồ Dân Tộc (thơ)...Nguyễn Dzuy.....	159
51-Tắm Máu...Nguyễn Ninh Thuận	160
52-Nỗi Nhớ Khiêm Cường (thơ)...Sóng Trùng Dương ...	168
53-Một Cảnh Đời Lưu Vong...Hồ Phi.....	171
54-Tầm Nhìn Cú Vọ (thơ)...Mai Khắc Phục.....	176
55-Lời Tâm Sự (thơ)...Nguyễn Phước Hiệp	178
56-Nói Chuyện Với Ba...Huỳnh Thanh Phương.....	181
57-Nỗi Khổ Dân Nam (thơ)...Lê Ấn.....	205
58-Tiếp Bước (thơ)...Người Vô Danh	206
59-Thương Nhớ (thơ)...Người Vô Danh.....	208
60-Tâm Sự Của Thúy...Nguyễn Ninh Thuận	210
61- Lời Mẹ Ru Con (thơ) ...Trần Kiêm Nhiên	217
62-Tôi Học Lớp Nhiếp Ảnh...Hải Âu).....	218
63-Hoang Tàn (thơ)...Mai Khanh Lê Đình Cát	221
64-Tâm Sự (thơ)...Trần Kiêm Nhiên	222
65-Nỗi Buồn Vương Động...Mai Khanh Lê Đình Cát ...	224
66-Nhớ Anh (thơ)...Thanh Thanh.....	243
67-Một Niềm Tin (thơ)...Kiều Nguyệt Ngân.....	245
68-Nửa Tiếng Phù Du (thơ)...Kiều Nguyệt Ngân (thơ). 246	
69-Tôi Vẫn Bước Đi (thơ)...Kiều Nguyệt Ngân	247
70-Lý Tưởng Phục Vụ...Tâm Bền.....	248
71-Danh Sách Văn Thi Hữu và Đồng Hương.....	281







JEAN'S JEWELRY, INC.

G.I.A. DIAMOND CENTER

9999 GOLD TAEI & JEWELRY MANUFACTURE



Custom Design Jewelry

PLATINUM

WHITE GOLD

18K - 24K GOLD



FIRST FLOOR ASIAN GARDEN MALL

9200 Bolsa Ave.

Suite 114C

Westminster, CA 92683

Tel.: (714) 636-2303

Cel.: (714) 448-4234

Fax: (714) 698-0524

www.tuluc.com



0017344

Price: \$12.00

Set: 1 : Loc: G1-tapchi

Giá
Ngoài